



Tập thể tác giả
Nhóm Cánh Buồm

Bậc Phổ thông cơ sở, như tên gọi, là bậc tạo nền tảng trí tuệ cho toàn thể trẻ em – sau chín năm học, một trí tuệ nền tảng gồm có (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành dụng – hành trang và đạo lý vào đời của người thiếu niên 15–16 tuổi.

VĂN 7

**Giải mã
tác phẩm nghệ thuật
(Trữ tình và Kịch nghệ)**



Bậc phổ thông cơ sở, như tên gọi, là bậc tạo nền tảng trí tuệ cho toàn thể trẻ em – sau chín năm học, một trí tuệ nền tảng gồm có (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành dụng – hành trang và đạo lý vào đời của người thiếu niên 15–16 tuổi.



VĂN 7

GIẢI MÃ TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (Trữ tình và Kịch nghệ)

VĂN 7

© Nhóm Cánh Buồm, 2016

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử không có sự cho phép của nhóm Cánh Buồm là vi phạm bản quyền.

Email: lienhe@canhbuom.edu.vn | Website: www.canhbuom.edu.vn

BIÊN SOẠN:

Bài mở đầu: Giải mã tác phẩm nghệ thuật (Phạm Toàn)

PHẦN 1 GIẢI MÃ TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

Bài nhập: Hoạt động giải mã tác phẩm trữ tình (Phạm Toàn)

Bài 1: Ca dao – Tiếng nói trữ tình thời chưa có văn học viết (Hoàng Giang Quỳnh Anh)

Bài 2: Giải mã thơ phương Đông (Lê Thời Tân)

Bài 3: Giải mã thơ phương Tây – “Cầu Mirabeau” của G. Apollinaire và “Con đường không đi” của Robert Frost (Hoàng Hưng, Đặng Tiến, Hàn Thủy, Phạm Toàn)

Bài 4: Thơ trữ tình hiện đại Việt Nam (Nguyễn Thị Thu Nguyên)

PHẦN 2 GIẢI MÃ TÁC PHẨM KỊCH NGHỆ

Bài nhập: Hoạt động kịch nghệ (Nguyễn Văn Thành)

Bài 5: Nghệ hát chèo Việt Nam (Nguyễn Văn Thành)

Bài 6: vở kịch *Chén thuốc độc* của Vũ Đình Long (Phạm Xuân Nguyên)

Bài 7: Kịch nói cổ điển châu Âu (Dương Tường, Trịnh Thu Hồng và Tất Thắng)

Bài 8: vở kịch *Những tên cướp* (Quang Chiến)

PHẦN 3 CHUYỂN THỂ KỊCH

Thực hành *Đám cưới chuột* và *Hà Bá lấy vợ* (Phạm Hải Hà)
chuyển thể kịch

Bài học cuối năm: Con đường cảm nhận tác phẩm nghệ thuật (Phạm Toàn)

Các tác giả soạn văn bản chính, các bài tập đều do ban Biên tập nhóm Cánh Buồm soạn

Tổ chức bản thảo: Phạm Toàn, Nguyễn Thị Minh Hà, Lê Thời Tân và Nguyễn Thị Thanh Hải

Hỗ trợ đọc bản thảo cuối cùng: Bùi Văn Nam Sơn, Phạm Khiêm Ích, Đặng Tiến, Hoàng Trọng
Phiến, Mạc Văn Trang, Lê Thời Tân

Chịu trách nhiệm cuối cùng: Nhóm Cánh Buồm

(Các hình ảnh sử dụng trong sách này được chúng tôi lấy xuống từ Internet)

Bộ sách Phổ thông cơ sở Cánh Buồm

Dùng chung tên gọi các bậc học với hệ thống giáo dục đương thời, nhóm Cánh Buồm chỉ thay đổi *cách học* sao cho tự thân từng học sinh có thể đến với những điều *cao hơn, xa hơn, và dễ tự học hơn* so với một nền giáo dục lấy bục giảng làm trung tâm. Nhiệm vụ bậc học, cũng là mục tiêu trông chờ ở cuối bậc Phổ thông cơ sở Cánh Buồm là một nền tảng trí tuệ làm hành trang vào đời cho toàn thể thanh thiếu niên – (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành động.

Bậc Phổ thông cơ sở chín năm là một thể thống nhất, chia ra hai giai đoạn với nhiệm vụ khác nhau nhưng nối tiếp nhau và đã được thể hiện trong sách Văn và sách Tiếng Việt Cánh Buồm:

- Giai đoạn Tiểu học Cánh Buồm năm năm có nhiệm vụ rèn luyện *phương pháp học* mà mục tiêu là sở hữu cách tự học;
- Giai đoạn Trung học cơ sở Cánh Buồm bốn năm có nhiệm vụ giúp các em dùng phương pháp học đã có để *tự tìm đến các tri thức cần thiết*;

Từ đó có thể suy ra: nhiệm vụ của bậc Phổ thông Trung học là *tập nghiên cứu* để chuẩn bị cho cách *tập độc lập nghiên cứu* ở bậc Đại học (và cách *độc lập nghiên cứu* ở bậc sau Đại học).

Đi theo định nghĩa trên, bộ sách Tiểu học Cánh Buồm (đột phá với hai môn Tiếng Việt và Văn) thể hiện rõ tính chất *tập tự học*. Đến bộ sách Trung học cơ sở Cánh Buồm này, hoạt động học được tập trung vào hành động *tự học*. Việc học tiến hành bằng tự nghiên cứu, trao đổi nhóm, viết tiểu luận, hội thảo khoa học, xuất bản kỷ yếu xem như công trình tự đánh giá của cả lớp, cũng là cái mốc tham khảo cho các bạn năm học sau.

Tiếp nối cách học từ bậc Tiểu học Cánh Buồm, người dạy (bao gồm giáo viên và những người đỡ đầu trí tuệ khác) sẽ dắt dẫn học sinh đi dần vào con đường tự học. Cụ thể là, với mỗi bài học, người dạy vẫn nên hướng dẫn ngắn gọn về chủ đề, nội dung và cách học; rồi khi đi vào chi tiết, sau một “câu hỏi suy ngẫm”, hoặc sau “lời gợi ý thảo luận”... người dạy cần phải đòi hỏi học sinh viết ý tưởng của mình thành đoạn văn năm câu – năng lực đã được rèn từ Lớp 4 và Lớp 5.

Sẽ dễ dàng cho học sinh nếu các em được học sách Tiểu học Cánh Buồm trước khi dùng sách Trung học cơ sở Cánh Buồm – ít ra cũng phải học hai tập sách tự học *Tiếng Việt* và *Văn* dành cho các em trên mười tuổi.

Trong tiến trình giáo dục này, giáo viên có cơ hội đồng hành cùng học sinh thân yêu của mình. Theo cách tổ chức học này, uy tín của thầy cô giáo và tình nghĩa nhà giáo với học trò sẽ được tạo dựng theo cách khác, dân chủ, cởi mở và thẳng thắn.

Mong các bạn thành công.

Nhóm Cánh Buồm

BÀI MỞ ĐẦU

GIẢI MÃ TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

(Hai lối đọc: đọc–hiểu và đọc–cảm nhận)

Lời dẫn – Bài mở đầu này dùng để dắt dẫn các bạn hiểu cách học có nội dung ở cả sách Văn Lớp 7 và sách Văn Lớp 8 Cánh Buồm – sách Lớp 7 có nội dung giải mã các tác phẩm trữ tình và kịch nghệ, sách Lớp 8 có nội dung giải mã các tác phẩm tự sự. Bạn cần đọc kỹ bài này, và trước khi sang sách Lớp 8, bạn cần đọc lại để nắm chắc cách học có cùng nội dung (giải mã tác phẩm), chỉ khác về vật liệu (tự sự).

Khái niệm

ĐỌC một tác phẩm nghệ thuật – khái niệm đọc mang hai nghĩa cần khám phá: một là *công việc đọc*, và hai là *cách đọc*. Cách đọc là việc phải làm để đạt tới hai trình độ đọc–hiểu (đọc để nhận thức) và đọc–cảm (đọc để cảm nhận).

Bên cạnh khái niệm ĐỌC còn có khi dùng khái niệm GIẢI MÃ. Khái niệm *giải mã* mang nghĩa giống như *cách đọc* và cũng nhằm đạt tới hai mục tiêu: *hiểu* và *cảm* một tác phẩm nghệ thuật.

Đọc tác phẩm nghệ thuật là một việc không dễ dàng. Thậm chí là công việc khó, phải học cách đọc (hoặc học cách giải mã).

1. Việc 1 – Giải mã để đọc–hiểu

Nhà văn Victor Hugo viết cuốn tiểu thuyết *L’homme qui rit* (Người cười) kể về một người trên mặt có những vết nhăn khiến mặt anh lúc nào cũng như đang cười. Anh được một chủ gánh xiếc thu nạp để gây cười cho thiên hạ, và khi anh càng đau khổ, nét mặt cười càng làm khán giả ôm bụng cười. Ngay khi đau khổ nhất, nước mắt ròng ròng, ấy thế nhưng nét mặt anh vẫn như người đang cười!

Hay như việc “đọc” tác phẩm *Mona Lisa* (*La Gioconda*) còn có tên khác là *La Joconde*, *Chân dung Lisa Gherardini*, *vợ của Francesco del Giocondo*. Tác phẩm này được họa sĩ Leonardo da Vinci vẽ từ thế kỷ 16, và từ đó tới nay, biết bao nhiêu

ngiên cứu và thảo luận chỉ để tìm một câu trả lời: người trong tranh vui hay buồn?



Nàng Mona Lisa (La Gioconda)

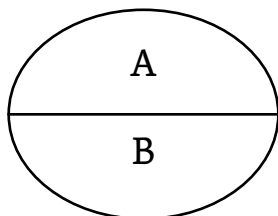
Ví dụ khác là hình tượng anh gù trong tiểu thuyết *Nhà thờ Đức Bà Paris*. Vẻ bề ngoài của anh thật thô kệch, gớm ghiếc. Nhưng mấy ai nhìn thấy tâm hồn trong sạch, tính cách nhân ái của anh? Dưới đây là vài hình ảnh về câu chuyện anh gù tên Quasimodo đó. Một hình ảnh là cảnh anh gù bị tra tấn, bên dưới là nhiều người dân thích thú đứng xem, hầu như không một ai thông cảm với sự trong trắng của anh. Một hình ảnh là nàng Esmeralda lên bục tra tấn mang nước cho anh uống, bên dưới vẫn là đám đông la ó.



Tranh khắc của Gustave Brion minh họa tiểu thuyết
Nhà thờ Đức Bà Paris của Victor Hugo

Đọc–hiểu là gì và có giá trị gì để đọc–cảm một tác phẩm?

a. Bạn cần dựa trên những điều căn bản bạn đã biết về *phương pháp làm ra tác phẩm* gói gọn lại trong mô hình về Cách biểu đạt và Cái được biểu đạt (trên mô hình là A – Cách biểu đạt và B – Nội dung biểu đạt).



b. Cách biểu đạt được thể hiện bằng những nét nghệ thuật lắm khi khó hiểu – được gọi là sự *mã hóa* (như những tín hiệu gửi cho nhau theo lối bí mật) để từ đó *giải mã* những *cách biểu đạt* (A) khác nhau giữa các thể loại tác phẩm nghệ thuật khác nhau. Giải mã một bức tranh khác một bài thơ, một truyện ngắn, một bản nhạc, hoặc một kịch bản trước hoặc sau khi xem diễn vở đó...

c. Trong khi làm hai công việc (a) và (b) bên trên, bạn sẽ dùng *suy nghĩ*, *suy luận* để nhận rõ ý nghĩa của cả tác phẩm cũng như của từng chi tiết thú vị, đặc biệt chú ý những chi tiết khiến bạn cảm động, bật cười, ngạc nhiên, bất ngờ,... những thứ bạn rất muốn ghi lại cho riêng mình hoặc tâm tình cùng người thân.

Làm ba việc trên, bạn đã hoàn thành việc đọc hiểu. Nên nhớ, việc đọc hiểu bao giờ cũng tiến hành riêng rẽ – vừa đọc vừa ngẫm nghĩ. Ngay ở lớp học có đông người học, bạn cũng cần làm công việc đọc–hiểu này theo cách riêng – ngẫm nghĩ theo cách riêng.

2. Việc 2 – Đọc để giải mã rồi đọc–cảm

Chỉ sau khi đã đọc–hiểu, bạn mới có cơ hội để đọc–cảm là mục tiêu của việc tự giáo dục năng lực nghệ thuật.

Đọc–hiểu đã được tiến hành theo cách riêng, đọc–cảm càng phải thực hiện riêng tư, cho dù có khi bạn vẫn cần trao đổi vài suy ngẫm với bè bạn, với người xung quanh...

Trong khi bè bạn và người xung quanh chỉ thấy bức họa *La Joconde* là “đẹp”, “đẹp thật”, “đẹp lắm”,... bạn day dứt trong lòng về việc: Tại sao *La Joconde* có nụ cười nhưng mắt nàng lại có ngấn lệ? Tại sao vợ một nhà quý tộc mà có dáng dấp

mập mạp của người nông dân? Tại sao đằng sau người mẫu lại có cảnh thôn quê chứ không có cảnh lâu đài tráng lệ?

Và trong hình minh họa anh gù cũng vậy. Tại sao lại vẽ cảnh tra tấn thời Trung cổ, có bàn xoay trên cao để quần chúng bên dưới nhìn nét mặt đau đớn của anh gù, và tại sao bên dưới lại là đám đông thích thú? Tại sao lại chính là cô Esméralda mang nước cho anh gù chứ không là ai khác?

Những suy ngẫm riêng của bạn sẽ tạo ra một sự cảm nhận riêng.

Trước khi bạn đọc–hiểu thì tác phẩm hiện ra trước mặt bạn một cách hỗn độn, bí ẩn, khó hiểu – gọi đó là *mã hóa* là như vậy! Sau khi *giải mã*, bạn đạt tới việc nhìn thấy mọi điều *như là có thật trước mắt mình*. Khi đó, bạn có thể dựng lại được cả một câu chuyện để cho riêng bạn nhớ kỹ.

Tóm tắt quãng đường bạn đọc–hiểu đã đi là như sau:

Mã hóa



Khóa kín

Giải mã



Mở khóa

Thông tin



Rõ ràng

Vượt qua đoạn đường đi từ chỗ thấy tác phẩm chỉ là một khối mù mờ sang chỗ khóa đã được mở để lộ ra “cái thật” được mô tả trong tác phẩm, đó là giai đoạn đọc–hiểu để bước sang giai đoạn đọc–cảm.

Bạn hãy *nhập thân vào câu chuyện* và nhập thân cả vào những chi tiết biểu đạt của tác giả. Chẳng hạn, bạn sẽ nhập thân vào nhà thơ như trường hợp nhà thơ Đồng Đức Bốn qua mấy câu thơ hệt như một bức tranh này:

Chăn trâu cắt cỏ trên đồng

Rạ rơm thì ít, gió đông thì nhiều

Mải mê đuổi một con diều

Củ khoai nướng để cả chiều thành than.

Hoặc bài thơ *Phong Kiều dạ bạc* (Nửa đêm đậu bến Phong Kiều) với cảnh thuyền đỗ đêm trên bến, nhà thơ Trung Hoa Trương Kế không ngủ được, rồi nửa đêm có tiếng chuông chùa Hàn San, tiếng chuông như là đang tràn vào đầy khoang thuyền, khách đang cô đơn mất ngủ băng khuâng tưởng như có người xa lạ đến rồi đi, cảnh vắng càng thêm vắng...

Dịch âm:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong, ngư hỏa đối sầu miên,
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Đạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*

Bản dịch của Nguyễn Hàm Ninh:

*Trăng tà, chiếc quạ kêu sương,
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.*

Bản dịch của Tản Đà:

*Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi
Lửa chài, cây bãi, đối người nằm co
Con thuyền đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.*

Nhập thân vào câu chuyện để đồng cảm với những tâm tình, với những nhân vật trẻ chăn trâu, với nhà thơ cô đơn trong đêm nơi đất khách.

Những chi tiết trong cách biểu đạt, như lời thơ, hoặc như nét vẽ trong bức tranh, sẽ giúp bạn bám vào để nhập thân dễ dàng hơn:

a. Như chi tiết củ khoai nướng bị bỏ quên đã cháy thành than, hơn nữa, như cách biểu đạt *cả buổi chiều thành than...* Củ khoai nướng cháy thành than, hay cả buổi chiều cùng cháy thành than?

b. Như chi tiết nhà thơ Trương Kế cập thuyền bến Phong Kiều, thao thức nhìn cảnh sông nước và nghĩ ngợi (nhà thơ nghĩ những gì nhỉ?)... cho tới khi nửa đêm chợp mắt thì choàng thức giấc vì *tiếng chuông chùa Hàn San ngân nga ngập đầy khoang thuyền...*

Bài học mở đầu này không có “bí quyết” nào mang tính “kỹ thuật” giúp bạn đọc-cảm tác phẩm nghệ thuật ngoài việc mời bạn hãy sống như người trong cuộc trong vai người nghệ sĩ đã làm ra tác phẩm nghệ thuật – làm ra cái đẹp bằng phương tiện mình có (vẽ tranh, làm thơ, soạn nhạc, hát, múa, viết truyện, diễn kịch...).

Luyện tập

1. Cùng thảo luận để định nghĩa (nhớ viết chuẩn bị bằng đoạn văn năm câu): *Giải mã tác phẩm là gì?*
2. Hãy vẽ lại và giải thích mô hình *cách biểu đạt* tác phẩm nghệ thuật. Hãy kể và cho ví dụ về các thao tác làm ra tác phẩm nghệ thuật.
3. Thực hiện công việc đọc–hiểu bằng cách gì?
4. Thực hiện công việc đọc–cảm bằng cách gì?

PHẦN 1

Giải mã tác phẩm trữ tình

BÀI NHẬP

HOẠT ĐỘNG GIẢI MÃ TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

Khái niệm

Khi nói đến “trữ tình” ở đây, chúng ta nói đến thơ trữ tình. Từ thời cổ đại, các nhà nghiên cứu đã cho biết có ba loại thơ trữ tình: (a) Những bài thơ trữ tình thường là ngắn để nói cảm xúc chợt đến của một người; (b) Những bài thơ trữ tình dài để kể cả một sự tích, thường là những sử thi; và (c) Những kịch thơ mà ban đầu thường dùng trong những cuộc tế lễ, về sau phát triển thêm có thể kể cả những câu chuyện đời thường.

Tuy chia làm ba loại, nhưng tác giả thơ trữ tình bất kể loại nào bao giờ cũng là một người – nhà thơ, hoặc còn gọi là thi sĩ, thi nhân.

Một nhà thơ làm ra bài thơ trữ tình bao giờ cũng dùng cảm xúc cá nhân, chủ quan để chờ mong sự đồng cảm của người nghe thơ hoặc đọc thơ, hy vọng biến cảm xúc riêng của nhà thơ thành cảm xúc được chia sẻ của người khác.

Bài học này sẽ giúp các bạn hiểu rõ về thơ trữ tình không thuộc loại kể chuyện hoặc kịch thơ. Vì vậy, từ đây, nói thơ cũng là nói thơ trữ tình. Bài này cũng sẽ hướng dẫn các bạn cách giải mã bài thơ (tức thơ trữ tình) đó.

Trước hết, mời các bạn tìm hiểu về nhà thơ.

1. Nhà thơ

Nhà thơ là người làm thơ. Nhà thơ trước hết là người có phẩm chất đặc biệt là rất nhạy cảm. Nhà thơ nhạy cảm với những gì chính mình trải nghiệm, và cũng nhạy cảm trước cả những cảnh đời gây xúc động mạnh. Đứng trước một cảnh đời nào đó, người bình thường sẽ bỏ qua không chú ý, nhưng nhà thơ “người khóc mướn” không công lại không thể bỏ qua. Nhà văn người Daghestan, Rasul Gamzatov, nhận xét rất tinh: không ai đau khổ bằng người mẹ mất con,

nhưng bài thơ về người mẹ mất con khiến biết bao người rơi nước mắt lại của một nhà thơ còn trẻ chưa hề có con.

Nhưng không phải các bài thơ đều ra đời dễ dàng! Nhà thơ còn có phẩm chất khác nữa, một tâm hồn trong sáng. *Thơ là biểu đạt trong sáng của những cảm xúc rối bời*. Nhà thơ là người có tâm hồn trong sáng thì mới cảm nhận được những tâm trạng rối bời của con người – như tâm trạng rối bời của người mẹ mất con chẳng hạn. Tuy rối bời đấy, nhưng lại phải được một tâm hồn tuy cũng rối bời nhưng trong sáng cất tiếng mới thành bài thơ. Một bài thơ hay của nhà thơ là nơi gặp gỡ giữa tâm hồn trong sáng của nhà thơ với những tâm hồn trong sáng vẫn trong trạng thái “nằm chờ” của mọi người. Đặc điểm này đòi hỏi chúng ta phải học thơ với một tâm hồn trong sáng. Ngày xưa, khi các nhà thơ gặp nhau để đọc thơ cho nhau nghe, nhiều khi người ta thắp hương trầm lên và đọc thơ, lắng nghe tiếng thơ trong mùi hương thanh khiết.

Dường như các nhà thơ đều có đặc điểm thứ ba này nữa: họ sống trong cô đơn. Họ có tâm trạng cô đơn nên thêm khát sống trong cái nồng ấm của sự đồng cảm. Khi nhà thơ làm bài thơ về nỗi đau của người mẹ mất con, ấy là vì họ đã bắt gặp cảnh ngộ cô đơn – khi đó nhà thơ đồng nhất nỗi cô đơn của mình với nỗi cô đơn của người mẹ mất con. Và họ làm được thơ. Thế nhưng, ngay khi họ tìm được sự đồng cảm để bớt cô đơn, thì sâu kín trong lòng, họ vẫn sợ sự cô đơn – có lẽ đó là lý do khiến nhà thơ có thể làm thơ suốt đời không ngừng nghỉ.

Chúng ta vẫn có thể đặt ra câu hỏi này: nếu các nhà thơ đều cùng có ba đặc điểm nói trên thôi – sự nhạy cảm, tâm hồn trong sáng, nỗi sợ cô đơn – thì tất cả các bài thơ của tất cả các nhà thơ làm ra đều sẽ giống nhau y hệt à?

Không! Các bài thơ của các nhà thơ vẫn sẽ khác nhau do những đặc điểm cá nhân: khác nhau về hoàn cảnh sống, khác nhau về sự học, khác nhau trong cuộc đời riêng,... đặc biệt là sự khác nhau trong *nhận thức và trách nhiệm* đối với xã hội.

Các nhà thơ khác nhau trong trách nhiệm xã hội của họ. Họ nhận ra trách nhiệm của mình trong xã hội vì tâm hồn họ trong sáng, vì họ rất nhạy cảm trước thân phận con người, và cả vì họ cô đơn nữa! Các nhà thơ không thể chỉ tạo ra cái Đẹp mơ hồ. Cái Đẹp phải được thể hiện ra trong hình thái vật chất – điều này đã nói ở bên trên, đó là lời thơ và ý thơ. Các nhà thơ còn thấy mình có trách nhiệm đối với cái Đẹp hiện thân trong một lý tưởng xã hội nữa. Đây là hiện tượng phức tạp, tạo ra những khác biệt đa sắc màu, đa dạng ở các nhà thơ.

Dần dần càng am hiểu về thơ, các bạn sẽ càng nhận rõ, hôm nay nhận rõ hơn hôm qua, đọc bài thơ này sẽ nhận rõ hơn khi đọc bài thơ khác, càng am hiểu nhà thơ này ta lại càng am hiểu hơn về những nhà thơ khác.

Điều đó lý giải vì sao khi chỉ học một bài thơ, các bạn vẫn cần biết về tiểu sử nhà thơ, về thời đại nhà thơ đang sống, về cả những “lý thuyết” nhà thơ đeo đuổi. Thế nhưng, dù biết rõ đến cùng tận nào tiểu sử, nào lịch sử thời đại, nào lý thuyết này nọ, các bạn vẫn không thể bỏ qua việc tìm hiểu một sự mang nặng để đau ở các nhà thơ rồi sẽ được thể hiện qua những đứa con tinh thần, đó là những bài thơ.

Và mỗi khi nghiên cứu thơ của một nhà thơ, mỗi khi xem xét tiểu sử của họ, hoàn cảnh sống của họ, nhất là những trải nghiệm trong đời sống riêng của họ, thấy họ khác nhau nhưng chớ khi nào quên là họ giống nhau trên cương vị là nhà thơ với tâm hồn thơ, với nhạy cảm thơ, với trách nhiệm thơ và với cái Đẹp nghệ thuật thơ. Giống như tất cả các thứ hoa hợp thành một loài hoa, nhưng có hoa nào giống hoa nào đâu? Tất cả các nhà thơ cũng có thể hợp lại thành một loài thơ, và tuy cùng loài nhưng chẳng nhà thơ nào lại giống hệt nhà thơ nào. Các nhà thơ có thể khác nhau, nhưng đừng quên đặc điểm chung nhất tạo thành “mẫu số chung” cho những nhà thơ – loài nhà thơ. Không có cái mẫu số chung đó sẽ chẳng có nhà thơ và chẳng có sự khác biệt giữa các nhà thơ.

2. Bài thơ

Nhà thơ làm ra sản phẩm là bài thơ. Cũng như họa sĩ làm ra sản phẩm là bức tranh. Cũng như nhà soạn nhạc làm ra sản phẩm là bài hát hoặc bản nhạc. Cũng như nhà điêu khắc tạc ra bức tượng. Cũng như diễn viên làm ra sản phẩm là một vai diễn. Cũng như nhà soạn kịch làm ra sản phẩm là một vở kịch. Cũng như nhà nông làm ra sản phẩm là một vụ thu hoạch. Cũng như người dân đánh cá làm ra sản phẩm là những mẻ lưới cá chất đầy khoang thuyền.

Vấn đề chúng ta cần tìm hiểu để học về thơ là *cách thức* nhà thơ làm ra một bài thơ như thế nào. Nói luôn: các bạn sẽ chỉ thực sự hiểu về thơ nếu học cách thức nhà thơ đã làm ra bài thơ như thế nào. Đó là con đường vương giả (khác với con đường “bá đạo”, như trồng một cây đào lâu năm khác với chặt cả một xe ô tô cành đào trên rừng về) để tự học và biết cách làm ra cái Đẹp nghệ thuật qua một bài thơ. Không có con đường nào khác đâu!

Vậy nhà thơ đã làm ra một bài thơ theo cách thức như thế nào?

2.1. Làm ra một tứ thơ

Tứ thơ là gì? Thế nào là một tứ thơ? Một tứ thơ ra đời như thế nào? Chính bạn có thể làm ra một tứ thơ như nhà thơ đã làm không?

Một Tứ thơ là một hình ảnh thơ chợt đến bất ngờ trong khi nhà thơ (hoặc bản thân bạn) đang nung nấu một đề tài mang tính thơ. Đó là điều không có gì thần bí lắm đâu. Điều kiện cần thiết để có thể xuất hiện tứ thơ là cái đề tài đang nung nấu trong lòng nhà thơ.

Đây là vài ví dụ dễ hiểu.

Đề tài nung nấu trong lòng một em bé kia là một món quà tặng mẹ – em muốn có món quà cho mẹ nhưng không muốn xin tiền đi mua. Thế rồi, vào một hôm nọ đang lang thang trên bờ biển, em thấy một viên đá lạ, và em reo thầm trong lòng “quà cho mẹ đây rồi!”. Tứ thơ cũng xuất hiện như thế.

Hoặc giả các bạn có biết chuyện nhà bác học Isaac Newton và quả táo rụng vào đầu ông khi đang đọc sách dưới gốc cây táo trĩu quả. Người ta cứ nghĩ rằng chỉ nhờ có quả táo rụng đó mà Newton nghĩ ra định luật Vạn vật hấp dẫn. Không phải! Đề tài nung nấu trong lòng Newton khiến ông mất ăn mất ngủ sau khi học các bài học của các nhà vật lý đi trước ông. Và cái quả táo rụng kia chỉ như một “tứ thơ” xuất hiện bất chợt để ông hoàn thành “bài thơ” về vạn vật hấp dẫn.

Hoặc như Albert Einstein khi nằm dài trên thảm cỏ ngửa mặt nhìn trời cao có những đám mây trắng đang bay. Bất chợt, Einstein nghĩ rằng “hay thật, nếu bây giờ mình đang ở trên một đám mây kia, đám mây của mình bay song song với đám mây bên cạnh, *khi đó tốc độ giữa hai đám mây coi như bằng không*, mình có thể thò tay qua “toa tàu” chạy song song cùng tốc độ kia để bắt tay người bạn – vì tốc độ giữa hai toa tàu khi đó bằng không! “Tứ thơ” đó đã giúp Einstein hoàn thành “bài thơ” có tên Thuyết tương đối!

Với nhà thơ cũng vậy. Chỗ khác nhau duy nhất là nhà thơ sẽ “viết” cái tứ thơ đó ra thành lời. Một tiếng ếch kêu trong đêm vắng khiến đề tài nung nấu bao lâu trong lòng nhà thơ Trần Tế Xương về nỗi nhớ con sông đã bị cạn giòng nay chỉ còn cái bãi bồi mang tên *Sông Lấp*, và nhà thơ đã nói thầm trong đầu mình rồi viết ra giấy:

Vắng nghe tiếng ếch bên tai,

Giật mình còn ngỡ tiếng ai gọi dò...

Nhà thơ Nguyễn Khuyến thi đỗ Tam trường, nhưng rồi lại sớm cáo quan, từ bỏ bổng lộc của vua, bỏ về làng sống cảnh thôn dã với những nhà nông hiền hòa.

Nhưng nhà thơ thật sự cô đơn – không có bè bạn chốn quan trường, và cũng khó có bè bạn thân thiết giữa những nhà nông quá chất phác và quá đau khổ vì cuộc sống thôn quê lạc hậu... Cái tứ thơ về sự vắng vẻ cô đơn kia đã xuất hiện đây rồi:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo...

Nhà thơ Bà Huyện Thanh Quan đi bộ từ Bắc Hà vào miền Trung và bỗng có tứ thơ xuất hiện khi vào buổi chiều buồn, dừng chân nơi đất khách, bỗng nhìn và nghe và ghi lại:

Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn

Tiếng ốc xa đưa lẫn trống dồn...

Cũng như Nguyễn Du trải đời đầy nghịch cảnh, đã có tứ thơ mở đầu cho bài thơ dài nói chuyện đời hơn ba nghìn câu:

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau...

Tứ thơ có vẻ như ra đời một cách dễ dàng! Không hề! Không một chút dễ dàng, lại càng không hề dễ dãi!

Tứ thơ không đến với người lười – người không có một đề tài mang một ý thơ nung nấu trong lòng. Ngày xưa, có những người trông chờ vào thuốc phiện để có cảm hứng làm thơ. Tứ thơ đâu chẳng thấy, chỉ thấy cảnh nghiện ngập. Tứ thơ chỉ đến với người lao động vất vả. Nhà văn Pháp Gustave Flaubert nói: “*Thiên tài à? Thiên tài là xắn tay áo lên và viết!*”.

Trong lao động thơ vất vả – mặc dù có vẻ ngoài thư thái – mới xuất hiện tứ thơ. Người nào không nung nấu day dứt trong lòng như Trần Tế Xương thì vẫn nghe thấy tiếng ếch kêu. Nhưng với họ, không thể có tứ thơ về nỗi nhớ tiếng người xa lạ nào đó đang gọi dò trong đêm khi vẫn còn con sông nay đã thành bãi bồi mang tên *Sông Lấp*.

Tiếp tục, tứ thơ đã thành bài thơ như thế nào?

2.2. Tứ thơ gợi ra lời thơ mang ý thơ

Có một tứ thơ chưa đủ để thành một bài thơ. Tứ thơ như cái hạt đem gieo. Từ cái hạt còn cần mọc lên cành nhánh và hoa trái nữa để có sản phẩm là một bài thơ.

Cái cây có hoa trái – bài thơ như ta vừa nói – có hai hình thái, hoặc hai cuộc sống.

Một cuộc sống vật chất là những lời thơ – những con chữ chọn lọc vừa tự nhiên vừa kiểu cách mà chỉ một nhà Thơ mới tìm ra và nói lên rồi ghi lại – thành những bài thơ như ta vẫn thấy, khi thì không có tác giả và không có cả bản viết tay đầu tiên, được gọi là thơ truyền miệng, hoặc thơ dân gian, khi thì in trên báo và sách với tên tác giả như ta vẫn thấy.

Còn một hình thái thứ hai hoặc cuộc sống thứ hai của bài thơ, hình thái này không định hình rõ rệt, được ta gọi là một cuộc sống tinh thần. Cuộc sống tinh thần này toát lên từ những lời thơ mang tính vật chất tạo thành một ý thơ. Các bạn sẽ chỉ *cảm nhận* được cái ý thơ vô định hình đó nhờ đọc–hiểu phần vật chất của bài thơ – và sau khi đã đọc–hiểu rồi thì chính các bạn phải tự đọc–cảm. Việc đọc–cảm này sẽ diễn ra và mang lại kết quả không giống nhau giữa những bạn đọc thơ khác nhau. “Cảm” được nhiều hay ít, sâu sắc hay hời hợt, chân thành (ví dụ như “cảm” để nâng cao tâm hồn mình, để yêu cái Đẹp hơn) hay vụ lợi (ví dụ như “cảm” để lấy điểm cao, để thi đỗ, để được khen, để được tiếng,...)... điều đó hoàn toàn tùy thuộc các bạn.

Dẫu sao, việc đầu tiên khi chúng ta học thơ ở trường phổ thông cơ sở là hãy tập trung vào việc giải mã để đọc–hiểu phần vật chất của bài thơ đã.

Cũng giống như cái cây đang mọc, đang lớn dần lên, có gốc, có thân cành và hoa lá, và cuối cùng có quả, một bài thơ cũng có cấu tạo như vậy (Chỉ khác ở chỗ, cái cây mọc từ dưới lên, còn bài thơ lại “mọc” từ trên xuống – bạn tự giải thích vì sao).

Cấu tạo của cái “cây” bài thơ mang tính chất mẫu mực (dễ nhận thấy nhất) là bài thơ dạng tám câu, mỗi câu bảy chữ vẫn gọi bằng thơ thất ngôn bát cú, hoặc thơ luật Đường – mà các bạn đã học từ Tiểu học Cánh Buồm. Nhắc lại điều bạn đã học trước đây theo cách thực hành – bốn phần đó là Đề – Thực – Luận – Kết, mỗi phần hai câu. Nay chúng ta đem ra phân tích lại để có ý thức hơn về sự khôn khéo của nhà thơ khi nghĩ ra luật đó. Các bạn tự chỉ ra đâu là từng phần Đề – Thực – Luận – Kết của bài thơ *Mùa thu câu cá* (Thu điếu của nhà thơ Nguyễn Khuyến):

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

*Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Phần Đề – Nếu bạn tự đặt mình vào tâm trạng nhà thơ, bạn sẽ thấy việc nhà thơ đi câu cá có nhằm mục đích kiếm cá để ăn hay để vợ con đem ra chợ bán hay không? Vậy nhà thơ có một cảm hứng chợt đến, trong lòng nghĩ thầm điều gì khi tứ thơ về chuyện đi câu xuất hiện? Bạn hãy bám vào mấy “con chữ” được nhà thơ dùng để hiểu về cảm hứng của nhà thơ. Bạn sẽ tự hỏi, tại sao tên bài thơ không là “Câu cá”, mà lại là “Thu điếu”, có nghĩa là “câu cá vào mùa thu”? Nước ao mùa thu trong veo có hợp với cảnh một chiếc thuyền câu bé tẻo teo không? Bạn chọn các từ nào sau đây để “gọi tên” tâm trạng nhà thơ khi tứ thơ “câu cá vào mùa thu” xuất hiện: Vui? Thích đám đông? Buồn? Thanh thản? Yên tĩnh? Bon chen?... Bạn chọn từ nào và tự phân tích vì sao bạn chọn từ đó.

Phần Thực và Luận – Tuy theo luật thơ, người ta chia bốn câu ở “thân cây thơ” thành hai phần, nhưng ta có thể thấy ở bài thơ này hai phần đó nhòe vào với nhau. Giống như khi các bạn nhìn vào cái cây, và các bạn thấy lá và cành và hoa và quả chen chúc nhau. So sánh với tứ thơ, cả bốn câu thơ này có nói điều gì trái ngược với cái tâm trạng nhà thơ được gọi ra từ không khí của hai câu mở đầu bài thơ không? Nhìn mặt nước ao trong veo lẫn lẫn vì gió làm cho “hơi gợn tí”, nhìn xung quanh chỉ thấy đôi ba (hay rất nhiều?) chiếc lá nhỏ (hay to?) lá trút ào ào hay chỉ se se đưa vào... Hai câu thơ có thấy những âm thanh hoặc những lay động dữ dội không? Nhìn lên trời cao, thấy gì? Những “con chữ” nào cho thấy cái thênh thang của bầu trời thu? Và nhìn vào con ngõ trong làng, những “con chữ” nào cho thấy con ngõ nhỏ và vắng vẻ?

Trở lại câu hỏi đã nêu bên trên, bạn chọn từ ngữ nào để nói tâm trạng nhà thơ bộc lộ ở đoạn bốn câu thơ này: Vui? Thích đám đông? Buồn? Thanh thản? Yên tĩnh? Bon chen?... Bạn nhận ra rằng mình đã chọn từ nào, và bây giờ bạn thấy mình đã chọn sai, hay lựa chọn của bạn càng lúc càng thấy đúng? Đúng như thế nào? Bạn hãy tự thưởng thức bằng cách ngâm nga thầm cả sáu câu thơ vừa rồi. Hãy nghĩ mình chính là nhà thơ đang ngồi lọt thỏm trong chiếc thuyền câu bé tẻo...

Phần Kết – Cách viết bài thơ, cũng như cách viết đoạn văn năm câu bạn đã học, cũng như cách viết cả bài văn bạn đã học, thế nào rồi cũng phải có cái kết cục. Nhưng ở đoạn văn và bài văn, câu kết hoặc đoạn kết thể hiện rõ ràng, dứt

khoát, khác hẳn câu thơ kết thúc bài thơ. Phần Kết của bài thơ bao giờ cũng chỉ là những “con chữ” mang tính gợi cảm. Nó gợi cảm vì chính nhà thơ muốn giữ lại trong tâm hồn mình cái không khí của bài thơ. Nhà thơ kết thúc bài thơ mà không muốn buông trôi tâm trạng mình đã bộc bạch suốt bài thơ. Bạn hãy đọc hai câu kết bài thơ được làm nhân chuyện mùa thu đi câu cá. Có được con cá nào không, hay vẫn chỉ được tiếng động khe khẽ của con cá nhỏ (không thể là cá to) đang đớp đớp dưới đám rễ bèo. Cả túm bèo có vì cá đớp mà bị lay chuyển không? Bạn sẽ thấy ấn tượng gì và cảm nhận gì khi đọc đi đọc lại hai câu thơ phần Kết đó?

Bây giờ, hãy cùng chơi trò chơi này: Từng bạn hãy đặt lại tên cho bài thơ *Mùa thu câu cá* của nhà thơ Nguyễn Khuyến. Từ khi học văn ở tiểu học (sách Cánh Buồm) các bạn đã quen với việc đặt lại tên cho tác phẩm. Trong cái tên mới do bạn đặt lại cho tác phẩm có chứa đựng cả hồn thơ của tác giả và cả sự cộng hưởng hồn thơ của bạn đấy. Và thế là, tuy bạn không học thơ để thành nhà thơ chuyên nghiệp, nhưng cái hồn thơ “nằm chờ” trong lòng bạn sẽ được khơi dậy. Rồi đây, các bạn sẽ vào đời sống xã hội, sẽ có lúc các bạn thấy cái hồn thơ của mình quý giá gấp vạn lần những ước ao bé nhỏ tầm thường khác.

Bây giờ mời các bạn cùng sang một đặc điểm nữa không thể thiếu của một bài thơ: Nhạc điệu.

2.3. Nhạc điệu bài thơ

Một bài thơ, tuy không phải là một bài hát, nhưng rất cần thiết phải êm tai, du dương nữa, như ta thường gọi là có tính nhạc – chỉ có tính nhạc chứ không là âm nhạc, vẫn là bài thơ chứ không là bài hát, nhưng đọc lên (thậm chí cả khi lẩm nhẩm thầm) cũng thấy nổi rõ chất âm nhạc trong những câu thơ nối tiếp nhau làm thành bài thơ.

Các bạn cần biết một số cách thức khiến cho một bài thơ có nhạc điệu.

(a) Trước hết, thơ Việt Nam có nhạc điệu vì cách ăn vần của tiếng nói dùng làm vật liệu tạo nên bài thơ. Nhờ sự ăn vần của ngôn ngữ mà có thể có nhịp điệu. Không ăn vần thì nói ra lủng củng, thì không thể có “tính nhạc”.

Nên nhớ chỉ có người Việt Nam mới có thơ lục-bát, câu sáu tiếng câu tám tiếng với cách ăn vần các bạn đã học từ Lớp 4. Không chỉ luật bằng trắc đâu. Vần bằng có thể là thanh ngang hoặc thanh huyền, thế nhưng có tiếng bị luật quy định chỉ có thể là thanh ngang hoặc chỉ có thể là thanh huyền, không lẫn lộn. Đây là một ví dụ:

Nhiều điều phủ lấy giá **gương**

Người trong một nước phải **thương** nhau cùng.

Tiếng thứ sáu của câu dưới nếu là thanh ngang (vần bằng) thì tiếng thứ tám của câu đó phải là tiếng thanh huyền (cũng vần bằng). Nhưng nếu chọn tiếng thứ sáu của câu dưới là thanh huyền (vẫn vần bằng) thì tiếng thứ tám của câu đó nhất thiết phải là tiếng thanh ngang (cũng vần bằng). Vẫn ví dụ với hai câu thơ trên, sẽ phải có:

Nhiều điều phủ lấy giá **gương**

Người trong một nước phải **thương** nhau **cùng**.

[ngang] [huyền]

Nhiều điều phủ lấy giá **gương**

Người trong một nước phải **thường** nhau **cung**.

[huyền] [ngang]

Các bạn hãy ngâm nga hai câu đó và thử không tôn trọng luật về thanh của tiếng, nếu hai tiếng trên đều [huyền] [huyền] hoặc đều [ngang] [ngang], thì hai câu thơ sẽ ngang phè, và không còn là thơ nữa.

Cùng là thơ lục bát, bình thường ngắt nhịp từng hai tiếng một và ăn vần tiếng thứ sáu câu trên (câu lục) với tiếng thứ tám câu dưới (câu bát), rồi tiếng thứ tám câu bát đó lại ăn vần với tiếng thứ sáu của câu lục tiếp theo... Nhưng có khi để nói rõ một nghĩa thì thơ lục bát cũng thay đổi cách ngắt nhịp, do đó cũng thay đổi cách ăn vần. Ví dụ:

Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành **mềm** lộn cổ xuống **ao**

“Ông ơi ông vớt tôi **nao**,

Tôi có lòng **nào** ông hãy xáo măng...”

Nếu tôn trọng luật ăn vần và đọc lên theo nhịp điệu đúng, thì mấy câu thơ trên nghe thật êm tai, du dương, đầy cảm xúc.

Người Việt Nam nghe thơ bằng tiếng Việt, gặp những tiếng ăn vần thú vị, rất dễ cảm nhận được nhạc điệu trong bài thơ. Điều quan trọng cần lưu ý là: nhạc điệu trong thơ Việt Nam do ăn vần mà tạo ra nhạc tính – còn các nhà thơ Việt Nam thì lại rất có ý thức khai thác tính ăn vần đó để gieo vần sao cho câu thơ nói được cảm xúc của mình. Khi làm công việc gieo vần, nhà thơ có khi còn khéo léo lợi dụng thay đổi vần của các tiếng để gieo vần đó. Chẳng hạn tiếng *đàng* như trong hai câu thơ này:

Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô hát ánh trăng **vàng** đổ đi?

Mọi người đều biết nghĩa thường dùng của từ đường. Đường đi. Đường quốc lộ. Đường xe lửa. Đường bay. Đường làng. Đường đi đến trường. Nhà thơ đã tìm cách khéo léo chuyển tiếng “đường” sang tiếng “đàng” cho ăn vần với “trăng vàng”. Và thế là có hai câu thơ thật đẹp, êm tai, du dương, thơ mà như hát. Trong hoạt động ngôn ngữ, chẳng ai đại đột thay đổi cách dùng, như “đàng đi”, “đàng quốc lộ”, “đàng xe lửa”, “đàng bay”, “đàng làng”, “đàng đi đến trường”... Cách thay chữ “đàng” cho cách dùng tiếng “đường” vẫn dùng phổ biến khiến chữ “đàng” trong câu thơ trở nên có giá trị cao, trong cách đánh giá thơ, người ta dùng chữ đắt hoặc có khi gọi bằng “đắc địa” (“được đất”, hoặc đúng chỗ). “Đất” hoặc “đắc” ở đây có nghĩa là “chọn được chữ thật hay”, “khó có thể thay chữ khác vào đó”, “vừa hay vừa đẹp mà vẫn tự nhiên”.

Hay như hai câu thơ này:

Hỡi anh đi đường cái quan
Dừng chân đứng lại em han đôi lời...

“Han” là tách lấy một tiếng từ một từ ghép “hỏi han”. Từ “hỏi” đứng một mình được. Nhưng từ “han” không thể đứng một mình. Các bạn thử nghĩ xem, không bao giờ chúng ta nói với cô giáo: “Cô cho em *han* một câu được không ạ?” hoặc cũng không bao giờ có: “Những *câu han* trong sách giáo khoa” cả.

Hoặc một ví dụ khác nữa. Đó là câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Mỗi chữ (mỗi tiếng) của cả câu thơ đó không có gì khó hiểu. Tất cả đều là từ thuần Việt. Nhưng nhà thơ đã không dùng chữ “cỏ” mà thay bằng chữ “thảo” có nghĩa là “cỏ” và “thu thảo” thì có nghĩa là “cỏ mùa thu”. Câu thơ trở nên mong manh hơn.

Việc của bạn khi đọc để hiểu và để cảm nhận một bài thơ là nên hết sức chú ý đến cách tìm chữ để gieo vần của nhà thơ – cách gieo vần với những con chữ thật đắt!

Bài học rút ra từ tính ăn vần của tiếng Việt khi chúng ta muốn làm thơ lục bát, hoặc có khi phải làm bài tập.

Khi đó, các bạn phải chú ý không được *lạc vần* (các nhà thơ xưa gọi bằng “lạc vận”) là điều rất cấm kỵ! Phạm tội lạc vận coi như không biết làm thơ!

Khi làm thơ phải gieo vần thật chính xác – thường gọi là “vần chính”, các

cụ xưa gọi là “chính vận”. Nhưng gieo vần chính nhiều khi bị cưỡng về nghĩa, các cụ ngày xưa gọi là “cưỡng vận”.

Để thoát khỏi tình trạng cưỡng vận, các nhà thơ đã khai thác vào những vần thông ví dụ như trong các tiếng in đậm dưới đây:

Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Một người một vẻ, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng khác **vời**, [ơ]
Khuôn trăng đầy đặn, nét **ngài** nở nang. [ai]
Hoa cười ngọc thốt đoan **trang**, [ang]
Mây thua nước tóc, tuyết **nhường** màu da. [ương]

Hoặc:

Một, hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa **hai**. [ai]
Thông minh vốn sẵn tư **trời**, [ơ]
Pha nghề thi họa, đủ **mùi** ca ngâm. [ui]

Hoặc:

Êm đềm trướng rủ màn **che**, [e]
Tường đông ong bướm đi **về** mặc **ai**. [ê][ai]
Ngày xuân con én đưa **thoi**, [oi]
Thiều quang chín chục đã **ngoài** sáu mươi. [oai]

Hoặc:

Một lời nói chứa kịp **thưa**, [ươ]
Phút đầu trận gió cuốn **cờ** đến **ngay**. [ơ] [ay]
Ào ào đổ lộc rung **cây**, [ây]
Ở trong đường có hương **bay** ít **nhiều** [ay] [iêu]
Đề chùng ngọn gió lần **theo**, [eo]
Dấu giày từng bước in **rêu** rành rành. [êu]

Những câu thơ trên đây gieo bằng vần thông được trích từ *Truyện Kiều*, khi đọc lên nghe vẫn không “lạc vận” (sai vần), các bạn có thấy vậy không?

Một lần nữa, ta lại thấy tài năng tìm chữ của nhà thơ. Khi làm thơ đầy cảm hứng, làm rất nhanh mà không để mình bị “bí vận” – dù khó tìm tiếng ăn vần chính khớp nhau sát sàt khi làm thơ, thì một nhà thơ có tài vẫn huy động kho tàng tiếng Việt để có những vần thông và gieo vần vẫn đắt!

(b) Còn một cách thứ ba để tạo nhạc điệu cho bài thơ là cách *lặp lại* – có khi

lặp lại những từ riêng rẽ và có khi lặp lại cả một khổ thơ ngắn, được gọi là những điệp khúc. Việc lặp lại này sẽ tạo tính nhạc đồng thời gây ấn tượng cho người nghe thơ, khiến người nghe thơ hoặc đọc thơ dễ thuộc bài thơ mình làm ra.

Chẳng hạn như trong bài ca dao nói tâm tình bạn thiếu niên nghèo (bằng tuổi chúng ta bây giờ) không được đi học, không được ở nhà với bố mẹ anh em chị em, phải đi ở, nghĩa là đi làm thuê theo cách ở hủn nhà người chủ và làm đủ mọi việc. Bạn thiếu niên đó giục già mẹ cha đến chuộc cho mình về, và tưởng tượng khi mình đã tự do:

Giã ơn cái cọc cầu ao
Nửa đêm gà gáy có tao có mày
Giã ơn cái cối cái chày
Nửa đêm gà gáy có mày có tao

Hoặc như bài thơ *Thề non nước* của nhà thơ Tố Hữu, những tiếng “nước non, non nước” cứ lặp đi lặp lại và rất ăn vần và mỗi lần xuất hiện hình như lại mang một ý nghĩa mới:

Nước non nặng một nhời thề
Nước đi đi mãi không về cùng non
Nhớ nhời nguyện nước thề non
Nước đi chưa lại non còn đứng không
Non cao những ngóng cùng trông
Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày
Xương mai một nắm hao gầy
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương
Giờ tây chiếu bóng tà dương
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phai pha
Non cao tuổi vẫn chưa già
Non thời nhớ nước, nước mà quên non!
Dẫu rằng sông cạn đá mòn
Còn non còn nước hãy còn thề xưa
Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chỗ có buồn làm chi!
Nước kia dù hãy còn đi

Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui
Nghìn năm giao ước kết đôi
Non non nước nước không nguôi nhời thể

Để các bạn thêm yêu thơ tiếng Việt, mời các bạn nghiên cứu một trường hợp rất thú vị: Thể thơ *song thất lục bát*.

Trên kia, các bạn đã biết thơ lục bát là sản phẩm đặc biệt của Việt Nam nhờ cái kho báu tiếng Việt với sáu thanh. Tổ tiên chúng ta nhờ học luật thơ Đường với tám câu mỗi câu bảy chữ, đã sáng tạo ra thể song thất lục bát với từng khổ bốn câu, hai câu bảy tiếng tiếp đến là hai câu lục bát.

Đây là thể thơ cũng chỉ Việt Nam mới có. Và thể thơ này là công cụ làm thơ vô cùng thích hợp để tạo nhạc điệu bằng *láy chữ* và bằng điệp khúc. Các bạn hãy đọc đoạn thơ sau, trích từ *Chinh Phụ Ngâm*, khúc diễn ca được cho là bản dịch của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm.

Đoạn thơ này nói đến cảnh tiễn đưa, bạn hãy đọc và hãy nhận ra điều này: Nhờ bằng *láy chữ* và điệp khúc mà cuộc tiễn đưa sao mà như kéo dài mãi không dứt:

Ngòi đầu cầu, nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dằng dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.

Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước giây giây lại dừng.

Còn đây là đoạn người vợ ở nhà đang nghĩ đến việc chồng mình cùng các người lính khác đã chết nơi sa trường:

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh phu trăng dôi dôi soi
Chinh phu, tử sĩ bao người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn!

Hình ảnh và những con chữ thì thật đắt! Và nhạc điệu thì theo từng câu thơ, không hát mà như hát. Ta đã hiểu vì sao bài thơ dài này có tên là “ngâm khúc” – *Chinh phụ ngâm khúc* – khúc ngâm của người đàn bà có chồng đi chiến trận.

Đôi lời mời bạn cùng kết luận

Các bạn hẳn đã đọc kỹ bài nhập này.

Bài học này không *giảng giải*, hoặc không *dạy* các bạn về “thơ là gì?” hoặc “bài thơ là gì?” hoặc “nhà thơ là người như thế nào?”.

Bài tự học này dắt dẫn các bạn *sống lại* cách sống của người nghệ sĩ hoặc nhà thơ để tự mình cùng nhà thơ hoặc người nghệ sĩ “làm ra” – ở bài này dùng chữ “làm lại” hoặc “sống lại” cách suy nghĩ, cách làm ra một sản phẩm là bài thơ – qua đó các bạn sẽ tự tìm đến cái Đẹp nghệ thuật trong thể loại thơ.

Các bạn hãy tự trả lời:

(a) Nhà thơ, người nghệ sĩ, có tâm hồn và cuộc sống như thế nào để thơ có thể là *biểu đạt trong sáng của những cảm xúc rối bời*.

(b) Sản phẩm của nhà thơ là bài thơ. Vậy cách thức nhà thơ làm ra bài thơ như thế nào.

(c) Đặc điểm chung nhất của một bài thơ tiếng Việt được tạo ra bằng những cách thức gì.

Và bây giờ, mời các bạn cùng làm một số bài luyện tập để củng cố những điều các bạn đã tự kết luận.

Cùng luyện tập, cùng sơ kết, tự đánh giá

1. Trong tấm hình này là một người đàn ông đi chân đất, dắt con gái nhỏ vào trung tâm thương mại sang trọng, nhưng bé gái chỉ có cái túi với vài gói mì tôm.

Thảo luận: Riêng câu chuyện này đã thành một tác phẩm nghệ thuật thơ chưa? Còn cần điều kiện gì để câu chuyện này trở thành một bài thơ hay?



2. Bạn hãy tưởng tượng một nhà thơ đứng trước chùa Một Cột ở thủ đô Hà Nội. Nhà thơ biết chùa Một Cột còn có tên Liên Hoa Đài 蓮花臺 (“Đài Hoa Sen”). Nhà thơ nghĩ gì về ngôi chùa Đài Hoa Sen và có ý thơ gì nhắn gửi cho người Việt chúng ta?



Thảo luận: Nhà thơ Nguyễn Trãi, người đã theo cha Nguyễn Phi Khanh bị giặc Minh bắt giải sang Tàu. Đến ải Nam Quan, cha dặn con không được khóc lóc, hãy quay về sống cho xứng đáng堂堂 nam nhi. Bạn nghĩ gì về ảnh hưởng của điều đó đến việc làm thơ của Nguyễn Trãi?

3. Thảo luận: Nhà văn Nga Feodor Dostoevsky là sĩ quan nhưng tham gia nổi loạn chống Nga Hoàng chuyên chế. Ông bị tuyên án xử bắn. Ra pháp trường, đạn đã lên nòng thì có lệnh của Nga Hoàng tha cho ông tội chết. Điều đó sẽ có ảnh hưởng như thế nào đến tác phẩm của nhà văn đó?
4. Thảo luận: Nhà thơ Hoàng Cầm đã chọn tên một vị thuốc đắng làm bút danh cho mình. Liệu sở thích cay đắng ấy có để lại dấu vết gì trong thơ ông viết ra?
5. Có ý kiến rằng thơ Haiku rất gần với một tứ thơ. Hãy đọc bài thơ sau và nói rồi viết: Nếu bạn là nhà thơ, tứ thơ này sẽ thành bài thơ như thế nào:

*Một đóa hoa rụng
đang bay trở về cành?...
ô không phải!
Một con bướm trắng!
(Moritake)*

6. Thảo luận: Hãy cùng đọc lại bài thơ của Trần Đăng Khoa và cho biết nhạc điệu trong bài thơ này được tạo ra như thế nào:

Kéo cà kẻo kệt
Kéo cà kẻo kệt
Tay em đưa đều
Ba gian nhà nhỏ

Ầy tiếng võng kêu.
Kéo cà kẻo kệt
Mênh mang trưa hè
Chim co chân ngủ

Lim dim cành tre
Kéo cà kẻo kệt
Cây na thiu thiu
Mắt na hé mở

Nhìn trời trong veo
Kéo cà kẻo kệt
Võng em chao đều
Chim ngoài cửa sổ

Mổ tiếng võng kêu
Kéo cà kẻo kệt
Xưa mẹ ru em
Cũng tiếng võng này
Cánh cò trắng muốt
Bay – bay – bay – bay...

Kéo cà kẻo kệt
Bé Giang ngủ rồi
Tóc bay phơ phất

Vương vương nụ cười...
Trong giấc em mơ
Có gặp con cò
Lặn lội bờ sông
Có gặp cánh bướm
Mênh mông, mênh mông
Có gặp bóng mẹ
Lom khom trên đồng
Gặp chú pháo thủ

Canh trời nắng trong
Em ơi cứ ngủ
Tay anh đưa đều
Ba gian nhà nhỏ

Ầy tiếng võng kêu
Kéo cà kẻo kệt
Kéo cà kẻo kệt
Kéo cà...
...kẻo kệt
(1967)

BÀI 1

CA DAO – TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH THỜI CHƯA CÓ VĂN HỌC VIẾT

Hướng dẫn học

Sách Văn Lớp 6 Cánh Buồm đã giúp các bạn nghiên cứu về cảm hứng của con người khi làm ra các tác phẩm nghệ thuật. Câu hỏi “*Vì sao con người lại làm ra tác phẩm nghệ thuật?*” đã có câu trả lời: Con người làm ra tác phẩm nghệ thuật để thỏa mãn nhu cầu và khao khát sống trong cái Đẹp.

Ngay khi còn nghèo khó, lam lũ, trẻ em và thiếu nữ dân tộc thiểu số vẫn đeo vòng, áo và váy dệt hoa. Người thượng cổ đã có những vòng đeo tay bằng xương thú. Sống trong hang động tiền sử, chỉ với màu đen có sẵn trong than củi, màu vàng của củ nghệ, màu đỏ trong đất đỏ như son, dù chưa học pha màu như ngày nay, vẫn có những bức tranh tuyệt đẹp. Mơ ước cái Đẹp là động lực mạnh mẽ của nhu cầu con người sống đẹp trong cái Đẹp.

Bài 1 này giúp các bạn đến với cái Đẹp trong tâm tình con người – bắt đầu với ca dao – là cách diễn đạt bằng vần điệu và lời lẽ mang những hình ảnh thẩm đượm chất trữ tình ngay từ khi chưa có phương tiện in ấn và quảng bá rộng như ngày nay.

Bài 1 có ba phần.

Phần 1 nhắc lại khái niệm về cái Đẹp tâm tình diễn đạt qua ngôn từ.

Phần 2 nói về dân ca và ca dao. Xin các bạn chú ý đến điểm này: Dân ca được thể hiện trong đám đông, còn ca dao ra đời do những tác giả (dù vô danh) đã làm ra trong chốn riêng tư. *Đêm qua ra đứng bờ ao, trông cá cá lặn, trông sao sao mờ...* chỉ có thể là tâm tình một người đơn lẻ lòng nặng một nỗi niềm nào đó, và tạo ra những bài ca dao từ ngàn xưa còn lưu lại mãi tới ngày nay.

Phần 3 sẽ giúp các bạn đi tìm những “kỹ thuật” tạo nên vẻ đẹp của ca dao. Đó là những kỹ thuật ngôn từ trong ca dao khiến cho ca dao đi được vào lòng người và nhờ đó mà sống mãi đến tận ngày nay.

Học giả Phạm Quỳnh từng kêu gọi thiết tha: *Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn – tiếng ta còn thì nước ta còn*. Hy vọng Bài 1 này sẽ giúp các bạn tâm niệm *Ca dao còn thì tiếng ta còn – tiếng ta còn thì nước ta còn*.

Mời các bạn cùng học.

Tiếng nói tâm tình nơi thôn dã

Ngày nay các bạn đang sống trên một đất nước Việt Nam đô thị hóa và công nghiệp hóa. Các bạn cần phát huy trí tưởng tượng để thấy nhiều nghìn năm trước nước ta là những làng quê êm ả với những lũy tre bao quanh xóm



làng, với tiếng gà gáy sớm giục người nông dân ra đồng, với tiếng xay lúa giã gạo mỗi đêm, với tiếng trẻ em nô đùa trong tiếng hát đồng dao và tiếng những chàng trai cô gái làng chài lưới cùng những làng nghề đối đáp những bài dân ca... và đi vào từng gia đình là những tiếng võng đưa theo tiếng bà ru

cháu, mẹ ru con, chị ru em bằng những khúc ca dao đầy những tâm tình con người thôn dã còn lưu lại mãi đến hôm nay.

Những tâm tình đó rất khác nhau trong những hoàn cảnh khác nhau. Có tiếng ngợi ca làng quê:

*Làng tôi phong cảnh hữu tình,
Dân cư giang khúc như hình con long...*

Có tiếng thở nhọc nhằn mà đậm ảm hy vọng cuộc sống ấm no:

*Trâu ơi, ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy, ai mà quản công...*

Có cả tiếng cười nhẹ nhàng kèm những ánh mắt lúng liếng:

*Hỡi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?*

Và có cả những tiếng thở dài của những thân phận thiếu hạnh phúc, cá chuối đăm đuối vì con:

*Ước gì mẹ có mười tay
Tay kia bắt cá, còn tay này bắt chim.
Một tay chuốt chỉ luôn kim
Một tay đi làm ruộng, một tay tìm hái rau.*

Một tay ôm ấp con đau
Một tay vay gạo, một tay cầu cúng ma.
Một tay khung cửi guồng xa
Một tay lo bếp nước, lo cửa nhà nắng mưa.
Một tay đi củi muối dưa
Còn tay để van lạy, để bảm thừa, đỡ đòn.
Tay nào để giữ lấy con
Tay nào lau nước mắt, mẹ vẫn còn thiếu tay.

Người thì khóc hết nước mắt vì thiếu tay nuôi con, trong khi những chàng trai những cô gái vẫn không ngừng mơ mộng và hy vọng đi tìm hạnh phúc lứa đôi, cái hạnh phúc tưởng chừng như với không bao giờ tới:

Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.
Buồn trông con nhện giăng tơ,
Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai?
Buồn trông chênh chếch sao Mai,
Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao mờ.

Vừa rồi, chúng ta đã có một vài ví dụ về cách nói ra một tâm tình bằng ca dao. Vậy ca dao là gì và cách biểu đạt trữ tình ở ca dao như thế nào?

Định nghĩa ca dao

Chúng ta sẽ định nghĩa ca dao theo ba đặc điểm sau.

Trước hết, chúng ta có thể định nghĩa ca dao theo một cách thức chung nhất: *Ca dao là thơ trữ tình dân gian* (hoặc thơ trữ tình khi chưa có văn học viết). Khi nghiên cứu ca dao kỹ hơn nữa, các bạn cần bám vào định nghĩa ấy: Ca dao là biểu đạt tâm tình của con người dưới dạng nghệ thuật thơ trữ tình. Tâm sự trữ tình của “nhà thơ” (dù vô danh, không để lại tên tuổi gì) sẽ được những người có chung tâm sự ấy chia sẻ, nhờ đó mà ca dao được lưu truyền.

Thứ hai, định nghĩa ca dao theo hình thức của nó. Chúng ta nhận diện ca dao qua những câu thơ theo thể lục bát (câu sáu tiếng, câu tám tiếng) – thể thơ này các bạn đã làm quen từ khi học Văn Lớp 2 Cánh Buồm, và luyện tập nhiều khi học Văn Lớp 4 Cánh Buồm. Đây là vài ví dụ về tâm tình thể hiện qua ca dao theo thể lục bát:

Rủ nhau xuống bể mò cua,
Đem về nấu quả me chua trên rừng.
Ai ơi, chua ngọt đã từng,
Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau.

Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao.
Ông ơi, ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục, đau lòng cò con.

Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài.
Một tay thì cắp hỏa mai,
Một tay vác giáo, quan sai xuống thuyền.
Thùng thùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa.

Thứ ba, các bạn cần nhớ, từ ca dao vốn là một từ Hán-Việt. “Ca” là hát, “dao” cũng là hát. Đừng nghĩ “hát” ở đây như chúng ta đang hát những bài có tác giả soạn ra. “Hát” ca dao có nhiều cách. Đây là vài cách:

Hát ngâm tức là cũng những câu ca dao lục bát đó được ngâm nga để thưởng thức âm điệu của nó, thưởng thức hình ảnh âm vang từng chữ thú vị của nó.

Hát ru như khi mẹ hoặc bà hoặc chị gái đem những câu ca dao “hát” thành tiếng ru con, ru cháu, ru em. Ví dụ:

Cái ngủ mà ngủ (y y y) cho (à) lâu
Mẹ mà (à ời) đi cấy (à ời) ruộng sâu chưa (à) về...

Hát trống quân cũng là những câu ca dao lục bát được hai bên trai gái hát đối đáp, thường vui chơi vào dịp có trăng sáng, ví dụ:

Trên trời (mà) có đám mây xanh
Dưới đất (thì) mây trắng
Chung quanh mây vàng
(Thình thùng thình...)
Ước gì (mà) anh lấy được nàng

Thì anh mua gạch Bát Tràng (đem) về xây ...
(Thình thùng thình...)

Hát quan họ thì ngay từ phút giao duyên – hát mời trầu – đầu tiên đã là những ca dao lục bát như thế này:

Mời cô xơi miếng trầu này
Dù mặn dù nhạt dù cay dù nồng
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Ăn dăm ba miếng cho lòng anh vui

Hoặc giao duyên như thế này:

Cô cả cô hai đổ ơi!
Ở nhà tôi mới tới đây
Lạ thung lạ thổ tôi nay lạ nhà
Ba cô tôi lạ cả ba
Bốn cô lạ bốn biết là quen ai?
Đến đây lạ cả bạn trai
Lạ cả bạn gái biết ai mà chào
Bây giờ biết nói làm sao
Biết ai quen thuộc mà vào trình thưa
Cô cả cô hai đổ ơi!

Hát lý Nam Bộ, như điệu Lý bắt cua dưới đây cũng vẫn có cái nền ca dao theo thể lục bát:

Bắt con cua bỏ vô mà trong giỏ
Nó kêu chàng hời, nó kêu chàng ôi
Chàng đà an phận đủ đôi
Sao chẳng thương thân kiếp tôi một mình
Vợ khó bơ vơ, vợ khó bơ vơ

Còn đây là điệu Lý chèo thuyền say sưa nghiêng ngả theo tâm tính phóng khoáng của người và đất phương Nam tuy vẫn trên cái nền ca dao lục bát êm ả:

Gió lên rồi căng buồm cho khoái
Gác chèo lên ta nướng khô khoai hờ hơ!
Tình tang tang tính tính tang
Khoan hời khoan hò
Bỏ ghe mà nghiêng ngửa ở ơ là hò
Không ai chống chèo
Không ai chống chèo ơ hò ơ hò là hò ơ hơ

Dừng lại, tự học, thảo luận, suy nghĩ

1. Các bạn tự sưu tầm rồi thảo luận: Các điệu dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh, hò mái đẩy, hò chèo thuyền, hát xuân, hát đám, hát ví, và nhiều điệu dân ca khác nữa trên đất nước Việt Nam mệnh mông của chúng ta có mối quan hệ như thế nào với ca dao? (Gợi ý: Tra cứu qua người lớn, tra cứu qua cả giáo viên, qua Từ điển tiếng Việt... và nếu cần, sao không tra cứu qua mạng Internet?)
2. Những bài dân ca và ca dao có chung tính chất trữ tình. Bạn hiểu “trữ tình” là gì? Lấy ví dụ qua ca dao và dân ca để giải thích “trữ tình”. Có phải “trữ tình” chỉ thể hiện tâm tình đau buồn, hay còn có thể là biểu hiện của những tâm tình khác nữa (mơ mộng, châm biếm, đùa nghịch...)?
3. Thảo luận: Hãy tìm cốt lõi lục bát trong dân ca dạng Hò Nện (hò khi nện đất làm nền nhà) dưới đây:

Hò cái: Mời bạn hò khoan này

Hò con: Hụ là khoan

Hò cái: A lá khoan hò khoan là

Hò con: Hụ là khoan

Hò cái: Biết rằng chừ

Hò con: Hụ là khoan

Hò cái: Cho tới tháng hai

Hò con: Hụ là khoan

Hò cái: Con gái làm ruộng

Hò con: Hụ là khoan

Hò cái: Con trai be bờ

Hò con: Hụ là khoan

Hò cái: A lá khoan hò khoan là

Hò con: Hụ là khoan... (tiếp tục)

4. Thảo luận: Bài “hò” bên trên có nét gì liên quan tới cuộc sống chài lưới trên sông nước của ngư dân?
5. Thảo luận: Tác giả những bài ca dao và dân ca là ai? Tại sao chúng ta xếp ca dao và dân ca vào thể loại văn chương truyền miệng (hoặc văn chương dân gian)?

Kỹ thuật làm ca dao

Bây giờ, chúng ta chuyển sang nghiên cứu một số kỹ thuật làm ca dao. Các bạn hãy tự nêu câu hỏi: vì sao những tác giả thời xưa ít học hơn chúng ta, đời sống vất vả hơn chúng ta, vậy mà di sản ca dao để lại cho chúng ta lại hay như vậy?

Những bạn nào rồi sẽ chọn con đường nghiên cứu văn chương, các bạn đó sẽ học sâu hơn những hiểu biết phổ thông chúng ta đang đạt tới. Phổ thông nghĩa là những điều chúng ta *không thể không biết*, những điều chúng ta *nhất thiết phải biết*, những điều chúng ta *hoàn toàn có thể biết*, để chúng ta vào đời với một tư duy và lối sống khoa học, một tư duy và lối sống có cảm xúc phong phú, và một tư duy cùng năng lực sống chung trong cộng đồng.

Kỹ thuật ca dao không khó khăn lắm. Từ giữa thế kỷ trước, nhiều học giả như Dương Quảng Hàm, Nguyễn Văn Tố, Vũ Ngọc Phan, và về sau, như Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên,... đã nói về các kỹ thuật của thể ca dao – ở đây chúng ta sẽ gọi bằng ba cách nói.

Ba cách nói đó là cách ví von so sánh, cách kể lể tâm tình mình, và cách ngẫu hứng. Chúng ta sẽ xem xét từng cách nói đó trong ca dao.

Cách ví von so sánh

Các bạn hãy nghĩ xem, cái gì được ví với bầu và bí ở đây:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

Cái gì được ví với con sáo sang sông và đi mất:

*Ai đưa con sáo sang sông,
Để cho con sáo sổ lồng bay xa.*

Ai là mạn và ai là đào:

*Bây giờ mạn mới hỏi đào,
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
Mạn hỏi thì đào xin thưa:
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào!*

Thân phận nào được ví với con cò:

*Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non,
Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng.*

Và người mẹ già:

Mẹ già như chuối chín cây,
Gió lay mẹ rụng, con rày mồ côi.

Thân phận người lấy chồng sớm (tảo hôn) được ví von như thế nào:

Bướm vàng đậu đọt mù u,
Lấy chồng càng sớm tiếng ru càng buồn.

Cách kể lẽ tâm tình

Kể lẽ mà có duyên. Kể lẽ mà buộc người khác phải nghe và thông cảm với mình. Đó là nhờ cách chọn chữ và dùng chữ ngắn gọn, súc tích, và nhất là không sáo rỗng khiến người nghe khó chịu. Như bài ca dao này, chỉ kể lẽ công việc quanh năm mà thật duyên dáng:

Một năm chia mười hai kỳ,
Thiếp ngồi, thiếp tính khó gì chẳng ra.
Tháng giêng ăn tết ở nhà,
Tháng hai rồi rãi quay ra nuôi tằm.
Tháng ba đi bán vải thâm,
Tháng tư đi gặt, tháng năm trở về.
Tháng sáu em đi buôn bè,
Tháng bảy, tháng tám trở về đong ngô.
Chín, mười cắt rạ đồng mùa,
Một, chạp vớ được anh đồ dài lưng.
Anh ăn rồi anh lại nằm,
Làm cho thiếp phải quanh năm lo phiền.
Chẳng thà lấy chú lực điền,
Gạo bồ, thóc giống còn phiền nỗi chi.

Làng tôi có lũy tre xanh,
Có sông Tô Lịch uốn quanh xóm làng.
Bên bờ vải nhẵn hai hàng,
Dưới sông cá lội từng đàn tung tăng.

Người ta đi đôi về đôi,
Thân em đi lẻ về côi một mình.

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi,
Như đứng đồng lửa như ngồi đồng than.

Ngó lên nuộc lạt mái nhà,
Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.

Nước non lận đận một mình,
Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay.
Ai làm cho bể kia đầy,
Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời yên biển lặng mới yên tấm lòng.

Cách ngẫu hứng

Ta thường bắt gặp tính ngẫu hứng trong thơ trữ tình. Nhờ có ngẫu hứng mà một ý thơ nung nấu lâu trong lòng khi bắt gặp một gợi ý từ cảnh, từ người sẽ làm bật ra một tứ thơ. Cách ngẫu hứng xuất hiện rất nhiều trong ca dao.

Để cảm nhận được cái đẹp của ngẫu hứng, các bạn đừng tin vào những lời giảng giải của người khác. Cách cảm nhận đáng tin hơn cả là đặt mình vào vị trí người làm ra bài thơ (ở đây là bài ca dao) và tự mình sống trong tâm tình của mình, tự mình chợt nhận ra cái tứ thơ vừa lóe lên.

Các bạn hãy tự trải nghiệm những ngẫu hứng ca dao dưới đây:

Núi cao chi lắm núi ơi,
Che lấp mặt trời chẳng thấy người thương!

Mình về có nhớ ta chăng,
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.

Qua cầu ngả nón trông cầu,
Cầu bao nhiêu nhịp, em sầu bấy nhiêu.

*Qua đình ngả nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu.*

*Thuyền ơi có nhớ bến chăng,
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

*Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là còn để làm tin trong nhà.*

*Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy,
Hòn đá bạc đầu vì bởi sương sa.
Em với anh cũng muốn kết nghĩa giao hòa,
Sợ mẹ bằng biển, sợ cha bằng trời.
Em với anh cũng muốn kết tóc ở đời,
Sợ rằng mây bạc giữa trời mau tan.*

Vài lời kết luận

Ca dao, cũng như các thể loại nghệ thuật khác, có nội dung gắn với đủ loại đề tài. Điều quan trọng cần chú ý là *cách diễn đạt* của thể loại này.

Trong cách diễn đạt của ca dao, chúng ta chú ý đến tính trữ tình của nó. Ca dao nói tâm tình con người. Ngay khi tưởng như bài ca dao kể kể chuyện này chuyện nọ. Nhưng câu chuyện chỉ là cái cớ để con người thể hiện tâm tình của mình. Ngay khi nói những điều tưởng như đùa bỡn, thực ra đằng sau nụ cười ca dao vẫn là một tâm tình mà ta cần tìm ra.

Trong Bài 2, học về nhà thơ Nguyễn Trãi, cả trong những bài tiếp theo học thơ phương Đông, dù các tác giả làm theo luật Đường, các bạn vẫn sẽ gặp những điều nhắc nhở các bạn về tiếng Việt đã học qua ca dao. Ngay cả trong bài sắp học về Thơ mới của những nhà thơ “tân học”, bạn sẽ càng thấy giá trị của tiếng Việt với những âm vang và hình ảnh chỉ có giá trị với những ai yêu tiếng nói đó.

Mời các bạn hãy cùng làm một số bài luyện tập để củng cố tình yêu của chúng ta với tiếng nói muôn đời bất diệt của dân tộc Việt Nam.

Luyện tập, tự học, tự sơ kết, tự đánh giá

1. Thảo luận: Tại sao bài “Thành ngữ” lại học qua sách Tiếng Việt, còn bài “Ca dao” lại học ở sách Văn? Thi nhau đọc nhanh Bài mở đầu để tìm được nhanh câu nào lý giải điều đó (mục đích và cách học tiếng việt và văn).
2. Tưởng tượng các bạn là những nhà nghiên cứu nhân học. Mỗi bạn tìm trong kho tàng ca dao Việt Nam bài nào cho biết:
 - a. Trong một năm, người dân quê Việt Nam làm những gì trong từng tháng?
 - b. Phong cảnh làng quê Việt Nam xưa như thế nào?
 - c. Một gia đình người Việt Nam xưa làm những công việc gì để sinh sống?
 - d. Xã hội Việt Nam xưa đã có công nghiệp chưa? Vì sao có thể thấy điều đó?
 - e. Ca dao cho biết Việt Nam xưa là nước phong kiến hay là nước cộng hòa dân chủ?
3. Người Việt Nam qua ca dao có thích xem bói toán và cầu cúng không? Bài nào cho thấy chuyện đó?
4. Tính nết người nông dân Việt Nam như thế nào (chứng minh bằng ca dao):
 - a. Trong tình yêu nam nữ?
 - b. Trong tình cảm gia đình?
 - c. Trong tình yêu quê hương đất nước?
5. Bạn nào có điều kiện hãy sưu tầm giới thiệu với nhóm và với cả lớp về điệu *sli*, *lượn*, *hát then* của dân tộc Tày, dân ca của dân tộc Thái, Mường, v.v...
6. Thảo luận: Hình bên dưới là một minh họa sách giáo khoa Cánh Buồm. Bạn hãy dùng hai câu ca dao để minh họa cho bức tranh đó.

7. Bài viết: Hãy giải thích vì sao bạn chọn câu ca dao nào đó để minh họa cho bức tranh.



BÀI 2

GIẢI MÃ THƠ PHƯƠNG ĐÔNG

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 7 thân mến,

Các bạn cần chú ý đến *cách học* đã thành nếp: học những cái *mẫu*.

Bài này học về “thơ phương Đông” chỉ giới hạn ở thơ Trung Hoa xưa và thơ của những nhà nho Việt Nam chịu ảnh hưởng Nho học từ Trung Hoa xưa.

Chúng ta gọi gộp “phương Đông” không theo thói quen có từ cách nhìn từ phương Tây sang phương Đông (Tây nhìn sang Đông). “Phương Đông” như cách nói trên bao gồm cả Trung Hoa, các nước trong vành đai Hán ngữ (Việt Nam, Nhật Bản và Hàn Quốc), và cả các nước Tây Á (như các nước Ả Rập và Ấn Độ).

Trong bài này sẽ chỉ nghiên cứu mẫu thơ Trung Hoa và thơ Việt Nam dưới ảnh hưởng của thơ Trung Hoa xưa. Mục đích là giúp các bạn một cách nhìn để biết cách giải mã thơ “phương Đông” giới hạn trong phạm vi đó.

Các nhà thơ “phương Đông” giới hạn trong Bài 2 này có những đặc điểm gì?

(a) Đó là những người học chữ Nho và theo tư tưởng đạo Nho, là những người “học cao” và rất tôn trọng lễ luật, lễ nghĩa. Dù làm thơ theo hứng thú, nhưng thơ phải đúng niêm luật – không bao giờ “thất niêm” hoặc “thất luật”.

(b) Do cách học kinh sách, nên hiểu biết của họ gói gọn trong chữ nghĩa. Cách biểu đạt tâm tình cũng vẫn bằng kinh sách. Vì thế quan hệ thơ ca của họ bị bó hẹp trong phạm vi bè bạn cũng thuộc hàng “nho gia”.

(c) Các nhà thơ (cũng là nhà nho) đó phần nhiều sống ở nông thôn, giữa cây cỏ núi non, nên cảnh sống thanh bình. Những nếm trải và những thất vọng trong cuộc sống càng khiến họ thích quay về với cảnh thanh bình trong mộng ước.

(d) Cuộc sống cô đơn khiến họ có dịp suy ngẫm về những tư tưởng liên quan đến con người và cuộc đời. Họ cũng thích dùng thơ để bộc bạch những tư tưởng riêng kín đáo – ngay cả khi thơ của họ có tiếng cười hoặc giọng cười, thì đó cũng vẫn mang một tư tưởng kín đáo nào đó.

Bài nhập – Hiểu thơ phương Đông qua thơ Trung Hoa xưa

Với nhà thơ cả phương Tây lẫn phương Đông, làm thơ là sự sống, thơ là thức ăn và không khí đang thở. Làm thơ trong cảnh nhà rách nát, vợ đau con ốm... Làm thơ cả khi ngồi trong ngục tù... Ta có thể nghĩ mặc dù khó có bằng chứng rằng nhà thơ khi hấp hối cũng vẫn làm thơ hoặc muốn làm thơ: Đại Nam chính biên liệt truyện chép: “Khi bệnh nặng, Nguyễn Du không chịu uống thuốc, bảo người nhà sờ tay chân, nói đã lạnh, ông bảo tốt rồi, nói xong rồi mất, không trăn trối điều gì về sau”. Còn đại thi hào Goethe thì nói: “Thêm nhiều ánh sáng đi!”.

Sống trong thế giới tâm hồn tràn ngập những ý thơ mãnh liệt, đời các nhà thơ là một đời tìm cách bộc lộ những ý thơ như suối ngầm luôn luôn sẵn sàng tuôn trào. Ý thơ của họ chỉ chờ một *tứ thơ* hiện ra qua một hình tượng ngôn từ để trở thành bài thơ. Nhà thơ luôn luôn như là kẻ “xa rời đời sống thực” để chỉ còn đắm mình trong thế giới tinh thần. Nhà thơ rũ bỏ thế giới thực dụng, ở đó cái đáng vui lại khơi gợi sự ham muốn nhiều khi tầm thường, còn cái đau buồn lại khiến người ta trốn tránh và sợ hãi. Nhà thơ sống cái thế giới ý tưởng đã gột rửa sạch mọi lo âu và vui buồn trần tục. Nhà thơ thưởng thức tất cả: cái đáng vui thì không cần đeo đuổi, cái đáng buồn cũng không sợ mà tránh né.

Cảm hứng thơ của nhà thơ sinh ra trong sự chưng cất thành rượu từ những vật liệu thô như ngô khoai sắn của cuộc sống thực. Cảm hứng thơ sinh ra từ những gì được tình cảm mà thơ hướng tới – những *cảm hứng tình cảm* – và biểu hiện ra thành những đề tài của thơ. Nhưng với cùng một đề tài, cảm hứng tình cảm của các nhà thơ không giống nhau, các nhà thơ làm ra những bài thơ khác nhau. Nói cho chính xác hơn: các nhà thơ có những *cách khác nhau khi làm ra một bài thơ mang cùng đề tài*.

Chúng ta cùng xem xét nhà thơ phương Đông – lấy mẫu là nhà thơ cổ Trung Hoa – có *cách làm ra một bài thơ* như thế nào.

1. Cảm hứng tình cảm nhân sinh

Cảm hứng tình cảm nhân sinh lớn nhất trong thơ phương Tây tập trung vào tình yêu đôi lứa mà ta quen gọi là thơ tình. Thơ ca Nhật Bản cũng có hiện tượng đó. *Vạn diệp tập* (*Man'yōshū*) gồm 20 quyển với 4.496 bài thơ sáng tác trong suốt bốn thế kỷ dành cho đề tài tình yêu và quan hệ nam nữ một địa vị rất lớn, riêng quyển 2 và quyển 8 chỉ toàn thơ tình. Thơ cổ Trung Hoa tuy vẫn có

những sáng tác về ái tình, nhưng chủ yếu vẫn là viết về tình bằng hữu. Mở các tập thơ của Tô Vũ và Lý Lăng (đời Hán), Lý Bạch và Đỗ Phủ, Hàn Dũ và Mạnh Giao (đời Đường), Tô Thức và Hoàng Đình Kiên (đời Tống) ta thấy thơ xướng họa gửi tặng bạn bè chiếm một số lớn. Có biết bao cuộc tiễn đưa bạn bè đã đi vào các thi phẩm truyền đời:

Phù Dung lâu tống Tân Tiệm¹

Vương Xương Linh

芙蓉樓送辛漸 (王昌齡)

寒雨連江夜入吳
平明送客楚山孤
洛陽親友如相問
一片冰心在玉壺

Phiên âm:

Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô,
Bình minh tống khách Sở sơn cô.
Lạc Dương thân hữu như tương vấn,
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ.

Dịch nghĩa:

Tiến bạn Tân Tiệm tại lầu Phù Dung

Trên sông mưa lạnh giăng kín trời, khách vào đất Ngô khi đã đêm,
Sáng mai tiễn khách về, trở lại núi non nước Sở.
Bạn bè ở đô thành Lạc Dương nếu có hỏi thăm đến tôi,
Bạn hãy nói tôi ở đây vẫn một tấm lòng như mảnh băng trong bình ngọc.

Dịch thơ:

Mưa lạnh mù trời đêm đến Ngô,
Sáng mai tiễn khách lại đơn cô.
Kinh thành bạn cũ ai mà hỏi,
Một tấm băng tâm chẳng phai mờ.

(Đoàn Lê Giang dịch)

1 Xin lưu ý: Sách này chỉ giới thiệu nguyên văn chữ Hán một lần ở bài mẫu này. Từ những ví dụ sau, chỉ đưa phần phiên âm. Xin mời những bạn quan tâm và có xu hướng học Hán văn vào mạng Internet để tra nguyên văn chữ Hán (BBT).

Trong thơ về tình yêu, các nhà thơ phương Tây viết nhiều về tình yêu trước hôn nhân với cảm xúc bao trùm là “ngưỡng mộ” (người đẹp) còn thơ Trung Hoa viết nhiều về tình yêu sau hôn nhân nhuốm đầy cảm thức “ai oán” “tương tư” (vì ly biệt, vì xa lánh). Ba chữ “Tư” (nhớ nhung), “Biệt” (xa cách) và “Oán” (hờn trách) thường xuất hiện rất nhiều trong nhan đề các bài thơ về tình yêu của Trung Hoa xưa. Ví dụ:

Khuê oán (Nỗi oán phòng khuê)

Wương Xương Linh

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương thúy lâu.
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu.*

*Cô gái phòng the chữa biết sầu,
Ngày xuân trang điểm dạo lên lầu.
Đầu đường chợt thấy tơ xanh liễu,
Hối để chồng đi kiếm tước hầu.*

(Ngô Tất Tố dịch)

Có lúc ngoài một thoáng chữ ở nhan đề, ý tượng trong bài thật mơ hồ:

Ngọc giai oán (Nỗi oán thêm ngọc)

Lý Bạch

*Ngọc giai sinh bạch lộ,
Dạ cửu xâm la miệt.
Dục hạ thủy tinh liêm,
Linh lung vọng thu nguyệt.*

*Thêm ngọc phủ sương sa,
Đêm lạnh thấm tất là,
Buông rèm châu ngời ngấm,
Lung linh trăng thu ngà.*

(Phụng Hà dịch)

2. Cảm hứng thiên nhiên

Thơ Trung Hoa đặc biệt chú ý tới thiên nhiên kể từ đời Tấn (khoảng trước sau thế kỷ 5). Ở phương Tây, thiên nhiên trở thành đề tài lớn của thơ ca kể từ

phong trào thơ Lãng mạn (thế kỷ 18). Thiên nhiên trong thơ đẹp hùng vĩ mà cũng đẹp mềm mại. Núi cao, biển lớn, cuồng phong, giông tố, sa mạc mênh mông và đêm sâu tĩnh mịch là vẻ đẹp của sự hùng vĩ. Gió mát trăng trong, làn thu thủy nét xuân sơn hay thoáng hương hoa, thoáng sóng gợn mặt hồ là vẻ đẹp mềm mại.

Trong mỗi nền thơ Tây và Đông, ta đều tìm thấy cả hai vẻ đẹp đó. Nhưng trên đại thể, ta sẽ thấy thơ Trung Hoa xưa thiên về vẻ mềm mại của thiên nhiên trong lúc thi nhân phương Tây yêu cảnh hùng vĩ lớn lao. Ta còn có thể thấy thi nhân Trung Hoa như muốn tìm niềm thân mến và tri kỷ nơi thiên nhiên yên hòa, trong lúc thi nhân phương Tây ước vọng khám phá nguồn sức mạnh của thiên nhiên. Thi nhân đời Đường Lý Bạch (701-762) tả cảnh người thơ và ngọn núi “ngắm nhau”:

*Ta cùng với núi Kính Đình
Hai bên cùng ngắm hai lòng cùng ưa
(Tương khan lưỡng bất yếm
Duy hữu Kính Đình sơn)*

Thi hào đời Đông Tấn Đào Tiềm (365-427) tả cảnh đồng ruộng:

*Ruộng xa mênh mang gió
Lúa đồng náo nức xanh
(Bình trù giao viễn phong,
Lương miêu diệc hoài tân)*

Những câu thơ vừa dẫn đó đồng thời cũng đã phác họa lên một tư thế chung trước thiên nhiên của các nhà thơ Trung Hoa. Thử so sánh thi nhân đời Tấn của Trung Hoa Đào Tiềm với Wordsworth, người mở đầu cho thơ ca lãng mạn Anh. Đào Tiềm viết trong bài *Ẩm tửu*:

Phiên âm:

*Thái cúc đông ly hạ,
Du nhiên kiến Nam sơn.
Sơn khí nhật tịch giai,
Phi điều tương dữ hoàn.
Thử hoàn hữu chân ý,
Dục biện dĩ vong ngôn.*

Dịch thơ:

*Dưới giậu đông hái cúc,
Xa thấy núi Nam Sơn.*

*Khí núi chiều thêm vẻ,
Chim bay về cùng đàn.
Bên trong bao ý đẹp,
Muốn nói lại quên luôn.*

(Hoàng Tạo dịch)

Bộ dạng muốn nói lại quên lời đó là kết quả của tư thế “hân hoan thâm hiểu” trước cảnh vật của thi nhân. Thật khác xa với vẻ băn khoăn xao động khôn nguôi trước huyền bí của ngoại cảnh kiểu Wordsworth. Thi hào Anh từng giải bày: “Với tôi, một bông hoa dại dập dờn theo gió cũng có thể gợi lên một suy tư sâu xa khó lòng nói ra được bằng bao nhiêu nước mắt”. Đó chính là suy tư về một sức mạnh kỳ diệu nào đó ẩn ngụ trong thiên nhiên mà ông gọi là “Tinh linh”. Ta đọc thấy những dòng sau trong thi phẩm Tintern Abbey viết năm 1798 của Wordsworth: “Một Tinh linh đang lay động tất cả các đối tượng của suy tư và mọi kẻ suy tư, Tinh linh chao liệng trong mọi sự vật”.

3. Cảm xúc triết lý – tôn giáo

Thơ giống như những đóa hoa mọc lên từ mảnh đất triết học và tôn giáo. So với phương Tây, triết học Trung Hoa tỏ ra bình dị hơn nhiều. Tình cảm tôn giáo của thi nhân Trung Hoa cũng không sâu nặng như các nhà thơ phương Tây. Các nhà thơ phương Tây thao thức mãi hoài với đức tin và lý tưởng cao vời. Không có tôn giáo thì phương Tây không có bi kịch Hy Lạp, không có *Thần khúc* (*La divina commedia*) của Dante hay *Thiên đường đã mất* (*Paradise Lost*) của John Milton. Dân tộc Trung Hoa trọng thực tế, không chuộng viễn tưởng lẽ huyền bí. Thành thử, trong văn chương nói chung, thơ ca nói riêng, ta ít gặp những ý tưởng cao sâu rợn ngợp. Thơ Trung Hoa trước sau quan tâm đời sống nhân sinh hiện tại. Thi nhân Trung Hoa ít suy tưởng tới thế giới bên kia, ít băn khoăn về vũ trụ bao la. Các thi nhân Trung Hoa phần lớn đều là nhà nho. Các môn đệ của Khổng Tử không thích tư biện trừu tượng và cũng không chuyên tâm suy tư những vấn đề gọi là “chung cục tối hậu” – những vấn đề dường như không liên quan trực tiếp gì đến đời sống nhân sinh hiện thực. Ngay cả những thi nhân chịu ảnh hưởng Phật giáo thì quá nửa trong số họ cũng chỉ dừng ở mức nếm cảm thú vui “Thiền” chứ không một lòng nghiêm trang theo đuổi “Phật lý” đến cùng. Tiên cảnh của Đạo gia cũng ở chốn trần gian (non xanh xa xa hay chốn bồng lai biển rộng), nơi thi nhân có thể trốn đời “đi bộ” đến cõi ấy. Nói chung

cái cảm thức tôn giáo toát hiện trong thơ Trung Hoa khá là nhẹ nhàng. Thử nghe thi hào đời Tấn Nguyễn Tịch vịnh hoài:

Phiên âm:

*Khứ giả dư bất cập,
Lai giả ngô bất lưu.
Nguyễn đăng Thái Hoa Sơn,
Thuởng dữ Tùng tử du*

Dịch nghĩa:

*Những gì đã trôi đi ta không đuổi theo được,
Những gì sắp đến ta không giữ lại được,
Chỉ muốn lên chơi cùng tiên trên núi Thái Hoa*
(Lê Thời Tân dịch)

4. Trọng luật thơ

Các nhà thơ Trung Hoa xưa tôn trọng *luật thơ* vì hai nhẽ. Trước hết, họ là các nhà nho cần trọng và tự nhận là có trách nhiệm trước những lễ luật. Ngoài ra, luật thơ đem lại nhạc điệu cho câu thơ và toàn bài thơ. Thế là, làm đúng luật thơ thì cũng có lợi cho giá trị của bài thơ. Làm đúng luật thơ, thì bài thơ càng du dương đầy tính nhạc. Vì nhạc tính trong thơ Trung Hoa biểu hiện đồng thời ở cả thanh điệu và âm vận – mà âm và vận là những điều bắt buộc trong luật thơ.

Luật thơ Trung Hoa quy định cụ thể về vần, thanh, số âm tiết (chữ) trong câu, số câu trong một bài thơ. Đến thời nhà Đường, hệ thống thi luật dần dà được định hình nghiêm ngặt làm nảy sinh các thể thơ có quy định chặt chẽ gọi tên theo số chữ và số câu trong một bài: thể *tứ tuyệt* (cũng gọi *tuyệt cú*, bao gồm *ngũ ngôn tứ tuyệt* và *thất ngôn tứ tuyệt*) và thể *bát cú* (cũng chia thành *thất ngôn bát cú* và *ngũ ngôn bát cú*). Trong đó đặc sắc nhất là thể *thất ngôn bát cú*, quen gọi là *thơ Đường luật*. Thể *thất ngôn bát cú* là một thể thơ quan trọng nhất của thơ Đường. Nắm chắc luật làm một bài *thất ngôn bát cú* thì cũng dễ dàng thực hiện thể *tuyệt cú* (*tứ tuyệt*) mà thực ra đó chỉ là một nửa của bài thơ thể *bát cú*.

Miêu tả gọn luật bố cục một bài *thất ngôn bát cú* như sau: bài *thất ngôn bát cú* (8 câu 56 chữ/tiếng) gồm có hai khổ thơ. Mỗi khổ thơ gồm hai *liên thơ*. Hai *liên thơ* mở bài và kết bài gồm những câu thơ không đối ngẫu, ngược lại hai *liên* giữa luôn là hai cặp câu đối nhau. Sự đối chọi này diễn ra trên cấp độ

cú pháp, đối chọi cả ở nhịp điệu các âm tiết trong câu thơ và đối chọi về vần. Về nhịp điệu, nói chung thất ngôn bát cú ngắt nhịp ở sau âm tiết thứ tư tạo nên sự đối chọi chẵn lẻ giữa nửa trước câu thơ (bốn âm tiết) với nửa sau câu thơ (ba âm tiết). Ví dụ:

*Ao thu lạnh lẽo / nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu / bé tẻo teo.*

(Nguyễn Khuyến – Thu điếu)

Về vần, bài thơ bát cú theo luật gieo vần bằng và gieo vào vần chân. Vần không bắt buộc bắt đầu từ câu thứ nhất nhưng luôn có mặt ở các câu thơ số chẵn. Mỗi bài thơ chỉ dùng một vần và vần đó đi suốt bài thơ qua các câu thơ số chẵn 2, 4, 6, 8 tạo nên một đối lập về mặt cấu trúc giữa câu thơ số lẻ và câu thơ số chẵn.

Về cú pháp, sự đối chọi diễn ra giữa câu đối và câu không đối: liên thứ tư bắt buộc không được đối, trong lúc hai liên giữa bắt buộc đối và liên 1 nói chung không đối. Và như vậy bài thất ngôn bát cú sẽ diễn ra theo cấu trúc: không đối – đối – đối – không đối. Đối ngẫu đã tạo nên một không gian nội tại có trật tự mà lại thành rộng mở hơn – như một gian nhà hẹp nhưng biết cách xếp đồ đạc thì nhà như rộng ra hơn.

Trên đây chúng ta nói về luật thơ và sự tôn trọng luật đó rất chặt chẽ của các nhà thơ Trung Hoa xưa. Đây còn là một điều đáng chú ý: các nhà thơ phương Đông ấy còn say sưa với vẻ đẹp của thơ có luật và từ đó họ nghĩ ra những cách “chơi thơ” tinh tế, lắm khi “oái oăm”, mà sau đây là vài ví dụ.

Mời bạn hãy đọc bài thơ *Đề Kim Sơn tự* dưới đây của thi hào Tô Đông Pha đời Tống:

Âm Hán-Việt:

Đề Kim Sơn Tự

*Triều tuý ám lãng tuyết sơn khuynh,
Viễn phổ ngư châu diếu nguyệt minh.
Kiều đối tự môn thông kính tiếu,
Hạng đương tuyền nhĩn thạch ba thanh.
Thiền thiền viễn thụ giang phu hiểu,
Ế ế hồng hà văn nhật thanh.
Dao vọng tứ sơn vân tiếp thụ,
Bích phong thiên điểm số âu khinh.*

Tạm diễn nghĩa:

Thơ đề chùa Kim Sơn

Triều xuống theo sóng tối núi tuyết nghiêng nghiêng
Thuyền đánh cá làng chài xa cây trăng sáng
Cầu bắc qua trước cửa chùa lối đi nhỏ trồng tùng
Ngõ ngoảnh về suối nước phun sóng trên đá xanh
Rặng cây xa xa trời sáng dần trên sông
Ráng hồng giăng dày mặt trời chiều còn sáng
Nhìn ra xa bốn bề núi mây tiếp liền với nước
Muôn ngàn ngọn núi xanh mấy con hải âu bay.

Bài thất ngôn bát cú (Đường luật) bên trên có thể đọc ngược từ dưới lên trên, từ phải qua trái, hình thành một bài thơ nữa cũng vẫn đúng luật. Bạn thử xem! Người ta gọi đó là *hồi văn thi* (thơ đọc quay vòng).

“Vòng thơ” ở bên là phiên âm Hán-Việt. Để các bạn thưởng thức, xin tạm thích nghĩa cơ bản, phổ thông của từng chữ trong “vòng hồi văn” này như sau: Hoa: (bông) hoa; Nguyệt: trăng; Đạm: nhạt; Tinh: sao; Hoang: thưa; Độ: bến sông; Tà: nghiêng; Chu: thuyền; Nhiều: vòng quanh; Loạn: nhiều; Sa: cát; Bạch: trắng; Ngạn: bờ; Tình: hững; Phương: thơm; Thụ: cây; Da: Dừa; U: tối; Đảo: (hòn) đảo. Hẳn bạn cũng thấy những bài thơ hồi văn này là kết quả

của một ngữ pháp hết sức linh hoạt trong thơ cổ Trung Hoa.

Dĩ nhiên, “hồi văn thi” không chỉ là độc quyền của thơ cổ điển Trung Hoa. Thậm chí nó cũng chẳng phải chỉ là độc quyền của riêng thể Đường luật. Mời bạn đọc vài bài thơ sau bằng tiếng Việt. Bạn thử “đọc ngược” bài *Hoa cúc* dưới đây để hình thành một bài thất ngôn bát cú “cúc hoa” mới rồi so sánh chúng với nhau xem các hình ảnh thơ trong đó đã biến đổi ra sao:

Thanh thu cảnh chiêm thú điền viên
Cúc nào người thay vẻ lạ nhìn
Mành lot qió đưa hương nức cửa

Trạo kẻ trắng dãi ngọc lỏng hiên
Cành phô gấm dệt hoa cao thấp
Đoá dãi vàng thừa nụ dưới trên
Tình khách nước xông đào với mặn
Xinh xinh sắc cúc đậm đà duyên.
(Khuyết danh?)

Đón xuân đất tuyết
(Đỗ Quang Vinh)

Đọc xuôi:

Cây hỏi cỏ: “Nghe sao còn tuyết?”
Gió gọi đào: “Mai đến tết đây!”
Hây hây nắng nhuộm trời mây,
Nào vui, tay nắm đất tay Xuân vào!

Đọc ngược:

Đây tết đến, mai đào gọi gió,
Tuyết còn sao? Nghe cỏ hỏi cây,
Mây trời nhuộm nắng hây hây,
Vào xuân, tay đất nắm tay, vui nào!

5. Thơ Đường luật Việt Nam

Các nhà thơ – nhà nho Việt Nam vốn được đào tạo theo “trường phái” thơ phương Đông với cái mẫu cổ điển (mẫu mực) là thơ Trung Hoa xưa theo luật thơ Đường. Vẫn theo luật thơ chặt chẽ, nghiêm nhặt đó, các nhà thơ cổ điển Việt Nam đã để lại cho chúng ta nhiều bài thơ luật Đường tuyệt vời. Các bạn hãy nhớ lại những bài thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, Tú Xương... hoặc như bài thơ của Nguyễn Bình Khiêm dưới đây.

Nhàn

Một mai, một cốc, một cần câu
Thơ thần dầu ai vui thú nào
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn, người đến chốn lao xao

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây, ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quý, tựa chiêm bao.

Nhưng các nhà thơ cổ điển của Việt Nam còn có những cách phá thể khác – ra ngoài luật lệ thơ Đường – để tạo ra âm điệu riêng phù hợp với âm điệu tiếng Việt.

Một trong những sáng tạo của các nhà thơ cổ Việt Nam là tạo thể “Đường luật thất ngôn xen lục ngôn”. Thống kê thấy có tới 186 bài thất ngôn xen lục ngôn trên tổng số 254 bài của Quốc âm thi tập (Nguyễn Trãi). Trong tập thơ này, câu sáu chữ thậm chí có lúc được dùng như một thể riêng tạo nên áng thơ thật đẹp – câu thơ hết sức tự nhiên trong lúc vẫn không loại trừ vài cách ngắt nhịp thú vị:

Dấu người đi/là đá mòn

Đường hoa/vướng vất/trúc luôn Đường hoa vướng/vất trúc luôn

Cửa song giãi/xâm hơi nắng

Tiếng vượn/vang kêu/cách non Tiếng vượn vang/kêu cách non

Cây rợp/tán che/am mát Cây rợp tán/che am mát

Hồ thanh/nguyệt hiện/bóng tròn Hồ thanh nguyệt/hiện bóng tròn

(Bài số 21– Quốc âm thi tập)

Chen xen “thất ngôn–lục ngôn” cũng thấy chiếm quá nửa số bài trong Bạch Vân quốc ngữ thi tập. Dưới đây là một bài thơ thể này của Nguyễn Bình Khiêm:

Giàu ba bữa, khó hai niêu,

Yên phận thì hơn hết mọi điều.

Khát, uống chè mai, hơi ngọt ngọt,

Sốt, kẻ hiên nguyệt, gió hiu hiu.

Giang sơn tám bức là tranh vẽ,

Phong cảnh tứ mùa, ấy gấm thêu.

Thong thả, hôm khuya nằm, sớm thức,

Muôn vàn đã đợi đức trời Nghiêu.

(Bài 3 trong Bạch Vân quốc ngữ thi tập)

Thơ Nôm Đường luật là “quốc âm” nên phản ánh đặc sắc của bản thân tiếng Việt. Bạn có thể thấy điều đó trước hết ở ngắt nhịp trong câu thơ: Khát–uống chè mai–hơi–ngọt ngọt, Sốt–kẻ hiên nguyệt–gió–hiu hiu... Thong thả–hôm khuya nằm–sớm thức.

Ngôn ngữ thơ Đường luật nói chung là cổ ngữ (hoặc gọi ngôn ngữ văn ngôn) xa cách với lời nói khẩu ngữ (Hán ngữ gọi bạch thoại). Khi chuyển dùng chữ Nôm ghi được “quốc âm”, thể Đường luật quả đã được Việt hóa một cách tự nhiên. Lời thơ trong các bài thơ Nôm Đường luật đi gần với tiếng nói hàng ngày tạo điều kiện hình thành thơ “điệu nói” – điều đã trở thành đặc trưng thi pháp chính yếu của Thơ mới hiện đại về sau. Bạn thử đọc bài thơ *Vịnh cái pháo* của Nguyễn Hữu Chinh – một bài thơ chiếu theo luật thơ Đường sẽ được xem là bài tứ tuyệt có bố cục được miêu tả là ngắt ghép hai câu đầu và hai câu cuối của một mẫu thất ngôn bát cú luật Đường. Theo mẫu này, bài thơ không cần đối ngẫu. Nhưng suy cho cùng đó chỉ là một cách mô tả dựa theo mẫu. Thực tế thì chính tính cách “lời nói nôm” tự nhiên mới là điều khiến cho bài thơ được viết liền mạch không cần đến đối ngẫu:

*Xác không, vốn những cật tay người,
Bao nả công trình, tạch cái thôi!
Kêu lắm, lại càng tan xác lắm,
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.*

“Lời nôm” thậm chí đã khiến cho câu kết không có ngắt nhịp nữa – cứ thế một mạch nói ra! Hai câu mở đầu bài tứ tuyệt dưới đây cũng là một trường hợp cho ta thấy cái khuôn đúc chữ ngắt nghèo của thơ Đường luật Hán đã được “tháo dỡ” đi mà vẫn không đánh mất khuôn khổ chung như thế nào:

*Nhà bản táng với tướng quân nhà
Chỉ cách con khe nhỏ chạy qua
Pháp hiệu rày xưng là Phổ Tĩnh
Tu hành ngày tháng niệm Di Đà*

(*Tam Quốc thi* – vịnh tình tiết Quan Vũ không nhận ra đồng hương và vị sư này nhắc “Nhà tôi và nhà tướng quân chỉ cách nhau một con sông”).

Tính cách “điệu nói” của câu thơ bộc lộ đến mòn một – từng câu vang lên như lời đối đáp:

*Những lúc say sưa, cũng muốn chùa,
Muốn chùa nhưng tỉnh lại hay ư,
Hay ư nên nổi không chùa được,
Chùa được nhưng mà cũng chẳng chùa.*

(Nguyễn Khuyến – *Chùa rượu* làm theo thể “áp cú” đầu câu sau lặp lại vài chữ cuối câu trước).

Kết luận

1. Để giải mã thơ phương Đông, chúng ta cần học về thơ trữ tình của các nhà thơ cổ điển Trung Hoa và thể thơ luật Đường. Luật thơ chặt chẽ, vô cùng chặt chẽ. Với tâm hồn trữ tình của nhà thơ, cách biểu đạt càng bị bó buộc chặt chẽ lại càng khiến nhà thơ chọn những “con chữ” tinh tế, hàm súc, gần như bài nào cũng hay. Tuy nhiên, chẳng có luật nào trói buộc nổi tâm hồn tự do và cuộc sống tự tại của nhà thơ. Vì thế mà có những bài thơ “phá luật”. Và đến lượt chúng, cái luật đã được phá cũng lại trở thành luật mới.

2. Các nhà thơ xuất thân nhà nho Việt Nam khi làm thơ cũng học theo cách làm thơ luật Đường như các nhà thơ cổ điển Trung Hoa. Nhiều nhà thơ cổ điển Việt Nam đã để lại rất nhiều bài thơ luật Đường làm bằng chữ Nho và rất nhiều bài thơ luật Đường làm bằng tiếng Việt và ghi lại bằng chữ Nôm. Và các nhà thơ cổ điển Việt Nam cũng phá thể, phá luật và làm những bài thơ hay – với một đặc điểm là không ép những nhà thơ khác phải theo luật mới đã bị phá.

Mời các bạn ghi nhận hai kết luận nhỏ trên đây và đem áp dụng vào việc tự đọc, tự học một số bài thơ của một số nhà thơ Trung Hoa xưa.

Bài tự đọc 1:

Đào Uyên Minh – Thi nhân cày ruộng cuốc vườn

Đào Tiềm tức Đào Uyên Minh (khoảng 365–427) sống ở thời Đông Tấn. Thời trẻ từng ra làm vài chức quan nhỏ. Chức quan sau cùng là Huyện lệnh huyện Bành Trạch. Nhưng Đào Tiềm không thể “... vì năm đấu gạo (lương chức huyện lệnh) mà phải khom lưng uốn gối” mãi! Nên ông đã treo ấn từ quan, về vườn. Từ ngày bỏ chức, về lại làng quê cho đến lúc mất, Đào Uyên Minh vui đời vườn ruộng, “chông cày ruộng trước, vợ cuốc vườn sau”, tuyệt không bén chân đến nơi huyện thị.

Đào Uyên Minh yêu rượu và làm thơ hay. Có khách đến chơi, ông uống say trước, quay qua dặn dò: “Ngã túy dục miên, khanh khả khứ” (Tôi say buồn ngủ, ông cứ về). Nhiều lúc uống say, ông giả bộ ôm đàn “tự đệm” lấy nhạc mà hát: “Đã thức cầm trung thú, hà lao huyền thượng thanh” (Đàn ca ý thú bên trong, hà tất cứ phải gảy thành tiếng vang). Chắc các bạn còn nhớ bài thơ *Thu vịnh* (Vịnh mùa thu) của Nguyễn Khuyến:

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ thơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

Chắc bạn đã đoán biết cụ Nguyễn Khuyến lại thẹn với ông Đào nào rồi chứ? Mời đọc vài bài của Đào Tiềm.

Quy viên điền cư (bài ba)

Phiên âm Hán-Việt:

Chủng đậu Nam sơn hạ,
Thảo thịnh đậu miêu hy.
Thần hưng lý hoang uest,
Đối nguyệt hà sử quy.
Đạo hiệp thảo mộc trường,
Tịch lộ triêm ngã y.
Y triêm bất túc tích,
Đã sử nguyện vô vi.

Dịch thơ:

Trồng đậu dưới chân núi Nam,
Cỏ thì tốt, đậu thì thừa.
Cuốc đất giữ cỏ từ mờ sáng,
Vác cuốc về nhà trong bóng sao.
Cỏ cây vường vít con đường nhỏ,
Sương xuống ướt đầm vai áo ta.
Áo ướt có gì mà phải tiếc,
Chỉ mong tới vụ đậu kia trái đầy.

Trồng đậu chân núi Nam,
Đậu thừa mà cỏ tốt;
Tinh mơ ra cuốc xới,
Chiều về trong bóng sao;
Đường nhỏ cây vường vít,
Sương buông đầm vạt áo;
Áo ướt lòng chả xót,
Chỉ mong đậu được mùa.
(Lê Thời Tân dịch)

Ấm tửu (bài năm)

Phiên âm Hán-Việt:

Kết lữ tại nhân cảnh,
Nhi vô xa mã huyên.
Vấn quân hà năng nhĩ,
Tâm viễn địa tự thiên.
Thái cục đông ly hạ,
Du nhiên kiến Nam sơn.
Sơn khí nhật tịch giai,
Phi điệu tương dữ hoàn.
Thử trung hữu chân ý,
Dục biện dĩ vong ngôn.

Dịch thơ:

Dừng lều giữa chốn chợ đời
Ngựa xe nhộn nhịp đón mời ngoài tai
Hỏi sao được tới như vậy
Rằng lòng riêng gửi cõi ngoài rảnh rang
Chân rào đông hái cúc vàng
Quay nhìn rặng núi trời Nam trùng trùng
Chiều trong vách đá giăng sương
Chim về mỗi cánh ngập ngừng nẻo xa
Cảnh này chân ý nảy ra
Giải bày nhưng muốn nói ra quên lời
(Lê Phụng dịch)

Làm nhà giữa cõi tục,
Mà không xe ngựa ran.
Hỏi bác sao được thế?
Lòng xa cảnh tự nhàn.
Dưới giậu đông hái cúc,
Xa thấy núi Nam Sơn.
Khí núi chiều thêm vẻ,
Chim bay về cùng đàn.
Bên trong bao ý đẹp,
Muốn nói lại quên luôn.
(Hoàng Tạo dịch)

Bài tự đọc 2:

Vương Duy – ba bài tứ tuyệt viết ở nơi ẩn cư

Bạn hãy tưởng tượng cảnh thi nhân ngồi một mình gảy đàn trong vườn trúc. Đôi khi nhà thơ còn cao hứng huyết gió nữa. Không ai biết ông ta ở đó, chỉ có vầng trăng đến chiếu sáng cảnh này. Nhà thơ đó là Vương Duy – thi nhân vĩ đại đời Đường:

Trúc lý quán

Độc tọa u hoàng lý,
Đàn cầm phục trường khiếu.
Thâm lâm nhân bất tri,
Minh nguyệt lai tương chiếu

Dịch thơ:

Ngôi nhà trong vườn trúc

Một mình trong lùm tre,
Dạo đàn lại huyết gió,
Rừng thẳm chẳng ai hay,
Rọi nhau có trăng tỏ.

(Tương Như dịch)

Cũng chính ông – một đêm xuân trong núi vắng:

Điểu minh giản

Nhân nhàn quế hoa lạc
Dạ tĩnh xuân sơn không
Nguyệt xuất kinh sơn diểu
Thời minh xuân giản trung

Dịch thơ:

Người nhàn hoa quế rụng
Đêm tĩnh vắng non xuân
Trăng mọc kinh chim núi
Khe xuân hót mấy lần.

(Nhật Chiêu dịch)

Người nhàn, hoa quế nhẹ rơi
Đêm xuân lạnh ngắt, trái đồi vắng tanh.
Trăng lên chim núi giật mình,
Tiếng kêu thủng thẳng đưa quanh khe đồi.

(Ngô Tất Tố dịch)

Vương Duy không nói với ta rằng ông *nghe thấy...*, ông *ngắm nhìn...* Nhà thơ chỉ muốn cùng ta đắm hồn giữa lòng cảnh tượng, cùng khơi thông những trở ngại trên con đường tự trình hiện của cảnh vật. Một sự tự trình hiện trong an hòa tĩnh lặng... An hòa đến nỗi bóng trăng lên cũng đã đủ làm xao động tất cả và chút thanh âm tiếng chim hót thảng thốt như càng làm nổi bật vẻ tĩnh lặng khôn cùng đó.

Có lúc nhà thơ thậm chí sau khi khai mở trọn một cảnh tượng liền thoái ẩn đi, và cảnh vật dường như đang tự nó trình hiện vì một sức sống nội tại huyền nhiệm nào đó, chẳng buồn biết đến có ai đang ngắm nghía hay không. Đây – dường như vẫn khe núi đó, chỉ khác lúc này đã mùa hoa phù dung:

Tân Di ố

Mọc mặt phù dung hoa
Sơn trung phát hồng ngọc
Giản hộ thể vô nhân
Phân phân khai thả lạc

Dịch thơ:

Thung lũng Tân Di

Hoa phù dung Tân Di
Đỏ thắm trong thung núi
Nhà bên khe vắng lặng
Hoa nở hoa lại rơi

(Lê Thời Tân dịch)

Trong hai bài thơ trên, tự nhiên nối tiếp diễn hoá, “Nhà vắng người bên khe, hoa rộ rồi lại tàn”, không có dấu tích gì của hành vi con người. Bạn có thấy bao trùm lên thung lũng cây lá kia một sự mông lung tràn trề hay không?

Người chủ nhân trong căn nhà bên khe đó lúc bấy giờ ở đâu trong khe núi...

Lộc Trại

*Không sơn bất kiến nhân
Đản văn nhân ngữ hưởng
Phản cảnh nhập thâm lâm
Phục chiếu thanh đài thượng*

Dịch thơ:

Lộc Trại

*Núi vắng chẳng thấy ai,
Chỉ nghe tiếng người vọng.
Nắng chiều soi rừng thẳm,
Bóng hắt trên rêu xanh.*

(Lê Thời Tân dịch)

Trong cảnh thơ này ta thấy “hành động” của một chủ thể người thơ như hòa cùng chuyển động của tự nhiên. Cảnh và người đồng nhất làm một. Diễn nôm kiểu “nơi núi vắng này không thấy bóng người nhưng ta nghe thấy tiếng nói ai đó” ngay lập tức phá vỡ sự đồng nhất nhà thơ và núi vắng. Núi vắng không còn là nơi chốn, núi vắng cũng như người thơ kia cùng không thấy người (bất kiến nhân). Và bóng chiều tà kia cũng không phải là đang bị miêu tả (tôi nhìn thấy...). Ở đây, bóng chiều tự nó đang soi rọi rừng sâu để phản chiếu lại trên rêu xanh. Cuộc dạo chơi đã trở thành một sự thể nghiệm tinh thần – thân chuyển mà đồng thời tâm cũng đồng hòa vào trong cảnh.

Bài tự đọc 3:

Bài thơ mở đầu chùm *Thu hứng* của Đỗ Phủ

Thu hứng là nhan đề chung của chùm thơ tám bài thất ngôn bát cú của Đỗ Phủ (*Thu hứng bát thủ*). Chung một nhan đề để thành chùm, nên cách đọc tốt nhất là đọc mỗi một bài trong thế tương liên – nối kết với các bài bên cạnh. Dĩ nhiên không riêng Đỗ Phủ viết *thu hứng*. Mở một tuyển tập thơ ca cùng thời đại, ta còn bắt gặp hàng loạt các bài thơ cùng nhan đề của hàng loạt tác gia khác. Ta hãy dùng một thi phẩm về mùa thu đó của Đỗ Phủ để tìm hiểu cách nhà thơ biểu đạt một tứ thơ thu.

Thu hứng (bài thứ nhất)

Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu Sơn Vu Giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.

Diễn nghĩa:

Rừng phong sương trắng lạnh tiêu điều,
Non Vu Hẻm Vu hơi núi mịt mờ.
Ngoài sông sóng dựng lẫn trời,
Lưng núi gió mây liền mặt đất.
Lùm cúc hai độ khai hoa đôi dòng lệ ngày nào,
Con thuyền lẻ loi nút buộc mối tình quê cũ.
Nơi nơi giục giã đao thước may áo rét,
Tiếng chày chiều dồn dập thành cao Bạch Đế.

Mùa xuân năm 765 Đỗ Phủ chạy loạn đến thị trấn Vân An (phía đông Thành Đô bên cạnh sông Dương Tử) và vì đau ốm nên ông phải nằm lại ở đây hai năm rồi mới gượng xuôi đường xuống Quý Châu với mong ước được trở về quê nhà xa cách vạn dặm. Nhưng ông lại bị mắc kẹt ở đây cho đến mùa xuân 768. Chiến loạn tái diễn khiến cho Đỗ Phủ đành phải tiếp tục lênh đênh trên

chiếc thuyền cùng gia đình suốt hai năm trời. Và rồi vào một ngày đông năm 770, đại thi hào Trung Hoa đã trút hơi thở cuối cùng trên chiếc thuyền thay nhà đó. Chùm thơ *Thu hứng* tám bài được viết năm 766 ở thành Quý Châu kết tinh tất cả hồn thơ của một con người suốt đời ưu lo cố quốc, nhưng nhớ cố hương...

Nỗi niềm của thi nhân tập trung ở liên thứ ba bài thơ. Cách hiểu thông thường đối với liên thơ này là “Khóm cúc nở hoa đã hai lần (khiến) mắt tuôn dòng lệ hôm xưa – Con thuyền lẻ loi buộc mãi tấm lòng nhớ nhung vườn cũ”.

Có người nói Đỗ Phủ tả thực nơi nhà thơ tạm trú, ở đó đúng là có nhiều hoa cúc dại. Nhưng tại sao lại nói “lưỡng khai” (*nở lần thứ hai hoặc hai lần cúc nở*)?

Cũng có người luận giải rằng nhà thơ thấy cúc nở bên sông và bỗng nhớ lại mùa thu năm trước ở Vân An – chặng dừng chân đầu tiên của chuyến phiêu lạc mới. Đã hai lần thu cúc nở nơi đây mà mình vẫn như đang quanh quẩn ở miền đất này. Hãy tưởng tượng khóm cúc đang nở phô ra những giọt sương nước mắt ngày nào. Nhưng “tha nhật” vừa có thể chỉ quá khứ mà cũng có thể chỉ tương lai. Nhà thơ như cùng một lúc nhớ đến nỗi khổ mà mình đã trải hai năm qua đồng thời lại nghĩ ngay đến nỗi lo ngày mai. Nhà thơ nhìn cúc nở và rơi lệ nghĩ tới bước đường khổ ải sắp tới.

Lại còn có cách hiểu nữa cho rằng Đỗ Phủ nhìn khóm cúc nở, nghĩ mình sẽ xa rời nơi này và sau này vào một ngày nào đó (*tha nhật*) nhớ lại những bông cúc bây giờ mà rơi nước mắt. Tương tự, cấu trúc câu thơ thứ sáu nhấn mạnh sự đối sánh giữa một bên là hình ảnh con thuyền bị buộc chặt với một bên là niềm khát khao trở về quê nhà. Con thuyền buộc chặt vào bờ đó cũng giống như trái tim nhà thơ bị buộc chặt vào “cô viên” (mảnh vườn xưa).

Mấy bản dịch sau đây có thể gợi cho bạn một vài cách cảm nhận thơ khác chăng?

*Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.*
(Nguyễn Công Trứ)

*Đôi chòm cúc nở tuôn dòng lệ,
Một chiếc thuyền neo nhớ cố hương.*
(Lê Nguyễn Lưu)

*Hai mùa cúc nở còn vương lệ,
Một chiếc thuyền tình mãi sắt son.*
(Thích Quảng Sự)

Lệ cũ nở hai mùa cúc đó,
Lòng quê buộc một chiếc thuyền đây.
(Khương Hữu Dụng)

Con thuyền buộc mối tình nhà,
Hai lần cúc nở, lệ sa hai hàng.
(Trần Trọng Kim)

Khóm cúc còn khơi dòng lệ tủi,
Tình quê mãi buộc chiếc thuyền này.
(Phụng Hà)

Tùng cúc hai lần rơi lệ uất,
Đò đờn một độ khóc quê rờng.
(Hải Đà)

Hai lần khóm cúc khơi nguồn lệ,
Một lượt con thuyền trối dấu yêu.
(Phí Minh Tâm)

Một chiếc thuyền đờn tình cũ buộc,
Hai phen cúc nở lệ xưa đây.
(Bùi Khánh Đản)

Dù sao “cô chu” là ở Quỳ Châu lẻ loi nơi này, mà “cố viên” là ở Trường An xa xôi nơi kia. Nhà thơ, thân trên con thuyền lẻ loi neo buộc nơi đây, mà lòng để nơi vườn cũ chốn xa bên trời. Sự sắp xếp hai hình ảnh “cô chu” và “cố viên” hai đầu câu thơ như thể một cách mô phỏng sự cách trở chia lìa giữa hai địa điểm không gian trong thực tế. Một ý vị chua chát nhuộm đầy chữ “hệ” (thất buộc) giữa câu – chính là vì con thuyền bị buộc chặt nơi đây mà quê hương biết lúc nào về được!

Luyện tập chung cả bài

1. Thảo luận: Cuộc đời và hoàn cảnh sống của các nhà thơ phương Đông ảnh hưởng gì đến cách làm thơ của các nhà thơ Trung Hoa và Việt Nam xưa?
2. Thảo luận: Hãy so sánh các tứ thơ của những bài thơ của các nhà thơ Trung Hoa và Việt Nam xưa. Các tứ thơ đó có gì giống nhau?
3. Mời các bạn dịch lại một số bài thơ đã đọc theo cảm hứng của mình. Trao đổi các bản dịch với nhau. Nếu thích, các bạn có thể in ra thành tuyển tập của lớp mình và của trường mình.
4. Mời các bạn tự chọn một trong những chủ đề đem thảo luận bên trên, và viết đoạn văn năm câu mở rộng, hoặc viết thành tiểu luận. In thành kỷ yếu *Thơ phương Đông trong lòng em* của lớp mình và của trường mình.

BÀI 3

GIẢI MÃ THƠ PHƯƠNG TÂY

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 7 thân mến,

Sau khi đã học về giải mã thơ trữ tình, lại được học dần từ ca dao sang thơ phương Đông, nay các bạn học những minh họa về thể trữ tình qua thơ phương Tây – và phải học qua bản dịch.

Trong các thể loại nghệ thuật, thơ là loại khó nhất. Cái khó nằm ngay trong hai định nghĩa về thơ.

Định nghĩa thứ nhất, các bạn đã học bằng trải nghiệm cảm tính từ Lớp 1 và từ Lớp 6 các bạn bắt đầu học có ý thức: *“Thơ là biểu đạt trong sáng của những cảm xúc rối bời”*.

Định nghĩa thứ hai, về cách nói những cảm xúc rối bời đó: Nói một cách ngắn gọn, nói bằng những từ ngữ chất lọc, lại còn nói một cách du dương nữa, đọc một bài thơ lên mà nghe như là nghe hát ấy!

Người Việt đọc thơ tiếng Việt đã khó. Đọc thơ phương Tây, càng khó. Vì sao? Vì chỉ có một số người có thể đọc thơ phương Tây qua ngôn ngữ các nước phương Tây. Còn lại, đều phải đọc thơ phương Tây qua các bản dịch sang tiếng Việt. Ở đây, chúng ta gặp một luật ngôn ngữ học về *nội lực một ngôn ngữ*. Không nhà ngôn ngữ học nào giải thích được “nội lực” của ngôn ngữ là gì. Nhưng người ta dùng cách định nghĩa hành động như sau: hãy thử dịch thơ từ tiếng nước này qua tiếng nước khác thì biết thế nào là nội lực của một ngôn ngữ.

Khi dịch thơ, không thể mở rộng lời dịch để cho rõ nghĩa, mà phải tôn trọng số tiếng của một câu thơ. Bản gốc gồm mấy từ bao nhiêu âm tiết, lên xuống mấy dòng, thì sang bản dịch, số từ và số âm tiết cũng như số dòng cũng chỉ nên xê dịch rất ít. Nếu không, bản dịch bài thơ sẽ trở thành một tác phẩm khác thuộc một thể loại khác. Chưa kể đến việc “dịch” sao cho đầy đủ những màu sắc văn hóa dân tộc, những yếu tố lịch sử làm nền cho bài thơ, cả những nét cá tính của nhà thơ khi dùng chữ...

Khó khăn cuối cùng khi học thơ dịch đó là bản dịch phụ thuộc vào cách

hiểu, cách cảm nhận, và cả năng lực dùng chữ của người dịch. Bạn sẽ hiểu vì sao sách này dùng bài thơ Cầu Mirabeau của Guillaume Apollinaire với những bản dịch khác nhau để bạn tự học.

Lời gợi ý để dặn dò bạn: Nên chẳng bạn tự mình dịch một câu, dịch một đoạn, dịch vài đoạn của một bài thơ nào đó trong phần tự luyện tập...

*

* *

Thơ Guillaume Apollinaire (Pháp)

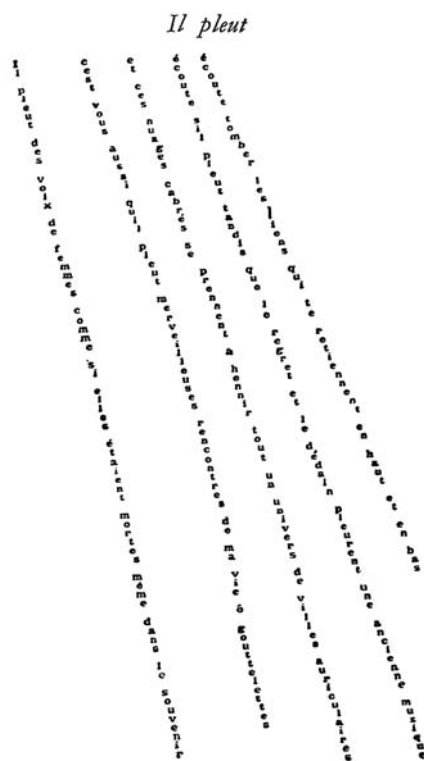
Thơ Guillaume Apollinaire đập vào *ấn tượng* người nghe và đọc thơ ông. Hẳn bạn còn nhớ bài thơ *Trời mưa* bên cạnh là của nhà thơ Pháp Guillaume Apollinaire mà bạn đã học thao tác tưởng tượng trong sách Văn Lớp 2 Cánh Buồm. Bài thơ chỉ gồm hai tiếng *trời mưa* nhưng kéo dài trong lòng chúng ta *ấn tượng* từng giọt từng giọt như ta nhìn thấy mưa ngoài trời và như ta “nhìn thấy” cả tiếng mưa rì rào. Không khác lắm với hình ảnh trong ca dao Việt Nam, *Trời mưa bong bóng phập phồng, Mẹ đi lấy chồng con ở với ai...* Hoặc như *ấn tượng* nhà thơ Dương Tường đã viết, *Những ngón tay mưa dương cầm trên mái...*

Guillaume Apollinaire (1880–1918) là nhà thơ Pháp rất nổi tiếng đầu thế kỷ 20. Năm 1907, ông gặp và yêu nữ họa sĩ Marie Laurencin, một mối tình vừa nồng nhiệt vừa nhiều sóng gió, cho đến năm 1912 thì họ chia tay nhau. Ông viết bài thơ này sau đó, một bài thơ tình buồn kinh điển của văn chương Pháp.

Bài thơ là một độc thoại của tác giả về cuộc tình vừa qua đi.

Phiên khúc đầu: Một người đứng cô đơn trên cầu Mirabeau nhìn dòng nước sông Seine trôi và nhớ lại...

Phiên khúc hai:... Lúc họ yêu nhau, cùng đứng trên cầu, hai đôi cánh tay



nổi nhau giờ cao như chiếc cầu, nói lên ước vọng về một tình yêu bền vững. Nhưng sóng nước thì lại hờ hững như một đêm không lành.

Phiên khúc ba: Thế rồi đến lúc tình yêu đã rời đi quá xa, bản thân người đàn ông có cảm giác bất lực, thấy cuộc đời quanh mình sao diễn ra quá chậm chạp, vừa hy vọng mãnh liệt.

Phiên khúc cuối: Nhưng rồi với thời gian, phải chấp nhận sự đổ vỡ, và người nhớ lại chuyện tình đó có thể bình thản quay về hiện tại, đứng trên cầu Mirabeau nhìn dòng sông Seine đang trôi qua...

Đã có nhiều bài thơ nói về tình yêu đổ vỡ. Bài thơ *Cầu Mirabeau* này mô tả tình cảm con người một cách rất cô đọng và tinh tế, nếu chỉ hiểu trong ý đó. Nhưng đây không phải chủ đề thực của bài thơ này. Bài thơ này là một tuyệt tác vì những suy tưởng sâu xa về thời gian và con người, được hiện rõ trong hai câu điệp khúc, *Đêm hãy về giờ cũ điếm, Trôi tháng ngày ta còn đây...* vừa miên man vừa sâu lắng trong cả bài thơ, lại vừa lộ ra trong hình thức hồi quy (lặp đi lặp lại) của nó.

Bạn sẽ gặp ở khắp nơi hình thức thơ có phiên khúc và điệp khúc hồi quy như ở bài thơ này. Những điệp khúc đó gây ấn tượng gì cho bạn? Bạn nghĩ gì khi hát hoặc khi nghe một bản nhạc và cũng gặp những điệp khúc như thế?

Cầu Mirabeau

(Bản dịch của Hoàng Hưng)

Dưới cầu Mirabeau trôi dòng Seine

Cả tình ta nữa

Chẳng biết anh còn nên nhớ?

Niềm vui lại đến sau nỗi ưu phiền

Cho đêm cứ về cho giờ cũ điếm

Tháng ngày đi anh vẫn còn đây

Cứ mặt nhìn mặt cứ tay cầm tay

Cánh tay mình kết cầu này

Cho làn nước dưới kia chạy trốn

Những ánh nhìn muôn thuở chán chường thay

Cho đêm cứ về cho giờ cũ điếm

Tháng ngày đi anh vẫn còn đây

Thời gian ra đi như nước kia tuôn chảy
Thời gian ra đi
Cuộc đời sao mà chậm rì
Hy vọng sao mà dữ dội
Cho đêm cứ về cho giờ cứ điểm
Tháng ngày đi anh vẫn còn đây
Ngày qua rồi lại tuần qua
Mà quá khứ không trở về
Mà những cuộc tình không trở lại
Dưới chân cầu trôi mãi dòng Seine
Cho đêm cứ về cho giờ cứ điểm
Tháng ngày đi anh vẫn còn đây

Cầu Mirabeau

(Bản dịch của Đặng Tiến)

Dưới cầu Mi-ra-bô xuôi sông Xen
Và tình ta
Cần chăng mà nhớ mãi
Buồn sẽ qua và niềm vui trở lại
Hãy đến đêm hãy điểm giờ
Ngày tháng trôi tôi chờ vơ
Tay trong tay cùng nhìn nhau đối diện
Dưới vòng tay
Bắc cầu mãi trôi đi
Làn sóng một nhòai ánh nhìn vĩnh viễn
Hãy đến đêm hãy điểm giờ
Ngày tháng trôi tôi chờ vơ
Tình ra đi như con nước xuôi dòng
Tình ra đi
Đời sao là chậm chạp
Và sao là khốc liệt nỗi chờ mong

Hãy đến đêm hãy điểm giờ
Ngày tháng trôi tôi chờ vơ
Ngày lại qua ngày tháng tháng cũng qua
Thời gian qua
Như tình không trở lại
Dưới cầu Mi-ra-bô xuôi sông Xen
Hãy đến đêm hãy điểm giờ
Ngày tháng trôi tôi chờ vơ

Cầu Mirabeau

(Bản dịch của Hàn Thủy)

Dưới cầu Mirabeau sông Seine trôi
Tình đôi ta
Nỗi chìm sao bổng nhớ
Nỗi buồn đi qua lại có niềm vui
Giờ mỗi điểm và đêm mỗi rơi
Ngày tiếp ngày đi ta còn đây
Tay nắm tay đôi ta đứng nhìn nhau
Tay bắc cầu
Sóng nước trôi hờ hững
Có gì đâu vẫn ánh mắt thiên thâu
Giờ cứ điểm và đêm cứ rơi
Ngày tiếp ngày đi ta còn đây
Tình đã rời xa như nước trôi mau
Tình đã rời
Bước đời sao quá chậm
Và hy vọng bùng lên mãnh liệt sao
Giờ hãy điểm và đêm hãy rơi
Ngày tiếp ngày đi ta còn đây
Ngày tháng dần qua sau những tháng ngày
Thời gian cũ

Và tình không trở lại
Dưới cầu Mirabeau sông Seine trôi
Giờ vẫn điếm và đêm vẫn rơi
Ngày tiếp ngày đi ta còn đây

Cầu Mirabeau

(Bản dịch của Châu Diên)

Dưới chân cầu Mirabeau dòng sông Seine trôi đi
Và tình ta trôi đi
Nên chẳng cần nhắc nhớ
Những lần vui sau những nỗi ưu phiền
Đêm hãy về giờ cũ điếm
Trôi tháng ngày ta còn đây
Tay trong tay mặt nhìn mặt
Khi dưới chân cầu
của đôi cánh tay đôi ta
sóng sao mà mỗi một vì những cặp mắt muôn đời
Đêm hãy về giờ cũ điếm
Trôi tháng ngày ta còn đây
Cuộc tình trôi đi như dòng kia nước xiết
Cuộc tình trôi đi
Cuộc đời sao mà mỗi một
Và hy vọng sao mà hung hăng
Đêm hãy về giờ cũ điếm
Trôi tháng ngày ta còn đây
Ngày qua tháng lại rồi tháng lại ngày qua
Cả thời gian những ngày qua
Cả những tình đời chẳng hề quay lại
Dưới chân cầu Mirabeau dòng sông Seine trôi đi
Đêm hãy về giờ cũ điếm
Trôi tháng ngày ta còn đây

Luyện tập - Tự đọc, suy ngẫm riêng, và cùng suy ngẫm

1. Đọc bài thơ Guillaume Apollinaire, bạn có tâm trạng gì để chia sẻ? Bạn đã khi nào có tâm trạng hồi hộp của một tình cảm khác với tình cảm gia đình, với mẹ cha, với ông bà và anh chị em? Nếu bạn chưa trải nghiệm tình cảm “khác lạ” kia, thì bạn hãy cố đặt mình vào tình cảm người đang yêu...
2. Trong nguyên bản, ở phiên khúc 1, có một người đàn ông đứng nhìn nước sông trôi và nhớ đến *những tình yêu của chúng ta (nos amours)* cũng đã trôi đi. Tại sao lại là số nhiều? Dịch giả Hàn Thủy liên tưởng tới những trận cãi cọ vặt ròi lại làm lạnh. Bạn có thấy sự trong sáng của tâm hồn hai người yêu nhau trong mối quan hệ đẹp đến thế không? Nó khác gì với tình yêu ích kỷ? Mặt khác, bạn có thể liên tưởng gì nữa khi nguyên bản ở phiên khúc này nói về tình yêu ở số nhiều?
3. Bạn còn nhìn nhận thấy những hình ảnh nào nữa ở các phiên khúc 2 và 3 về tình yêu đã có và đã mất? Hình ảnh nào đan xen giữa quá khứ hạnh phúc và hiện tại cô đơn của người đàn ông? Bạn hãy so sánh bốn bản dịch và thấy cách hiểu và cách cảm nhận của bốn dịch giả có khác nhau không? Khác nhau ở cách dùng chữ như thế nào? Khác nhau trong âm điệu khi các dịch giả chuyển sang tiếng Việt như thế nào?
4. Bạn hãy đọc và thuộc điệp khúc của bài thơ. Trong các bản dịch, điệp khúc nào dễ thuộc? Nhưng dễ thuộc vẫn chưa chắc là đã đúng ý tác giả. Bài thơ này có rất nhiều người đã dịch sang tiếng Việt. Bạn vào mạng sẽ còn thấy vô khối người dịch nó sang tiếng nước khác. Ở Việt Nam, nhà thơ Tế Hanh dịch: “Giờ đã điểm, đêm đã tới”, nhà thơ Xuân Diệu dịch “Đêm sang rồi, thời khắc đổi thay”... Nếu bạn dịch, bạn sẽ dịch như thế nào?
5. Bài tập cuối, rất quan trọng, cũng lấy từ gợi ý của dịch giả Hàn Thủy: Chủ đề bài thơ này là gì? Tình yêu đã mất chỉ là “câu chuyện” trên bề mặt, ai cũng thấy. Còn chủ đề toát ra từ “câu chuyện” đó là gì? Dịch giả Hàn Thủy gợi ý: Có phải bài thơ nói về thời gian không? Vậy thời gian là gì? Là sự tiếp nối không cùng của sự sống? Là hiện tại và quá khứ và cả tương lai trong một khoảnh khắc thơ? Ý của bạn thế nào?

Bài tự đọc

Con đường mình không chọn (The Road not Taken)

Robert Frost, nhà thơ Mỹ,

Giữa cánh rừng vàng đường chia hai ngã
Tiếc mình không đi được cả hai
Ta du khách ngập ngừng đứng đó
Đôi nhìn theo một ngã đường dài
Cho tới nẻo đường ngoặt vào dưới lá

Thế rồi ngã đường kia ta chọn
Cũng thế thôi, nhưng có lẽ hay hơn
Vì cỏ dày mời mọc bước chân
Dẫu hai lối người đi
Cũng mòn như nhau cả

Cả hai lối nằm trong buổi sớm
Lá cỏ chưa đen vết chân người
Ồ, có ngày ta sẽ đi lối trước
Dẫu biết rằng đường dẫn bước phiêu du
Liệu có bao giờ mình trở lại

Ta sẽ thở dài trong câu chuyện kể
Thuở nào thuở nao ở một chỗ nào
Trong một cánh rừng có hai ngã rẽ
Ta đã chọn ngã đường vắng vẻ
Chỉ thế thôi mà tất cả khác vơi.

(Hoàng Hưng dịch)

Con đường không đi

Ngã ba chia đôi trong rừng ngã vàng,
Ôi, sao buồn thay, chẳng dám băng ngang,
Kẻ lữ hành này hồi lâu đứng đợi
Mắt ta nhìn xuôi hồi lâu ngẫm ngợi
Phía những con đường lúp xúp cỏ cây.

Đặt bước phía kia, ở thôi cũng phải,
Có khi lòng ta muốn thế không chừng,
Đường ngập cỏ và chân xui bước,
Cho dù đường nọ ta cùng ao ước
Chừng ấy sắc màu mời mọc bước đi,

Cả hai con đường nằm đó sớm mai
Không một bước chân đặt lên cỏ thẫm.
Ồ, một ngày nào đặt bước đường kia!
Chưa biết nẻo nao dẫn tới lối nào
Ngờ ngộ có khi còn cần quay bước.

Ta sẽ nói ra trong tiếng thở dài
Quanh quất tháng năm năm tháng hủy hoại:
Ngã ba chia đôi đường trong rừng vắng
Còn ta,
Ta đi lối mòn ít chân kẻ dẫm
Điều đó bình thường mà nặng lắm thay.

(Châu Diên dịch)

Thay phần luyện tập – Cùng dịch thơ (1)

Năm học 2014–2015, cô giáo Phạm Hải Hà mời các bạn học sinh Lớp 5 của cô (Trường Olympia, Hà Nội) cùng dịch bài thơ tiếng Anh sau. Xin lưu ý cách dịch khác nhau, nhất là cụm từ *Like a lost lover* trong nguyên tác. Mời các bạn đọc thêm, và cùng hưởng ứng dịch nối tiếp. Đây là cuộc vui để hiểu thêm cách tự giải mã thơ trữ tình.

Night in the garden

*Moonlight drops softly
From small flowers. Night wind sings
Like a lost lover*

(Gele Mehlam 17 tuổi, lớp 11, Ohio)

Mặt trăng nhẹ nhàng lặn
Từ những cánh hoa nhỏ. Gió cất lời
Gửi người tình đã mất
(Ánh Minh dịch)

Ánh trăng mờn man
Gió cất lời từ những nụ hoa
Như người tình xưa
(Anh Kiệt dịch)

Ánh trăng nhẹ rơi
Từ nhành hoa nhỏ. Gió và đêm cùng hát
Như chuyện tình đã qua
(Gia Kiên dịch)

Ánh trăng rớt xuống nhẹ nhàng
Từ bông hoa nhỏ. Đêm về gió hát
Như người tình lạc mất nhau.
(Thùy Trang dịch)

Ánh trăng từng giọt nhẹ rơi
Từ bông haa nhỏ, gió cất lời
Nó hát về người yêu đã mất.
(Ngô Minh Hà dịch)

Cùng dịch thơ (2)

No Man Is An Island

John Donne (1572–1631)

*No man is an island, entire of itself:
Every man is a piece of the continent,
A part of the main.*

*If a clod be washed away by the sea,
Europe is the less,
As well as if a promontory were,
As well as if a manor of thy friend
Or of thine own, were.*

*Any man's death diminishes me,
Because I am involved in mankind;
And, therefore, never send to know
For whom the bell tolls:
It tolls for thee.*

Con người đâu phải là đảo vắng

*Con người đâu phải là đảo vắng,
Một mình một cõi tự thân:
Mỗi người là mảnh nhỏ của đại châu;
Một phần trong toàn bộ.*

*Một hòn đất trôi ra biển cả
Còn làm cho lục địa nhỏ đi;
Hướng hồ chi bờ kia bãi nọ,
Hướng hồ chi nhà bạn, nhà tôi.
Mỗi người chết đi đều làm tôi se thắt,
Bởi vì tôi can dự thế gian này;
Và, cho nên, đừng bao giờ gạn hỏi
Tiếng chuông kia đang gọi hồn ai:
Tiếng chuông đang chiêu hồn bạn đấy.
(Trần Ngọc Cư dịch)*

Không ai là một hòn đảo

Không ai là một hòn đảo của bản thân mình:

Mỗi người là một phần của lục địa

Một phần của lớn lao

Nếu đất bị biển bào mòn

Châu Âu sẽ chỉ còn là vùng đất nhỏ

Cũng như một đôi đất

Và cũng như một lãnh địa của người bạn với Chúa

Hoặc của riêng anh

Cái chết của bất kỳ ai đều làm tôi bé lại

Bởi vì tôi tham gia vào nhân loại

Do vậy, đừng bao giờ nhờ ai hỏi

Tiếng chiếc chuông đang nguyện cho ai

Nó nguyện cầu cho chính bạn...

(Ngọc Minh – Lớp 6 dịch)

Không ai là một hòn đảo

Không ai là một hòn đảo, chỉ riêng của chính mình

Mỗi người – một phần nhỏ của lục địa – một phần nhỏ của điều lớn hơn

Nếu hòn đất được cuốn đi bởi biển

Châu Âu cũng thu dần

Cũng như một doi đất

Cũng như một người bạn

Hoặc vật của riêng mình

Cái chết của bất cứ ai đều làm tôi giảm bớt

Vì tôi là một phần của nhân loại

Và, vì vậy, không bao giờ nên cố biết

Chuông nguyện hồn ai

Nó là nguyện hồn ta...

(Thùy Trang – Lớp 6 dịch)

Cùng dịch thơ (3)

Chemins de traverse

Aude Genet

Ce soir on broie du noir dans les rues de Hanoi. Un graffiti a disparu. Un graffiti bien bon enfant, blague de potache quy écorchait l'œil de certains. Un graffiti pourtant bien doux à ceux des autres.

Ce soir on broie du noir dans les rues de Hanoi. Un graffiti a disparu.

Ce soir on ne ferme pas l'œil dans les Hauts-Plateaux. L'alcool de riz s'évapore. La route était longue et escarpée. La maison au bout du chemin au bout du monde. Repoussée toujours plus loin dans les montagnes. Si loin si dénudée. Si chaleureuse.

Ce soir on ne ferme pas l'œil dans les Hauts-Plateaux. L'alcool de riz s'évapore.

Mais ce soir on n'a pas le temps il faut travailler. Travailler, travailler, encore et toujours. Les enfants comptent sur leur infatigable maître. Quy sinon pour leur apprendre. Le temps presse. Les petits poussent sans attendre. Le temps file le temps presse.

Ce soir on n'a pas le temps il faut travailler. Travailler travailler, encore et toujours.

Un poète-rêveur, un chercheur-marcheur, un professeur contre tous les vents. Dors tranquille, belle ville, tu es en de bonnes mains.

J'ai un jour croisé des singes à Hanoi, quy plus jamais ne m'ont quittée. Des hommes nés sous le signe du singe que leurs singeries rendaient bien sages. Ils ne semblaient avoir qu'un but: que la nuit passe et que tous se réveillent un peu plus heureux. Quy au fond ne semblaient croire qu'en la vie qu'en l'homme. A tel point que jamais le plus noir de tous les soirs ne restait jamais si noir quand un calembour passait par là.

Sages singes quy avaient décidé que rien n'a de sens sans les autres, qu'on se ressource auprès des plus jeunes, des plus pauvres. Que ce quy compte, c'est de se rester fidèle, contre tout cynisme, et transmettre, transmettre, transmettre. Apprendre, apprendre à observer, apprendre à écouter. Apprendre et apprendre. Pour toujours construire, jamais détruire.

Tiens, mais il y a bien ce soir un livre encore à traduire. Une tranche de vie à écrire. Ou serait-ce un manuel?

*Un béret s'éloigne,
Une chemise débraillée,
Les bras sont dessus-dessous,
Une pirouette pour la route,
Dors belle ville tranquille dans ta chaude moiteur,
Les singes sont à pied d'œuvre,
Mais n'oublie pas la relève.*

Ruổi rong

Chiều nay, buồn nhuộm sẫm phố phường Hà Nội. Một mảng tranh tường đã biến mất. Một bức tranh graffiti hồn nhiên, đùa bỡn kiểu học trò, ngửa mắt một số người, nhưng lại ngon mắt một số khác. Chiều nay, buồn nhuộm sẫm phố phường Hà Nội. Một mảng tranh tường đã ra đi.

Chiều nay, trên Tây Nguyên, ta không sao nhắm mắt. Ly rượu nồng bay hơi.

Con đường dài hun hút, và khúc khuỷu. Ngôi nhà tận cuối đường, tận cuối đất cùng trời, vẫn bị đẩy sâu thêm vào rừng thẳm. Tít tắp thế, quạnh quẽ thế, mà sao nồng ấm thế.

Chiều nay, trên Tây Nguyên, ta không sao nhắm mắt. Ly rượu nồng bay hơi.

Nhưng chiều nay, họ đâu có thì giờ. Phải làm việc. Tiếp tục làm việc và luôn luôn làm việc. Bọn trẻ trông cậy ở người thầy không biết mệt của chúng. Nếu không, lấy ai dạy chúng. Thời gian gấp gấp ruổi rong. Bọn trẻ lớn như thổi không chờ đợi. Thời gian vùn vụt trôi, thời gian gấp gấp ruổi rong.

Chiều nay, họ đâu có thì giờ. Phải làm việc. Tiếp tục làm việc và luôn luôn làm việc.

Một thi sĩ mơ mộng, một nhà nghiên cứu miệt mài, một giáo sư đương đầu với mọi chiều gió. Hãny ngủ yên, thành phố xinh đẹp, người đang được giao phó cho những bàn tay đáng tin cậy.

Một hôm, ở Hà Nội, tôi gặp mấy “chú khỉ” và từ đó, họ không bao giờ rời khỏi tâm trí tôi nữa. Những người sinh năm Khỉ, sở hữu chất linh lợi của khỉ, khiến họ rất mực sáng tuệ. Họ dường như chỉ có một mục đích: làm cho đêm mau qua và mọi người trở dậy hạnh phúc hơn chút đỉnh. Những người, thực ra, dường như chỉ tin

vào cuộc sống, vào con người. Tới mức buổi chiều buồn nhất trong những chiều buồn cũng thôi không buồn đến thế nữa khi một ngón chơi chữ dí dỏm rót đúng chỗ. Những “chú khi” sáng tuệ đã quyết định rằng mọi thứ đều vô nghĩa nếu không có những người khác, rằng phải tự nạp thêm năng lượng bên những người trẻ hơn, những người nghèo hơn. Rằng điều quan trọng là luôn trung thành với chính mình, chống lại mọi thái độ hoài nghi yếm thế, và truyền đạt, truyền đạt và truyền đạt. Học, học quan sát, học lắng nghe. Học và học. Để luôn luôn xây dựng, không bao giờ hủy hoại.

Thế đấy, những chiều nay, còn có một cuốn sách phải dịch. Một đoạn đời phải viết. Hay một cuốn sách giáo khoa phải hoàn chỉnh?

Một chiếc mũ bê-rê xa dần.

Một chiếc áo sơ-mi phanh ra.

Tay khoác tay.

Nhón chân xoay một vòng để lên đường.

Thành phố đẹp xinh, hãy ngủ yên trong xâm xấp hơi nồng.

Những “chú khi” đã sẵn sàng vào việc.

Nhưng đừng quên lớp người kế tục.

(Dương Tường dịch)

BÀI 4

THƠ TRỮ TÌNH HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 7 thân mến,

Trong sách Văn Lớp 7 các bạn đang học đây, phần học về thơ trữ tình là phần rất khó – trong đó thơ trữ tình hiện đại Việt Nam lại là phần khó nhất! Rồi đây, các bạn sẽ học về kịch nghệ và về thể tự sự. Các bạn rồi sẽ thấy hai thể loại này *tương minh* rất nhiều so với *tính chất kín* của thơ trữ tình.

Kịch nghệ và tự sự *giải bày* tương đối rõ ra bên ngoài khiến ai ai cũng thấy ngay chuyện gì đang xảy ra, và cả những điều gì đang diễn ra trong lòng các nhân vật. Thậm chí gần như nhiều khi nhà văn còn mô tả khá đầy đủ những gì cần nói với người xem kịch và người đọc sách.

Thơ trữ tình không như vậy. Nhà thơ nói nỗi niềm mình bằng những lời hết sức ngắn, tiết kiệm – tuy cũng “nói” đầy mà như người không muốn nói, như người nói ngập ngừng vì không muốn dốc hết tâm tình mình ra.

Nhưng chính vì thế mà chúng ta càng cần phải học thơ. Sách này dắt dẫn các bạn từng bước:

- (1) Trước hết, biết một cách tổng quát nhất *thơ trữ tình* là gì;
- (2) Tiếp theo là dùng ca dao (*trữ tình truyền miệng*) để có những minh họa tương đối dễ về thơ trữ tình;
- (3) Sau đó, dùng cách biểu đạt trữ tình của *thơ phương Đông* để đi sâu thêm vào tính kín đáo của thơ trữ tình;
- (4) Bước tiếp theo nữa, đưa các bạn đến với cách biểu đạt “kín theo kiểu khác” của *thơ phương Tây*;
- (5) Bước cuối cùng mới đưa các bạn đến với *thơ trữ tình hiện đại Việt Nam*.

Thơ trữ tình hiện đại Việt Nam khởi đầu với những nỗ lực thoát ra khỏi khuôn khổ thơ phương Đông theo mẫu thơ Trung Hoa. Cuộc đổi thay to lớn đó thể hiện trong thơ trữ tình của phong trào Thơ mới.

Các bạn cần nắm chắc những điều sau khi học bài này:

(1) Thơ mới có *cách biểu đạt* mới khác hẳn với thơ Trung Hoa (và thơ Việt Nam theo mẫu Trung Hoa) như thế nào.

(2) Vì sao có phong trào Thơ mới đó.

(3) Thơ mới kéo dài sang thời chúng ta đang sống như thế nào.

Mời các bạn cùng học.

Mở đầu – Về một cách biểu đạt thơ khác

Các bạn hãy xem hình bên: đó là sách *Thi nhân Việt Nam* của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh (viết chung với Hoài Chân). Tuy tên gọi là *Thi nhân Việt Nam*, nhưng sách không nói về tất cả các nhà thơ Việt Nam từ xưa tới khi sách này ra đời vào năm 1942. Sách này chỉ nói đến những nhà thơ Việt Nam trong trào lưu gọi bằng *Thơ mới* nở rộ ở nước ta và lên đến đỉnh cao vào những năm 1930–1941.

Đến với các nhà Thơ mới, chúng ta gặp ngay một cách biểu đạt mới.



1. Mới và khác về hình thức

Chẳng hạn, trong mẫu thơ Trung Hoa cũ, chúng ta chưa bao giờ gặp những câu thơ không chịu theo vần và không theo luật lệ *Bát cú*, *Tứ tuyệt*... đã sống “mẫu mực” cả nghìn năm, như sau:

Mùa đông

(Cánh đồng An Cựu)

Lá bàng

Như lá vàng

Rụng

Ôi! Đều hiu

Cảnh chiều
 Đông!
 Ruộng ngập mênh mông
 Nước phẳng
 Cò bay, yên lặng
 Quanh đồng.
 Thi tứ viễn vông:
 Thần Tượng tượng
 Như đàn cò đôi lượn
 Đồng không.

(Nam Trân, Huế đẹp và thơ, 1935)

Sương rơi

Sương rơi
 Nặng trĩu
 Trên cành
 Dương liễu
 Những hơi
 Gió bắc
 Lạnh lùng
 Hiu hắt
 Thấm vào
 Em ơi
 Trong lòng
 Hạt sương
 Thành một
 Vết thương!...

Rồi hạt
 Sương trong
 Tan tác
 Trong lòng,
 Tả tơi!
 Em ơi!
 Từng giọt
 Thánh thót,
 Từng giọt
 Điều tàn
 Trên nắm
 Mồ hoang!...

Rơi sương
 Cành dương
 Liễu ngã
 Gió mưa
 Tơi tả
 Từng giọt,
 Thánh thót,
 Từng giọt,
 Tơi bời,
 Mưa rơi,
 Gió rơi
 Lá rơi,
 Em ơi!...
 (Nguyễn Vỹ, 1935)

1.1. Phá thể thơ cũ

Trong luật thơ Trung Hoa cổ điển, thể thơ phổ biến là bát cú (thất ngôn bát cú) và tứ tuyệt (cả thất ngôn lẫn ngũ ngôn). Các nhà thơ, nhà nho Việt Nam đã

theo đúng luật thơ đó nhiều trăm năm và từng phá thể và đã tìm cách biểu đạt riêng.

Nhưng phải đến phong trào Thơ mới thì sự phá thể mới hoàn thiện. Các bài thơ sau tuy vẫn “ngũ ngôn” nhưng không dừng lại ở giới hạn bốn hay tám câu:

Tiếng thu

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thốn thức?

Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rừng thu
Lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

(Lưu Trọng Lư, 1939)

Ông đồ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

(Vũ Đình Liên, 1941)

1.2. Thêm thể Thơ mới

Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đều có nền tảng kiến thức mới từ nhà trường Pháp. Ngay cả các nhà nho cũng quay sang học chữ Quốc ngữ và học tiếng Pháp. Vì vậy, Thơ mới còn được bổ sung bằng những câu thơ “tám chân” (mỗi câu tám tiếng hoặc tám âm tiết) cho thơ Việt, làm thay đổi chất du dương của thơ Việt.

Đây là một ví dụ:

Chợ Tết

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh.
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
Người các ấp tung bừng ra chợ tết.
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc;
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
Vài cụ già chống gậy bước lom khom,
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ.
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ,
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu,
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuối theo sau.
Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
Đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh.

Người mua bán ra vào đầy cổng chợ.
Con trâu đứng vờ rím hai mắt ngủ,
Để lắng nghe người khách nói bô bô.
Anh hàng tranh kiu kịt quấy đôi bồ,
Tìm đến chỗ đông người ngồi giờ bán.
Một thầy khóa gò lưng trên cánh phản,
Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.
Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,
Miệng nhẩm đọc vài hàng câu đối đỏ.
Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.
Chú hoa man đầu chít chiếc khăn nâu,
Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu.
Áo cụ lý bị người chen sấn kéo,
Khăn trên đầu đang chít cũng bung ra.
Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà,
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.
Mấy cô gái ôm nhau cười rĩ rươi,
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.
Những mẹt cam đỏ chót tựa son pha.
Thúng gạo nếp đông đầy như núi tuyết,
Con gà trống mào thâm như cục tiết,
Một người mua cầm căng dốc lên xem.

Chợ từng bừng như thế đến gần đêm,
Khi chuông tối bên chùa văng vẳng đánh,
Trên con đường đi các làng hẻo lánh,
Những người quê lũ lượt trở ra về.
Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,
Lá đa rụng tươi bởi quanh quán chợ.

(Đoàn Văn Cừ, 1941)

1.3. Thay đổi cú pháp mỗi câu thơ

Nếu chú ý, bạn sẽ thấy trong thơ cổ điển Trung Hoa (hoặc Việt Nam theo mẫu luật thơ Đường) thì mỗi câu bao gồm một chủ ngữ và một vị ngữ (C-V).

Các bạn hãy tự phân tích cú pháp mỗi câu trong bài *Thu vịnh* (Vịnh mùa thu) của Nguyễn Khuyến:

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

Có thể nói từng câu đều dễ hiểu nhờ cấu trúc C-V về mặt cú pháp. Có khó hiểu chỉ là về những tham chiếu về văn hóa. “Ngỗng nước nào”, nếu không tra cứu hoặc không có người giảng, ta vẫn hiểu đó là đàn chim di trú bay trốn rét từ phương Bắc xuống phương Nam. Còn “thẹn với ông Đào” thì cần học, để biết đó là nhà thơ Đào Tiềm (mời các bạn xem lại phần Bài đọc thêm trong bài *Thơ phương Đông mới học*). Về đại thể, đó là những câu dễ hiểu về cú pháp.

Sang Thơ mới, các nhà thơ đặt câu tự do hơn, phóng túng hơn, có khi muốn hiểu nghĩa, chúng ta cần nối từ câu trên xuống câu dưới, từ câu nọ xuống câu kia. Đây là vài ví dụ – mời các bạn hãy đọc *thầm* xong thì đọc *to* lên, và nhớ đọc nối liền câu thứ nhất với câu thứ hai, nối liền câu thứ ba với câu thứ tư, để thành câu thơ có nghĩa:

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất.
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.

(Trích *Vội vàng*, Xuân Diệu)

Bạn cần đọc liền (những chỗ in đậm) để câu thơ có nghĩa:

Chen lá lục, những **búp nhài mở nửa**
Hớp bóng trăng đầy miệng nhỏ xinh xinh
Vì gió im, và đêm cứ lặng thinh...

(Trích *Hoa đêm*, Xuân Diệu)

Bạn cũng nên đọc liền (những chỗ in đậm) như trong ví dụ này nữa:

Lên bề cao hay đi xuống bề sâu?

*Không biết nữa. **Có chút gì làm ngợp***

***Trong không khí...** hương với màu hòa hợp*

(Trích *Đi giữa đường thơm*, Huy Cận)

2. Phong trào Thơ mới ra đời

Mở đầu công trình *Thi nhân Việt Nam* là một tiểu luận dài có tựa đề *Một thời đại mới trong thi ca* nhằm lý giải những nhân tố khiến cho phong trào Thơ mới ra đời.

2.1. Xã hội trì trệ buộc phải chuyển động

Trước hết, cần phải thấy sự trì trệ của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ 20. Câu mở đầu tiểu luận đánh giá xã hội đó như sau:

“Một xã hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi, về hình thức cũng như về tinh thần. Triều đại tuy bao lần hưng vong, giang sơn tuy bao lần đổi chủ, song mọi cuộc biến cố về chính trị ít khi ba động đến sự sống nhân dân. Từ đời này sang đời khác, đại khái chỉ có bấy nhiêu tập tục, bấy nhiêu ý nghĩ, bấy nhiêu tin tưởng, cho đến những nỗi yêu, ghét, vui, buồn, cơ hồ cũng nằm yên trong những khuôn khổ nhất định. Thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không gian”.

Cái xã hội phong kiến ngưng đọng đó không tự nó thay đổi.

Nền văn minh phương Tây đã xâm nhập vào xã hội trì trệ Việt Nam.

Có những nhân tố bên ngoài buộc xã hội đó không thể “ngang bướng” mãi.

2.2. Sự thâm nhập của văn minh phương Tây

Thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam từng bước. Nhà Nguyễn lui đến đâu, người Pháp chiếm đến đó, và tại đó, người Pháp củng cố chế độ cai trị đồng thời với việc cho thâm nhập hàng hóa phương Tây. Những thay đổi đã khiến một xã hội “ao tù nước đọng” bỗng nhúc nhích chuyển động. Sách *Thi nhân Việt Nam* viết:

“Một cơn gió mạnh thổi từ xa thổi đến. Cả nền tảng xưa bị một phen điên đảo, lung lay. Sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỷ”.

“Trước mắt chúng ta bỗng bày ra những cảnh lạ lùng chưa bao giờ từng thấy. Lúc đầu, ai nấy đều ngơ ngác, không hiểu ra làm sao. Nhưng rồi chúng ta cũng quen dần”.

“Chúng ta ở nhà tây, đội mũ tây, đi giày tây, mặc áo tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng hồ, ô tô, xe lửa, xe đạp,... còn gì nữa! Nói làm sao cho xiết những điều thay đổi về vật chất, phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta! Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống không còn giữ nguyên hình ngày trước. Nào dầu tây, diêm tây, nào vải tây, chỉ tây, kim tây, đinh tây. [...] Một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ, và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan niệm của phương Đông”.

Hàng hóa từ phương Tây không chỉ là áo quần giày dép, nồi niêu xoong chảo, đồ ăn thức uống, những bánh xà-phòng để giặt giũ thay cho quả bồ hòn, những viên thuốc uống khi đau ốm thay cho những bà lang vườn, ngoài ra còn có cả những cuốn sách của các nhà tư tưởng thời Khai sáng phương Tây.

“Sĩ phu nước ta từ xưa vốn chỉ biết có Khổng Tử, bắt đầu dẫn Mạnh-đức-tư-cửu (Montesquieu) với Lư-thoa (Rousseau). Họ bắt đầu viết Quốc ngữ, một thứ chữ mượn của người phương Tây. Câu văn của họ cũng bắt đầu có cái rõ ràng, cái sáng sủa của văn tây. Những tư tưởng phương Tây đầy rẫy trên Đông Dương tạp chí, trên Nam Phong tạp chí, và từ hai cơ quan ấy thấm dần vào các hạng người có học”.

“Người ta đua nhau cho con em đến trường Pháp Việt, người ta gửi con em sang tận bên Pháp. Thế rồi có những người Việt Nam đậu kỹ sư, đậu bác sĩ, đậu thạc sĩ; có những người Việt Nam nghiên cứu khoa học, triết học; và có những người Việt Nam nghĩ chuyện xây dựng một nền học riêng cho nước Việt Nam”.

“Bấy nhiêu sự thay đổi trong khoảng năm sáu mươi năm! Năm sáu mươi năm mà như năm sáu mươi thế kỷ!”

2.3. Tinh thần Thơ mới

Thơ cổ điển không phải là thơ không có giá trị nghệ thuật. Chúng ta đã học và yêu thơ cổ điển. Nhưng thơ cổ điển đã thành ngôi nhà cũ, mà con người hiện đại cần có những ngôi nhà mới. Thơ cổ điển như những ngôi đình đầy ắp kỷ niệm, nhưng con người mới cũng mong ước những câu lạc bộ ở đó các “già làng” sống bình đẳng với con cháu, những nhà hát đủ khang trang để thưởng thức những vở kịch mới và đón chờ những dàn nhạc giao hưởng...

Con người hiện đại khao khát tự do và đòi được giải phóng tinh thần. Sách Thi nhân Việt Nam viết:

“Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa (hay thơ cũ) và thời nay (hay Thơ mới) có thể gồm lại trong hai chữ Tôi và Ta. Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là

thời chữ tôi. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ tôi vẫn giống chữ ta. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau”.

“Lần đầu tiên – ai biết đích ngày nào – chữ tôi xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả.”.

“Bởi vậy cho nên, khi chữ Tôi, với cái nghĩa tuyệt đối của nó, xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu. Nó cứ luôn luôn đi theo những chữ anh, chữ bác, chữ ông đã thấy chương. Huống bây giờ nó đến một mình!”

Vài kết luận về dòng thơ trữ tình hiện đại Việt Nam

Các bạn học sinh Lớp 7 thân mến,

Chúng ta đang đi đến kết luận nào về thơ trữ tình hiện đại nói chung và thơ trữ tình hiện đại Việt Nam?

(1) Có lẽ kết luận đầu tiên cần rút ra, ấy là thơ trữ tình hiện đại Việt Nam đã từng có cuộc rũ mình thoát xác ra khỏi những lề luật của “thơ phương Đông” – hiểu theo nghĩa là dòng thơ định hình từ thơ cổ điển Trung Hoa kết đọng trong thơ luật Đường? Đó là điều đã diễn ra có thật – trong *Thi nhân Việt Nam* ở phần minh họa mấy trăm trang sách tiếp theo đã cho thấy 44 gương mặt tiêu biểu của Thơ mới những năm nửa đầu thế kỷ 20 ở nước ta.

Bốn mươi tư nhà thơ của một dân tộc có dân số thời đó trên hai mươi triệu, đó là nhiều hay là ít? Không nhiều và không ít. Một khi cái mới ra đời, thì dù chỉ có một sản phẩm làm mẫu thì một cái mầm đó có vẻ ít nhưng chứa trong nó tầng tầng lớp lớp những cái mới không thể bị dập vùi.

Từ xa xưa, con người đã mơ mộng chuyện bay lên trời. Huyền thoại Icare bay lên trời nhưng bị mặt trời làm nóng chảy sáp ở đôi cánh nên bị rơi. Năm 1500, Leonardo da Vinci đưa ra ý tưởng về những chiếc máy bay, tàu lượn đầu tiên trên thế giới. Nhưng phải chờ đến năm 1783 anh em nhà Montgolfier mới thỏa ước mơ bấy lâu nay của con người: Bay lên bầu trời bằng chiếc khinh khí cầu do họ phát minh. Từ chuyến bay đầu tiên ấy, ngày nay ta chứng kiến biết bao sự lạ mà Icare nằm mơ cũng không thấy!

(2) Điều kết luận thứ hai có thể rút ra là: một phong trào như Thơ mới bao gồm hai phần. Một phần xác và một phần hồn. Một phần nhìn thấy rõ bằng mắt thường và một phần rất khó thấy.

Phần xác của Thơ mới nằm trong số lượng nhà thơ, số lượng những tập thơ, số lượng những bài thơ đầy tự tin thể hiện cái Mới viết hoa của Thơ mới cũng viết hoa. Phần xác đó cũng thể hiện ở số lượng người đọc và thưởng thức Thơ mới.

Cái phần xác-số-lượng đó có một mẫu số chung gì? Cái mẫu số chung đó không nằm ngoài cái *tinh thần Thơ mới*. Chính chúng ta sẽ cùng tìm ra và cùng kết luận về cái tinh thần Thơ mới được chia sẻ bởi cái xác-số-lượng Thơ mới đó.

(3) Cuối cùng – như một kết luận tạm – cái tinh thần Thơ mới đó là gì? Theo kết luận của Hoài Thanh (và Hoài Chân), sự phân biệt giữa Thơ mới và Thơ cũ (hoặc thơ trước Thơ mới) là ở hai khái niệm: Tôi và Ta – mà ở đây, tác giả *Thi nhân Việt Nam* nhấn mạnh vào sự *Tôi khác hẳn* với Ta. Một cái Tôi cá nhân, tự do, khác hẳn cái Ta công thức, xơ cứng.

Tôi và Ta còn được thấy và phải được thể hiện trong *cách biểu đạt* của nhà thơ. Tôi và Ta cũng còn nằm trong sự chấp nhận theo lối người đọc thơ hòa vào cái Tôi hoặc cái Ta của bài thơ và nhà thơ.

Ba kết luận trên dẫn đến chỉ một kết luận cuối cùng này liên quan đến việc học thơ trữ tình hiện đại Việt Nam của các bạn.

Kết luận là: chúng ta cần có một cách học thơ khác để chính chúng ta có thể vươn lên thành con người hiện đại thực sự.

Cách học thơ đó đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần qua các hành động *làm lại* tâm hồn nhà thơ, *làm lại* cách cấu tạo một bài thơ, và *làm lại* cả trách nhiệm một nhà thơ sao cho xứng với Thơ mới, đồng thời vẫn tôn trọng và đồng cảm được với những giá trị không thể phủ nhận của Thơ-trước-Thơ-mới.

Mời các bạn tự nghiên cứu bài *Những đóng góp của Thế Lữ vào phong trào Thơ mới* của Đặng Tiến để hiểu kỹ hơn về phong trào Thơ mới thế kỷ 20 ở nước ta.

Tiếp theo, mời các bạn tự đọc tiếp một số bài thơ như những gợi ý về Thơ mới trong những bối cảnh khác nhau.

Bài tự nghiên cứu:

Những đóng góp của Thế Lữ vào phong trào Thơ mới

Đánh giá sự nghiệp Thế Lữ, những người đồng thời với ông, như Vũ Ngọc Phan, với sự mực thước thường lệ, đã ghi: “... công đầu trong việc xây dựng nền Thơ mới. Phan Khôi, Lưu Trọng Lư chỉ là những người làm cho người ta chú ý đến Thơ mới mà thôi, còn Thế Lữ mới chính là người làm cho người ta tin cậy ở tương lai Thơ mới. Thơ ông không phải chỉ mới ở lời mà còn mới cả ở ý nữa”¹. Hoài Thanh màu mè hơn: “Độ ấy Thơ mới vừa ra đời. Thế Lữ như vầng sao đột hiện, ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Người ta không thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ đã dựng thành nền Thơ mới ở xứ này”². Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh viết những dòng này vào khoảng năm 1942, và đều ghi nhận là “danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều” (2). Xuân Diệu, sau này, 1983, nói rõ là Thế Lữ được “người đương thời ưa thích nhất giữa các nhà Thơ mới khoảng 1932 – 1937”³.

Văn chương Việt Nam thời đó biến đổi nhanh nên dù ít tác phẩm văn nghệ, chỉ trong vòng năm bảy năm, người đọc đã quên một nhà thơ lớn; ngày nay, hơn nửa thế kỷ sau, sau bao nhiêu biến động, ta làm sao còn nhớ Thế Lữ? Tìm được tác phẩm Thế Lữ để đọc, đã khó, đọc để thưởng thức, và đánh giá, lại càng phức tạp hơn. Bài này chủ yếu là nhắc lại những đóng góp của Thế Lữ vào văn chương Việt Nam thời đó, về ngữ pháp, thi pháp và nghệ thuật, từ những yếu tố mới, ông vừa tiếp thu được qua ngôn ngữ và nghệ thuật phương Tây. Và đánh giá những đóng góp như thế dĩ nhiên là phức tạp. Những cách tân thành công, ngày nay đã trở thành quen thuộc và ta không còn lưu ý: những cách tân ngây ngô, nhất định phải có, ta lại càng không thưởng thức; còn cái truyền thống thời Thế Lữ, ngày nay, đã xa chúng ta quá. Thế Lữ chịu số phận bất công của những người đi tiên phong nói chung, và còn chịu những bất công của một xã hội chỉ nhớ những điều không nhớ.

Về những đóng góp của Thế Lữ, nhiều người đã viết tản mạn đó đây. Ta thử thu vén vào một ý tổng hợp: Thế Lữ đã làm nổi bật tính cách duy lý – ta gọi là tư duy logic – mới được du nhập ồ ạt vào văn thơ Việt Nam thời đó.

1 Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại*, tập III, Vĩnh Thịnh tái bản, Hà Nội, 1952. tr.309.

2 Hoài Thanh, *Thi nhân Việt Nam*, 1941, in lại trong *Tuyển tập Hoài Thanh (I)*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1982, tr.39 và 43.

3 Xuân Diệu, *Tuyển tập Thế Lữ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1983, tr.574.

Chúng ta không dám nói rằng văn thơ xưa kia không duy lý; nhưng tư duy logic không phải là giá trị chính trong văn thơ xưa: ta thường thức ca dao, *Kiều, Chinh phụ ngâm* không phải bằng lý luận; ta thích một số nhân vật lịch sử, hay tiểu thuyết, dù họ không logic. Ở Thế Lữ, thì khác. Muốn thưởng thức một truyện trinh thám, trong *Vàng và máu*, ta phải khoái logic. Cái logic đó, có lúc dài dòng, lảm cẩm như trong truyện “Những nét chữ”, hoặc ngây thơ như trong “Cái đầu lâu”, vẫn là sản phẩm của luận lý. So với truyện trinh thám Phạm Cao Cung viết sau Thế Lữ, thì truyện Thế Lữ thua hai điểm: tình tiết kém ly kỳ, và không khí ít màu sắc Việt Nam. Nhưng hơn hai điểm: câu văn sáng sủa hơn, và bao giờ cũng làm nổi bật tính luận lý. Cả hai ưu điểm đều dựa trên logic: trong “Đoạn tuyệt”, chàng Thân, người chồng, chết vì con dao rọc sách đâm đúng... trái tim, là không logic, trong “Nửa chừng xuân”, cuộc đời trôi nổi của cô Mai tại Hà Nội cũng không thuận lý. Thế Lữ không đi vào con đường chung đó: ông viết truyện trinh thám, truyện ly kỳ, dù hay dù dở, đều phải hợp lý.

Hợp lý trong tình tiết, thì phải thuận lý trong câu văn. Thế Lữ đã đưa vào tiểu thuyết Việt Nam cấu trúc câu văn Tây phương, minh bạch, khúc chiết, mà vẫn giữ được dáng dấp mềm mại của câu nói Việt Nam. Lấy một ví dụ trong đoạn đầu truyện “Vàng và máu”, tả cảnh núi Văn Dú: “*Sừng sững giữa trời, đứng làm chúa tể cho cả một vùng phong cảnh hoang vu. Dân Thổ ở các làng gần đó, ngày nào cũng trông thấy ngọn núi mù mù lam tím, nhô lên trên những hàng dừa xanh chỉ chút um tì*”.

Câu văn xuôi này rất mới lạ, thời đó, được kiến trúc trên sơ đồ câu văn Pháp: ta thử dịch ra tiếng Pháp thì thấy dễ dàng lắm. Nói chung, văn xuôi của Thế Lữ bao giờ cũng sáng sủa, trật tự, khúc chiết. Dĩ nhiên là có người chê câu văn Thế Lữ là tây, như hai ông Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê đã bắt bẻ câu văn Thế Lữ trong truyện “Câu chuyện trên tàu thủy”²: “*Có người Việt Nam quá say mê với “cái sáng sủa của tiếng Pháp” (la clarté française) đã bẻ những câu như câu này, “xuống đến tàu, công việc thứ nhất của bác (Hai Nhiên) là xem xét mọi nơi” (T.L), là viết không rõ ràng, trái với ngữ pháp (của Pháp)*”³.

1 Thế Lữ, *Tuyển tập Thế Lữ*, sđd, tr.93.

2 Thế Lữ, như trên, tr.350.

3 Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê, *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*, Viện đại học Huế xuất bản, 1963, tr.703.

Câu văn trên, ngày nay, không còn “tây” nữa, mà rất rõ ràng, không có gì là ngược ngữ pháp, dù của tiếng Pháp hay tiếng Việt.

Trong thơ, Thế Lữ cũng ưu tiên cho tư duy logic đó, và Hoài Thanh đã có nhận xét đúng: “Thế Lữ ít khi ghép những lời xuôi, khi nào viết là cũng có chuyện gì để nói”. Thường là chuyện tưởng tượng: chuyện nàng chinh phụ, chàng chinh phu, nàng mỹ thuật, chàng nghệ sĩ; chuyện lẩn trốn, nhưng vẫn có chuyện, nghĩa là có sườn luận lý để bài thơ ngăn nắp và trong sáng. Kết quả là những câu thơ rất dễ nhớ của Thế Lữ thường lý sự: “Cái thuở ban đầu... nghìn năm chưa dễ...; Anh đi đường anh... tôi... tình nghĩa đôi ta... đã quyết... bận lòng chi nữa...; Vì chúng... mà... trong lúc... phải chăng...”. Thậm chí, Thế Lữ còn ưa chữ “song le” mà ít nhà Thơ mới nào dùng đến.

Một khi đã coi trọng tư tưởng duy lý rồi, thì khó chấp nhận được một ý tưởng phải dừng lại ở chữ cuối một câu thơ; do đó, đơn vị trong thơ Thế Lữ không phải là câu thơ, mà là một mảng thơ như trong *Cây đàn muôn điệu*:

Dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân;
Ánh tương bừng linh hoạt nắng trời xuân;
Vẻ sâu muện, huy hoàng ngày mưa gió;
Cảnh vĩ đại, sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ;
Nét mong manh thấp thoáng cánh hoa bay;
Cảnh cơ hàn nơi nước động bùn lầy;
Thú xán lạn mơ hồ trong não động;
Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.

Một đoạn thơ dài chín câu, tám câu đầu là những tân từ đảo ngược, đặt trước câu động từ nằm ở cuối đoạn. Lối đặt câu như thế, ta không thể thấy ở thơ văn nước ta trước kia; có thể đây là một câu thơ nặng nề, nhưng có tác dụng tốt là giải phóng tư duy logic ra khỏi khuôn khổ gò bó của câu thơ cũ. Một đoạn thơ dài, chỉ gồm có một câu văn phạm, trong đó Thế Lữ đưa ra cả một tuyên ngôn về nghệ thuật trong tám vai trò khác nhau: mô tả vẻ đẹp của phụ nữ, cảnh trời xuân, ngày mưa gió, cảnh vĩ đại, nét mong manh, cảnh xã hội, thú mộng mơ và chí... tranh đấu. Mà câu thơ vẫn trong sáng.

Câu thơ cổ của ta xưa kia vì cô đúc mà thiếu khúc chiết. Các cụ dồn ý tưởng vào câu năm chữ, bảy chữ, thừa thì cắt bớt những hư từ, những liên từ, giới từ; câu thơ tối nghĩa cũng không sao, người đọc phải cố công suy đoán. Ví dụ hai câu đầu của *Cung oán*:

*Trái vách quế gió vàng hiu hắt
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng.*

Ai muốn hiểu sao thì hiểu. Lê Văn Hòe đã phải chú giải sáu trang, mà chưa chắc thuyết phục được người không đồng ý.

Cũng vì nhu cầu diễn ý khúc chiết, mà Thế Lữ thường dùng lối “bắc cầu” (*enjambement*) thông dụng trong thơ Pháp: cho câu thơ trên tràn xuống, quàng xuống câu dưới, ngày nay ta gọi là “câu vắt”, Xuân Diệu gọi là “cái duyên dáng của thơ Thế Lữ”.

Trong bài “Lựa tiếng đàn” – dường như làm rất sớm, có câu:

*Tôi muốn sống cuộc đời thi sĩ, để
Đốc chén mơ màng, nhưng chỉ thấy chua cay.*

Trong Giây phút chạnh lòng – làm muộn hơn:

*Cát bụi tung trời – Đường vất vả
Còn dài – Nhưng hãy tạm dừng chân.*

Xuân Diệu nhắc lại rằng Thế Lữ “đã có những cách tân về hình thức, về cách ngắt câu, chấm câu, để cho câu trên tràn quàng xuống câu dưới; cách làm “Thơ mới” chúng tôi lúc ấy rất thú vị. Vì thuở ấy, chúng tôi cũng cần một công cụ câu thơ khúc chiết, có thể nói được những ý mình muốn nói”¹.

Những cách tân của Thế Lữ có lẽ là nhu cầu của thế hệ tân học đang dần thân vào nền văn hóa mới, dựa vào khoa học, khoa học cơ bản hay ứng dụng. Thơ, truyện, các bài báo ngắn của Thế Lữ ít nhiều biểu lộ nguyện vọng khoa học, trong khuynh hướng chung của Tự Lực văn đoàn; và báo *Phong Hóa* của nhóm đã có những cống hiến nhất định... Vẫn theo Xuân Diệu – thành viên cuối cùng của nhóm Tự Lực: “Bài giới thiệu thơ Thế Lữ trên tuần báo *Phong Hóa* năm ấy đã làm một việc trước đó báo chương Việt Nam chưa từng làm: phân tích nghệ thuật, kỹ thuật thơ:

*Tiếng địch thổi đâu đây
Cổ sao nghe réo rắt
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt
Mây bay... gió quyến mây bay...
Tiếng vi vút như khuyển van như diều dặt
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may*

1 Xuân Diệu, *Tuyển tập Thế Lữ*, sdd, tr.581 và 582.

Bài báo làm cho người đọc chú ý đến hơi tiếng sáo, hơi tiếng gió trong ba âm “v” và bốn âm “h”, đây là một khổ thơ rất thành công của Thế Lữ, hiện nay vẫn còn lơ lửng cao, đưa theo một tiếng địch nào đó thổi ở đâu đây”.

Xưa kia, ta không phân tích thơ về mặt nghệ thuật, kỹ thuật như vậy, đúng như lời Xuân Diệu. Các cụ có bình thơ, cũng chỉ đưa ra những cảm giác chủ quan, cho rằng chữ này đặc, chữ kia nhạt, mà không giải thích tại sao. Ngày nay, tại Việt Nam, người ta vẫn theo lối ấy, dĩ nhiên là vì những mục đích khác; nhưng cái lối “tán” thơ, tán mãi thành tán phét, do đó thơ không có hy vọng gì biến đổi hay tiến bộ. Việc giải thích thơ về phương diện nghệ thuật, kỹ thuật, và hy sinh nội dung nếu cần, là thao tác thiết yếu, nó rơi vào giá trị tác phẩm những tia sáng khách quan, giúp cho thơ, và người làm thơ, người đọc thơ tiến bộ. Người phê bình, ít nhiều, khuynh đảo dư luận quần chúng, thì phải có trách nhiệm khoa học: anh khen một câu thơ hay ắt phải có khả năng giải thích nó hay ở chỗ nào.

Trở lại thơ văn Thế Lữ: kinh nghiệm ông đề xuất thời đó là thí nghiệm logic. Khi xây dựng nội dung cũng như kiến trúc kỹ thuật, Thế Lữ sáng tác rất ý thức và sáng suốt, dù rằng có khi không thành công. Trong ý thức ấy, khi phụ trách trang thơ, hay mục “Tin thơ” trên các báo “Phong Hóa, Ngày Nay, ông đã tiếp tục soi sáng con đường Thơ mới bằng lý thuyết, sau khi cho in tập *Mấy vần thơ*.

Năm 1935, Xuân Diệu gửi cho báo *Phong Hóa* bài thơ đầu tiên, “Vội bàn tay ấy”:

*Một tối vòm trời chẳng gợn mây
Cây tìm nghiêng xuống cánh hoa gầy*

Thế Lữ đã chữa lại:

Một tối bầu trời đậm sắc mây

Xuân Diệu, ba mươi năm sau, còn phục “Thế Lữ đã chữa hộ tài tình”¹. Làm thơ, không cần có lý; nhưng khi chữa thơ người khác, phải có lý. Nhất là khi “người khác” là Xuân Diệu, dù là một Xuân Diệu chưa nổi danh.

Một câu thơ Thế Lữ, hay về âm pháp và từ pháp, gợi cảnh những nàng tiên đang tắm:

*Ái ân bờ cỏ ôm chân trúc
Sau trúc, ô kìa, xiêm áo ai*

1 Xuân Diệu, *Công việc làm thơ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1984, tr.26.

Trên mười bốn từ, đã có sáu từ bắt đầu bằng nguyên âm ái ân, ôm, ô, áo, ai, những nguyên âm tình tứ trong tiếng Việt: yêu, âu yếm, ôm ấp, êm ái... Thán từ “ô kìa” diễn tả niềm ngạc nhiên thích thú, “ô kìa, hai con hạc trắng bay về bông lai”, khác với “ơ kìa”, diễn tả sự ngạc nhiên bình thường, có khi bất mãn:

Suốt đêm thức để trông ai

Ơ kìa ánh lửa đỏ trời phương đông

Cách sử dụng âm, từ như thế, ắt có dụng công...

Những cách tân ngôn ngữ nghệ thuật thời Thế Lữ thường được mô phỏng theo những mô hình phương Tây. Mô phỏng không phải vì say mê cái mới mà quên truyền thống. Các cụ trong Đông Kinh nghĩa thực (1907), những nhà nho chống Pháp, vẫn hô hào tiếp thu chữ quốc ngữ và những khoa học phương Tây. Thơ mới, văn mới là một yêu cầu của xã hội trên bước đường hiện đại hóa: tư duy logic, là cái vốn chung của loài người. Sở dĩ công chúng thời đó chấp nhận dễ dàng và nhanh chóng một ngôn ngữ mới, vì ngôn ngữ ấy đáp ứng với một yêu cầu tiềm tàng trong con người nói chung, đến một giai đoạn nào đó thì nảy nở. Vì vậy, từ 1935, người ta có thể yêu thích ngay những câu thơ trong bài “Nhớ rừng”:

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt.

Chúng ta thử tập trung phân tích những cách tân trong hai câu – chỉ hai câu thôi.

1. Trước hết, ta xét chữ *đâu*, một từ nghi vấn, dùng theo nghĩa phủ định. Trong bài “Nhớ rừng”, đơn vị thơ Thế Lữ không phải là câu mà là khổ thơ (*strophe*), chữ *đâu* ở đây là tiếng vọng của “*nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*” ở khổ đầu và sẽ tắt ngấm với “*than ôi, thời oanh liệt nay còn đâu*” ở cuối khổ. *Nào đâu* và *còn đâu* là từ thông dụng, nhưng chữ *đâu* phủ định đặt ở đầu câu là một cách tân, có thể là nó phát xuất từ câu thơ Pháp “*Où sont les neiges d’antan*” (*Đâu tuyết ngày xưa*, Villon). *Đâu*, nguyên ủy là do hai từ *đằng nào* thu gọn – cũng như *đây, đấy* là do *đằng này, đằng ấy* thu gọn¹, Nguyễn Du dùng chữ *đâu* 104 lần theo nghĩa ấy:

Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi.

1 Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê, sđd, tr. 135 (và tr. 432–434 về quá trình chữ *đâu*, *biết đâu*).

Nhưng chúng ta không tìm thấy chữ *đâu* dùng theo kiểu Thế Lữ. Ngược lại, các nhà Thơ mới sẽ sử dụng kinh nghiệm ấy, như Huy Cận trong “Tràng giang”:

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

Nhiều người hiểu chữ *đâu* theo nghĩa phiếm chỉ (*indéfini*): đây, đâu đó, có tiếng làng xa... Nhưng ý Huy Cận không phải vậy. *Đâu* có nghĩa phủ định (*négatif*), như trong câu thơ Thế Lữ: *đâu có, không có tiếng làng xa*; cũng như “*không một chuyến đò ngang, không cầu gợi chút niềm thân mật*”. Chữ *đâu* phủ định tất cả phương tiện giao lưu, làm tăng không khí *đìu hiu* của cảnh sông dài, trời rộng.

Ngày nay, chữ *đâu* đưa bao nhiêu nhớ nhung, luyến tiếc vào đầu câu thơ hay câu hát đã trở thành quen thuộc. Nhưng thời Thế Lữ, nó là một cách tân.

2. “*Đâu những chiều...*”. Chữ *những* chỉ số nhiều, ngày nay là một trong những từ được thông dụng nhất. Nhưng xưa kia thì khác, Nguyễn Du, trong “*Kiều*”, sử dụng chữ *những* 67 lần, nhưng chỉ 26 lần trong nghĩa số nhiều, theo nhận xét của Phan Ngọc:

Ba đồng một mớ trâu cày

Sao anh không hỏi những ngày còn không

Chữ *những* trong câu ca dao, có lẽ xưa, ấy, không chỉ số nhiều như ta thường tưởng, mà có nghĩa thời gian: *từ ngày, từ thuở, từ dạo...* Nguyễn Du đã dùng 10 lần như vậy. *Những ngày = từ ngày*:

Thân này đã bỏ những ngày ra đi...

Ngày xưa các cụ cũng phân biệt số nhiều và số ít, nhưng không rõ rệt như trong tiếng Pháp. Khi tiếp xúc với các ngôn ngữ phương Tây, ta thấy sự phân biệt nhiều – ít làm sáng tỏ thêm một số ý tưởng, nên tiếp thu rộng rãi ngữ pháp ấy, rồi dần dần chữ *những* được trọng dụng và mang một giá trị thẩm mỹ mới. Điều này đã được Phan Ngọc chứng minh một cách rõ ràng và tài hoa. “Chữ “*những*” lúc đầu là một phó từ như ta thấy trong “*Truyện Kiều*”: “*những mong các nước sum vầy*”. Chữ “*những*” do quá khứ của nó là một phó từ chứa đựng cảm xúc, cho nên ngay khi nó làm mạo từ số nhiều trong tiếng Việt hiện đại, nó vẫn chứa đựng cảm xúc. Miêu tả một mùa xuân thì thế nào cũng phải nói “*những bông hoa*”, “*những con chim*”, “*những ngọn gió*”. Chỉ cần đổi thành “*các bông hoa*”, “*các con chim*”, “*các ngọn gió*”, thế là chẳng còn mùa xuân nữa”. Đúng và hay. Như vậy thì, trong đoạn thơ Thế Lữ, *những đêm vàng, những ngày, những bình minh, những*

chiều, số nhiều ở đây, đã mang trọng lượng tình cảm, như số nhiều trong “les neiges d’antan” của Villon.

Sau này, nhiều nhà thơ đã tận dụng giá trị tâm cảm và luận lý của chữ *những*:

Những chiều hành quân

Qua những đồi hoa sim

Những đồi hoa sim...

(Màu tím hoa sim – Hữu Loan)

Những cánh đồng thơm ngát

Những ngả đường bát ngát

Những dòng sông đỏ nặng phù sa

Ôi những cánh đồng quê chảy máu...

(Đất nước – Nguyễn Đình Thi)

Chữ *những* trong thơ và văn xuôi Nguyễn Đình Thi đầm thắm, thiết tha, tinh tế; tôi sẽ trở lại trong một dịp khác.

3. Thế Lữ đã dùng cú pháp và hình ảnh táo bạo trong câu tiếp theo:

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Trước hết, ông đã đảo ngược chủ từ: “*chết mảnh mặt trời*”. Trong thơ xưa, vẫn có đảo ngữ, những thường là do ảnh hưởng cấu trúc chữ Hán, theo dạng “*gác mái ngư ông về viễn phố*” của bà huyện Thanh Quan, mà ta đã thấy rải rác trong thơ Nguyễn Trãi và Hồng Đức. Nhưng không ai lật ngược chủ từ một cách táo bạo như Thế Lữ: “*bên rừng thổi sáo một hai kim đồng*”.

Ông vẫn chuộng lối đảo ngữ như thế, và sử dụng nhiều lần:

Đỗ bờ sông trắng, con thuyền bé...

Để dài thêm hạn cuộc tình duyên...

Bống thong thả rơi một tiếng chuông chùa...

Cơn gió thổi, lá bàng rơi lác đác,

Cùng rơi theo loạt nước động trên cành

Những cây khô đã chết cả màu xanh

Trong giây phút lạnh lùng tê tái ấy...

Sau Thế Lữ vài năm, Huy Cận đã có thể viết:

Đã chảy về đâu những suối xưa

Đâu cơn yêu mến đến không chờ

Tháng ngày vùn vụt phai màu áo

*Của những nàng tiên mộng trẻ thơ
Rụng những chùm tên máy độ bông
Phai hàng nhật ký chép song song*

Bài “Buồn” này, trích từ tập *Lửa thiêng*, đã bị loại ra khỏi *Tuyển tập Huy Cận*, không hiểu tại sao. Trong sáu câu, tác giả năm lần đảo ngược chủ từ, nhưng vẫn dựa theo từ pháp Việt Nam. Ta nói: *chảy nước mắt, cỏ pha màu áo, “trận gió thu phong rụng lá vàng”*. Chỉ có *mộng trẻ thơ* để nói “*trẻ thơ mộng những nàng tiên*” là câu kỳ.

Sau này nữa, Tố Hữu viết (1954):

*Đã tan tác những bóng thù hắc ám
Đã sáng lại trời thu tháng tám.*

Tuy nhiên những chủ từ đảo vẫn không bạo dạn như trong thơ Thế Lữ thời 1932 – 1935. Chỉ trong Nguyễn Đình Thi mới có những câu (1950):

Nơi đây sống một người tóc bạc

Dường như Thế Lữ, thuở ấy, có chủ tâm làm cho câu thơ Việt Nam mới mẻ, mà vẫn sáng sủa, ông muốn tạo cho câu Thơ mới nhiều khả năng nhất, về mặt diễn đạt cũng như truyền cảm.

4. Câu thơ còn tân kỳ vì hình ảnh “*chết mặt trời*” để nói mặt trời lặn. Sau này, Xuân Diệu sẽ nói “*mặt trời đi ngủ sớm*” và bị chê là tây, trong khi câu thơ Thế Lữ không bị chê, vì Thế Lữ có sáng tạo, trong khi Xuân Diệu chỉ mô phỏng theo tiếng Pháp; hơn nữa, hình ảnh “*chết*” được kết hợp với “*máu sau rừng*” ở câu trên. Xưa kia, các cụ không dùng hình ảnh máu huyết như vậy; để diễn tả màu đỏ rực, các cụ nói “*áo chàng đỏ tựa ráng pha*”. Các nhà Thơ mới dùng hình ảnh thô bạo hơn; có lẽ Thế Lữ bị ảnh hưởng câu thơ Baudelaire:

*Le soleil s’est noyé dans son sang qui se fige
Le ciel est triste et beau comme un grand reposoir
(Mặt nhật đắm trong máu hồng đông cứng
Trời chiều buồn, rực rỡ tựa triều môn)*

Sau này, Hàn Mặc Tử, gặp thêm ảnh hưởng của bệnh tật, sẽ viết:

*Cả niềm yêu ý nhớ cả một vùng
Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn...
... Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khối lòng tôi cứng tợ si...*

Loại từ *mảnh* trong “*mảnh mặt trời*” cũng mới lạ; người ta chỉ nói *mảnh*

sành, mảnh giấy, thậm chí mảnh trăng vì trăng khi tròn khi khuyết, có khi bị xẻ làm đôi. Hình ảnh “mảnh mặt trời” gợi ra được cái nhìn tàn bạo của con hổ muốn giẫm nát cả vũ trụ. Sau này Tế Hanh sẽ có câu thơ hay:

Cánh buồm giăng to như mảnh hồn làng

Cụ thể là cánh buồm trắng lấp lánh trên biển xa giống như mảnh chai, mảnh sứ dưới ánh nắng, nó còn có nghĩa là một bộ phận của dân làng đang ở trên thuyền đánh cá, hình ảnh mang giá trị tình cảm như trong câu “*một mảnh tình riêng ta với ta*” trong thơ xưa.

Chúng ta đã xét qua vài nét mới trong thơ Thế Lữ. Nhưng không quên rằng *Mấy vần thơ* hấp dẫn người đọc thời 1935 vì những cách tân vẫn gần gũi với truyền thống. Thế Lữ “vịnh” con hổ trong vườn bách thú cũng giống như các cụ ngày xưa vịnh con cóc, con ốc nhồi, thằn lằn nhìn, ông phỗng đá – với những nét hiện thực, nét tượng trưng và những ẩn ý. Người đọc có thể nhận ra thân phận của đất nước Việt Nam bị mất chủ quyền qua hình ảnh con hổ (nhưng dường như tác giả không có cái dụng ý đó).

Ta say mỗi đứng uống ánh trăng tan

là một hình ảnh tân kỳ, mà vẫn quen thân, vì Nguyễn Trãi, từ thế kỷ 15, đã nhiều lần sử dụng:

Đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén

Chè tiên nước gánh bầu in nguyệt...

Thậm chí, câu thơ của Bàng Bá Lân, có lẽ mượn ý Thế Lữ:

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi

đã bị nhiều người nhầm ra ca dao.

“*Uống ánh trăng tan*” có thể là men rượu mới, nhưng hợp với khẩu vị lâu đời của người Việt Nam.

Tóm lại, thời rạng đông của Thơ mới, Thế Lữ đã đưa ra, hoặc đã phát triển, những cách tân phù hợp với nhu cầu tư duy logic của thời đại, những cách tân sẽ mở đường cho bút pháp của nhiều nhà thơ đến sau. Do đó, Thế Lữ đã để lại cho người đồng thời kỷ niệm sâu sắc về “*cái thuở ban đầu lưu luyến ấy*”.

Thế Lữ là nghệ sĩ tiên phong, trong cái nghĩa trọn vẹn nhất của hai chữ *tiên phong*. Thế Lữ chỉ thoả mái trên những bước đường, say mê những hoa trái đầu mùa, với cái thuở “*lần đầu hết, lòng cô mang tình ái*”.

Bản tính ấy giải thích những chặng đường trong sự nghiệp Thế Lữ: làm Thơ mới, khi Thơ mới chưa có nền; viết truyện trinh thám khi thể loại này chưa có móng. Khi nền móng đã vững, người thợ đá xoay sang xây kịch nói – một thể loại chưa có truyền thống trong văn học ta. Thế Lữ từng viết văn, làm thơ. Nhưng ông hoạt động lâu dài nhất trong lĩnh vực sân khấu. Có lẽ sân khấu với ánh đèn lung linh của nó phù hợp với tâm hồn đầy biến động của Thế Lữ.

Bút hiệu Thế Lữ là do tên thật Nguyễn Thứ Lễ nói lái. Nhưng Thế Lữ còn có nghĩa: người khách đi ngang qua trần thế.

Tôi là kẻ bộ hành phiêu lãng

Đường trần gian xuôi ngược dễ vui chơi

Người khách lữ – “thèm vô cùng và khát vọng mênh mông” ấy – giờ đây đang “uống ánh trăng tan” bên một bờ suối trong, một trong chín dòng suối vô thủy vô chung. Tình đầu, cõi ấy, biết đâu là tình cuối?

Cái thuở ban đầu, là cái thuở người ta bắt đầu biết rằng người ta không thể quên nhau.

(18/12/1989, Đặng Tiến)

Cùng luyện tập

1. Tự tìm tư liệu rồi cùng nhau kể lại những gì bạn biết về Thế Lữ nhà văn, nhà thơ, nhà hoạt động kịch.
2. Thảo luận: Tác giả nhận xét về sự ưa thích và tôn trọng *luận lý*. Ngày nay ta ít dùng chữ “luận lý” mà dùng “lô-gich” (có khi viết “logic”, “logich”). Bạn hãy nhắc lại một ví dụ trong bài nói về sự ưa thích và tôn trọng lô-gich trong viết văn và làm thơ thời kỳ Thơ mới.
3. Thảo luận: Hãy giải thích cách đọc Thơ mới nối câu thơ trên xuống câu sau trong hai đoạn trích *Lựa tiếng đàn* và *Giây phút chạnh lòng*:

Tôi muốn sống cuộc đời thi sĩ, để

Dốc chén mơ màng, nhưng chỉ thấy chua cay.

và

Cát bụi tung trời – Đường vất vả

Còn dài – Nhưng hãy tạm dừng chân.

4. Tìm đoạn văn này của Đặng Tiến: “Một đoạn thơ dài, chỉ gồm có một câu văn phạm, trong đó Thế Lữ đưa ra cả một tuyên ngôn về nghệ thuật trong tám vai trò khác nhau: mô tả vẻ đẹp của phụ nữ, cảnh trời xuân, ngày mưa gió, cảnh vĩ đại, nét mong manh, cảnh xã hội, thú mộng mơ và chí... tranh đấu. Mà câu thơ vẫn trong sáng”? Các bạn hãy đọc lại và trình bày theo cách hiểu của bạn về ý của đoạn này.
5. Đặng Tiến cho biết ai viết đoạn này: “Bài giới thiệu thơ Thế Lữ trên tuần báo Phong Hóa năm ấy đã làm một việc trước đó báo chương Việt Nam chưa từng làm: phân tích nghệ thuật, kỹ thuật thơ”? Cùng thảo luận: Vì sao việc phân tích nghệ thuật, kỹ thuật thơ lại quan trọng và chỉ đến thời kỳ Thơ mới người ta mới làm công việc đó?
6. Thú vui ngôn ngữ. Câu thơ *Où sont les neiges d'antan?* có nghĩa từng từ như sau: *où* – ở đâu; *sont* – động từ để nối Chủ và Vị, có nghĩa “là”, “thì”; *les* – mạo từ (từ chỉ đơn vị) đứng trước danh từ số nhiều; *neiges* – tuyết; *d'antan* – (của) ngày xưa. Mời các bạn bình luận những cách dịch câu thơ đó:
 - (a) Đâu rồi tuyết ngày xưa?
 - (b) Tuyết xưa đâu rồi?
 - (c) Đâu rồi tuyết xưa?
 - (d) Tuyết xưa đâu hết rồi?
 - (e) Ở đâu những tuyết của ngày xưa?
 - (f) Tuyết xưa đâu cả rồi?

Một số bài thơ tự đọc, tự học

Bài 1 – Nhớ rừng của Thế Lữ

Hãy làm các việc sau:

1. Phân tích hiện tượng phá lệ luật thơ cổ điển phương Đông theo mẫu Trung Hoa qua bài thơ Nhớ rừng.
2. Phân tích hoài bão sống tự do của nhà thơ trong hoàn cảnh sống bức bối thời kỳ nước ta còn thuộc Pháp.
3. Viết tiểu luận về tính tích cực của phong trào Thơ mới.

Nhớ rừng

Tặng Nguyễn Tường Tam
(Lời con Hồ ở vườn bách thú)

Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé riều oai linh rừng thẳm
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm
Để làm trò lạ mắt, thú đồ chơi.
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,
Thủa tung hoành, hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
Với khi thét khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên, dũng dạc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mất thần khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.
Ta biết ta chúa tể muôn của loài
Giữa chốn thảo hoa, không tên không tuổi.

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
Than ôi! thời oanh liệt nay còn đâu?

Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối:
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng;
Giải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém;
Dăm vùng lá hiến lành không bí hiểm
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u.

Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!
Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị,
Nơi thânh thang ta vùng vẫy ngày xưa
Nơi ta không còn được thấy bao giờ!
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán
Ta đang theo giấc mộng ngàn to lớn
Để hồn ta phảng phất được gần người
Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

(1936)

Bài 2 – Đèo Cả của Hữu Loan

Hãy làm các việc sau:

1. Tìm hiểu đèo Cả ở đâu? Ở đó đã xảy ra sự kiện gì vào năm 1946?
2. So sánh với cách phá lệ luật thơ (như ở bài *Nhớ rừng*) để thấy hình thức biểu đạt của bài thơ *Đèo Cả* có gì mới hơn?
3. Cũng so sánh với bài thơ *Nhớ rừng*, tâm hồn nhà thơ và hành vi của bản thân nhà thơ bộc lộ điều gì khác?
4. Thảo luận và nói ý nghĩ riêng về tính chất bi tráng của bài thơ *Đèo Cả*.

Đèo Cả

Đèo Cả!

Đèo Cả!

Núi cao ngút!

Mây trời Ai Lao

sầu đại dương

Dặm về heo hút

Đá Bia mù sương

Bên quán “*Hồng quân*”

người

ngựa

mỏi

Nhìn dốc ngội than

thương

ai

ên

đường

Chầy ngày

lạc giữa núi

Sau chân

lối vàng

xanh tuôn

Dưới cây
 bên suối độc
Cheo leo chồi canh
 như biên cương
Tóc râu
 trùm vai rộng
Không nhận ra
 người làng
Ngày trâu
 vượt hủ
Đêm canh
 gặp hùm lang thang
Rau khe
 cơm vắt
Áo phai
 màu chiến trường
Gian nguy
 lòng không nhạt
Căm thù
 trăm năm xa
Máu thiêng
 sôi dào dạt
Từ nguồn thiêng
 ông cha
“Cần xây chiến lũy ngất
Đây hình hài niên hoa
– Xâm lăng!
Xâm lăng!
Súng thềm
 gươm khát...”
Ai ngân lưng lay
 đêm quê nhà

Nhớ lần thăm Đèo Cả
Hậu phương từ rất xa
Ăn với nhau bữa
 heo rừng
 công thui
 chấm muối

Trên sạp cây rừng
Ngủ chung
 nửa tối
Biệt nhau
 đèo heo
 canh gà
Râu ngược
 chào nhau
 bên dốc núi.

Giặc từ Vũng Rô
 bắn tới
Giặc từ trong
 tràn ra
Nhưng Đèo Cả
 vẫn đứng vững
Đèo Cả Nam
 máu giặc
 mấy
 lần
 nặng
 khô

Sau mỗi lần thắng
Những người trấn Đèo Cả
Về bên suối đánh cờ
Người hái cam rừng
 ăn nheo mắt
Người vá áo
 thiếu kim
 mài sắt

Người đập mảnh chai
vĩnh cầm
cạo râu
Suối mang bóng người
soi
những
về đâu
(1947)

Bài 3 – Đất nước của Nguyễn Đình Thi

Hãy làm các việc sau:

1. Tự tìm hiểu bối cảnh khi Nguyễn Đình Thi viết bài thơ *Đất nước*. Dùng chính lời thơ để minh họa hoàn cảnh đất nước Việt Nam khi Nguyễn Đình Thi làm bài thơ này (Ví dụ: *Người ra đi đầu không ngoảnh lại / Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy* nói điều gì?).
2. Phân tích sự thay đổi về cách biểu đạt của bài thơ. Đặc biệt chú ý đến cách gieo vần gần như không cần đến sự ăn vần đã thành nếp trong thơ Việt Nam.
3. Phân tích cái Tôi và cái Ta trong tâm hồn nhà thơ và thể hiện qua những lời thơ.
4. Thảo luận: bạn nghĩ gì trước ý kiến này: Bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi tiếp tục “phá thể” thơ hiện đại Việt Nam trong một thời gian dài chỉ khác nhau về đề tài nhưng không thay đổi cách biểu đạt so với phong trào Thơ mới.

Đất nước

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa
Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi

Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha!
Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về!
Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.
Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngời lên nét mặt quê hương
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu
Đã bật lên những tiếng căm hờn

Bát cơm chan đầy nước mắt
Bay còn giằng khỏi miệng ta
Thằng giặc Tây, thằng chúa đất
Đứa đè cổ, đứa lột da...

Xiềng xích chúng bay không khoá được
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bay không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà!

Khói nhà máy cuộn trong sương núi
Kèn gọi quân văng vẳng cánh đồng
Ôm đất nước những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng.

Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội
Mỗi bước đường mỗi bước hy sinh
Trán cháy rục nghĩ trời đất mới
Lòng ta bát ngát ánh bình minh.

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng loà.

(1948)

Bài tập sơ kết thơ trữ tình hiện đại Việt Nam

Mời các bạn tự sơ kết về thơ trữ tình hiện đại Việt Nam qua bài tập thực hành với vật liệu là bài thơ của Hoàng Cầm Về với ta, in trong tập thơ Về Kinh Bắc.

Về với ta

Ta con bê vàng lạc dánh chiều xanh
đi mãi tìm sim chẳng chín
Ta lên đồi thông nằm miếu Hai Cô
gặm cỏ mưa phùn

Dóng dả gọi về đồng sương
đôi người lặn đận
Đêm nay mẹ chẳng về chuồng

Ta con chào mào khát nước
về vườn xưa hạt nhãn đã đâm mầm
Cây ổi giơ xương chống đỡ mùa đông
xập về đánh úp

Ô này tám đở ra hoa
Ta con chim cu về gù rặng tre
đưa nắng ấu thơ về sân đất trắng
đưa mây lành những phương trời lạ
về tụ nóc cây rơm

Ta ru em
lớn lên em đừng tìm mẹ phía cơn mưa

Ta con phù du ao trời chập chội
đứng cánh bèo trôi gió lặng tìm sao
Uống nước mắt con vành khuyên nhớ tổ
vừa rụng chiều nay dềnh mặt nước hương se

Ta soi
chỉ còn ta đập lùì tình tú
Ngủ say rồi đôi cá đồng đông

Việc 1 – Giải mã tên bài thơ.

Hãy ghi nhớ tên bài thơ trong khi làm các việc được giao. Hãy luôn luôn tự nêu câu hỏi: sao lại là về với TA? Về với ta là về với cái gì nhỉ?

Việc 2 – Giải mã tứ thơ của bài thơ.

- Tứ thơ nằm trong những câu nào? Hãy đọc thầm mấy câu mang tứ thơ.
- Nhà thơ nhận ra mình trong hình ảnh con bê vàng. Bạn liên tưởng đến những điều gì qua tứ thơ mang hình ảnh con bê vàng? Con bê vàng được thể hiện qua những từ in nghiêng nào sau đây: *thơ ngây – non nớt – ngơ ngác – ngu ngơ – dễ thương tổn – láu lỉnh – khôn khéo – nhanh nhẹn...*?
- Bạn nghĩ gì khi chính bạn là con bê vàng bị lạc và lạc trong *dáng chiều xanh* (để tự mình cứ) đi mãi tìm *sim chẳng chín*? Tự mình lạc hay bị người khác làm ta lạc? Quả sim trong tứ thơ nói điều gì? Quả đó có ăn no được như củ không? Tại sao “Ta-bê vàng” lại không đi tìm củ mà lại đi tìm trái sim... và hơn nữa, “Ta-bê vàng” còn đi *mãi tìm sim chẳng chín*?

- d. Bạn hình dung “Miếu Hai Cô” ở đây có điển tích gì? Thờ hai cô gái bất hạnh hay rất hạnh phúc? Tại sao “Ta-bê vàng” lại lên nằm miếu Hai Cô và ở đó gặm cỏ mưa phùn? Gặm cỏ ướt nước mưa phùn, hay chỉ từ trong miếu nhìn mưa phùn bên ngoài trời và chẳng gặm chút cỏ nào?
- e. Bạn nghĩ gì về câu cuối tứ thơ *Đêm nay mẹ chẳng về chuồng?* “Ta-bê vàng” khao khát điều gì? Mẹ của “Ta-bê vàng” có chút liên hệ gì với Miếu Hai Cô không? Bạn có cần biết cụ thể về chút liên hệ đó để hiểu và cảm bài thơ không?

Việc 3 – Giải mã đoạn mở rộng ý của bài thơ.

- a. Bạn hãy đọc thầm vài lần các khúc mở rộng ý bài thơ.
- b. Bạn đọc đoạn ngắn *Ta con chào mào khát nước...* Con chào mào trong bài thơ có điều gì đáng chú ý? Nó khao khát những gì và đi tìm những gì và có bao giờ thực hiện được khao khát của nó không?
- c. Khi “Ta-chào mào” trở về thì có những gì ở nơi trở về chờ đón “ta”? Một quãng đời của “Ta-chào mào” để lại chút gì hy vọng ở chốn quê không?
- d. Bạn đọc đoạn ngắn *Ta con chim cu về gù rặng tre...* Cảm giác của bạn khi đọc đoạn này ra sao? So với đoạn trước (“Ta-chào mào” trở về) thì đoạn này “Ta-chim cu” có đỡ cay đắng hơn không? Những hình ảnh nào khiến bạn cảm thấy đỡ đau khổ hơn?
- e. Thế nhưng vì sao liên đó lại *Ta ru em lớn lên em đừng tìm mẹ phía cơn mưa?* Cạn kiệt hy vọng rồi sao? Biết thân biết phận rồi sao?
- f. Nhà thơ cuối cùng đã thấy đời mình như thế nào trong suy tưởng “Ta-phù du”? Bạn hiểu con phù du như thế nào? Nhà thơ đã hiểu Ta-phù du” *đứng cánh bèo đo gió lạng tìm sao* như thế nào?
- g. Bạn cố đọc thầm và thuộc cả đoạn thơ và đoạn mở rộng ý bài thơ.

Việc 4 – Giải mã đoạn kết bài thơ.

- a. Bạn đọc thầm và thuộc đoạn kết bài thơ.
- b. Một câu thơ chỉ có hai chữ *Ta soi* – Bạn nghĩ gì về hàm nghĩa chữ “soi”. Soi cái gì? Soi lòng mình? Soi những việc ta đã ước mơ và đã làm? Kết cục ta đã hiểu được ta chưa? “Ta-cuối cùng” là như thế nào?

- c. Tại sao cuối cùng nhà thơ vẫn còn hướng về tuổi thơ chơi cá đồng đồng – những con cá bé tí, không câu được, không vớt được, không nuôi được, không ăn được... Tại sao những con cá đồng đồng tuổi thơ đã *ngủ say rồi*? Nhà thơ đã đầu hàng chưa?

Việc 5 – Gợi lại toàn bài thơ.

- a. Bạn hãy đặt tên cho “Ta” của bài thơ này: “Người mơ mộng”? “Người độc bộ hành”? Bạn hiểu “người độc bộ hành” là gì? “Người quy thuận số mệnh”? Còn tên gì khác nữa, theo bạn?
- b. Bạn hãy đặt tên khác cho bài thơ này. “Lời tự thú của một người mơ mộng”? “Lời người độc bộ hành”? “Lời người quy thuận số mệnh”? Còn tên gì khác nữa, theo bạn?
- c. Viết đoạn văn năm câu (có thể dài hơn năm câu nếu cần) nói ý kiến của bạn: *Về với Ta* có ý nghĩa gì? Nếu cần đặt lại tên bài thơ, bạn chọn đặt tên gì? Lý giải vì sao bạn chọn tên đó.

Việc 6 – Tự sơ kết

Viết tiểu luận, tham gia hội thảo *Thơ trữ tình*. Đề tài gợi ý:

1. Các bài thơ khác nhau về đề tài hay về cách biểu đạt?
2. Tại sao trong sách *Thi nhân Việt Nam*, tác giả nói rằng trước phong trào Thơ mới, xã hội Việt Nam trì trệ, cuộc sống như trong ao tù?
3. Tâm hồn nhà thơ trữ tình hiện đại thể hiện điều gì trong việc họ thay đổi cách biểu đạt?
4. Bạn có nhận xét gì về thơ và hồn thơ Việt Nam hiện nay? Điều gì bạn thích? Điều gì bạn không thích? Thơ Việt Nam hiện nay có thỏa mãn hồn thơ của bạn không?
5. Bạn có sở tay chép thơ hay không? Bạn có những bài thơ hay để trao đổi với người thân không? Tự phân tích vì sao có, vì sao không.
6. Bạn có làm thơ không? Khi nào thì bạn làm thơ? Bạn có thể chia sẻ thơ mình làm ra với bè bạn không?

PHẦN 2

Giải mã tác phẩm kịch nghệ

BÀI NHẬP

HOẠT ĐỘNG KỊCH NGHỆ

Hướng dẫn học

Kịch và kịch nghệ khác nhau thế nào?

Từ khi học Văn Lớp 1 Cánh Buồm chúng ta đã dùng những trò chơi đóng vai để học về lòng đồng cảm với Con Người.

Đóng vai em bé dốt người già qua đường. Đóng vai thăm hỏi người ốm nằm một mình ở bệnh viện. Đóng vai người mẹ lạc con đi tìm con. Đóng vai cứu trợ đồng bào bị lụt. Đóng vai cảnh sống dưới thuyền của trẻ em làng chài. Đóng vai cô Tấm chơi với con Bống trong cổ tích Tấm Cám. Đóng vai người dân vui ngày hội xuân ở làng quê. Có cả đóng vai mèo Tom và chuột Jerry nữa...

Đóng vai là chơi kịch. Vậy là ngay từ lớp đầu tiên ở bậc tiểu học theo sách Cánh Buồm, chúng ta đã học *kịch* theo cách chơi kịch để hiểu diễn kịch là công việc cốt lõi của nghề kịch – từ Hán-Việt là kịch nghệ.

Kịch nghệ là toàn bộ hoạt động liên quan đến việc diễn kịch, như kịch bản, sân khấu, đạo diễn, diễn viên, mỹ thuật, âm nhạc... Chưa kể các loại hình khác nhau trong Kịch Nghệ như chèo, tuồng, cải lương, kịch nói, vũ kịch, nhạc kịch, kịch truyền thanh, kịch truyền hình,...tất cả tạo thành một “nghề kịch”.

Khi học bài này, các bạn tiếp tục các hoạt động chơi kịch và học kịch như vẫn tiến hành. Với một chút khác biệt, nhưng là khác biệt rất quan trọng khi đã lên Lớp 7: ý thức về kịch nghệ tức là ý thức về các “ngành nghề” trong một nghề kịch, trong hoạt động kịch.

Mời các bạn bắt đầu.

1. Kịch bản

Thời xưa, những “trò” diễn không nhiều, mọi người đều như thuộc các “tích” rồi. Các trò đó đóng mãi nên càng ngày càng hoàn thiện. Thế là có những người có học, biết chữ Nôm, liền tự động ngồi ghi lại thành vở chèo lưu truyền lại cho đến ngày nay. Rồi đến lúc có tổ chức ghi các vở chèo đó sang chữ Quốc ngữ để phổ biến rộng hơn nữa. Thế là có những vở diễn – khi diễn các diễn viên vẫn có thể thay đổi cho hay hơn, nhưng về cơ bản vẫn không đi xa với vở diễn, bảo đảm tinh thần của câu chuyện.

Sang thời đại mới, người ta chủ động tạo ra kịch bản. Đến thời kỳ kịch nói thì vở diễn trở thành một tài sản của nhà soạn kịch. Các đoàn kịch chuyên nghiệp khi diễn một vở nào đó thường xin phép tác giả kịch bản. Có tác giả kịch bản lại kiêm trưởng đoàn kịch, kiêm cả đạo diễn hoặc diễn viên – bên châu Âu đó là Shakespeare, Molière... bên ta đó là Thế Lữ... Mời các bạn tìm hiểu qua *Bách khoa toàn thư* hoặc qua Internet và cho biết mấy tên tuổi vừa kể có những kịch bản nào (không cần kể hết, chỉ cần kể vài ba vở). Xin các bạn cho biết thêm tác giả Việt Nam của các vở *Chén thuốc độc*, *Vũ Như Tô*, *Kiều Loan*? Tác giả nào có vở *Chim hải âu*, *Turcaret*, *Hồn Trương Ba da hàng thịt*?

Kịch bản viết ra những lời đối thoại giữa các nhân vật. Qua những lời đối thoại thì người xem kịch hình dung được toàn bộ câu chuyện. Khi diễn kịch, câu chuyện được kể chính là qua những lời đối thoại đó. Bài thơ thì dùng lời để nói một tâm tình. Kể chuyện thì dùng lời để kể lại diễn biến toàn bộ câu chuyện từ đầu chí cuối. Còn câu chuyện của một vở kịch thì được kể qua những lời đối thoại.

Một kịch bản thông thường sẽ gồm hai phần.

Phần chung gồm có (1) Các vai (nói rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, đặc điểm bề ngoài,...); (2) Địa điểm xảy ra câu chuyện; (3) Cách bài trí toàn cảnh và từng hồi của vở diễn...

Phần thứ hai của vở kịch là diễn biến câu chuyện. Diễn biến này được viết rõ thành từng *màn*, kịch bản viết rõ trước và sau một màn được đánh dấu bằng “Mở màn” và “Hạ màn”. Trong hát chèo, vì vở diễn trên “chiếu chèo” cả ba mặt đều có người đứng ngồi xem, nên không có màn, mà chỉ có người giáo đầu hoặc các vai hề dẫn dắt câu chuyện theo từng cảnh.

Tiếp tục, mỗi màn kịch lại được kịch bản ghi rõ từng *hồi* và mỗi hồi lại được chia ra từng *lớp* nhỏ – từng lớp đó đều viết rõ có những vai kịch nào xuất hiện... Cứ thế tiếp diễn cho tới khi MÀN HẠ là hết toàn bộ vở kịch.

Trong kịch bản còn hướng dẫn rõ về thiết kế mỹ thuật nói về cảnh trí nơi câu chuyện sẽ diễn ra. Nói chung, thiết kế đó gồm một cái *phông* (cái nền) và phía trước cái phông đó có những đồ vật trang trí như thế nào – ví dụ, một phòng khách, hoặc một quán nước, hoặc một phòng mổ ở bệnh viện ngoài mặt trận, v.v...

Kịch bản cũng còn nói rõ phần âm nhạc như thế nào, tiếng động gây ra cần chuẩn bị gồm những gì (sấm chớp, tiếng súng, tiếng chuông nhà thờ...)...

2. Đạo diễn và diễn viên

Thời xưa, như khi *hát chèo* (các bạn sẽ học tiếp ngay bài nhập này), những trò chơi diễn chèo không do diễn viên chuyên nghiệp thực hiện. Bà con nông dân, vào buổi nông nhàn sau khi gặt hái vụ mùa, lại nhân dịp đón Tết cùng với những ngày hội xuân, mọi người rủ nhau hát chèo. Diễn viên là những người bình thường hàng ngày vẫn chân lấm tay bùn, nay rủ nhau chơi hát chèo. Thấy ai giỏi vai nào thì cho đóng vai đó.

Khi cuộc sống phát triển, có những người chuyên sống bằng nghề kịch. Vào thời hiện đại có trường đào tạo đạo diễn và diễn viên rất kỹ lưỡng. Khi dựng một vở kịch theo một kịch bản nào đó, đạo diễn có ý tưởng riêng về vở diễn và về từng vai diễn. Đạo diễn sẽ huấn luyện diễn viên đóng theo ý tưởng đó. Dàn diễn viên sẽ thể hiện tài năng của mình theo ý tưởng của đạo diễn.

Sau nghề đạo diễn là nghề diễn viên. Người diễn viên chuyên nghiệp có một số phẩm chất như sau:

2.1. Có lòng đồng cảm

Trước hết, người diễn viên – như mọi nghệ sĩ khác – cần có *lòng đồng cảm* với thân phận những nhân vật của vở kịch. Đó chính là lòng đồng cảm với thân phận của con người nói chung. Đó là sự rung cảm trước những cảnh đời vui buồn, sướng khổ.

Lấy ví dụ một câu chuyện rút từ tích chèo có tên *Kim Nham*, mời bạn đọc câu chuyện tóm tắt sau.

Kim Nham là một học trò nghèo được viên huyện Tế đem con gái là Xúy Vân gả cho. Xúy Vân là một cô gái có ước mong đơn giản có một gia đình, chồng cày vợ cấy, “*Chờ cho lúa chín bông vàng / Để anh đi gặt để nàng mang cơm*”. Kim Nham đi học xa, Xúy Vân lẻ bóng rất buồn trong cảnh chờ đợi.

Kim Nham vắng nhà thì Trần Phương, một gã nhà giàu nổi tiếng phong tình tìm cách tán tỉnh Xúy Vân, xui nàng giả điên dại để thoát khỏi Kim Nham rồi hẳn sẽ cưới. Xúy Vân nghe theo bèn giả điên. Bao nhiêu thầy thuốc, cô đồng, thầy cúng đến chạy chữa cho nhưng không kết quả. Kim Nham đành phải làm giấy cho Xúy Vân được bỏ chồng. Nhưng đến lúc này, gã lừa đảo Trần Phương đã quay lưng lại với nàng.

Xúy Vân đau khổ từ chỗ giả điên trở nên điên thật. Kim Nham do quyết chí học hành, đã đỗ cao, được bổ làm quan. Trong khi đó Xúy Vân điên dại, phải đi ăn xin. Nhận ra vợ cũ, Kim Nham bỏ một nén bạc vào nắm cơm sai người đem cho. Xúy Vân bẻ nắm cơm, thấy có bạc, hỏi ra mới biết. Xấu hổ, đau đớn, vì bị trách là đã sống bạc bẽo, nàng nhảy xuống sông tự vẫn.

Bạn thử đặt mình vào vai một diễn viên, liệu bạn có đồng cảm nổi với Xúy Vân để đóng nổi vai kịch này?

2.2. Có năng lực vào vai diễn

Bạn có thể đồng cảm với Xúy Vân không? Đồng cảm ở nỗi gì? Vì sao đồng cảm được? Xúy Vân đáng thương ở chỗ nào? Xúy Vân hy vọng và mơ ước gì và đã thất vọng như thế nào?

Tiếp đó, còn phải vào vai Xúy Vân. Trong nghệ thuật diễn xuất, người ta dùng chữ “vào vai”, hiểu theo nghĩa là “trở thành vai kịch” nào đó. Bạn không là người điên, nhưng bạn phải tưởng tượng mình điên thật. Điên vì bị xui dại. Điên vì bị đánh lừa. Điên vì hy vọng rồi tuyệt vọng. Lại còn phải là người vừa điên vừa tỉnh nữa.

Đã vào vai rồi, còn phải biết cách diễn cho hợp với vai diễn. Diễn là y như thật chứ không phải hoàn toàn là thật. Bạn khóc giả vờ mà làm cho khán giả tưởng mình khóc thật – đó là y như thật. Cười giả vờ mà khán giả nghĩ mình đang cười thật khiến tất cả mọi người đều cười lẫn cười lộn theo. Giả vờ nói thầm, mặc dù vẫn phải nói sao cho tất cả các khán giả đều nghe được rõ – nếu không mọi người đâu có hiểu chuyện gì xảy ra. Bạn phải đánh một vai kịch khác, đánh đau, nhưng thực ra chẳng hề đụng đến bạn diễn của mình. Rồi còn tự tử nữa chứ! Nếu mỗi đêm diễn lại tự tử và chết một diễn viên thì còn gì đoàn kịch nữa!

Bạn thấy nghề diễn viên có khó không? Nhưng đó lại là niềm vui của những diễn viên tài năng. Tài nghệ kịch của một diễn viên do đâu mà có? Thứ nhất là do sẵn có – người ta nói là do trời ban cho. Một phần nữa là do học và hành nghề mà có tài năng. Bạn có nhớ gương mặt và thân hình hề Charlot không?

Gương mặt diễn viên đó nom đã gây cười rồi – đó là trời cho. Nhưng Charlot biết tạo ra bộ ria mép trông lại thêm buồn cười. Bạn có để ý cách đi của Charlot không? Đi chân chữ bát quềnh quàng. Lại nghĩ ra thêm cái gậy chống cho càng thêm quềnh quàng. Lại nghĩ ra cả đôi giày to đùng so với bàn chân mình, khiến càng thêm quềnh quàng. Các bạn thử bắt chước cách đi của Charlot xem có dễ không? Phải học, và phải khổ công luyện tập. Tưởng là dễ mà chẳng dễ chút nào. Một diễn viên phải học, phải tập luyện công phu. Tập cả tháng, diễn một đêm. Tập cả đời, diễn suốt đời – đời một diễn viên chuyên nghiệp.

2.3. Phải nắm toàn bộ kịch bản

Đó các bạn biết: nắm toàn bộ kịch bản để làm gì? Dĩ nhiên, câu chuyện, vở diễn, từng vai, người nào cũng thuộc cả. Nhưng vẫn phải nắm toàn bộ vở diễn. Để làm gì? Để phối hợp với các vai diễn khác.

Một vai diễn khi nói lời của mình là để chuẩn bị cho vai khác tiếp nối vào lời thoại của mình. Vai diễn của mình phải chuẩn bị cho vai diễn của bạn. Và vai của bạn cũng chuẩn bị cho vai diễn của ta. Như vậy, một đêm diễn, một vở diễn, là công việc của một tập thể của những cá nhân diễn viên tài năng. Để có một đoàn kịch tài năng.

Do đó, một đoàn kịch phải rất đoàn kết. Cũng như một đội bóng phải rất đoàn kết – một cầu thủ không làm nên thắng lợi của trận đấu. Một diễn viên riêng lẻ cũng không làm nên thành công của đêm diễn, của đoàn kịch.

Đôi lời kết luận

Các bạn đang học về kịch nghệ, đó vẫn là một đoạn trên con đường học cách làm ra cái Đẹp tinh thần trong cuộc sống của con người. Học để làm ra và nâng cao vẻ Đẹp tâm hồn của con người. Thiếu cái Đẹp ấy, cuộc sống của con người vẫn chỉ là cuộc sống của loài động vật.

Bài học này giúp cho bạn thêm điều này: phải học để biết CÁCH làm ra cái Đẹp ấy!

Sau bài nhập này, các bạn sẽ học về hát chèo là thể loại kịch nghệ lâu đời của dân tộc ta. Học để biết, và còn thực hành để biết sâu hơn, thực hành đóng chơi vai hề chèo. Tiếp đó, các bạn sẽ học sang kịch nói là thể loại kịch nghệ mới du nhập vào nước ta trong thời hiện đại. Các bạn cũng sẽ đóng chơi vài đoạn ngắn trích từ các vở kịch nói. Sau cùng, các bạn còn học chuyển thể loại khác sang thể kịch.

Các bạn không học để thành những nhà kịch nghệ chuyên nghiệp. Học để hiểu những điều phổ thông về kịch nghệ – một phương thức giáo dục tâm hồn con người bằng cách giáo dục năng lực làm ra cái Đẹp nghệ thuật để biết yêu cái Đẹp trong cuộc sống thực.

Luyện tập

1. Thảo luận: Kịch và kịch nghệ khác nhau như thế nào?
2. Thảo luận: Thế nào là một kịch bản? Thuở ban đầu người dân chơi kịch có cần đến kịch bản không? Các bạn cùng chơi kịch ở lớp có cần đến kịch bản không?
3. Thảo luận: Một đạo diễn làm công việc gì? Một diễn viên làm công việc gì? Đạo diễn làm gì khi diễn viên đóng vai không theo ý mình? Một họa sĩ thiết kế vẽ một phong cảnh không hợp ý đạo diễn thì sẽ xảy ra chuyện gì?
4. Thảo luận: Một diễn viên ngày nào cũng đến tập muộn và hay bỏ tập thì sẽ xảy ra chuyện gì? Các diễn viên khác sẽ đối xử thế nào với diễn viên thiếu ý thức kỷ luật kia?

BÀI 5

NGHỀ HÁT CHÈO VIỆT NAM

Hướng dẫn tự học

Các bạn học sinh Lớp 7 thân mến,

Bài học này là một tài liệu cô đúc để các bạn hiểu và yêu nghề hát chèo của nước ta.

Ca dao Việt Nam cho thấy người Việt yêu thích hát chèo đến thế nào:

*Ăn no rồi lại nằm khoèo
Nghe giục trống chèo vỗ bụng đi xem
Chẳng thèm ăn chả ăn nem
Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo.*

Đến thế kỷ 20, nhà thơ Nguyễn Bính vẫn còn ghi lại những náo nức của mọi người khi vào ngày xuân các làng thi nhau đón các gánh hát chèo về diễn:

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy
Hội chèo làng Đặng đi qua ngõ
Mẹ bảo: “Thôn Đoài hát tối nay”.*

Để tạo hứng thú tự học của các bạn, mời các bạn thưởng thức mấy bức tranh của danh họa Bùi Xuân Phái (1922–1988), người để lại nhiều tranh về hát chèo, như *Hóa trang sân khấu chèo*, *Sân khấu chèo*, *Vợ chồng chèo*, *Trước giờ biểu diễn*...



Chèo là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian Việt Nam. Chèo phát sinh và phát triển ở đồng bằng Bắc Bộ. Loại hình sân khấu này phát triển cao, giàu tính dân tộc. Nếu sân khấu truyền thống Trung Quốc có đại diện tiêu biểu là kinh kịch của Bắc Kinh và sân khấu Nhật Bản là kịch nô, thì đại diện tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam là chèo.

1. Vài nét lịch sử nghệ hát chèo

Lưu truyền rằng kinh đô Hoa Lư – Ninh Bình là đất tổ của sân khấu chèo, và người sáng lập là bà Phạm Thị Trân, một vũ ca tài ba trong hoàng cung nhà Đinh vào thế kỷ 10.

Tại sao lại lấy cái mốc thế kỷ 10 cho hiện tượng văn hóa độc đáo Việt Nam ấy? Vì trước đó, nước ta chìm đắm trong cảnh sống đen tối: đối với bên ngoài, nước ta sống nô lệ vào nước Tàu, ở trong nước, đó là cảnh các sứ quân đánh lộn nhau liên miên tan nát...

Khi đất nước tạm yên bình, nhu cầu vui chơi giải trí được phát triển – bắt đầu từ trong triều đình ở kinh đô Hoa Lư. Nghề ca múa hát ra đời và phát triển.

Hạt giống nghệ thuật đã gieo, nó sẽ nảy nở. Sau này khi kinh đô chuyển về Thăng Long (Hà Nội bây giờ), loại hình nghệ thuật biểu diễn này càng được phát triển rộng ra, bắt đầu từ đồng bằng Bắc Bộ, rồi lan dần vào tới Nghệ-Tĩnh.

Tại sao nghệ hát chèo lại sớm phát triển ở đồng bằng Bắc Bộ?

Đồng bằng châu thổ sông Hồng là cái nôi của nền văn minh lúa nước của người Việt. Mỗi khi vụ mùa thu hoạch xong, nông dân lại tổ chức các lễ hội để vui chơi và cảm tạ trời đất đã cho vụ mùa no ấm. Người dân biểu diễn các vở chèo đầu tiên trên sân đình. Nhạc cụ chủ yếu của chèo khi đó chỉ là chiếc trống chèo.

Vào thế kỷ 15, do chịu ảnh hưởng của đạo Khổng, vua Lê Thánh Tông đã không cho phép biểu diễn chèo trong cung đình nữa, coi là không nghiêm trang. Không được triều đình ủng hộ, chèo trở về với những người hâm mộ ban đầu là nông dân. Tới thế kỷ 18, hình thức chèo đã được phát triển mạnh ở vùng nông thôn Việt Nam và tiếp tục phát triển, đạt đến đỉnh cao vào cuối thế kỷ 19. Có những vở chèo nổi tiếng như *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Kim Nham*, *Trương Viên*, *Tống Trân Cúc Hoa*, *Phạm Tải Ngọc Hoa*, *Nhị Độ Mai*...

2. Chèo sân đình

Chèo sân đình là loại hình chèo cổ của những phường chèo xưa, thường được biểu diễn ở các sân đình, sân chùa, sân nhà các gia đình quyền quý. Sân

khẩu chào sân đình thường chỉ là một chiếc chiếu trải ngoài sân, đằng sau treo chiếc màn nhỏ, diễn viên và nhạc công ngồi hai bên mép chiếu tạo dàn đế. Chào sân đình diễn theo lối ước lệ, cảnh trí không có “thiết kế mỹ thuật” như ngày nay, chỉ được thể hiện bằng lời, bằng động tác cách điệu của diễn viên. Đạo cụ của người diễn thường hay sử dụng là chiếc quạt. Diễn viên đóng chào sân đình nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những phường chào hay phường trò...

Về sau, chào sân đình chuyển địa điểm diễn qua lòng đình hoặc thêm đình quay ra ba phương sáu hướng, lấy đó làm khán trường ngoài trời rộng rãi phóng khoáng. Cứ thế, dần hình thành cả loạt kỹ thuật kịch linh hoạt độc đáo, mà nhiều nhà chuyên môn gọi là sân khấu ba mặt.

Trong chào cổ khi đó, cái cười ngày càng chiếm thời gian dài, giấu những thói hư tật xấu trong đời thường. Nổi bật hơn cả là lớp việc làng: chỉ bằng cách nói thường, hoặc nói lối, nói rao, “ngâm thơ”,... chào vạch mặt những thói xấu của đủ các thành phần của bộ máy chính quyền cơ sở đại diện cho pháp luật, tập tục, đạo lý.

Trong nhân vật chào, còn có cả loạt hình tượng nữ, đặc biệt là số nhân vật nữ vượt khỏi vòng kiểm toả của đạo lý phong kiến, như Thị Mầu, Đào Huế, Xúy Vân,...

Các nhân vật nữ này cũng phát triển dần dần. Ban đầu, vai Thị Mầu chẳng hạn chỉ là nhân vật làm bật rõ sự nhần nhục của Thị Kính, để nâng đỡ mức lên toà sen thành Phật bà Quan Âm; rồi có nhân vật Đào Huế tuy chưa đủ mạnh nhưng cũng đụng chạm khá mạnh đến các nhà nho; đến Xúy Vân, người phụ nữ bỏ chồng, đã chiếm tới hai phần ba thời gian diễn tích *Kim Nham*. Thị Mầu, Đào Huế, Xúy Vân đều được nghệ nhân sáng tạo thành khuôn diễn với nhiều bài hát múa dành riêng, độc đáo.

Bên cạnh những vai chính đó, còn là những khuôn diễn thật đặc sắc làm rạng rỡ nghệ thuật cổ truyền, từ những Thầy Đồ, Thầy Bói, Phù Thủy, Vợ Mỡ... đến các vai mạnh mẽ hơn như Thị Mầu, Đào Huế, Xúy Vân.

Càng ngày càng thấy rõ quá trình thu hút hòa nhập các loại hình dân ca, dân vũ, diễn xướng và trò diễn dân gian làm thành “của riêng” cho nghệ thuật chào. So với lúc khởi đầu ở chốn kinh đô trong rừng núi tại Hoa Lư, chào đã phát triển thành có tích (có “vở”), có nhân vật, từ đấy du nhập, chuyển biến các loại hát (hát xoan, hát dặm, hát dô, hát ả đào, hát văn, hát xẩm,...), kết hợp với số

động tác trong múa (hát) chèo đò, múa (hát) cửa đình (các khuôn múa bàn tay, múa lượn ngón, múa cánh tay), múa mâm, múa quạt, múa cờ,...; với cả những trò ra mắt trình nghề vốn rất phổ biến trong những hội làng, đánh dấu từng mức trình độ sáng tạo và thưởng ngoạn nghệ thuật của đồng bào từng vùng.

Về âm nhạc của chèo, từ thời Lý Trần về trước, nhạc dân gian và nhạc cung đình hòa hợp gần như là một; sang đời Hậu Lê có lúc nhạc cung đình hướng ngoại cố giữ vị trí chủ lưu, song không bao lâu cũng chịu bất lực để “tục nhạc” (trong đó có nhạc chèo) bùng lên, ủa tràn vào các lễ nghi triều miếu, bất chấp mấy lần vua Lê chúa Trịnh ra sắc chỉ cấm đoán ngăn chặn (từng được chép ở *Đại Việt sử ký*, *Vũ trung tùy bút*). Tới thế kỷ 19, nhà Nguyễn có lúc muốn thu tóm tất cả những gì thuộc lễ nhạc về một mối, cũng chỉ cản trở phần nào. Bởi chèo sân đình nhờ bám chắc vào đời sống đông đảo bà con và các hội làng, nên dù ở hoàn cảnh nào cũng được nhân dân bù trừ khích lệ mà tồn tại và lớn dần đến ngày nay.

3. Hai vở chèo làm mẫu

Mời các bạn tham khảo hai tích chèo và vài điều sơ lược về sự khác nhau khi diễn trò, để thấy sự thay đổi thêm bớt của loại hình nghệ thuật dân gian này. Qua đó ta có thể thấy sơ qua con đường từ chèo sân đình phát triển lên thành chèo ở dạng ổn định.

3.1. Vở Lưu Bình – Dương Lễ

Lưu Bình trò có thể xuất hiện vào thế kỷ 17. Có thể nói đây là vở ở dạng cổ nhất. Các lớp trò tuân tự như sau: Giáo đầu; (Lớp 1) Dương Lễ tới rủ bạn là Lưu Bình đi thi; Dương Lễ đậu “tam kỳ đệ nhất”; (2) Lưu Bình thi trượt, về quê thì nhà cửa bị “cơn binh hỏa” cháy sạch, sang nhờ bạn, bị Dương Lễ sai kẻ dưới làm nhục; (3) Dương Lễ nhờ cậy một trong ba người vợ đi nuôi bạn ăn học, song chỉ có bà vợ ba tên là Châu Long nhận lời; (4) Tại quán Nghênh Hương, Lưu Bình gặp Châu Long; (5) Hai người về sống chung; (6) Lưu Bình sau ba năm dùi mài kinh sử, thi đậu về nhà không thấy Châu Long; (7) Lưu Bình buồn rầu, được Dương Lễ cho lính mời sang chơi; (8) Đôi bạn cũ gặp nhau, Lưu Bình than thở, và nàng Ba Châu Long ra hầu trà; (9) Lưu Bình chợt hiểu thâm ý của bạn, cúi đầu, vái anh, kính chị, và hát kết trò.

Sự khác nhau giữa các bản trò (bản ghi chép vở diễn) là do thêm vào trò diễn ý nghĩa sâu hơn và cũng hấp dẫn hơn. Như có bản thêm vào lớp thầy đồ

dạy học tiếp theo lớp Dương Lễ sang rủ bạn đi thi (nay đổi là đi học); có bản thêm lớp vợ chồng nhà Xẩm chen giữa lớp Lưu Bình gặp gỡ Châu Long ở quán Nghênh Hương. Nhiều bản vở mở rộng hai câu kết làm văn trò để nhấn mạnh thêm vào chủ đề tình bằng hữu, nghĩa vợ chồng. Có khi còn thêm vô số câu pha trò của kẻ dưới tại dinh Dương Lễ, của chú hề đi theo Lưu Bình, tất cả như cố ý nhắc nhở, cảnh tỉnh những học trò “cả tháng rong dài; một ngày kinh sử”...

3.2. Vở Quan Âm Thị Kính

Từ vở Quan Âm ban đầu đến Quan Âm Thị Kính đánh dấu bước phát triển quan trọng hơn nữa của nghệ thuật chèo sân đình. Bản Quan Âm trò cổ nhất tìm được thấy ghi khắc in năm 1872. Các bản Quan Âm trò bằng chữ Quốc ngữ được in năm 1924 tại Hà Nội.

Đây là vở chèo tiếp nối dòng trò nhà Phật được đông đảo nhân dân thích thú thưởng thức nhất từ trước đến nay, kể lại hai nỗi oan tày đình, với sự chịu đựng nhẫn nhục cực kỳ của Thị Kính Phật Bà. Ngoài lớp giáo đầu, Quan Âm trò gồm hai phần:

Phần 1 kể sự kiện “thừa làm vợ để chồng ngờ thất tiết” với các lớp (Thiện Sĩ) hỏi vợ, (ông Mãng) gả con, sự biến tã râu và nỗi oan giết chồng, (Thị Kính) than thở.

Phần 2 kể “lúc làm trai cho gái đổ oan tình” với các lớp Chùa Vân (và Tiểu Kính), (Thị Mầu) lên chùa, Nô và Mầu, việc làng (gồm lớp Mẹ Đốp-Xã trưởng, lớp Bất khoán), “trả” con, nuôi “con”; nỗi oan giải tỏ, Phật tổ ban sắc và cuối cùng là lớp Chạy đàn.

Vở Quan Âm đã chứng tỏ một trình độ phối hợp kết hợp nhuần nhuyễn và một sức sáng tạo nghệ thuật phong phú, các thủ pháp cấu thành ngôn ngữ nghệ thuật kịch khi mô tả những sự biến, những nhân vật trong quá trình bộc lộ phẩm cách, nhất là với số nhân vật có suy nghĩ và hành động vượt ra ngoài khuôn khổ đạo đức nhân sinh của xã hội thời đó.

Có thể nói chèo Quan Âm Thị Kính có nhiều lớp trò mới với những khuôn diễn mới bao gồm làn điệu mới, điệu múa mới và tất nhiên tạo hình mới. Như những lớp tã râu, đánh mắng con dâu, Thị Kính than thở, tiểu nuôi “con”, chạy đàn; đặc biệt là lớp Lên chùa sử dụng chủ yếu hát múa kết hợp với lời thơ và diễn xuất tạo hình, lớp Việc làng chỉ dùng nói thường vắn vè và nói lối cùng với số nhân vật biểu trưng sắc sảo cho cái ngu dốt, thói nát của lũ hào lý nơi

xóm thôn, kết hợp với kỹ thuật diễn xuất mà đạt hiệu quả sáng giá lâu dài. Sự sáng tạo ở đây thật đáng lưu ý, bởi ngay trong chân kinh và trong truyện nôm cũng chỉ miêu tả đến chùa trong 16 câu thơ lục bát; tả đoạn làng bắt khoán chưa đến 20 câu và không hề lộ thấy những Vợ Mỡ, Xã trưởng với lũ Đồ “điếc”, Hương “câm”, Thầy “mù”.

Xét về mặt nghệ thuật, vở này vẫn được nhà nghề coi là mẫu mực của vốn chèo truyền thống. Tất nhiên do sự phổ biến sâu rộng trong quần chúng, chèo *Quan Âm Thị Kính* được lớp thế hệ nghệ nhân, cả nho sĩ sáng tạo bổ sung không dứt, điều mà tất các loại hình văn nghệ dân gian đều trải qua, rồi trở thành vở chèo cổ truyền hoàn chỉnh hơn hết.

4. Đặc điểm kịch nghệ trong hát chèo

4.1. Nhân vật độc đáo trong chèo – vai hề

Hề là một vai diễn thường có trong các vở diễn chèo. Anh hề được phép chế nhạo thoải mái (điều này cũng giống như những anh hề trong cung điện của vua chúa bên châu Âu xưa). Các cảnh diễn có vai hề, ngoài công việc dẫn dắt câu chuyện, cũng còn là dịp để người dân thưởng thức những ngón nghề đả kích nhẹ nhàng mà sâu cay những thói hư tật xấu của xã hội phong kiến, không chừa cả vua quan, đặc biệt là không tha ai trong đám người có quyền, có của trong làng xã.

Có hai loại là hề áo ngắn và hề áo chùng (dài). Hề áo ngắn: như hề gậy, hề theo thầy, hề cung đình, hề môi... Hề áo ngắn chỉ địa vị xã hội thấp kém của hề; nhưng trong chèo, hề lại tiêu biểu cho trí thông minh của quần chúng lao động, châm biếm đả kích vào các loại bề trên (bằng lời nói, dùng cách ra câu đố, chơi chữ, điệu bộ và lời lẽ hóm hỉnh). Hề áo chùng, như thầy bói, thầy đồ, thầy phù thủy, áo chùng nói lên địa vị đáng trọng trong xã hội. Hề này tự giấu mình, tự bộc lộ tính chất bịp bợm của mình (thầy đồ đốt chữ, thầy phù thủy lại sợ ma, thầy bói bói nhầm, bói nhảm...). Hóa trang cho cả hai loại hề thường bôi bác, lối diễn dung tục. Hề chèo có mặt trong hầu hết những tích trò.

4.2. Về diễn xuất trong hát chèo

Chèo là loại hình nghệ thuật tổng hợp các yếu tố dân ca, dân vũ và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nó là hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với

công chúng, và có thể được biểu diễn ngẫu hứng. Sân khấu chèo dân gian đơn giản, những danh từ chèo sân đình, chiếu chèo cũng phát khởi từ đó. Đặc điểm nghệ thuật của chèo bao gồm yếu tố kịch tính, kỹ thuật tự sự, phương pháp biểu hiện tính cách nhân vật, tính chất ước lệ và cách điệu. Ngôn ngữ chèo có những đoạn sử dụng những câu thơ chữ Hán, điển cố, hoặc những câu ca dao với khuôn mẫu lục bát rất tự do, phóng khoáng về câu chữ.

Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu châu Âu, các nghệ sĩ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Do vậy, vở diễn kéo dài hay cắt ngắn tùy thuộc vào cảm hứng của người nghệ sĩ hay đòi hỏi của khán giả. Không giống các vở opera buộc các nghệ sĩ phải thuộc lòng từng lời và hát theo nhạc trưởng chỉ huy, nghệ sĩ chèo được phép tự do bẻ làn, nắn điệu để thể hiện cảm xúc của nhân vật. Số làn điệu chèo theo ước tính có khoảng trên 200.

Đi kèm với diễn xuất chèo là những nhạc cụ. Chèo sử dụng tối thiểu hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Có câu nói “phi trống bất thành chèo” chỉ vị trí quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo. Trong chèo hiện đại có sử dụng thêm các nhạc cụ khác để làm phong phú thêm phần đệm như đàn thập lục, đàn tam thập lục, đàn nguyệt, tiêu, v.v...

Vài kết luận

Hát chèo để lại gì cho chúng ta ngày nay?

Bài học thì có thể có nhiều, tùy theo người đúc rút. Người quan tâm đến diễn xuất chèo sẽ rút ra những bài học về nghệ thuật biểu diễn, làm sao để ai ai cũng mê mải “*nghe giục trống chèo bế bụng đi xem*”... Người họa sĩ thiết kế sẽ nghĩ cách tạo ra những khung cảnh đầy ấn tượng để người xem chèo được nhìn thấy một cảnh trí thay vì chỉ nghe diễn viên nói hoặc hát về một cảnh trí.

Nhưng xin các bạn hãy nghĩ về một vài câu hát kết trò này:

Tạo hoá xoay vần

Qua cơn bĩ cực có tuần thái lai

Trời chung trời chẳng riêng ai

Vun trồng cây đức ắt tài nên nhân

Hễ ai có phúc có phần

Giàu nghèo tại số, gian truân bởi trời.

Mấy câu đó, tuy chỉ hát trượt ngoài môi nghệ nhân, và chỉ thấp thoáng bay qua tai người xem, song ai dám nói chúng không dần dần hần vào tâm khảm hàng ngàn triệu nông dân hiền lành chất phác thuở trước và tấm lòng nhân hậu đang cần xây dựng trong con người đời nay?



Hề gậy



Mẹ Đốp và Xã trưởng

Phụ lục:

Hai trích đoạn chèo

Các bạn chú ý những gì khi đọc và cả khi diễn thử với nhau hai trích đoạn chèo dưới đây. Chú ý những cách pha trò, những cách vận vẹo, những lý sự cùn của Xã trưởng và những trò lòn bịp của vai thầy bói. Hãy tưởng tượng các bạn đang xem vở chèo về một nỗi oan (bi kịch) và được xen vào những cảnh gây cười. Tuy gây cười nhưng không thiếu ý nghĩa: những cảnh này gián tiếp lý giải vì sao trong đời sống nông thôn còn có những nỗi oan như nàng Thị Kính đã phải chịu đựng cả đời cho tới chết.

Phụ lục 1

Trích đoạn *Mẹ Đốp và Xã trưởng* (trong vở *Quan Âm Thị Kính*)

MẸ ĐÓP - XÃ TRƯỞNG

- Xã trưởng: Thằng bố Đốp đâu, có nhà không hử?
- Mẹ Đốp: (Nói từ trong ra) Đứa nào đốp chát gì ở ngoài ấy đấy?
- Xã trưởng: Láo nào!... Tao đây, thầy xã đây!
- Mẹ Đốp: Lạy thầy ạ!... Bố cháu trẩy tỉnh lĩnh bằng rồi ạ!
- Xã trưởng: Làm cái thứ mõ thì bằng với sắc gì, hả?
- Mẹ Đốp: Thưa thầy, bố cháu cấp tráp theo hầu cụ Bá xuống tỉnh lĩnh bằng đấy ạ.
- Xã trưởng: Ừ, có chẳng thì thế chứ... Thế mày ra đây cũng được. Ra ngay đình có việc cần nhá.
- Mẹ Đốp: (Nói lệch rồi hát sấp) Này chị em ơi!
Thương chồng nên phải lắm than
Phép đâu có bắt việc quan đàn bà!
- Xã trưởng: Đã bảo ra ngay có việc cần. Mày còn làm gì mà lâu thế?
- Mẹ Đốp: Ấy đồng tiền có chữ
Người phải có tên
Thầy để cho nhà cháu xưng danh cái đã.
- Xã trưởng: Ai chả biết là mõ mà còn phải xưng danh?
- Mẹ Đốp: (Nói lệch) Ô là vậy:
Chẳng giấu gì mẹ đình đám là tôi
Nghề ăn nói tôi vào trang đúng mực
Bất phận danh nhi tài túc
Vô chế lệnh nhi dân tòng
Một mình tôi cả xã ngóng trông
Điều phải trái là tôi lên trước bảo.
- Xã trưởng: Hừ, con này..., láo nào...! Thế mày vút tao đi, mày lên trước bảo dân tao à?
- Mẹ Đốp: Dạ, nó là thế này kia ạ: to nhỏ việc gì mõ rao thì dân mới biết. Như vậy thì chẳng phải là nhà cháu lên trước bảo à?
- Xã trưởng: Ừ, thôi, thế cũng cho là được.

Mẹ Đốp: *Từ việc hỷ cho chí việc hảo
Trát quan về là phải báo đến tôi
Từ tiền tô giai lão quanh năm
Đến tiền tức một tay tôi chiếu bổ*

Xã trưởng: Hừ. Thế mày rút tao đi để mày chiếu bổ cho dân à? Đồ lão.

Mẹ Đốp: Dạ, dạ... Thì trên có tay thầy chiếu bổ, dưới có nhà con mỗ đi thu. Không có nhà cháu thì liệu thầy trách cứ vào đâu, làng trông cậy vào ai chứ ạ?

Xã trưởng: Ờ, ờ... Thôi cũng cho là được. Nhưng... cứ phải nói là trên có thầy xã chiếu bổ, dưới có nhà mỗ đi thu cho hắc bạch phân minh ra, thôi còn gì nữa?

Mẹ Đốp: *Từ hương hào cho chí thầy khán thủ
Ra đến đình là cũng phải đợi tôi
Tôi chưa ra cả làng chữa được ngồi...*

Xã trưởng: À, con mẹ này chí tâm nghịch thượng. Mày bào mày chữa ra thì làng chữa được ngồi. Thế ra mày là bà thủ chỉ dân tao à?

Mẹ Đốp: Ấy nó là thế này kia ạ. Nhà cháu chưa ra, làng chữa được ngồi là vì nhà cháu chưa ra thì lấy ai giải chiếu? Làng ngồi xuống đất à?

Xã trưởng: Ờ, ờ... nói thế là đúng lý. Thôi cũng cho là được.

Mẹ Đốp: Dạ thưa thầy, sách vở chữ là: Phi tiểu nhân bất thành quân tử ạ.

Xã trưởng: Phi tiểu nhân bất thành quân tử. Đúng! Mẹ Đốp thế mà hay chữ gớm nhỉ!

Mẹ Đốp: Thưa thầy, nhà cháu tiếng là mỗ, nhưng mà cũng có thơ đấy ạ.

Xã trưởng: Có thơ nữa kia à? Thơ thế nào?

Mẹ Đốp: Con đọc cho thầy nghe:
*Rộng miệng cả tiếng lại dài hơi
Cả xã ứng bầu chẳng phải chơi
Mộc đặc vang lừng ba bảy côi
Âm thanh dống dả khắp mọi nơi...*

Xã trưởng: (Nhắc lại) Hay đấy nhỉ!

Mẹ Đốp: Thầy có mang nghiên bút đi đấy không ạ?

Xã trưởng: Nghiên bút để làm gì?

Mẹ Đốp: Thầy bảo hay thì con đọc cho thầy chép đem về nhà treo.

- Xã trưởng: Hừ, hay với mày chứ hay với tao à? Tao lại đi dán thơ mõ của nhà mày à? (Ngắm mẹ Đốp) Ờ, mẹ Đốp dạo này trông nhuận sắc đấy nhỉ! Này, mày được mấy con rồi?
- Mẹ đốp: Nhà cháu hiếm hoi mới được có chín cháu với cháu này là mười...
- Xã trưởng: Tốt nái đấy! Này nhà Đốp... Hôm nào mát giời cho tao sang gửi nhà mày một đứa nhé...
- Mẹ Đốp: Ấy chết! Thầy là người lớn mà thầy lại đi ăn nói sàm sỡ thế. Thầy không sợ bố cháu nó nghe thấy à?
- Xã trưởng: Ờ, cái con mẹ mày, rõ thật: nhật nhật đa hĩ, lộng giả thành chân. Ra mày hỗn láo thật. Tao thấy mày mát tay nuôi trẻ thì tao gửi mày một đứa nuôi hộ chứ... Dờ hỗn, rồi sao cũng có ngày... Thôi đi rao đi.
- Mẹ Đốp: Thầy bảo rao thế nào ạ?
- Xã trưởng: Nghe đây này:
Chiềng làng chiềng chạ
Thượng hạ tây đông
Con gái phú ông
Tên là Mầu Thị
Tâm tình ngoại ý
Mãn nguyệt có thai
Mời già trẻ gái trai
Ra đình mà ăn khoán
Có thể thôi đi rao đi!
- Mẹ Đốp: Nhà cháu được cái sáng dạ nhưng phải cái lại hôn tâm. Thầy làm một mạch thế thì còn nhớ làm sao được?... Hay thế này vậy: nhà cháu đi trước đánh mõ, thầy đi sau rao hộ...
- Xã trưởng: Thế ra tao đi làm đầy tớ cho mõ à? Láo nào!
- Mẹ Đốp: Vậy thì thầy nói lại cho nhà cháu nhập tâm vậy (Xã trưởng đọc lại, mẹ Đốp bốc từng lời bỏ vào giải yếm)
- Xã trưởng: Kìa, sao mày lại bốc mồm tao bỏ vào chỗ ấy hả?
- Mẹ Đốp: Không buộc thì nhà cháu không nhớ được.
- Xã trưởng: Kìa kìa, có nhắc cao giải yếm lên không thì uế tạp hết mồm tao...

Phụ lục 2

Trích *Thầy bói và thằng hề* (trong *Quan Âm Thị Kính*)

44 – THẦY BÓI
(Ghi theo bác Mầm và bác Trùm Thịnh)

- Thầy Bói: Ai gọi thầy bói đây?
Thầy bói thì không nhưng mà giả thong manh hoảng lơ thì vô số đấy (*chân đá phải thứ gì dưới đất*) A... phát tài! Được cái bánh rán nóng (ăn nhưng vớt ngay). Hồng, hồng... trâu bò nhà ai đi qua sớm quá!
Cấn ơi hỡi Cấn
Con đã khôn con chớ có li bì
Con vén cảnh đoài lên, con dắt thầy ra phố Hàng Ngang cho thầy ngồi đón khách.
Con mua bức tranh cảnh khảm vào bức vách
Dẫu tốn bao nhiêu thì tốn con chớ có làm càn
Đời Bàn cổ sinh ra Thái hoang
Ngài mới dựng ra Tam hoàng huynh đệ tương kế
Ngài thủy chế can chi chi danh.
Tức: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Vị, Thân, Dậu, Tuất, Hợi thị dã!
Tiếng đế: “Thị dã” là con cái nhà ai nhỉ?
Thầy Bói: Ấy con nhà ai mà để giờ “thị dã” là khó nuôi lắm!
Ông Phục Hi họa đồ long mã
Mới sinh ra bát quái tinh vi
Có nhân vi trùng chi vi quái
Lục thập hữu tứ
Quyết hiểm nghi do dự
Sử bất mê cát hung, hối lộn chi đồ
Ơn thánh sư ngày tháng đủ no
Quanh năm vẫn ăn về nghiệp bốc.
Tiếng đế: Thầy không có đũa hay sao mà phải ăn bốc?

Thầy Bói: Bốc thầy đây là mãi bốc kiếm ăn chứ có phải là bốc cơm nguội như nhà anh đâu...
 Hay như thần Quỷ cốc
 Cũng mang tiếng bói mò
 Ai có tiền thầy mới xem cho
 Xem quẻ ấy không vỡ, thầy dò sang quẻ khác

Tiếng đế: Thế là “bói bù” à?

Thầy Bói: Cây ngô đồng sương sa lác đác
 Đường đi những lạc, ai có thầu cùng chăng?
 Đi từ lúc con giăng
 Sao bây giờ chưa thấy sáng?
 Nào bà thầy đâu? Ra đây, tôi dắt ra chợ, còn lờ lững đến bao giờ? Tôi mù thì mù nhưng vợ xấu không thềm lấy...

Tiếng đế: Làm sao để mà biết xấu với đẹp?...

Thầy Bói: Tôi nghe tiếng cười tôi biết. Người đẹp cười khanh khách, người xấu cười đành đạch mà người chữa cười thì ục ịch, ục ịch (hát)
Người xinh tiếng nói cũng xinh
Chuông kêu sẽ giọt bên thành cũng kêu...
 (Nói) Trưa mất rồi!

Tiếng đế: Sao biết là trưa?

Thầy Bói: Thấy bóng quần cả vào chân rồi đây này... Trưa rồi, tôi phải xưng danh còn đi chợ...
 (xưng danh)
 Trời sinh Thánh đế
 Trị nước lên ngôi
 Chẳng giấu gì thầy bói là tôi
 Bói gia sự nay đà có tiếng
 Ai có lòng tìm đến
 Đặt quẻ rồi tôi mới bói cho
 Ai không tin thầy bói bói mò
 Hồng quẻ ấy, tôi “bói bù” quẻ khác!
 Phép tôi học Kim Quy, Dã Hạc

Cùng Trần Đoàn, Quản Lộ, Thần Phong
Vì tôi khinh đời nên không mở mắt trông
... (Quên một câu)

(Nói) làm bài thơ đi chợ nhá!

Thơ rằng:

(Ngâm) Nào ai hơn tớ cõi trần gian

Tớ chỉ hơn ai có cái nhàn

Tay gậy, vai mang hòm sự nghiệp

Dò lần chân dận vết giang san

(hát) Chả đi đâu mà vội mà cần

Chỉ thung thăng con gậy dò lần bậc thang.

Tôi chả thèm nhấp nháy chàng màng với ai

Ở đời tiếng đã làm giai

Sỏi sành cũng đập, chông gai cũng trèo

Dù sang trọng khó nghèo

Dừng đứng tôi chẳng nhìn theo làm gì

Nhất cao là núi Ba Vì

Tôi “nghe” cũng chẳng thấy gì làm cao

Tôi chỉ nhờ ngày tháng tiêu dao

Cung đàn, nhịp phách, lúc nào cũng vui

Tôi chỉ giả vờ giàu đĩếc, sang đui...

(Nói) Đây đã tới chợ rồi. Nào:

Sáng mai, sáng mốt

Tiền tốt mở hàng.

Ai bói toán gì thì ra đây nào!

Người đàn bà: Chào thầy!

Thầy Bói: À, kia ông! Đây ông đội cái khăn lĩnh cũ thế mà còn đẹp gồm nhỉ!

Người đàn bà: Tôi đây có ông nào đâu?

Thầy Bói: Bà đặt quẻ đi.

Người đàn bà: Tôi đặt tiền trăm đây.

Thầy Bói: Tôi không bói tiền trăm, tôi chỉ bói tiền rưỡi với mười đồng thôi (đưa tiền gieo quẻ cho khách) Bà khẩn đi.

Người đàn bà: Tôi không biết khẩn.

Thầy Bói: Hàng rau, hàng vàng khẩn hộ này!
 Tiếng đế: Làm thầy mà lại đi nhờ người khẩn hộ à?
 Thầy Bói: Tôi mới học bói. Chưa học khẩn.
 Ừ. Thì khẩn vậy.
 Thần phục vong:
 Khẩn thủ lanh thông bách bách
 Cấn cớ lạy ông:
 Thiên phủ, Địa phủ, Thủy phủ
 Tam phủ công đồng
 Phục Hi, Thần Nông
 Chu công, Khổng tử
 Thất thập nhị hiền
 Ứng nhiệm vào trong quẻ bói
 Hữu cát biến cát
 Hữu hung biến hung
 Hữu cảm tất thông
 Hữu cầu tất ứng.
 Cấn cớ lạy:
 Chư phật, chư tiên
 Chư thánh, chư chúa, chư hiền
 Thánh tha thánh thốt
 Hai tay nhót tiền
 Bỏ tiền túi áo
 Cào cào giã gạo bà xem
 Bà may áo đỏ, áo đen cho con chuồn chuồn.
 Giáng phó đàn tràng, chứng minh công đức nhanh hoa thỉnh
 (Gieo quẻ)
 Cấp ca cấp kiểng, cùng cà cùng kiểng.
 Tiếng đế: Sao thầy lại kêu thế?
 Thầy Bói: Tiền nó không kêu thì tôi kêu hộ...
 Nhất đờn, nhị đờn, tam hào, biến vi lục động.
 Quẻ này có động to đây!
 (Nói vẫn)
 Động từ xương sống động ra

Động từ ngã bảy, ngã ba động về!
 (Nói) Sắp mấy đây?
 Tiếng đế: Sắp đôi!
 Thầy Bói: Sắp đôi thật à? Chấn thừa ba chục!
 Tiếng đế: Ở hay, bói chứ sao lại đánh bạc?
 Thầy Bói: Ờ, ờ nhỉ! Mộ ông tam đại nhà anh có ma rồi!
 Tiếng đế: Mộ nào chẳng có ma?
 Thầy Bói: Hữu xà tác quái
 Con gái nhà anh có đi lấy chồng thì mới có con
 Nhược bằng ở vậy thì son đến già
 Có lấy thì lấy người ta
 Anh em trong nhà việc ấy không nên...
 (Nói) Ông tam đại này hắc thác ban ngày đây...
 Tiếng đế: Thác ban đêm chứ?
 Thầy Bói: (Nói vắn) Ấy nhẽ ra thì thác ban ngày
 Thương con nhớ vợ hôn rày thác đêm!
 (Nói) Ngồi mộ này để ở ruộng cà
 Tiếng đế: Trên gò chứ?
 Thầy Bói: (Nói vắn)
 Ấy, nhẽ thì để ruộng cà
 Bồi chưng nước lớn khênh ngay lên gò
 Số này có mẹ, có cha
 Mẹ là đàn bà, bố là đàn ông
 Số này có vợ, có chồng
 Sinh con đầu lòng chẳng gái thì giai.
 Tiếng đế: Thầy đoán dựa rồi.
 Thầy Bói: (Nói) Nếu không đúng như thế thì bà đập tráp tôi ra (xấn tay
 áo, vung gậy) Đánh nhau nào, đánh nhau nào!

Cùng chơi vui

1. Chọn học thuộc một phần hoặc cả đoạn phụ lục. Không cần diễn, chỉ cần nói có vần những đối đáp giữa Xã trưởng với Mẹ Đốp hoặc giữa Thầy Bói và người đàn bà xem bói. Nếu diễn được càng vui.
2. Thi giải thích những hình diễn chèo sau:



BÀI 6

VỞ KỊCH *CHÉN THUỐC ĐỘC* CỦA VŨ ĐÌNH LONG

Giới thiệu

Chén thuốc độc là vở kịch nói đầu tiên ở Việt Nam do Vũ Đình Long soạn.

Vũ Đình Long sinh năm 1896. Năm 1925, khi 29 tuổi, Vũ Đình Long mở hiệu sách Tân Dân tại nhà số 93 phố Hàng Bông, Hà Nội. Tại đây, ông tập hợp nhiều nhà văn, nhà báo, và nhóm Tân Dân xuất hiện. Vũ Đình Long cho ra mắt các tờ báo như *Tiểu thuyết Thứ bảy* (1934–1942), *Phổ thông bán nguyệt san* (1936–1941), *Ích hữu* (1937–1938), *Tao Đàn* (1937–1938), *Tuổi trẻ*, *Truyền bá* (1941–1943); ông cũng lập các tủ sách “Tủ sách Tao Đàn”, “Những tác phẩm hay”, “Quốc văn dẫn giải”. Nhiều nhà văn Việt Nam những năm 1930–1945 có quan hệ, xuất bản tác phẩm ở nhà Tân Dân và trên các báo của Tân Dân.

Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957), là Ủy viên Ban chấp hành Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam khóa I. Ông mất ngày 14 tháng 8 năm 1960 tại Hà Nội, thọ 63 tuổi.

Vũ Đình Long và kịch nói Việt Nam

Kịch nói là bộ môn nghệ thuật hoàn toàn mới đối với truyền thống kịch nghệ Việt Nam. Chúng ta vốn chỉ có kịch hát (chèo, tuồng). Đầu thế kỷ 20, văn học nghệ thuật Việt Nam chuyển sang loại hình hiện đại theo mô hình phương Tây, kịch nói xuất hiện.

Vở *Chén thuốc độc* của Vũ Đình Long in tạp chí *Hữu Thanh* số 4, 5 (9/1921) và trình diễn tại Nhà hát lớn Hà Nội (22/10/1921) là cột mốc mở đường cho kịch nói Việt Nam. *Chén thuốc độc* là bước thí nghiệm đầu tiên, có nội dung là con người hiện tại, của đời sống thực.

Câu chuyện kịch *Chén thuốc độc* kể về một gia đình khá giả ở thành phố bị sa sút do cách sống của các thành viên trong nhà. Bà mẹ (cụ Thông) và cô con dâu (cô Thông) sa vào nạn đồng bóng. Anh con trai (thầy Thông) sa vào tệ trăng hoa, cô đầu. Cô con gái (cô Huệ) sa vào bầy trai lừa, bị mang bầu. Gia sản

khánh kiệt, nhà cửa sắp bị tịch biên, khiến thầy Thông đã tìm đến chén thuốc độc để kết thúc đời mình. May sao có thầy Xuân bạn thân đến kịp thời ngăn lại. Vừa lúc đó có thư của người em trai ở Lào gửi về cùng với một số tiền, kịp cho thầy Thông nộp cho tòa, giữ lại được căn nhà.

Vũ Đình Long thừa nhận ông thích đọc kịch tây nên có nắm được “những phép tắc của việc soạn kịch”. Đây “... là một việc rất khó, khó nhất là ở sự kết cấu, kết cấu thế nào cho hồi nọ cảnh kia liên tiếp nhau như thực, mà hồi nào hồi ấy có vẻ hoạt động tự nhiên”. Các bạn cùng nghiên cứu trích đoạn hồi thứ ba của vở kịch *Chén thuốc độc*.

CÁC VAI TRONG KỊCH

Nam: Thầy Thông Thu
 Thầy giáo Xuân
 Cậu ấm Sút
 Cậu cả Nhắng
 Cậu Lém
 Mỗ tòa¹
 Thầy thư ký
 Tây đen
 Cụ Lang
 Thầy bói
 Cung văn
 Người đưa thư
 Thằng Quýt

Nữ: Cụ Thông
 Cô Thông Thu
 Cô Huệ
 Mẹ đồng quan
 Cô hồn

BÀI TRÍ

(Ba hồi như nhau)

Buồng khách, hai bên có cửa, bày toàn đồ trang trí sang trọng. Tủ chè, giá gương, độc bình, hoành phi, câu đối, sập sơn son thiếp vàng, án thư dàn mặt, mỗi đầu án thư có ghế bành mây...

1 **Mỗ tòa:** một chức danh ở Tòa án làm công việc kê biên để tịch biên tài sản người bị Tòa án kết tội. Mỗ tòa là người Việt cũng phải nói tiếng Pháp để một thư ký ghi biên bản bằng tiếng Pháp.

HỒI THỨ BA

Cảnh 1

Cụ Thông, thầy Thông Thu, mõ tòa, thầy thư ký

- Mõ tòa: (Đang tịch biên nhà thầy Thông, đọc từng món đồ cho thư ký viết)
Un lit de camp laqué et doré... cent piastres¹
- Thầy thư ký: (Ngồi ghế bành, miệng lặp lại, tay viết)
Un lit de camp laqué et doré... cent piastres... ça y est²
- Mõ tòa: Une... deux... deux petites tables en bois de gụ sculpté... dix piastres³
- Thầy thư ký: Deux petites tables... en bois de gụ... sculpté... combien⁴
- Mõ tòa: Dix piastres⁵
- Thầy thư ký: Dix piastres
- Mõ tòa: Un... deux... trois... quatre fauteuils en bois de gụ sculpté. Quatre fois trente piastres, cent vingt piastres⁶.
- Thầy thư ký: Quatre fauteuils... en bois de gụ... sculpté... cent vingt piastre... ensuite?⁷
- Mõ tòa: Une... en bois de trắc... douze piastres⁸
- Thầy thư ký: Une... en bois de trắc... douze piastres
- Mõ tòa: Deux fauteuils, genre Thoney... dix piastres⁹
- Thầy thư ký: Deux fauteuils, genre Thoney... dix piastres
- Mõ tòa: Enfin, c'est tout pour le salon. Passons à la pièce d'à côté¹⁰

-
- 1 Một cái sập sơn son thiếp vàng... một trăm đồng.
 - 2 Một cái sập sơn son thiếp vàng... một trăm đồng... xong rồi.
 - 3 Một... hai cái bàn nhỏ bằng gụ trạm... mười đồng.
 - 4 Hai cái bàn nhỏ, bằng gụ trạm... bao nhiêu?
 - 5 Mười đồng.
 - 6 Một... hai... ba... bốn cái ghế bành bằng gụ chạm. Bốn lần ba mươi, một trăm hai mươi đồng.
 - 7 Bốn cái ghế bành... bằng gụ chạm... một trăm hai mươi đồng... gì nữa?
 - 8 Một cái bàn bằng gỗ trắc 12 đồng.
 - 9 Hai ghế bành kiểu Tê-nê mười đồng.
 - 10 Thôi thế là xong buồng khách, ta sang phòng bên cạnh.

Cảnh II

Cụ Thông (một mình)

Cụ Thông: Chao ôi! Đến lúc khôn thì đã già đời! Chồng ta chết đi, để lại nhà có, ruộng có, tiền bạc có hàng bấy, tám nghìn... con làm nên lương chẳng nhiều cũng ba bốn chục đồng một tháng... Thế mà bây giờ hết! Đến nỗi phải tịch biên tài sản! Một độ, thằng Thông cũng có chơi bởi phá hại thật, nhưng xét ra nó chơi bởi cũng là lỗi tại ta, ta không biết khuyên răn dạy bảo nó. Nó còn ít tuổi chơi bởi đã đành, mà ta trên đầu hai thứ tóc mà cũng đại chị đại em, cũng say sưa đồng bóng, đến nỗi không thiết gì đến việc cửa nhà, đến nỗi con gái dốt giai về nhà không biết, đến nỗi con gái chữa hoang vẫn cho là Thánh phạt! Sao mà ta ngu thế! Chẳng qua là ta mê tín quá, nhà ta đến nỗi tan hoang, phá sản vì ta quá say đồng bóng đó.
(*Cô Thông ra*)

Cảnh III

Cụ Thông, cô Thông

Cụ Thông: Kìa, Thông con đấy ư? Đã thấy khổ chưa con? Me con ta nhảy nhót đã thấy sướng chưa con? Me nói vậy mà thôi, chứ me trách chi con, me trách chi được ai? Me đây chính là thủ phạm, con ạ! Me không đồng bóng thì con đồng bóng sao được? Me đúng mực thì chồng con chơi bởi sao được? Me xem sóc nhà cửa thì con Huệ phải lòng giai sao được? Ôi thôi! Me con ta hối hận thì không kịp rồi! Món tiền hai trăm, con mẹ Đồng quan nó hên hôm nay nó trả, con lên đòi về mà tiêu.

Cô Thông: Con xem ý nó muốn lật đấy, me ạ! Nó cứ khất lần đấy mà thôi, không có văn tự làm gì được nó!

Cụ Thông: (Lắc đầu) – Con mẹ thế này thì ăn mày thật! Giả thần giả thánh để lừa đảo người ta! Nó rủ rê người ta đồng đồng bóng, bát khói bát hương, nó xui người ta nào lễ trình đồng, nào tam, tứ phủ, nó bảo người ta đi kêu đền kia phủ nọ với nó, chung quy chỉ để bòn rút người ta mà thôi! Me con ta tai hại về nó cũng nhiều!
(Cô Huệ ẵm con ra)

Cảnh IV

Cụ Thông, cô Thông, cô Huệ ẵm con

Cụ Thông: Nào đưa cháu đây bà yêu tí nào?
(Cô Huệ đưa con cho cụ Thông, cụ Thông ẵm cháu)
Cháu bà thế này không có bố! Cay đắng chưa!
(Cô Huệ cúi mặt)
Huệ ơi con! Me bây giờ mới biết con hư, con khổ tại me đó! Bởi me không nhìn nhõ gì đến việc nhà, bởi me toan ép nòng con vào bà Hai Gàn, nên con mới đến nỗi mắc lừa cả Lém! Trời ơi! Con gái tôi nét na xinh xắn thế kia mà đến nỗi bây giờ không ai màng đến nữa!
(Cô Huệ khóc)
(Một lát) Hay con làm lẽ nó vậy.

Cô Huệ: (Khóc nức nở – Lắc)

Cụ Thông: Lấy lẽ còn hơn chết già, con ạ! Thằng Lém tuy nó bạc bẽo với con thật, nhưng nghĩ cho kỹ thì nếu con không chịu lấy lẽ nó, chẳng nhẽ con ở nhà với me suốt đời sao?

Cô Huệ: (Vẫn nức nở khóc) – Me... nói đến... thằng sở Khanh ấy làm gì? Ôi thôi! Cái thân nhơ nhuốc xấu xa của con có ra chi! Thôi, con đành ở nhà hầu me, đến khi me trăm tuổi, con sẽ cắt tóc đi tu.
(Lại nức nở khóc).
(Thầy Thông ra).

Cảnh V

Cụ Thông, thầy Thông, cô Thông

Cụ Thông: Họ đã biên nhà xong chưa con?

Thầy Thông: Thưa đã xong rồi. Con đã đưa họ ra cửa bên rồi.

Cụ Thông: Họ biên thế bao giờ thì bán?

Thầy Thông: Họ sắp sửa dán ở cửa nhà ta mấy tờ yết thị xanh đỏ, để cho ai cũng biết là nhà đã bị tịch biên. Tám hôm nữa thì họ sẽ bán. Ôi thôi! Xấu xa, nhục nhã lắm me ạ!

Cụ Thông: Biết làm thế nào được bây giờ? Trời đất ơi!

Thầy Thông: Có thể thôi đâu. Nếu họ bán nhà mà không đủ tiền trả nợ thì con phải vào nhà pha! Mà không đủ là phần chắc rồi.

Cô Thông: *(Ôm mặt khóc)* – Hu! Hu!

Cụ Thông: Cơ khổ thế là cùng! Nhưng có cách gì gỡ được không, con?

Thầy Thông: Bây giờ chỉ có cách đem trả hết nợ là không việc gì thôi! Nhưng mà đào đâu cho ra ngay nghìn rưỡi bạc bây giờ? Nhà quê tuy còn vài mẫu ruộng, bán cũng được ba bốn trăm thật, nhưng bán ngay sao được, mà có bán cũng chưa đủ trả lãi. Chao ôi! Con phải đến ngồi tù mất thôi.

(Cô Thông vẫn ôm mặt khóc)

Cụ Thông: *(Vừa khóc vừa nói)* – Biết làm thế nào bây giờ hử con? Đành rằng me con mình tay trắng ra không, nhưng con mà phải ở tù... hu, hu! Thì me chết không sống được!

Thầy Thông: Thôi xin me nghỉ đi kéo mệt. Mợ Thông vào hầu me cho vui. Tôi cần ngồi nghỉ một mình xem có nghĩ ra kế chi chăng?

(Cụ Thông, mợ Thông cùng vào. Thầy Thông theo đóng cửa cài then).

Cảnh VI

Thầy Thông (Một mình)

Thầy Thông: *(Thở dài)* – Thật là vô kế khả thi! Tiền tài hết! danh dự không còn! Ở tù! Nay mai được đóng lon tù! Ôi thôi! Nước đời đến thế còn mong nổi gì!... Ở tù! Ở tù! Kìa thằng tù ăn cơm hẩm, mặc áo số, gói đất nằm sương, làm lụng cực hơn con vật! Mình quen ăn sung mặc sương, làm lụng thì quen mùa nóng quạt máy, mùa rét lò sưởi, chịu sao được những đắng cay ở tù? Thà rằng một thác cho xong! Chí đã quyết, dụt dề sao nên!

(Đứng dậy lấy chai dấm thanh giấu ở gầm tủ, lấy cái cốc, để lên bàn. Rót dấm vào cốc. Thò tay vào túi lấy hộp thuốc phiện).

Ta mua bác dấm thanh với bác thuốc phiện này¹, đã quyết nhờ hai bác đưa giùm ta về cõi cực lạc.

(lấy dao mở hộp thuốc, rót vào cốc, lấy que khuấy)

Sống mà chi nữa? Thác trong còn hơn sống đục! Ta sống mà không chút gì ích quốc lợi dân, ta sống mà làm con mọt trong xã hội thì sống làm gì? Chết thôi!

(Cầm cốc nâng lên định uống lại đặt xuống)

Thuốc chưa tan hết ta uống ngộ độc còn ngắc ngoải, không chết đứt chẳng? *(Lại quấy)*. Chết chứ sợ gì? Nghĩ cho kỹ, sống ở trên đời có nghĩa lý gì? Từ khi goe goe khóc, lọt lòng mẹ đến lúc cắp được quyển sách đi học, từ lúc trưởng thành đến răng long tóc bạc, sinh con đẻ cái; nghèo khó hay giàu sang, vui sướng hay sầu não: ta nghĩ lại công trình tạo hóa đối với cát bụi chẳng qua chỉ là thế thôi! Người ta nói “đời là giấc mộng” có lẽ cũng là thế đó. Thôi ta chết cho rồi.

(Nâng chén lên toan uống lại đặt xuống)

Ta đã quyết lòng chết thì có sợ chi! Nhưng mà ta chết đi, còn me ta, vợ ta, em ta ai nuôi, ai nắng, ai trông, ai nom? Mà nói cho phải thì dù ta sống mà ở tù thì khác chi chết, trông nom nuôi nắng sao được me, được vợ, được em? Có tử tế mà bỏ tù mình độ một

1 **Thuốc phiện và dấm thanh:** hai vị trộn với nhau uống vào sẽ gây chết người.

năm rồi thả mình đi nữa thì mình cũng đã bị cách chức rồi, còn chi nữa mà mong. Công việc tư thì mệt ít ruồi nhiều, đi đâu cũng phải tiền trăm bạc chục. Vậy ta sống cũng như ta chết, chẳng thà chết trước còn hơn.

(Nâng cốc lên toan uống lại đặt xuống)

Ừ mà ta thông thả một chút hãy chết! Tí nữa quên! Ta có thằng em trai cũng vì chơi bời quá, công nợ nhiều, bỏ nhà sang Lào, hôm nọ nghe đồn rằng nó làm ăn đã khá, vậy ta viết thư cho nó để nó phụng dưỡng mẹ ta. Phải rồi, ta viết thư cho nó, rồi chết cũng cam tâm.

(Lấy giấy viết thư, viết xong bỏ vào phong bì, để phong bì. Trong khi ấy thì thầy giáo Xuân đẩy cửa đi vào, mà thầy Thông không biết)

Thầy Thông Thu, thầy giáo Xuân đứng nấp sau

Thầy Thông: Thôi, thế mẹ ta, vợ ta, em ta đã yên rồi, ta chết cũng đành lòng. *(Đứng dậy lạy về phía buồng mẹ)*. Thôi con lạy mẹ, con không được sống mà báo hiếu cho mẹ thật là mang tội bất hiếu với trời, như thế thật là vạ bất đắc dĩ. Thôi mợ ở lại, em ở lại, anh đi đây!

(Cầm cốc nâng lên miệng toan uống thì thầy giáo đã bước vào giật lấy cốc, hát đi)

Thầy giáo: Anh điên hay sao mà làm thế?

Thầy Thông: *(Hai mắt trừng trừng xỉa xói)* – Thằng quỷ kia, con ma kia, mày trêu tao không cho tao chết, phải không?

Thầy giáo: Bác Thu ơi! Bác tỉnh lại nào! Tôi không phải là ma, là quỷ đâu! Chính giáo Xuân đây! Bác Thu, tỉnh lại nào!

Thầy Thông: *(Đôi mắt dịu dần, sau ngời phịch xuống ghé ôm mặt khóc)*

Thầy giáo: *(Lấy gói thuốc lá hút, để Thầy Thông khóc một lúc rồi mới nói)* – Bác Thông ơi, bác đã tỉnh chưa?

Thầy Thông: Sao bác lại không cho tôi đi cho thoát, bác ơi! Tôi sống mà sống nhục, sống mà không ích gì, thì sống làm chi, bác ơi!

Thầy giáo: Tôi đã rõ chuyện rồi, bác bị tịch biên, mất hết danh sự, tiền tài cũng khánh kiệt, mà nếu tịch biên bán không đủ trả nợ thì bác phải ngồi tù! Cái cảnh bác thật là bi đát thiệt! Nhưng mà bi đát

thế, chứ bi đát nữa bác cũng không có quyền quyền sinh. Người ta có phải sinh ra ở đời là không làm gì ru? Tạo hóa sinh ra ta là chẳng phải để ta gánh vác một phần việc đời ru? Bác khốn nạn kia, để bác tự phụ rằng đã trả hết nợ đời rồi sao? Bác làm được việc gì bổ ích cho đời mà vội từ cỏi trần gian? Bác thấy mình bĩ, mình sa sút, mình khổ tâm mà đã vội chán đời, bác là bậc học thức, nghĩ như thế chẳng hổ thẹn lắm ru? Bác thử dương mắt mà ngắm việc đời, xem có việc gì toàn là sướng không? Hay là dù việc vui sướng đến đâu thì ở trong cũng có vài phần phiền não? Bác phải biết người ta chỉ có sướng không thì còn chi là sướng, cái khổ kia mới làm cho cái sướng thêm vị đó!

(Thầy Thông vẫn ngồi nghe, hai tay tì trán không nói gì)

Bác chán đời, vì sống ở đời khổ nào cho bác. Vây bác có biết rằng bác chết đi, biết bao nhiêu người thiệt thòi, thương tiếc, khổ não vì bác không? Gần, nói ngay tôi đây, bạn chí thiết của bác, khi vui lúc khổ quyết không rời nhau, thế mà bác nỡ đành lòng quyền sinh để tôi một mình trên cỏi thế, sầu não cuộc đời vì bác sao? Nói xa một chút, thì thân bậc không phải của riêng mình bác, mà bác quyền sinh ấy là cướp sống một người của xã hội, của quê hương đó! Ai mở trường dạy dỗ cho bác nên người trí tuệ? Vì ai mà bác có cơm ăn áo mặc sung sướng hơn hai chục năm giờ? Chẳng phải là nhờ quê hương, xã hội mà được như thế ru? Bác đã trả xong nợ đời đâu, mà vội chán đời, đã vội lìa bỏ cỏi đời?

(Thầy Thông thỉnh thoảng thở dài, vẫn không nói gì; thầy giáo nghĩ một lát lại nói).

Kìa mẹ bác đã già, vợ bác còn dại, em chưa yên bề gia thất, khi cha hấp hối đã dặn bác những gì? Bác thử tưởng tượng xem cái cảnh mẹ bác, vợ bác, em bác sau khi bác chết rồi, sầu não thế nào! Bác lại không có can đảm vượt qua được những nỗi cay đắng đau đớn mà tìm phương gây dựng lại cơ nghiệp hay sao? Bác quyết đi xem nào, tôi đến đây hôm nay là để giúp bác trong việc khôi phục ấy.

(Có người gõ cửa)

Cảnh VII

Thầy Thông Thu, Thầy giáo Xuân, người đưa thư

Thầy giáo: Cú vào!

(Người đưa thư trao thư và sổ cho thầy Thông. Thầy Thông ký sổ, xé thư xem. Người đưa thư ra)

Thầy Thông: (Càng xem, càng hớn hờ, run cầm cập)

Này! Bác đọc giúp tôi cái thư này, tôi sướng quá không thể đọc được nữa.

Thầy giáo: (Cầm thư đọc)

Vientiane, le 12 Juillet 1921

Thưa me,

Con bất hiếu là Hạ có thư về kính thăm me, anh chị và em Huệ được bình yên thì con mừng lắm.

Con từ khi đại đột quá chơi bởi công nợ lấy trộm của me mấy trăm đồng bạc, bỏ xứ mà đi, thì con theo mấy người lái buôn sang Lào. Con cũng bắt chước họ, con mua ít hàng đem theo. May sao nhờ giới đem hàng sang bên này bán, của một bán được mười, lãi nhiều lắm. Sau con có mở cửa hàng tại kinh đô Lào là Vientiane buôn bán, mỗi ngày một thịnh vượng, nên con chưa muốn về vội. Nay con đã có vốn được dăm bảy nghìn, quyết lòng trở về xứ sở, nên có thư này về trước để me, anh và cả nhà mừng. Con sợ mang tiền về đường xá không tiện, nên con gửi theo cái măng-đa¹ sáu nghìn đồng về nhờ anh lĩnh giúp cho. Con, mai thì khởi hành, chừng cuối tháng thì tới nhà.

Hạ bái

Thầy Thông: Bác ơi, trời gở cho tôi đấy, bác ạ! Mà nếu không có bác thì tôi chết uống rồi, còn đâu mà được cái sung sướng vô song này nữa. Quýt! Quýt!

Quýt: Dạ!

Thầy Thông: Mày vào mời me tao, cô Thông, cô Huệ ra đây, mau!

1 **Măng-đa**: tiếng Pháp *mandat*, có nhiều nghĩa (ủy quyền, nhiệm kỳ, lệnh), trong vở kịch này nó có nghĩa là *tờ ngân phiếu* (gửi tiền qua Bưu điện).

Cảnh VIII

Cụ Thông, Thầy Thông, Thầy giáo, cô Thông, cô Huệ

Thầy Thông: Giời cứu nhà ta rồi, me ạ! Thằng Hạ nó đi tưởng đã mất tích, mà ra nó buôn bán nên giàu nên có ở bên Lào. Nó gửi thư này về trước, nó cũng về sau. Sợ đường xa mang tiền không tiện, nên gửi trước cái măng-đa sáu nghìn đây.

Cụ Thông: Thế à con! Thế thì phúc nhà ta quá rồi, các con ôi!

Thầy Thông: Nhưng giá mà không có bác giáo này thời bây giờ con còn đâu mà được trông thấy cảnh tượng một nhà vui vẻ này! Me hỏi bác ấy thì biết!

(Cụ Thông, cô Thông, cô Huệ đều ngơ ngác nhìn thầy giáo)

Thầy giáo: Thưa cụ, con lại chơi thấy bác Thông đang sắp uống thuốc độc để quyên sinh. May con giằng được cốc hắt đi. Con đang lấy lời phải lẽ trái mà khuyên can bác thì cái thơ quý hóa này cũng vừa tới. May làm sao! Đó cũng là cái phúc của nhà ta to nên danh dự hầu mất lại còn nguyên, cơ nghiệp đã mất hầu có người khôi phục sẵn. Hôm nay, mà lại được dự cái quang cảnh vui vẻ độc nhất vô song này, lấy làm khoái lạc vô hạn.

Cụ Thông: Thế ra thầy đã cứu được con tôi! Ơn thầy ví bằng non biển, tôi không bao giờ dám quên!

Thầy giáo: Lạy cụ. Cụ dạy quá lời. Thấy người không quen biết như thế cũng phải cứu, huống hồ anh em. Có ơn nghĩa gì, xin cụ đừng dạy quá!

Cụ Thông: Thầy giáo ơi, nhà tôi suýt mất danh dự, suýt tan cơ nghiệp vì tôi mãi mê đồng bóng, tiêu pha quá độ, trễ biếng việc gia đình đấy, thầy ạ! Nay mai mà khôi phục được như xưa, tôi quyết chí tu tại gia mà thôi, thề rằng xa hẳn nơi quàng xiên nhảm nhí.

- Thầy giáo: Bẩm cụ, cụ nghĩ như vậy thật là chí phải. Cổ nhân đã có câu “Thứ nhất tu tại gia”, ở nhà tu nhân tích đức, làm điều lành, lánh điều dữ, cách tu đó là đệ nhất. Nếu trong lòng độc ác tham lam, dù cho lễ bái quanh năm chẳng nữa, cũng không rửa hết tội, hưởng chi còn cầu phúc cho mình. Ở hiền gặp lành, làm phúc tự nhiên đắc phúc. Bẩm cụ, cụ quyết chí xa lánh những nơi đồng bóng, thực là chí phải.
- Thầy Thông: Thưa me, con lĩnh ngay cái măng-đa này lấy tiền đem xuống giả mõ tòa, kéo họ đem cái yết thị dán thì không còn chi là danh diện. Bác giáo đi chơi với tôi cho vui.

HẠ MÀN

Luyện tập

1. Cá nhân: Đọc toàn bộ hồi thứ ba của vở kịch. Các bạn tự kiểm tra sau khi đọc bằng mấy câu hỏi tự đánh giá sau:
 - a. Qua các lời đối thoại, bạn đã nhớ được câu chuyện như thế nào? Hãy kể lại câu chuyện đó.
 - b. Qua cảnh 1 (tịch biên gia sản), hãy kể lại cách thức thời Pháp thuộc Tòa án tổ chức kê biên như thế nào?
 - c. Lời than van và tự kết tội của vai cụ Thông cho biết gia đình cụ như thế nào?
 - d. Đoạn đối thoại giữa cụ Thông và cô Huệ kể chuyện gì, cụ muốn cô Huệ có tương lai như thế nào?
 - e. Lời đối thoại cho biết cô Huệ nghĩ gì và có hưởng ứng kế hoạch của cụ Thông không?
2. Cá nhân: Hãy đọc kỹ đoạn thầy Thông chuẩn bị tự tử. Tự kiểm tra sau khi đọc:
 - a. Thầy Thông có sợ chết không? Thầy Thông có thực sự muốn chết ngay không? Thầy Thông còn tham sống không? Thầy Thông thực sự muốn chết vì lý do gì?

- b. Sự xuất hiện của ông giáo đã cứu sống thầy Thông như thế nào?
 - c. Lời đối thoại nào tả hoàn cảnh gia đình này qua lá thư của người em ở Lào gửi về?
3. Thông qua hồi thứ ba, từng bạn hình dung và kể lại toàn bộ câu chuyện gia đình cụ Thông và kết cục của câu chuyện.
 4. Từng hai bạn chọn diễn đoạn kịch ngắn theo ý mình và diễn trước lớp.
 - a. Cảnh kê biên gia sản. Chú ý: Các bạn có thể nói tiếng Pháp kiểu “xì xô liến lấu” và nếu cần thì đặt thêm một vai giải thích sang tiếng Việt cho gia đình nghe (cũng là cho khán giả nghe và hiểu câu chuyện).
 - b. Cảnh cụ Thông than van và trao đổi với cô Huệ.
 - c. Cảnh thầy Thông định tự tử.
 5. Viết một bài kể lại câu chuyện vừa đọc (không viết dưới dạng đối thoại kịch).
 6. Viết một bài ngắn giới thiệu về thể kịch nói hiện đại chuẩn bị cho hội thảo của lớp.

BÀI 7

KỊCH NÓI CỔ ĐIỂN CHÂU ÂU

Hướng dẫn học

Các bạn đã học qua bài học chung về *Kịch nghệ*, tiếp đó được bổ sung ngay bằng bài về *Nghề hát chèo*, rồi các bạn đã học sang *Kịch nói* với cái mẫu đầu tiên là vở *Chén thuốc độc* của kịch tác gia đầu tiên của nước nhà là nhà văn quá cố Vũ Đình Long.

Sống trong nền văn minh hiện đại, các bạn đã có dịp xem nhiều phim và kịch hay dở lẫn lộn, nên chắc chắn có nhiều bạn chưa thỏa mãn với vở kịch “mẫu” của Vũ Đình Long – đặc biệt không thể thỏa mãn với cách “gỡ nút” vở kịch một cách hơi dễ dãi.

Cuộc sống là như vậy đó. Các bạn hãy vào mạng xem những chiếc xe đạp đầu tiên, những chiếc ô tô đầu tiên, những cái máy bay đầu tiên nom chẳng khác gì con cào cào bay... Thế nhưng không có những cái đầu tiên thô kệch thì không có những cái mới hơn tiếp theo mỗi ngày một tân kỳ.

Kịch cũng thế!

Vì vậy trong sách Văn Lớp 7 này, các bạn sẽ học thêm hai vở kịch thời cổ điển ở châu Âu – nơi định hình loại kịch nói – và mong các bạn hãy thích thú nghiền ngẫm những nét sơ sài nhưng không thiếu ý nghĩa của những thứ được gọi là “cổ điển” (hoặc “mẫu mực” cũng theo tinh thần đó), và rồi các bạn hãy thử diễn chơi với nhau vài đoạn, cốt để mặc thử cái áo cũ trước khi thay sang những bộ áo mới.

Cũng trong phần *kịch nghệ* này, vở kịch của Schiller cũng vào hàng mẫu mực hoặc cổ điển, nhưng sẽ khiến các bạn thấy nó *khác hẳn* ra sao. Khi học sang vở *Những tên cướp* của Schiller, sẽ có phần giới thiệu riêng về sự khác biệt đó.

Xin bắt đầu.

VỞ KỊCH TRẬN BÃO

(W. Shakespeare, nhà văn, nhà viết kịch Anh)

Trận bão là một trong những tác phẩm cuối đời của W. Shakespeare, được viết vào khoảng 1610–1611.

Chuyện kịch xảy ra trên một hoang đảo, nơi Prospero, quận công chính danh của Milan, bị người em trai phản trắc Antonio lưu đầy từ 12 năm trước cùng với con gái Miranda khi đó mới lên ba, sau khi thoán vị của ông. Với pháp thuật tự luyện, Prospero dùng uy lực “hô phong hoá vũ” gây một cơn bão đánh giạt con tàu hoàng gia vào đảo; trên tàu có Alonso, vua của thành quốc Naples, người đã tiếp tay cho Antonio thoán vị anh trai, bản thân Antonio, Sebastian, em trai nhà vua, kẻ cũng có mưu đồ liên minh với Antonio cướp ngôi báu, hoàng tử Ferdinand, Gonzalo, vị cố vấn lão thành trung thực của triều đình, người đã bí mật tiếp tế lương thực cho cha con Prospero trong suốt 12 năm, kể cả sách ở thư viện cho Prospero luyện pháp thuật, cùng một số tùy tùng. Bằng những điều khiển khéo léo, Prospero đã dẫn đến một cuộc “tính sổ” cuối cùng, trong đó Antonio và



Prospero và Miranda, tranh của William Maw Egley

Sebastian bị vạch mặt, vua Alonso sám hối, nhưng tất cả được khoan dung, và kết thúc bằng cuộc kết duyên đẹp đẽ của Ferdinand và Miranda. Bản thân Prospero trở lại vị trí quận công chính danh, sau khi giải phóng cho những oan hồn trên đảo được siêu thoát và chính ông cũng từ bỏ pháp thuật.

Trận bão, với tính cách là một bi-hài kịch, khác với những vở khác của

Shakespeare ở phong cách triết để tâm-cổ điển được tổ chức chặt chẽ hơn với những yếu tố huyền hoặc. Nhiều nhà nghiên cứu-phê bình văn học cho đây là tác phẩm cuối cùng của Shakespeare trong đó việc Prospero từ bỏ pháp thuật tựa như biểu trưng cho việc Shakespeare giã từ sân khấu mà ông quan niệm như một “pháp thuật” nhân văn.

Trong Lớp II, Hồi Một, giới thiệu sau đây, bạn có thể thấy những đường nét lớn nguyên lai vì sao cha con Prospero trôi giạt tới hoang đảo này.

TRẬN BẢO (Trích)

Lớp II

Đảo. Trước căn phòng nhỏ của Prospero

Prospero và Miranda ra

MIRANDA. Cha thân yêu, nếu bằng pháp thuật của mình, cha đã khiến những con nước man dại gầm gào như vậy, thì xin cha hãy xoa dịu chúng đi. Con có cảm giác là trời sẽ trút hắc ín thối hoảng xuống, nếu biển không dâng lên ngang lưng trời dập tắt đám cháy. Ôi! Con đã đau đớn cùng với những người mà con đã chứng kiến nỗi đau của họ. Một con tàu dừng cảm trong đó chắc hẳn có những con người cao quý, đã vỡ tan thành từng mảnh. Ôi! tiếng kêu xói vào tận đáy tim con. Tội nghiệp linh hồn những người đã tử vong! Giá như con là một vị thần có uy lực nào đó, thì con đã đánh chìm biển vào trong lòng đất để nó khỏi nuốt chửng cả con tàu đẹp lẫn những con người trong đó.

PROSPERO. Bình tĩnh lại đi con. Đừng bàng hoàng thế nữa. Hãy nói với trái tim tội nghiệp của con: Không có tai họa gì đâu.

MIRANDA. Ôi bi thảm!

PROSPERO. Không, không có thảm họa gì đâu. Cha chẳng làm gì khác ngoài việc chăm lo cho con, cục cưng của cha! con, con gái yêu của cha! con thì mù tịt về thân thế của mình, cũng chẳng biết cha từ đâu tới, rằng cha vốn cao sang hơn Prospero chủ nhân của một căn phòng nhỏ nghèo khổn cùng người cha cũng không kém nghèo khổn này của con.

MIRANDA. Con chẳng bao giờ nghĩ ngợi bản khoản muốn biết thêm về cha.

PROSPERO. Đã đến lúc cha cần phải cho con biết thêm. Đưa tay cho cha và hãy giạt chiếc áo huyền nhiệm này ra khỏi cha. Thế!

(Đặt chiếc áo khoác ngoài xuống)

Thôi, nằm yên đấy nhé, pháp thuật của ta... Lau nước mắt đi con. Hãy bình tâm. Cái cảnh tượng đắm tàu kinh hoàng làm xúc động đức độ trắc ẩn nơi con, cha đã dùng pháp thuật của mình dự phòng một cách an toàn sao cho không gây một tử vong nào, tuyệt đối không, thậm chí không ai mất đi một sợi tóc, không thương tổn đến người nào trong con tàu mà con nhìn thấy chìm xuống và nghe thấy tiếng kêu la phát ra từ đó. Hãy ngồi xuống. Vì giờ đây, con cần phải biết thêm nhiều điều.

MIRANDA. Cha đã nhiều lần bắt đầu định nói cho con biết con là ai, rồi lại ngừng bật để mặc con hoài công căn vặn, rồi cuối cùng buông một câu: “Khoan đã, chưa đến lúc.”

PROSPERO. Giờ thì đúng lúc rồi. Chính giây phút này đang ra lệnh cho con đồng tai lên. Hãy tuân theo và chú ý lắng nghe. Con có nhớ cái thời trước khi cha con mình đến căn phòng này không? Cha nghĩ là con không thể vì lúc ấy, con mới lên ba.

MIRANDA. Tất nhiên là con có nhớ, thưa cha.

PROSPERO. Con nhớ những gì nào? Nhớ ngôi nhà nào khác hoặc người nào? Thử nói cha nghe hình ảnh nào lưu lại sâu đậm nhất trong ký ức của con.

MIRANDA. Hình ảnh đó đã xa lắm rồi, nó giống một giấc mơ hơn là một điều xác thực mà trí nhớ của con có thể khẳng định. Có phải dạo ấy, có tới bốn, năm vú em chăm sóc con?

PROSPERO. Phải, và còn hơn thế nữa, Miranda. Nhưng làm sao mà hình ảnh đó còn sống trong tâm trí con? Con còn nhìn thấy gì khác nữa trên nền tối mịt mù của vực thẳm thời gian? Nếu con nhớ được bất cứ điều gì trước khi con tới đây, thì có lẽ con cũng nhớ được con tới đây như thế nào.

MIRANDA. Không, điều đó thì con không nhớ.

PROSPERO. Mười hai năm trước đây, ôi Miranda, mười năm trước đây, cha của con là Quận công trị vì Milan, một bậc vương hầu đầy quyền lực.

MIRANDA. Ôi trời! Chúng ta đã phạm tội gì để đến nỗi bị trục xuất khỏi đó? Hay đó là một ân sủng?

PROSPERO. Cả hai, cả hai, con gái ạ. Đúng như con nói, một tội ác đã hất chúng ta khỏi đó. Nhưng một ân sủng đã đưa chúng ta tới đây.

MIRANDA. Ôi, trái tim con ứa máu khi nghĩ đến nỗi đau con đã gọi lại cho cha mà con không hề nhớ. Xin cha nói tiếp đi.

PROSPERO. Antonio, em trai ta, chú ruột của con... cha xin con, hãy lắng nghe cho kỹ... làm sao một đứa em trai lại có thể hiếm độc đến thế! Phải, đó là người mà cha yêu thương nhất trên đời ngay sau con, người mà cha đã tin cậy trao quyền cai quản đất nước. Hồi ấy, thành quốc này đứng đầu tất cả các lãnh địa, và Prospero, về phẩm trật, là Quận công lớn nhất và là học giả vô song về khoa học huyền bí. Dồn hết tâm lực vào nghiên cứu lĩnh vực này, cha giao phó việc cai quản cho em trai và trở nên xa lạ với việc trị quốc, chỉ say sưa ngây ngất với những nghiên cứu huyền bí của mình. Chú của con, tên phản trắc ấy... Con có nghe cha không đấy?

MIRANDA. Con đang nghe hết sức chăm chú, thưa cha.

PROSPERO. Một khi đã hoàn thiện cái mảnh lời ban phát hoặc khước từ, thăng cấp cho ai hoặc giáng chức kẻ nào đã lên quá cao, tạo mới những thủ hạ cha đã tạo ra, có thể nói vậy, hoặc biến cải hay đổi mới họ; một khi đã nắm những chìa khoá của các vụ, cục cũng như các quan chức, chinh mọi con tim hoà chung một điệu cho ngọt tai nó, thằng em trai ta trở thành đám dây leo chẳng chịt phủ kín thân cây vương giả là ta, hút kiệt màu xanh của ta. Con vẫn nghe ta đấy chứ?

MIRANDA. Vâng, thưa đức ông đôn hậu, cha của con.

PROSPERO. Cha xin con, hãy nghe cho kỹ. Như vậy, cha bỏ lơ mọi mục đích xa hoa, chỉ toàn tâm toàn ý trau dồi trí tuệ, biệt lập với mọi đánh giá trần tục. Thế nên, bản chất hiếm ác thúc dậy nơi tên em trai giảo quyệt của ta. Lòng tin mà ta đặt vào nó như một người cha đức độ, làm nảy sinh điều ngược lại: một sự xảo trá lớn ngang tầm lòng tin của ta, một lòng tin thực sự vô hạn, một lòng tin không biên giới. Như vậy, nó chiếm hữu không chỉ những hoa lợi của ta, mà cả những gì quyền lực của ta có thể đòi hỏi. Như một kẻ quen miệng nói sai sự thật, ăn sâu vào trí nhớ, đến mức tin vào sự dối trá của chính mình, lâu dần nó định ninh rằng nó thực sự là Quận công: thay ngôi tiếm vị, trưng ra vẻ mặt vương hầu với mọi đặc quyền đặc lợi. Từ đó, tham vọng của nó càng tăng. Con nghe rõ chứ?

MIRANDA. Câu chuyện của cha khiến kẻ điếc đặc cũng sáng tai ra, thưa cha.

PROSPERO. Để khỏi che giấu sự thật rằng vai nó đang diễn chính là nhân vật nó muốn thực sự đạt tới, nó cần phải trở thành Quận công một cách tuyệt đối. Còn đối với ta, con người tội nghiệp, cái thư viện của ta đủ rộng để là lãnh địa công hầu. Nó nghĩ ta giờ đây không đủ khả năng trị vì dù chỉ là tạm thời. Quá khao khát cầm quyền, nó sẵn sàng liên minh với vua của thành quốc

Naples, hàng năm cống nạp, tôn vinh ông ta với cương vị một chư hầu và bắt Milan phải uốn lưng, Milan, thành quốc cho tới nay chưa bao giờ khuất phục, than ôi! giờ đây bị làm nhục một cách đê mạt nhất!

MIRANDA. Ôi trời!

PROSPERO. Hãy nghe kỹ về thoả ước của nó, về sự việc này, rồi nói cha nghe xem đó có thể gọi là một người em trai được không.

MIRANDA. Con sẽ có tội nếu có ý nghĩ thiếu tôn trọng về bà nội của con, nhưng đôi khi những bào thai cao quý cũng có thể mang những đứa con trai xấu xa.

PROSPERO. Giờ, ta sẽ nói đến thoả ước đó. Vua của thành quốc Naples, kẻ thù truyền kiếp của ta, nghe theo yêu cầu của nó, cụ thể là: đáp lại sự tôn vinh và khoản cống nạp mà ta không biết đích xác là bao nhiêu, ông ta sẽ lập tức trục xuất ta cùng tất cả những người thân của ta ra khỏi lãnh địa và giao Milan tươi đẹp cùng mọi danh vị cho em trai của ta. Giữa đêm khuya, một đạo quân phản tặc được chiêu mộ nhằm mục đích ấy và Antonio mở cổng thành Milan cho chúng. Và trong đêm tối mịt mù, lũ quỷ thừa hành tội ác thúc hối ta cùng đứa bé khóc đứt hơi là con lúc bấy giờ, ra khỏi đó.

MIRANDA. Ôi, thương thay! Con không còn nhớ khi đó con đã khóc như thế nào, nhưng giờ đây, con lại khóc cho cảnh ngộ ấy: nó như vắt nước mắt con ra.

PROSPERO. Hãy nghe thêm chút nữa, rồi cha sẽ đưa con trở về hiện tại với công việc chúng ta cần làm, bởi nếu không vì sự thúc bách đó thì câu chuyện này thật lạc lõng chẳng ăn nhập vào đâu.

MIRANDA. Nhưng tại sao, lúc ấy, chúng không giết luôn cha con ta đi?

PROSPERO. Câu hỏi thật thông minh, con gái. Câu chuyện ta kể khiến con hỏi vậy. Con yêu, chúng không dám. Vì dân chúng một lòng kính yêu ta tha thiết. Chúng cũng không dám in một dấu tích máu me đến thế lên sự việc, mà muốn nhuộm âm mưu đen tối của chúng bằng những màu tươi sáng hơn. Tóm lại, chúng đẩy cha con ta lên một con thuyền, chở chúng ta mấy dặm ra ngoài khơi. Ở đó, chúng đã chuẩn bị sẵn một cái xác thuyền rửa nát chẳng có buồm, lái, thùng chèo chi cả, đến cả chuột cũng bỏ đi, theo bản năng. Chúng bỏ hai cha con ta trên đó mà kêu khóc với biển gầm gào, mà thở dài với gió; và những tiếng thở dài thương hại mà gió âu yếm đáp trả, chỉ làm chúng ta đau lòng.

MIRANDA. Chao, hỡi hỡi ấy, con đã làm cha khó khăn vất vả lắm!

PROSPERO.Ồ không, con là thiên thần đã giúp cha tồn tại. Con luôn nở

một nụ cười thấm đẫm phẩm chất quả cảm đến từ bầu trời, trong khi ta hoà vào biển những giọt nước mắt mặn mòi, rên rẩm dưới gánh nặng lao khổ, và điều đó nâng đỡ tinh thần rời rã của ta, cho ta sức mạnh để chịu đựng những gì xảy ra tiếp theo.

MIRANDA. Làm sao mà chúng ta vào được bờ?

PROSPERO. Nhờ Trời! Chúng ta có chút lương thực, chút nước ngọt, do một công dân Naples nhân hậu, vì thiện tâm, đã để lại trên thuyền cho chúng ta. Ông ta tên là Gonzalo, khi ấy được chỉ định điều hành vụ âm mưu này. Ngoài ra, ông ta còn kèm thêm nhiều quần áo, đồ lót, vải vóc và nhu yếu phẩm, giúp ích cho chúng ta rất nhiều. Với nhả tâm đầy thông cảm, biết cha say mê sách, ông ta chọn từ chính thư viện của cha, cung cấp cho cha những cuốn mà cha quý hơn cả lãnh địa của mình.

MIRANDA. Con ước sao một ngày nào đó được gặp con người ấy!

PROSPERO. Bây giờ, cha đứng lên. (*Nhặt lại chiếc áo khoác*) Con cứ ngồi yên đấy và hãy nghe nốt đoạn cuối những nỗi khổ ải của cha con ta trên biển. Chúng ta tới đây, trên hòn đảo này. Và chính ở đây, cha, với tư cách là thầy giáo của con, đã cho nhiều lợi ích hơn các công chúa, quận chúa khác, họ dành nhiều thời gian hơn cho những thứ vô bổ và không có những ông thầy tận tâm đến thế.

MIRANDA. Trời đất chứng giám cho công lao của cha! Và bây giờ, vì câu hỏi này vẫn ám ảnh tâm trí con, xin cha cho con hay lý do gì đã khiến cha dấy lên cơn bão biển ấy?

PROSPERO. Thì đây cha cho con biết: Do một ngẫu nhiên kỳ lạ, Nữ thần May Mắn độ lượng, giờ đây bảo trợ ta, đã mang những kẻ thù của ta đến bến bờ này. Và ta linh cảm thấy rằng thiên định của mình tùy thuộc vào một vì sao đại cát mà nếu giờ đây ta bỏ qua không tận dụng ảnh hưởng của nó, thì về sau, vận may của ta sẽ mãi mãi tàn lụi. Đến đây, hãy thôi, đừng hỏi gì nữa, con buồn ngủ rồi, hãy thả mình vào cơn đờ đẫn êm ái: ta biết con không còn cách nào khác đâu. (*Miranda ngủ thiếp đi*).

(Dương Tường dịch)

VỖ KỊCH *TURCARET*

(Lesage, nhà viết kịch Pháp)

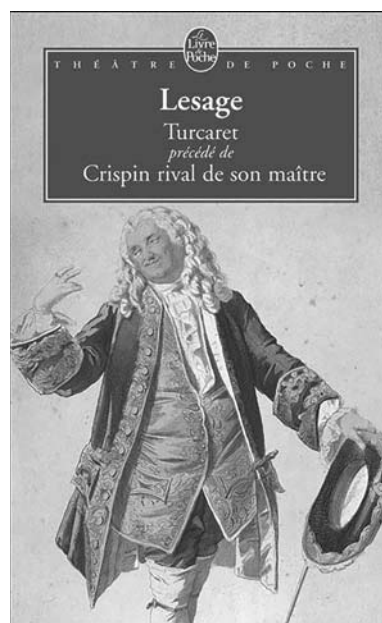
Lời dẫn

Alain-René Lesage vừa là một tác gia hài kịch, vừa là một nhà viết tiểu thuyết xuất sắc trên văn đàn Pháp vào những năm đầu thế kỷ XVIII. Với những tác phẩm bất hủ của mình, Lesage là một trong những nhà văn tiêu biểu cho giai đoạn chuyển tiếp từ Thế kỷ Cổ điển sang Thế kỷ Ánh sáng.

Vỗ *Turcaret*

Vỗ hài kịch xuất sắc nhất của Lesage là vở *Turcaret*, ra đời năm 1708. Đây là một trong những sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử sân khấu Pháp. Công chúng Pháp vui mừng tìm thấy người kế tục xứng đáng hài kịch truyền thống của Molière. Vỗ kịch mang tính hiện thực châm biếm rõ nét. Lesage đã chỉ ra chân tướng tập đoàn tài chính – những kẻ đã bóc lột nhân dân, gây nên sự suy thoái kinh tế tại Pháp. Lo sợ vở kịch sẽ thổi bùng lên ngọn lửa căm thù của dân chúng, tập đoàn tài chính đã tìm mọi cách gây sức ép, không cho dàn dựng vở kịch, đồng thời tìm cách mua chuộc tác giả với một khoản tiền khổng lồ. Nhưng Lesage kiên quyết chối từ và đấu tranh đến cùng để vở kịch được ra mắt khán giả. Đầu năm 1709, *Turcaret* được trình diễn tại Nhà hát Hài kịch Pháp với sự giúp đỡ của Thái tử (con vua Louis XIV và hoàng hậu Marie-Thérèse). Tập đoàn tài chính lại tìm mọi cách ngăn cản, phá hoại các cuộc biểu diễn, vì thế Nhà hát Hài kịch buộc phải ngừng công diễn sau một tuần ra mắt. Phải đợi tới hai mươi năm sau đó, *Turcaret* mới lại được xuất hiện trên sân khấu Paris.

Trong vở *Turcaret*, chúng ta gặp một mẫu đây tớ đây tham vọng và mưu mô. Frontin là đây tớ của *Turcaret*, một nhà đại tài chính, vốn cũng xuất thân từ đây tớ và đồng thời cũng là đây tớ của một chàng hiệp sĩ. Hắn luôn tìm cách lừa dối chủ, bớt xén của chủ. Cuối cùng, khi hai ông chủ của Frontin đều khánh



kiệt thì hẳn đã có một số vốn khổng lồ. Frontin kiêu hãnh tuyên bố: “Triều đại của ngài Turcaret thế là đã chấm dứt, triều đại của ta sẽ bắt đầu.”

Tính hiện thực sâu sắc trong hài kịch của Lesage không chỉ dừng lại ở sự miêu tả những biến đổi trong quan hệ chủ tớ, trong cuộc đấu tranh giành giật quyền lợi, tiền tài của chủ. Tác giả còn tỏ ra dửng dưng cảm khi lần đầu tiên nhân vật trung tâm của một vở hài kịch châm biếm là một nhà tài chính – nhân vật Turcaret. Xuất hiện vào thời điểm lịch sử, khi nhân dân Pháp đang oán hận tập đoàn tài chính sống phè phỡn trên mồ hôi nước mắt của nhân dân, nội dung vở kịch mang tính thời sự nóng bỏng kết hợp với giá trị nghệ thuật viết kịch độc đáo đã mang lại thành công vang dội cho tác giả.

Khi đang ở đỉnh cao của danh vọng và tiền tài, nhà tài chính độc tài Turcaret tỏ ra vô cùng hợm hĩnh, huênh hoang, những tưởng có túi tiền kếch xù là mua được tất cả. Y say mê một cô nàng Nam tước góa chồng, y vùng tiền để làm vừa lòng người đẹp, những tưởng tiền sẽ mua được tình yêu. Y nghĩ rằng có thể sai khiến đầy tớ, bắt họ phải trung thành tận tụy với y vì y là người giàu có. Y coi thường pháp luật, tin rằng tiền của sẽ thu xếp mọi việc ổn thỏa, chẳng cần tuân thủ luật lệ, quy tắc nào. Chính thói ngông cuồng, coi tiền là trên hết làm y mất tỉnh táo sáng suốt, dẫn tới chỗ khánh kiệt gia tài. Y đâu có ngờ rằng y là con mồi của nữ quý tộc ăn chơi sa đọa, phung phí tiền của của y để tiêu pha và cung phụng một chàng hiệp sĩ, tình nhân của cô ta. Y bị gã đầy tớ láu lỉnh, tham vọng lừa tiền. Y đã quá tự mãn, mơn trớn với ý nghĩ mình là chủ, là kẻ được vị nể, phục tùng. Y đã quên rằng anh chàng đầy tớ Turcaret gian ngoan mưu mẹo là mình ngày xưa cũng có bộ mặt ngây thơ vô tội như đầy tớ Frontin của mình hiện có. Ước muốn trở thành một “Turcaret” mới của Frontin đã dẫn đến sự sụp đổ “triều đại” của nhà tài chính, triều đại được gây dựng với bao thủ đoạn gian manh, vô nhân đạo.

Sắc sảo mưu mẹo bao nhiêu trong việc làm giàu, Turcaret tỏ ra lối bịch và ngu ngốc bấy nhiêu trong những lĩnh vực khác. Cái lối bịch và ngu ngốc ấy tạo nên tiếng cười cho vở kịch. Những tính cách của Turcaret nhiều khi tưởng chừng rất mâu thuẫn nhưng rất thật tạo nên một bức chân dung đa dạng, toàn diện của một kẻ có bản chất xấu xa, tráo trở.

Lesage còn chỉ rõ ảnh hưởng chi phối của đồng tiền tới các mối quan hệ xã hội, tình nghĩa vợ chồng không còn, quan hệ anh em chủ tớ cũng hết, đạo đức suy vi. Tất cả đối xử tồi tệ với nhau, lừa dối nhau, cốt sao kiếm được nhiều tiền.

Lesage rời Paris vào năm 1743. Ông về sống cùng người con trai là một thầy tu tại Boulogne-sur-Mer. Năm 1747, ông mất tại đây trong vòng tay người thân, kết thúc một cuộc đời lao động sáng tạo không ngừng, cuộc đời của một con người hiền hòa, bình dị nhưng là một nhà văn có ngòi bút vô cùng sôi nổi và sống động.

TURCARET (Trích)

Hồi II, lớp 3

Turcaret đến nhà Nam tước phu nhân sau khi nghe Marine – cô hầu vừa bị bà ta đui – cho biết sự thật về bà Nam tước. Trong các lớp kịch sau, Turcaret bộc lộ bản chất thô bạo, lối bịch đồng thời cũng rất ngây ngô, không hiểu nổi những lời nói đầy ẩn ý của Nam tước phu nhân và Frontin...

NAM TƯỚC PHU NHÂN, ÔNG TURCARET

NAM TƯỚC PHU NHÂN – (*chợt thấy ông Turcaret, nói với chính mình*) Mà ta thấy ông Turcaret đến kìa, ô! ông ta có vẻ nóng nảy! Marine chắc đã gặp ông ta rồi.

Ông TURCARET – (*thở dốc*) Trời ơi! Ta không biết bắt đầu từ đâu đây, đồ bội bạc!

NAM TƯỚC PHU NHÂN – (*nói nhỏ với chính mình*) Con bé đã nói với ông ấy rồi.

Ông TURCARET – Tôi đã biết rõ về bà, đồ bất chính; tôi đã biết rõ về bà; người ta vừa cho tôi biết về mọi xảo trá của bà, về sự bừa bãi của bà.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – (*nói to*) Mở đầu thú vị đấy; và ông dùng những từ ngữ tuyệt đẹp, thưa ông.

Ông TURCARET – Để tôi nói, tôi muốn nói thẳng cho bà biết bà là người thế nào; Marine đã nói hết với tôi. Cái anh chàng hiệp sĩ đẹp trai đến đây bất kể giờ nào và tôi nghi ngờ chẳng phải vô cớ, đâu phải là em họ của bà, như bà đã làm tôi nhầm tưởng: bà định cưới anh ta, và định ruồng bỏ tôi, ruồng bỏ tôi, sau khi tôi đã làm cho bà giàu có.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Tôi, thưa ông, tôi mà yêu chàng hiệp sĩ!

Ông TURCARET – Marine đã cam đoan với tôi như vậy và rằng hẳn ta có vai vế trong giới thượng lưu chỉ là nhờ vào túi tiền của bà và của tôi, và rằng bà đã dâng hiến cho hẳn mọi thứ tôi đã tặng bà.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Marine hay ho thật đấy! Nó chỉ nói với ông có vậy thôi ư, thưa ông?

Ông TURCARET – Đừng có mà cãi lại tôi, đồ phản trắc. Tôi có cái để làm bà bẽ mặt đấy! Đừng có mà cãi lại tôi. Nói đi: ví dụ, cái nhẫn kim cương to tôi tặng bà bữa trước đã ra sao rồi? Hãy đưa ngay cho tôi xem, đưa cho tôi xem.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Vì ông nói cái giọng đó, thưa ông, tôi không muốn đưa ông xem.

Ông TURCARET – A! mẹ kiếp, vậy bà muốn tôi nói cái giọng gì?Ồ! Bà sẽ không chỉ bị trách móc mà thôi đâu! Bà đừng có tưởng tôi ngốc tới mức chịu cắt đứt với bà một cách êm thấm, chịu rút lui mà không gây âm ỉ, tôi muốn để lại đây dấu vết hận thù. Tôi là người trung thực: tôi yêu thực lòng; tôi chỉ có những ý định chính đáng; tôi, tôi không ngại chuyện tai tiếng. A! không phải là bà đang có việc với một tu sĩ đâu, tôi báo cho bà biết. *(ông ta vào trong buồng của Nam tước phu nhân).*

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Không; tôi có việc phải giải quyết với một kẻ ngông cuồng, một kẻ ma ám! ...Ồ tốt thôi! Ông muốn làm gì thì làm; tôi sẽ chẳng phản đối đâu, tôi cam đoan với ông đấy. Nhưng... ta nghe thấy cái gì thế này?... Trời ơi! hỗn loạn quá!... Ông ta trở nên điên rồ thực sự rồi... Ông Turcaret, ông Turcaret, tôi sẽ bắt ông phải trả giá cho sự điên khùng của ông.

Ông TURCARET – *(quay ra)* Tôi đây đã được khuây khỏa một phần rồi. Tôi đã đập vỡ cái gương to và những đồ sứ đẹp nhất.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Cứ đập hết đi, thưa ông. Sao ông không tiếp tục đi?

Ông TURCARET – Khi nào tôi thích tôi sẽ tiếp tục, thưa bà... tôi sẽ dạy cho bà biết cách giỡn với một người như tôi... Nào, cái phiếu khoán trả cho người cầm mà tôi mới gửi cho bà đâu, hãy trả lại đây cho tôi.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Tôi phải trả lại cho ông! Và nếu như tôi cũng đã đưa nó cho chàng hiệp sĩ rồi thì sao?

Ông TURCARET – A! tôi đã biết ngay mà.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Ông thật là đồ điên! thực sự, ông làm tôi thương hại đấy.

Ông TURCARET – Sao cơ! lẽ ra phải quỳ xuống dưới chân ta và xin ta tha thứ, bà ấy lại còn dám nói là ta sai, bà ấy lại còn dám nói là ta sai!

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Dĩ nhiên rồi.

Ông TURCARET – À! Tôi rất muốn bà thuyết phục được tôi điều đó xem chơi, thật đấy.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Tôi sẽ làm điều đó nếu ông chịu nghe lẽ phải

Ông TURCARET – Và bà có thể nói gì được với tôi, hỡi con người lừa lọc kia?

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Tôi sẽ không nói gì với ông cả. A! Thật điên khùng!

Ông TURCARET – (*thở dốc*) Được rồi! hãy nói đi thưa bà, hãy nói đi; tôi đang bình tĩnh đây.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Vậy thì hãy nghe tôi đây... Tất cả cái sự ngông cuồng mà ông vừa gây ra dựa trên lời bịa đặt mà Marine...

Ông TURCARET – Lời bịa đặt! mẹ kiếp! đâu có phải...

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Đừng có nguyên rủa, thưa ông, đừng có ngắt lời tôi, hãy nên nhớ là ông đang bình tĩnh.

Ông TURCARET – Tôi im đây, tôi đành phải nén mình.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Ông có biết rõ tại sao tôi mới đuổi Marine?

Ông TURCARET – Có, vì quá nhiệt thành bảo vệ quyền lợi của tôi.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Hoàn toàn ngược lại, đấy là vì nó luôn trách móc tình cảm tôi dành cho ông. “Còn gì lố bịch hơn, nó luôn mồm bảo tôi, khi thấy bà vợ góa một ông đại tá lại mơ tưởng tới một cái ông Turcaret, một kẻ không dòng dõi, không trí tuệ, với dáng vẻ thấp hèn nhất...”

Ông TURCARET – Xin bà, hãy xem nó là người thế nào, con Marine ấy là một kẻ trăng tráo.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – ... Trong lúc bà có thể chọn một ông chồng trong số hai mươi người quyền quý nhất; bà từ chối, không đồng ý cả những lời khẩn cầu của gia đình một vị hầu tước yêu bà tha thiết, và bà lại xiêu lòng hy sinh cho cái ông Turcaret này?

Ông TURCARET – Không thể thế được.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Tôi chẳng lấy làm tự hào về chuyện này, thưa ông. Ông hầu tước ấy là một lãnh chúa trẻ, trông người cũng dễ thương, song những thói quen và tính nết chẳng hợp với tôi chút nào. Ông ấy thỉnh thoảng có đến đây với ông hiệp sĩ em họ tôi, là bạn của ông ấy. Tôi phát hiện ra ông ta đã mua chuộc Marine, và vì thế tôi đã đuổi nó. Nó đã đi bịa đặt với ông cả ngàn

điều bịp bợm để trả thù, và ông là người khá cả tin nên đã tin vào chuyện đó! Sao ông không nghĩ ra ngay rằng đây là một con hầu sẵn sàng nói với ông sao, và nếu tôi có điều gì đáng trách, tôi đã không khinh suất đến mức lại đuổi con hầu vẫn làm tôi lo ngại về cái tính tọc mạch của nó? Hãy cho tôi biết, chẳng lẽ ý nghĩ này lại không xuất hiện một cách đương nhiên trong đầu óc hay sao?

Ông TURCARET – Tôi đồng ý, nhưng...

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Nhưng, nhưng ông đã nhầm. Vậy thì có phải nó đã nói với ông, cùng với các điều khác, rằng tôi không còn cái nhẫn kim cương to mà bữa trước ông vừa đùa vừa đeo vào tay tôi và ông đã ép tôi nhận?

Ông TURCARET –Ồ! Đúng đấy, nó đã thề với tôi rằng hôm nay bà đã đem cho hiệp sĩ, nó bảo người này là họ hàng với bà cũng như Jean de Vert¹ vậy.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Và nếu tôi đưa ông xem cái nhẫn kim cương đó ngay bây giờ, thì ông bảo sao?

Ông TURCARET –Ồ! nếu thế thì tôi sẽ bảo, rằng... Nhưng không thể có chuyện đó.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Nó đây thưa ông, ông có nhận ra nó không? Ông thấy đấy người ta nên tin vào lời kể của một số gia nhân đầy tớ đến đâu.

Ông TURCARET – À! Cái con Marine này thật là gian ác! Tôi nhận ra cái tính gian xảo của nó và sự bất công của tôi rồi: thưa bà, hãy thứ lỗi cho tôi vì đã nghi ngờ lòng chân thật của bà.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Không, sự điên khùng của ông không thể tha thứ được. Thôi đi, ông không đáng được tha thứ.

Ông TURCARET – Tôi xin thừa nhận điều đó.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Có nên để người ta dễ dàng gây ác cảm đối với người đàn bà yêu ông tha thiết hay không?

Ông TURCARET – Than ôi! Không... Tôi mới bất hạnh làm sao!

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Hãy công nhận ông là một người không vững vàng!

Ông TURCARET – Vâng, thưa bà.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Một người dễ bị lừa!

Ông TURCARET – Tôi xin công nhận điều đó! A! Marine! Con Marine đều giả! Bà không thể tưởng tượng được những điều dối trá mà con vô lại đã tới nói

1 Jean de Vert – trên thực tế tên là "Jean de Weert" (1594–1652), người Bỉ.

với tôi... Nó nói rằng bà và ông hiệp sĩ coi tôi như con bò sữa của mình; và rằng chỉ nay mai, khi tôi đã cho bà mọi thứ, bà sẽ sai người sập cửa trước mũi tôi.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Con khốn nạn!

Ông TURCARET – Nó đã nói với tôi thế, đây là một việc hiển nhiên, tôi, tôi chẳng bịa đặt thêm gì.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Và ông thì lại yếu đuối tin ngay nó được.

Ông TURCARET – Đúng, thưa bà, trong chuyện này tôi như một thằng ngu thực sự... Tôi để đầu óc ở cái nơi quỷ quái nào không biết.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Ông có hối hận về sự cả tin của mình không?

Ông TURCARET – (*quỳ xuống*) Tôi có hối hận hay không à! Tôi ngàn lần xin lỗi bà vì cơn nóng giận của tôi.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – (*đỡ ông ta dậy*) Tha thứ cho ông về chuyện đó. Ông đứng dậy đi, ông ơi. Ông sẽ ít ghen hơn nếu như ông không yêu tôi nhiều như thế và tình yêu thái quá làm quên đi sự ghen tuông phũ phàng.

Ông TURCARET – Thật là tốt bụng làm sao!... Phải công nhận rằng tôi là một người rất thô bạo!

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Nhưng, thưa ông, chẳng lẽ ông thực sự tin rằng con tim có thể có phút giây nào dao động giữa ông và ông hiệp sĩ?

Ông TURCARET – Không đâu, thưa bà, tôi không tin như thế, nhưng tôi lo ngại.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Cần phải làm gì để ông thôi không lo ngại nữa?

Ông TURCARET – Hãy để người đàn ông đó tránh xa khỏi đây, bà hãy đồng ý đi, thưa bà; tôi biết cách.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Thế à! Cách nào vậy?

Ông TURCARET – Tôi sẽ cho ông ta một chức đại lý ở tỉnh lẻ.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Chức đại lý!

Ông TURCARET – Đó là cái cách để tôi gạt bỏ những điều khó chịu của tôi... Ôi! Có biết bao nhiêu những anh em họ, chú bác và các đức ông chồng tôi đã cho đi làm đại lý trong đời tôi. Có người tôi đã cử đến tận Canada.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Nhưng ông không nghĩ rằng ông hiệp sĩ em họ tôi là một người quý tộc, và rằng kiểu chức vụ như thế không thích hợp với ông ấy... Thôi, ông không phải mất công đưa ông ta rời xa Paris đâu, tôi xin thề với ông rằng ông ấy sẽ là người ít gây lo ngại cho ông nhất trên đời này.

Ông TURCARET – Ôi! Tôi nghẹt thở vì tình yêu và vui sướng; bà nói với tôi

điều đó một cách hồn nhiên tới mức bà đã làm tôi tin... Tạm biệt, người tôi tôn thờ, người tôi yêu quý nhất, nàng tiên của tôi... Nào, tôi sẽ sửa chữa cái điều ngớ ngẩn mà tôi vừa gây ra. Ít ra, cái gương to của bà cũng không được sáng lắm và tôi thấy các đồ sứ của bà khá tầm thường.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Đúng thế đấy.

Ông TURCARET – Tôi sẽ kiếm cho bà những cái khác.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Đây là cái giá cho sự điên khùng của ông.

Ông TURCARET – Đáng kể gì !... Tất cả những thứ mà tôi đã đập vỡ không đáng giá quá ba trăm pistoles¹ (*ông ta định đi ra, bà Nam tước phu nhân giữ lại*).

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Khoan đã, thưa ông, tôi cần cầu xin ông trước một điều.

Ông TURCARET – Cầu xin!Ồ! Bà cứ ra lệnh đi.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Vì tình yêu đối với tôi, ông hãy cho người đầy tớ của ông, cậu Flamand tội nghiệp ấy, một chân tham tá. Tôi thấy mến cậu ta.

Ông TURCARET – Nếu tôi thấy cậu ấy có một khả năng nào đó thì tôi đã cất nhắc lên rồi; nhưng cậu ta hiền lành quá; điều đó chẳng ích gì cho việc kinh doanh cả.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Giao cho anh ta một việc không khó làm.

Ông TURCARET – Ngay ngày hôm nay, anh ta sẽ có việc làm; coi như đã quyết định.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Chưa hết: tôi muốn đưa Frontin, đầy tớ của ông hiệp sĩ em họ tôi tới hầu bên ông; hắn cũng là một đứa rất hiền lành.

Ông TURCARET – Tôi sẽ nhận anh ta, thưa bà và xin hứa với bà sẽ đưa anh ta làm tham tá ngay khi có dịp.

HỒI II, LỚP 3

NAM TƯỚC PHU NHÂN, ÔNG TURCARET, FRONTIN

FRONTIN – (*với Nam tước phu nhân*) Thưa bà, bà sắp có được cô hầu gái mà cháu đã thưa chuyện với bà.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – (*với ông Turcaret*) Thưa ông, đây là cậu mà tôi muốn giới thiệu với ông.

1 Ba trăm pistoles (tiền cũ của Pháp): hơn ba trăm nghìn francs.

Ông TURCARET – Anh ta có vẻ hơi khù khờ nhỉ.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Ông xem tướng giỏi thật đấy!.

Ông TURCARET – Tôi nhìn thì không có sai... (với *Frontin*) Lại gần đây, anh bạn! hãy nói cho ta một chút xem nào, anh đã nắm được vài nguyên lý rồi chứ?

FRONTIN – Ông gọi thế nào là nguyên lý ạ?

Ông TURCARET – Những nguyên lý nghiệp vụ tham tá; có nghĩa là anh có biết người ta có thể làm thế nào để ngăn chặn hoặc tạo điều kiện cho việc lậu thuế không?

FRONTIN – Thưa ông, chưa ạ; nhưng cháu cảm thấy cháu học được cái đó rất dễ dàng.

Ông TURCARET – Ít ra anh cũng biết số học chứ? Anh có biết kế toán đơn chứ?

FRONTIN – Ồ, có ạ, thưa ông; thậm chí cháu còn biết kế toán kép nữa. Cháu cũng viết được hai kiểu chữ sổ sách, lúc thì kiểu này, lúc thì kiểu kia.

Ông TURCARET – Kiểu chân phương có phải không?

FRONTIN – Kiểu chân phương, kiểu xiên.

Ông TURCARET – Thế nào, kiểu xiên?

FRONTIN – Chà! Vâng một kiểu mà ông biết... đấy... một cái kiểu không hợp pháp.

Ông TURCARET – (với *Nam tước phu nhân*) Anh ta muốn nói kiểu pha tạp.

FRONTIN – Đúng như vậy ạ; đấy chính là từ mà cháu đang tìm..

Ông TURCARET – (với *Nam tước phu nhân*) Thật là chất phác... Thưa bà, cái cậu này thật là khù khờ.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Cậu ta sẽ hết khù khờ trong sổ của ông.

Ông TURCARET – Ồ! Đúng thế đấy, thưa bà, đúng thế đấy. Vả lại, một trí tuệ sắc sảo không cần thiết cho việc làm nên sự nghiệp. Ngoài tôi và hai hay ba người khác chỉ còn toàn những kẻ trí tuệ khá tầm thường ở chỗ chúng tôi. Chỉ cần nắm bắt kịp thời một cách làm nhất định, một thói quen là đủ. Chúng tôi gặp gỡ với bao người. Chúng tôi gắng sức lấy được cái tốt nhất mà mọi người có; đấy là toàn bộ khoa học của chúng tôi.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Đấy không phải là môn khoa học vô ích nhất trong toàn bộ các khoa học.

Ông TURCARET – (với *Frontin*) Ồ thế đấy! Anh bạn, anh thuộc về ta. Tiền công của anh tính kể từ giờ phút này.

FRONTIN – Thưa ông, vậy thì cháu xin xem ông như ông chủ mới của cháu. Nhưng với tư cách là người hầu cũ của ông hiệp sĩ, cháu cần hoàn thành một nhiệm vụ mà ông ấy đã giao: ông ấy mời ông và bà chị họ ăn tối hôm nay tại đây.

Ông TURCARET – Rất vui lòng.

FRONTIN – Cháu sẽ đặt tại nhà hàng Fite¹ tất cả các loại ragu, với hai mươi tư chai rượu sâm banh, và để bữa ăn được vui vẻ, các ngài sẽ có ca nhạc.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Có nhạc à, Frontin?

FRONTIN – Vâng thưa bà, chứng cứ là cháu đã được lệnh đặt một trăm chai rượu Suresnes² để các nhạc sĩ tha hồ túy lúy.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Một trăm chai!

FRONTIN – Thưa bà, đấy không phải là quá nhiều đâu. Sẽ còn có tám nhạc công, bốn ca sĩ nhà hát Ý ở Paris, ba ca sĩ và hai giọng cao nữa.

Ông TURCARET – Đúng đấy, cậu ta nói phải, quả thực không phải là quá nhiều. Bữa ăn này sẽ rất tuyệt đấy.

FRONTIN – Ô quý thật! Khi ông hiệp sĩ tổ chức những bữa ăn tối như thế này, ông ta chẳng tiết kiệm gì đâu, ông ạ.

Ông TURCARET – Tôi tin là thế!

FRONTIN – Hình như ông ta được một người cho tiền tiêu.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – (với *Turcaret*) Cậu ta muốn nói ông ấy xử sự hết sức tuyệt vời.

Ông TURCARET – Cậu ta thật thật thà. (Với *Frontin*) Thôi được! Lát nữa sẽ rõ. (Với *Nam tước phu nhân*) Và để thêm phần vui vẻ, tôi sẽ đưa ông Gloutonneau³, nhà thơ, tới đây; và lại tôi không thể ăn nếu không có một người có trí tuệ nào đó ngồi ăn với tôi.

NAM TƯỚC PHU NHÂN – Ông sẽ làm tôi vui lòng. Tác giả này xem ra có xuất sắc trong cách trò chuyện không?

Ông TURCARET – Ông ta không nói tới bốn lời trong bữa ăn, nhưng ông ta ăn và suy nghĩ rất nhiều. Ghê thật đấy! Đây là một người rất thú vị... Ôi thôi! Tôi chạy tới chỗ Dautel⁴, mua cho bà...

1 Fite: người bán đồ ăn đặt trước nổi tiếng thời đó.

2 Suresnes: rượu nhẹ.

3 Tác giả chơi chữ. Glouton là “ăn tực”, “phàm ăn”.

4 Dautel: người bán hàng ăn đặt trước nổi tiếng thời đó.

NAM TUỐC PHU NHÂN – Ông làm gì phải dè chừng đấy, tôi xin ông: đừng có phung phí...

Ông TURCARET – (*đến lượt mình ngắt lời bà ta*) Nào thôi thôi! thưa bà thôi đi, bà đừng có nói những chuyện vụn vặt nữa. Tạm biệt, nữ hoàng của tôi.

NAM TUỐC PHU NHÂN – Tôi nóng lòng đợi ông trở lại. (*ông Turcaret đi ra*)
(Trịnh Thu Hồng dịch)

Luyện tập

1. Khuyến khích từng bạn đọc kỹ các trích đoạn kịch.
2. Thuyết trình: Tổ chức kể lại câu chuyện theo kịch bản và nói ý kiến riêng về các nhân vật trong từng vở kịch. Mỗi thuyết trình chọn một chủ đề. Ví dụ: (a) Cách kể chuyện kịch nghệ bằng đối thoại; (b) Vai kịch nào dễ đóng, vai nào khó đóng; (c) Tôi thích điều gì trong các trích đoạn...
3. Từng nhóm hai bạn tự chọn một số câu đối thoại thú vị (hoặc cả hồi kịch) để trình diễn trước lớp.

BÀI 8

VỞ KỊCH *NHỮNG TÊN CƯỚP* (Schiller, nhà viết kịch Đức)

Hướng dẫn học

Vở kịch *Những tên cướp* của Schiller cũng nằm trong các mẫu nghiên cứu kịch châu Âu như các vở *Trận bão* của Shakespeare và *Turcaret* của Lesage. Nhưng các bạn sẽ thấy ở vở *Những tên cướp* một điểm rất khác.

Trong trích đoạn kịch đã học của Shakespeare và Lesage câu chuyện dường như được kể ra một cách rành mạch, rõ ràng và thuần túy “bề ngoài”. Các tình huống mang tính kịch đều hiện ra rõ ràng, hầu như rất dễ để người xem kịch đoán ra và chờ đợi.

Trong vở *Những tên cướp*, các bạn sẽ được đọc những độc thoại nội tâm, qua đó nhân vật kịch bộc lộ tâm trạng của mình, những đau đớn của riêng mình trong khi phải tham gia vào những âm mưu hoặc phải chống lại những âm mưu.

Vì thế, sách Văn Lớp 7 này chọn vở *Những tên cướp* để các bạn học sau hai vở của Shakespeare và Lesage. Các bạn nên học kỹ vở này và cũng chuẩn bị để học kịch *Faust* của đại thi hào Đức W. Goethe.

Xin nói luôn để các bạn hào hứng đón chờ việc học tiếp. Lên Lớp 9, như là một cách “tổng kết” việc học Văn, các bạn sẽ được học tập trung vào hai cái mẫu là hai tác phẩm lớn của loài người, đó là *Truyện Kiều* của Việt Nam, và *Faust* của Đức.

Một khi đã quen với *Những tên cướp* của Schiller, các bạn sẽ hào hứng đi sâu vào *Faust* như một kho báu nghệ thuật xoay quanh những vấn đề nhân sinh trong cuộc lần tìm hạnh phúc của con người.

Mời bắt đầu.

Lời dẫn:

Tiểu sử Schiller

Friedrich Schiller sinh ngày 10 tháng 11 năm 1759 tại Marbach thuộc công quốc Wurtemberg – một trong ba trăm công quốc lớn bé của nước Đức cát cứ phong kiến thời đó.

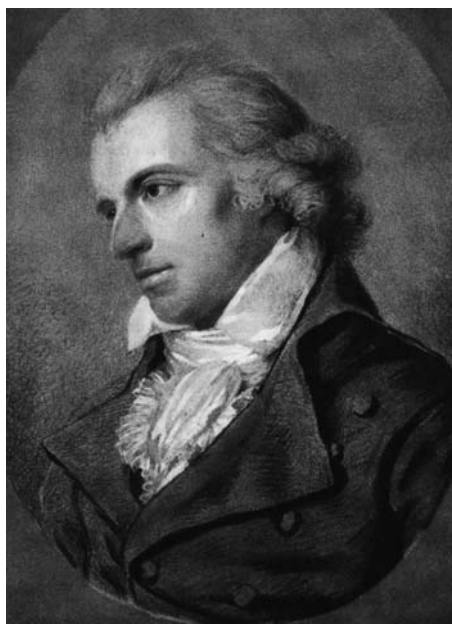
Ông có tuổi thơ khá đầy đủ, được tạo điều kiện để học hành tử tế và sớm tiếp xúc với văn chương, kịch trường. Tuy nhiên, hoàn cảnh tối tăm của nước Đức nói chung, công quốc Wurttemberg nói riêng đã ảnh hưởng, gây áp lực lên quá trình trưởng thành của Schiller. Đất nước Đức nửa sau thế kỷ 18 là “một khối lượng sống đang thối rữa và suy sụp thảm hại” (theo nhận định của F. Engels), còn công quốc Wurtemberg quê hương ông nổi tiếng bởi lối sống xa hoa đài các, bởi sự độc ác, tàn bạo của công tước Karl Eugen.

Ngày 16 tháng 1 năm 1773, công tước đã ra lệnh cho F. Schiller mới 14 tuổi phải vào học tại Học viện quân sự để trở thành một bác sĩ quân y để phục vụ cho chính thể của y. Đây là nơi các học viên hầu như bị cô lập hoàn toàn với thế giới bên ngoài, mọi sinh hoạt đều phải theo mệnh lệnh, học viên phải theo dõi lẫn nhau, thư từ bị kiểm duyệt... Vượt lên trên tất cả những điều đó, Schiller bí mật đọc và tìm hiểu Goethe, Klopstock, Shakespeare, Lessing, Schubart...

Ông bắt đầu viết vở kịch đầu tay của mình *Những tên cướp* trong giai đoạn này. Sau khi tốt nghiệp y khoa năm 1780, ông sống và viết với đồng lương chết đói của một “thầy thuốc trung đoàn”.

Ngày 13 tháng 1 năm 1782, vở kịch *Những tên cướp* của Schiller lần đầu tiên được công diễn bên ngoài biên giới Wurtemberg đã gây xôn xao trong dư luận xã hội cũng như kịch trường Đức.

Vở kịch này mở đầu cho một loạt các tác phẩm thể hiện sự phản đối của Schiller đối với chế độ phong kiến chuyên quyền. Ông đã bị bắt giam 14 ngày và cấm sáng tác văn chương sau khi tác phẩm được công diễn. Sau đó, ông trốn ra khỏi công quốc của mình để tìm đến tự do, bước sang trang mới của cuộc đời,



sống trong điều kiện nghèo nàn, nợ nần, lang thang qua nhiều vùng đất và sau cùng đến sinh sống ở Weimar (1799) cho đến khi qua đời.

Ông nghiên cứu sâu hơn về vai trò của sân khấu, viết các tác phẩm nổi tiếng khác như: *Fiesco*, *Âm mưu và ái tình*. Năm 25 tuổi, Schiller trở thành ngôi sao sáng trên kịch trường Đức. Những năm tháng sống ở Dresden và Jena, ông có thời kỳ ngắn ngủi sống trong lạc quan, không lo lắng gì về kinh tế khi nhận được sự hỗ trợ của bạn bè. Vì vậy, ông có điều kiện để sáng tác nhiều tác phẩm như: *Gửi niềm vui* (thơ), *Don Carlos* (kịch thơ), *Kẻ phạm tội bị mất danh dự* (truyện vừa), *Người nhìn thấy ma* (tiểu thuyết).

Schiller là tấm gương sáng cho những người trẻ tuổi về tinh thần tự học. Được đào tạo để trở thành bác sĩ quân y nhưng ông đã trở thành kịch tác gia nổi tiếng về văn chương, ông không ngừng học hỏi để bổ sung kiến thức về các lĩnh vực sử học, triết học và khoa học xã hội. Trong vòng năm năm (1788–1793), F. Schiller đã xuất hiện với tư cách là một sử gia với hai tác phẩm nổi tiếng nghiên cứu về lịch sử được xuất bản. Ông được bổ nhiệm làm giáo sư sử học tại trường đại học Jena, chỉ có chức danh nhưng không có lương.

Năm 1787, ông gặp tình yêu của cuộc đời mình là Charlotte Von Lengefeld, nhưng phải ba năm sau họ mới đủ điều kiện kinh tế để kết hôn. 1791, Schiller bị lâm bệnh nặng nhưng may mắn qua khỏi nhờ sự tài trợ của một người hâm mộ văn chương của ông.

Trong khoảng thời gian từ 1789 đến 1799, ông bắt đầu nghiên cứu về triết học và mỹ học, đặc biệt là triết học Kant và công bố một số tiểu luận và luận văn về vấn đề này. Schiller là một tài năng đa dạng của văn học Đức. Ông còn được biết đến như là một nhà thơ có tài với nhiều tác phẩm được yêu mến như: *Bão táp và xung kích*, *Các thánh thần Hy Lạp*, *Bài ca về quả chuông*... Tác phẩm cuối cùng của ông được viết năm 1804 là vở kịch *Wilhelm Tell* – một “vở kịch của nhân dân”, phát triển một đề tài mới mẻ về vai trò của nhân dân trong văn học châu Âu nửa sau thế kỷ 19. Vở kịch được viết dựa trên lịch sử Thụy Sĩ nhưng lại là lời kêu gọi ngầm nhân dân Đức đoàn kết để đứng lên thống nhất đất nước và dân tộc. Ông qua đời một năm sau khi hoàn thành tác phẩm cuối cùng trong cuộc chiến đấu với bệnh tật suốt sáu năm ròng rã.

Schiller cùng với Lessing, Goethe là những người đã góp phần quan trọng vun đắp nên phần ý thức dân tộc và văn hóa dân tộc Đức.

Tóm tắt vở kịch *Những tên cướp*

Vở kịch *Những tên cướp* của Schiller xoay quanh bốn nhân vật chính: Bá tước Von Moor, hai người con trai: Karl, Franz, và Amalia – người yêu của Karl Moor.

Kịch gồm năm hồi với các bối cảnh diễn ra ở lâu đài bá tước Von Moor và trên đường di chuyển của nhóm cướp do Karl làm thủ lĩnh.

Nếu như nhân vật người anh Karl Moor hiện lên qua lời kể của các nhân vật cha, người yêu Amalia của anh, là một người trung thực, quả cảm, đầy ước mơ hoài bão... thì người em Franz lại thể hiện sự hiểm ác, lạnh lùng với vẻ ngoài xấu xí. Với tham vọng giành được quyền thừa kế tài sản, chiếm đoạt người yêu của anh mình, Franz dày công dàn dựng những màn kịch, những chuyện hiểu lầm để từng bước làm cho Bá tước Von Moore từ bỏ Karl, tạo ra một cái chết giả cho cha để mình – thực chất là giam cầm, bỏ đói ông – để trở thành ông chủ chính thức của lâu đài.

Karl Moor trở thành thủ lĩnh của một toán cướp với tâm trạng đau khổ, tuyệt vọng sau khi biết tin bị gia đình đoạn tuyệt. Trên con đường hành sự của mình, những tên cướp đã cướp bóc những thứ mà “họ cứ phung phí tiền ra mua sắm cho Chúa những thứ xa xỉ mà Chúa không cần trong khi chúng sinh của Chúa thì lại đói” để phân phát cho trẻ mồ côi, cho những thanh niên tài giỏi, người nghèo, hay cũng sẵn sàng “Vì tình yêu thương đối với một đồng chí mà phá trụi cả một thành phố”, giết chết 60 mạng người đổi lấy một mạng... với mong muốn tìm kiếm được tự do: “Tự do hay là chết”.

Còn Amalia sống trong lâu đài Bá tước với tình yêu mãnh liệt dành cho Karl chống lại những cám dỗ, đe dọa, âm mưu của Franz. Tất cả gặp lại nhau trong hồi cuối cùng của vở kịch: một Bá tước Von Moor – người cha đứng giữa cuộc chiến của hai người con; một Franz bị hoang tưởng, ám ảnh bởi sự tối tăm trong tâm hồn; một Amalia đau khổ nhưng tin tưởng tuyệt đối vào tình yêu; một Karl đầy mâu thuẫn giữa quá khứ và tình yêu tươi đẹp với hiện tại và tương lai.

NHỮNG TÊN CƯỚP (Trích)

HỒI NĂM

Cảnh I

Các phòng thông nhau trong lâu đài Von Moor. Đêm tối.

DANIEL – (bước vào, tay cầm nến và đồ đạc đã bó gói) – Giã từ, giã từ căn nhà hiền lành, thân yêu của ta. Ta từng thấy ở đây bao nhiêu điều tốt lành, nhân hậu, khi mà Bá tước quá cố của ta còn sống. Ta đã từng đổ bao nhiêu nước mắt khóc con người từ lâu đã yên ngủ giấc ngàn năm ấy. Nhưng thôi, kể làm gì... Vĩnh biệt người, căn nhà từng là chốn nương thân cho những kẻ mồ côi, mà bây giờ... đứa con ấy đã biến thành một ổ bọ bọm. Vĩnh biệt cái nền nhà yên tĩnh mà lão già Daniel từng lau chùi quét dọn, vĩnh biệt cái bếp lò! Đối với lão tất cả những gì ở đây đều đã trở thành quen thuộc, dễ dàng gì mà bỗng chốc rời xa... Khó khăn cho người lắm, hồi lão già Êlêadar khốn khổ¹. Nhưng ông trời đã có lòng bác ái mà giải thoát cho lão khỏi vòng cám dỗ. Ta đã đến đây, và bây giờ, ta lại từ đây mà đi. Nhưng thôi, vì thế mà linh hồn ta sẽ được cứu vớt (định đi).

Franz vào, mặc áo ngủ

DANIEL – Chúa hãy cứu con, ông chủ của ta (tắt đèn).

FRANZ – Đổi thay, thay đổi. Những hồn ma đã nhòe dậy từ dưới hố. Loài đã chết bỗng vùng lên từ giấc ngủ ngàn thu mà gào thét: “Tên sát nhân, tên sát nhân”... Đứa nào lục lọi trong đó?

DANIEL – Lạy Đức Mẹ nhân từ, hãy che chở cho con! Ông chủ đấy ạ, sao ngài kêu thét lên như thế, làm cho khắp lâu đài kinh hoàng, khiến những kẻ đang ngủ say phải khiếp sợ mà thức dậy.

FRANZ – Những kẻ đang ngủ say. Ai cho phép người ngủ? Thấp nển lên!

Daniel ra, một người hầu khác vào

Không một ai được ngủ trong cái giờ phút này! Nghe thấy không. Tất cả phải đứng, phải cầm vũ khí... Phải lên đạn! Người không thấy chúng nó đang bò trên vòm nhà ư... đấy, đấy chúng nó đang dò dẫm trên vòm nhà.

NGƯỜI HẦU – Ai thế ạ?

FRANZ – “Ai” hả, thằng bần tiện. Ai, sao tao nghe mày hỏi lại lạnh lùng, thờ ơ, bình thản đến thế! Ai? Điều đó làm ta lo lắng đến mụ cả người, thế mà mày lại hỏi “ai” một cách lãnh đạm như vậy! Đồ con lừa! Ai! Hồn ma hay bóng quỷ, ai?... Mấy giờ rồi... thằng bần tiện?

1 Êlêadar tên người đầy tớ của giáo chủ Aoraam (Kinh thánh). Đây muốn nói người đầy tớ trung thành.

NGƯỜI HẦU – Con không biết, thưa ông.

FRANZ – Mà bạn không biết hả?... À... Chính bạn, bạn cũng ở trong bọn chúng, hả. Tao móc tìm bạn ra vì cái “con không biết” của bạn! Không hồn thì mời mục sư đến đây. (Người hầu đi ra) Chà... bạn rách áo ôm này cũng về hòa chống lại ta chăng?

DANIEL – (mang nến vào) – Bấm cậu.

FRANZ – Không, ta không run đâu. Đó chỉ là giấc mơ hãi hùng thôi... Những người chết vẫn chưa vùng dậy.

DANIEL – Nom cậu tái nhợt như thần chết. Giọng cậu cứ run run, lạc cả đi vì hoảng...

FRANZ – À, tao lên cơn ngã nước,... tao lên cơn sốt rét... Ta ra lệnh, ngày mai phải thông huyết cho ta nghe chưa!

DANIEL – Cậu không ra lệnh đổ một ít dầu thơm vào đường à?

FRANZ – Tốt... đổ một ít dầu thơm vào đường... sao giọng ta nó cứ run run như là đang sợ hãi thế này? Phải đấy, cho ta một ít dầu thơm vào đường ngay đi!

DANIEL – Cậu đưa chìa khóa để lão xuống nhà mở tủ lấy.

FRANZ – Không, không Daniel, ở lại đây. Hay là ta cùng đi với lão. Lão thấy đấy, ta không muốn ở một mình, ta không muốn ở lại một mình, ngộ nhỡ có ngất ngiêng gì thì khốn. Hãy khoan, hãy khoan... Tất cả qua ngay bây giờ mà... Hãy ở lại đây!

DANIEL – Chết rồi, cậu ốm thực rồi!

FRANZ – Có lẽ, có lẽ ốm thật! Mà cái bệnh này nọ lại nhè vào trí não mà quật... mà gieo rắc đầy những cơn mê kinh hoàng... ngu ngốc. Những cơn mê chẳng ra cái nghĩa quái gì cả. Thế đấy Daniel ạ. Những cơn mê, có lẽ vì cái đau dạ dày đấy! Những cơn mê chẳng ra cái thể thống gì cả. Ta vừa thấy... một giấc mơ ngộ nghĩnh, thật ngộ nghĩnh...

... Lại đây, lại gần đây Daniel, hãy giúp ta! Đầu choáng váng chóng mặt một chút thôi mà... Cho nên ta không đổ... không đổ... ta không đổ...

DANIEL – Giá mà Johann đến. Để lão đi ngay bây giờ, gọi thầy thuốc cấp cứu.

FRANZ – Đứng lại, và ngồi xuống cạnh ta, trên chiếc ghế kia. Thế! Lão là người tốt, có suy nghĩ, ta sẽ kể cho lão.

DANIEL – Không, bây giờ không phải lúc, cậu để cho khi khác. Nào, lão đưa cậu vào giường. Lúc này cậu cần yên tĩnh hơn hết.

FRANZ – Không, ta van lão, ta sẽ kể tất cả, và lão sẽ cười nhạo ta. Hãy

nghe, ta nằm mơ thấy, ta mở tiệc linh đình như đế vương, và ta cảm thấy trái tim mình dễ chịu, và ta say sưa, choáng váng nằm dài trên bãi cỏ trong vườn nhà chúng ta... bất thành linh... lúc đó là vào giữa trưa – bất thành linh, thế, hãy cười nhạo ta đi!

DANIEL – Bất thành linh làm sao?

FRANZ – Bất thành linh một tiếng sét dữ dội đánh bên tai mơ màng của ta. Giật mình vì sợ hãi, ta đứng phắt dậy, và bỗng cảm thấy rằng, cả chân trời rực lửa. Những ngọn núi, những cánh rừng, những thành phố, trong nháy mắt, bỗng bị san phẳng như miếng sáp quăng vào lò nung. Trận cuồng phong gào thét cuốn sạch cả đại dương, cả bầu trời và mặt đất. Và ở đó, cũng như từ một cái ống đồng nào vang lên tiếng kêu: “Hỡi đất dày, hãy trả lại những người chết, hỡi biển sâu, hãy trả lại những tử thi”, thế là thảo nguyên trơ trụi tự nhiên vỡ toác làm đôi ùn ùn, và ném ra nào đầu lâu, nào xương sống, nào xương hàm, nào xương ống. Rồi chúng hợp thành những bộ xương người, và cứ thế kéo thành những dòng vô tận trôi đi. Chao ôi, một trận cuồng phong quêu quào những bộ xương sống động. Lúc đó, ta ngẩng lên nhìn, và không hiểu thế nào, mà hóa ra ta đứng ngay bên cửa tòa thiên lôi, và trên đầu ta, trời ơi, ngay trên đầu ta đông nghịt những đám người, còn ở đằng kia, phía trước mặt, trên đỉnh núi là ba chiếc ngai vàng vươn cao lên, trên đó là ba ông già ngồi với cái nhìn nghiêm lạnh!

DANIEL – Lạy Chúa, đó chính là phiên tòa Phán xử cuối cùng.

FRANZ – Có thật không, hay chỉ là điều nhằm nhí kỳ quái? Ở đó, một trong ba ông già có vẻ mặt như một vị sao đêm đứng dậy nói trước. Ông cầm trong tay một chiếc vòng sắt có dấu, giơ nó lên giữa phương đông, phương tây và những dòng sông: “Muôn đời linh thiêng, muôn đời bất biến, muôn đời chân chính chỉ có một chân lý, một đức hạnh! Đau khổ, đau khổ cho nỗi giày vò ngờ vực”. Và ông cứ hai tay cầm một chiếc gương lấp loáng giơ lên giữa phương đông, phương tây và các dòng sông: “Đây là chiếc gương – chân lý. Bất kỳ sự đạo đức giả nào, bất kỳ sự vờ vĩnh nào cũng đều không thể đứng nổi trước đó”. Trời ơi, ngay lúc đó, ta và mọi người phải thét lên hãi hùng và nhìn thấy những con hổ, con sư tử và con rắn đang há mồm nhe những chiếc răng nhọn hoắt trong chiếc gương kinh hoàng đó. Nhưng ông già thứ ba đã đứng dậy, tay cầm một cái cân sắt, giơ lên giữa phương đông, phương tây và những dòng sông: “Hãy bước lại gần đây, hỡi con cháu của Adam. Ta sẽ treo những ý nghĩ của các người lên chiếc cân giận dữ của ta, còn việc làm của các người, là những quả cân của cơn giận dữ của ta...”

DANIEL – Lạy Chúa nhân từ.

FRANZ – Tất cả đứng xung quanh trắng ra hơn tuyết, và trong lo âu chờ đợi, tìm người nào người ấy đập thành thạch! Bất thành linh, ta nghe thấy như tên ta được gọi lên đầu tiên bằng những cơn lốc núi. Ta cảm thấy tuyết của ta bỗng cứng đờ ra trong các ống xương, và hai hàm răng ta va cầm cập vào nhau. Cái cân vẫn đều đều, đều đều điểm chuông, vách đá dội lên những tiếng ào ào dữ dội, chiếc đồng hồ cứ chạy hết giờ này qua giờ khác quanh chiếc đĩa cân bên trái, và cứ mỗi giờ lại ném vào đĩa một tội lỗi đáng phải chết.

DANIEL – Lạy Chúa nhân từ cứu vớt cậu!

FRANZ – Làm gì có chuyện cứu vớt. Đĩa cân cứ to phình ra, lớn cao lên bằng ngọn núi, mặc dù đĩa cân đầy máu và sự chuộc tội bên kia vẫn cố ghìm lấy nó trên không trung. Chao ôi, đột nhiên một ông già xuất hiện, ông ta cong người xuống sát đất vì những đau khổ cay đắng, và vừa đi vừa gặm tay mình cho đỡ cơn đói cồn cào ruột... Đôi mắt ông khi nhìn, vẫn cúi xuống một cách nhút nhát. Trời ơi, ta nhận ra ông ta ngay. Ông nhổ mớ tóc bạc của mình đặt lên đĩa cân. Và lập tức, lập tức, đĩa cân hạ xuống, hạ xuống tận địa ngục, còn đĩa cân chuộc tội lại được nhắc bổng lên, bổng lên tận trời cao. Và ta nghe thấy một giọng nói vang lên từ làn khói tỏa ra, bao quanh lấy sườn núi đá dựng ngược: “Tha thứ, tha thứ cho tất cả những người có tội dưới trái đất tràn đầy tội lỗi. Một mình ngươi bị ruồng bỏ”. (*Ngừng một lát*) Thế nào, sao lão không cười?

DANIEL – Cười làm sao được, khi run lên vì sợ hãi! Ôi, những giấc mơ do diêm trời báo trước.

FRANZ – Nào, nào, đừng có nói thế. Hãy gọi ta là thằng mê tín ngu ngốc, là thằng ngu ngốc nhảm nhí. Hãy làm như thế, hồi lão Daniel nhân từ, ta van lão, hãy chế nhạo ta.

DANIEL – Ôi, những giấc mơ do mệnh trời báo trước, lão cầu nguyện cho cậu.

FRANZ – Lão dối trá, ta biết! Hay là ngay bây giờ, ngay bây giờ, hãy chạy đi, chạy đi... xem thằng cha mục sư lẩn vào cái xó nào, rồi bảo nó đến đây mau lên! Nhưng ta nhắc lại là, lão dối trá!

DANIEL – Lạy trời phù hộ cho cậu! (*ra*)

FRANZ – Chà, sự thông thái của bọn dân đen! Sự nhút nhát của lũ dân đen! Còn chưa chứng minh được rằng, sự tha thứ không bao giờ đến nữa, rằng trong cái thế giới xán lạn trên các vì sao kia, vẫn có một con mắt nhìn thấu tất cả. Ôi! Ôi, kẻ nào gây cho ta điều đó? Kẻ báo thù ở trên trời kia chăng? Không, không!

Tiếng thì thầm vẫn cứ ở khắp quanh ta “có một quan tòa tối cao trên trời kia”, và người cử hành phiên tòa phán xử ở cái thế giới trên các vì sao ấy ngay đêm nay hay sao? Không, ta nói với các người. Đó là cái hang thê thảm mà sự hèn nhát của các người muốn ẩn nấp! Chao ôi, trống không, thanh vắng, hoang vu, không người là ở đó, ở cái thế giới trên các vì sao kia! Nhưng nếu như ở nơi ấy, ở sau cái vì sao đó, còn có một cái gì đó lớn lao hơn thì sao? Không, không, ở nơi đó trống rỗng khôn cùng! Còn nếu như, nếu như, cay đắng, đau khổ, nếu như tất cả đều say sưa đối với cái đêm kinh khủng này! Sao thế này, sao sự kinh hoàng lại xâm chiếm cả cơ thể ta? Chết, chết, vì sao tiếng đó lại làm ta lạnh cả người. Chà, phải đệ trình lên người báo thù trên trời đó hay sao? Nhưng nếu như nó phán xử phân minh? Thì sẽ ra sao? Thì tất cả những trẻ mồ côi, những người đàn bà góa, những kẻ bị ta áp bức, bị ta hành hạ sẽ kêu gào lên mà cầu cứu nó! Nếu như nó phán xử phân minh rằng, tại sao ta lại chiến thắng họ, thì sẽ ra sao nào?

(Tất Thắng dịch)

Luyện tập

1. Kể câu chuyện những nét chính cuộc đời tác giả F. Schiller và tưởng tượng về lý do ông đã viết vở kịch *Những tên cướp*.
2. Kể câu chuyện *Những tên cướp* để cùng nhau nắm được ý tưởng của Schiller khi dựng vở kịch này.
3. Thảo luận câu nói của Schiller: sân khấu có nhiệm vụ “khai sáng trí tuệ”, “giáo dục đạo đức”, “trừng phạt cái xấu và khích lệ đức hạnh”. Làm sao sân khấu có thể làm được những điều to tát đến thế?
4. Cùng luyện tập diễn xướng những đoạn dài trong đoạn trích. Người diễn viên phải có khả năng học thuộc những đoạn văn dài như thế. Bạn có thấy đòi hỏi người diễn viên như vậy là quá sức của họ không? Bạn tưởng tượng người diễn viên làm cách gì để thuộc được những đoạn độc diễn dài?
5. Viết một đoạn văn năm câu mở rộng mang ý tưởng của bài luyện tập 4 trên đây. Viết và trao đổi với các bạn.

PHẦN 3

Chuyển thể kịch

THỰC HÀNH CHUYỂN THỂ KỊCH

Các bạn thân mến,

Bài học này hướng dẫn các bạn chuyển thể kịch – các bạn sẽ học cách chuyển một bức tranh hoặc một câu chuyện kể thành một vở kịch.

Việc làm này sẽ giúp các bạn hiểu kỹ hơn những điều đã học về Kịch nghệ. Bạn sẽ hiểu rõ hơn *cách kể chuyện bằng những đối thoại giữa các vai kịch*.

Khi chuyển thể kịch, các bạn sẽ làm những công việc gì?

Việc 1 – Cùng nhau kể lại câu chuyện. Khi kể lại câu chuyện, tùy theo ý tưởng của mình, các bạn sẽ làm nổi bật một chủ đề. Ví dụ, cùng là một bức tranh *Đám cưới chuột*, các bạn có thể kể câu chuyện dưới góc độ khác nhau, ví dụ:

- Sự khôn ngoan của Chuột già tìm cách mua chuộc Mèo để đám cưới diễn ra trót lọt;
- Sự nhút nhát của chú rể Chuột muốn hủy đám cưới, thà không có vợ còn hơn gặp nguy hiểm bị Mèo đón đường đám cưới và ăn thịt cả hai họ;
- Sự ranh ma của Mèo tìm mọi cách để được nhà Chuột hối lộ...

Tóm lại, đám cưới Chuột nhưng thực ra là những câu chuyện mà ta có thể bắt gặp trong cuộc sống.

Việc 2 – Cùng nhau phân vai và chia câu chuyện thành những hồi để soạn các đối thoại theo các hồi đó. Ví dụ:

- Hồi 1 – Hai họ bàn nhau cách tiến hành đám cưới sao cho an toàn không bị Mèo ăn thịt;
- Hồi 2 – Đưa hối lộ cho Mèo;
- Hồi 3 – Lễ rước dâu vui vẻ, thành công.

Việc 3 – Viết thành kịch bản và diễn chơi với nhau. Chỗ nào thấy thiếu ý gì thì thêm vào cho ý nghĩa sâu sắc thêm, cho vui thêm...

Ngoài vở *Đám cưới Chuột*, mời các bạn chuyển thể câu chuyện *Hà Bá lấy vợ*.

Vở này có kịch tính rõ. Ở làng kia năm nào cũng bị bọn hào lý bắt ném một cô gái đẹp xuống sông nộp cho Hà Bá để dân làng được yên lành. Một ông quan biết thương dân đã tìm cách xử lý vụ này bằng cách sai người ném bọn hào lý xuống sông để xem xét tình hình về báo cáo...

Mời các bạn tham khảo và cùng diễn chơi hai vở kịch đã chuyển thể của cô giáo Phạm Hải Hà.

* * *

KỊCH BẢN ĐÁM CƯỜI CHUỘT

Kịch bản chuyển thể từ tranh dân gian Đông Hồ



Nhân vật:

Chuột trưởng họ

Chuột bố

Chuột mẹ

Chuột chú rể

Chuột cô dâu

Khoảng năm đến bảy chuột họ hàng

Mèo

Trang phục: Tùy sáng kiến và tùy khả năng mua sắm của... dàn diễn viên chuột.

MÀN GIÁO ĐẦU

Chuột giáo đầu – *(đi ra, tay cầm bức tranh “Đám cưới chuột”)* Ôi chà chà... Thật là “miếng ngon nhớ lâu” các bác ạ! Chuột tôi vừa được đi dự một đám cưới nhớ đời. Đám cưới chi mà to ơ là to! Tính từ bác trưởng đoàn tới khách cuối đoàn rước dâu, dễ chừng đến hơn năm chục mét chuột xếp hàng. Kiệu son, hoa tía, chín lễ, mười xe, thuê hẳn một đoàn nhạc, chơi từng bừng ngót ba canh giờ. Cỗ thì cứ gọi là ngập mặt. Bánh mỳ, xúc xích, phô mai, bánh ngọt... phục vụ tận bàn. Chú rể thì là tiến sĩ dòng gia giáo mà cô dâu lại là tiểu thư nhà quyền quý. Dễ chừng mai lên trang nhất báo *Nhà giàu* chứ chẳng chơi. Đây đây, các bác có muốn xem ảnh đám cưới không này?

Tiếng đế – Có, có!

Chuột giáo đầu – *(giở bức tranh ra)*: Đây! Hoàn hoành tráng chưa?

Tiếng đế – Hoàn hoành lắm! Cơ mà đám cưới chuột mà mời cả Mèo à? Gan nhỉ?

Chuột giáo đầu – *(ngó vào bức tranh)*: Đâu? Đâu? À không, chuột đâu có ăn gan hùm. Cái ông thợ ảnh kể cũng giỏi, sao lại chụp được một bức cả hai nơi. Này, các bác không được chê em nhiều chuyện, em mới kể tiếp cho mà nghe!

Tiếng đế – Kể đi, kể đi...

Chuột giáo đầu – Ôi kỳ công lắm! Để có cái đám cưới vừa hoành tráng vừa công khai ấy là công sức của cả dòng họ chứ không đùa. Trước đám cưới, cả họ đã họp nhau cả tháng trời... *(Nói rồi đi vào)*

CẢNH 1 – HỌP GIA ĐÌNH

(Chuột trưởng họ ngồi ghế chủ tọa, tay cầm gậy chống, các chuột thành viên ngồi xúm thành vòng tròn xung quanh)

Chuột bố – *(chắp tay trước ngực, cung kính)* Em xin kính thưa bác trưởng họ, lọ mọ chào bác Cả, tất tả chào bác Hai, em lại khoan thai chào bác Ba, nhẩn nha thưa các chú dì, cậu mợ nhà ta đã có mặt đông đủ hôm nay để nhà em thưa chuyện.

(Các chuột khác gật gù)

Chuột trưởng họ – Ấy đấy, xưa nay trong họ nhà ta, chú nổi tiếng là người biết phép tắc, ăn uống nói năng đều dàng hoàng trôi chảy. Tôi là tôi ứng. Phải như vậy, cho người ta biết, là họ Chuột ta cũng có người biết ăn biết nói, chứ chẳng phải chui rúc bụi bờ, ăn thừa uống cạn, kêu lên ba cái tiếng chít chít. Cái lối đó xưa rồi. Cứ giữ lấy cái phong độ này cho tôi, chú tiếp tục đi!

Chuột bố – Bác có lời khen lại làm em... quên mất đang định nói cái gì rồi. Ờ... (gãi đầu gãi tai).

Chuột mẹ – (huých tay, nhắc khẽ): Đám cưới, đám cưới...

Chuột bố – (to giọng hẳn lên) À, đúng rồi, vâng, chuyện là cháu Nhất nhà em. Cháu đã bảo vệ xong thạc sĩ chuyên ngành Cơ khí vào năm ngoái, cũng đã lấy bằng tiến sĩ năm nay. Nhờ công đức tổ tiên ông bà mình và kinh nghiệm cha anh truyền lại, nay cháu đã vào làm chính thức cho Vụ Chế tạo Thiết bị Tháo dỡ. Lại nhờ ơn trên của bác Cả làm Vụ trưởng (Chuột bác cả vênh mặt), cháu được cất nhắc lên Vụ phó.

Các chuột xôn xao – Giỏi thế! Mát mặt quá! Đúng là “Chuột phụ sinh chuột tử”!...

Chuột họ hàng – Học tiến sĩ khó lắm đấy. Nghe nói mất đến mấy yến phô mai chứ chẳng chơi. Cả họ nhà chim sẻ ba đời mà cũng chỉ được vài chục cái tiến sĩ thôi.

Chuột trưởng họ – (đăng hắng để nhắc nhở) E hèm...

Chuột bố – (tiếp tục cung kính) Công danh của cháu coi như khởi đầu sáng rõ, từ nay cứ tầng tầng mà tiến. Vừa hay cháu cũng đến tuổi lập gia đình. Đám cưới của cháu với tiểu thư con nhà tiến sĩ Chù sẽ diễn ra vào trung tuần tháng Giêng này. Bác trưởng họ đã xem cho ngày đẹp, ngày Tí tháng Tí giờ lại là giờ hoàng đạo nhé... Nay đường đi nước bước, xin các bác tiếp tục chỉ dạy để chuyện lớn của cháu được hanh thông ạ. Xin nhường lời cho bác Trưởng.

Chuột trưởng họ – Cảm ơn chú! Đó cũng là lý do tôi triệu tập cuộc họp hôm nay. Chú thím khiêm tốn, nhưng thằng cháu Nhất chính là tiến sĩ đầu tiên trong họ nhà ta. Gì thì gì, đám cưới là cả việc trọng đại của cả họ. Về lễ nghi, có tôi chủ trì, không đáng lo. Tôi lo là lo cái khoản an toàn...

(Cả họ nhà chuột nín thinh, không một tiếng động. Mặt mày ai nấy căng thẳng)

Chuột họ hàng – Hay thôi, ta làm dưới tầng hầm. Ống thoát nước mới vừa to vừa đẹp. Ta để một khu cả họ ăn búp phê. Đoạn kéo dài từ Hàng Trống đến Hàng Đường thì ta rước dâu.

Chuột trưởng họ – Không được. Không được. Lần này phải làm trên đường lớn. Lễ thành thân của Tiến sĩ họ nhà chuột. Không lúi xùi, chui rúc được. Mà từ nay cũng phải nghĩ khác đi, làm khác đi. Đi đường to. Người đàn ông hoàng phải đi đường to.

Chuột họ hàng – (*lắm bầm*) Ăn thì ăn vụng mà đi lại đòi đòi hoàng. Gan thì bé mà lại đòi đi đường to.

Chuột bố – Nếu đi đường to thì phải đi sáng tinh mơ. Đường quang. Mặt trời lên thì nhộm nhoạm lắm. Lúc bấy giờ người ta đi chợ nhiều.

Chuột trưởng họ – Không lo, ngày Tí tháng Tí rồi, nay rời sang giờ Tí. Giờ Tí cũng đẹp. Cứ cái gì liên quan đến Chuột là đẹp tuốt.

Chuột mẹ – (*đơn đả mà ngập ngừng*) Bác trưởng đã tính thì nhà em khỏi lo. Chỉ riêng chuyện này, em đàn bà, nghĩ thì cạn mà lo hão thì nhiều. Em cứ nói, phải trái thì các bác bỏ quá. Em đã thử xem bản đồ đường rước dâu, có một cung đường vòng tránh được nhà lão Mèo, nhưng e là kèn trống linh đình, lão nghe thấy thì ta khó yên...

Chuột họ hàng – Hay đi qua đoạn phố nhà lão thì anh em tắt nhạc đi.

Chuột bố – Hay là vậy. Nhưng nhỡ lão không ở nhà mà đi lang thang qua đó? Vỡ trận chứ chẳng chơi.

Chuột mẹ – Hay là thôi, lại rước theo đường ống nước?

Chuột trưởng họ – Nào nào. Hẵng cứ bình tĩnh. Người đàn ông phải làm ăn đàn ông. Ta tính thế này. Hôm cử hành cứ chia hai đoàn. Chú thím với bọn trẻ sang nhà gái, rước dâu cho đúng lịch trình. Có bác cả đi theo, gọi là người lớn trong nhà. Tôi sẽ dẫn đầu đoàn thứ hai, sang nhà lão Mèo, làm một cái lễ trịnh trọng. Chắc sẽ êm thôi.

Chuột bố – Liệu có xuôi không bác?

Chuột họ hàng – Ăn no thì xuôi tất. Lão ngồi không lại có đồ ăn ngon dâng tận miệng. Ta lại cung kính trước sau, bụng thì no, dạ thì hả hê, có họa diên mới gây sự. Đúng là bác trưởng, tầm nhìn hơn người.

Các chuột khác – (*Xôn xao*) Hẳn là chỉ có bác trưởng mới nghĩ ra tuyệt kế này. Hay. Hay quá. Nhìn xem, bác đã từng chinh chiến đến rưng cả đuôi thế kia. Kinh nghiệm còn dày hơn cả lớp lông trên người ấy chứ !

Chuột trưởng họ – Thôi cứ thống nhất thế. (*Quay sang chuột mẹ*) Thím lo cho tôi một lễ đầy đủ: gà quay, cá rán... mấy món khoái khẩu của lão Mèo. (*Quay sang đám họ hàng*) Chú Ba, chú Út, mai tách khỏi đoàn nhạc lễ, các chú đi theo tôi. Ta có tí kèn trống linh đình. Của biếu không bằng cách biếu, phỏng ả?

Cả họ nhà chuột – Dạ...

CẢNH 2 – CHUẨN BỊ RƯỚC DÂU

(Chuột chú rể đứng giữa sân khấu, bên cạnh là chuột bố, chuột mẹ, xung quanh là chuột họ hàng chạy ngược chạy xuôi, chuột bưng mâm quả, chuột bưng bánh kẹo, chuột tết hoa cưới, chuột chuẩn bị lì xì... cảnh vô cùng nhộn nhịp).

Chuột mẹ – (luôn chân tay chỉnh đốn trang phục cho chuột con chú rể, mồm miệng dặn dò) Đợi bác cả vào trước xin dâu rồi con mới được vào. Lên ban thờ gia tiên chờ cho bố mẹ vợ thấp hương trước rồi mới được vái theo sau. Đừng nhoi nhoi lên người ta cười cho, biết chưa?

Chuột chú rể – Khổ quá, mẹ dặn cả tỉ lần rồi. Gì thì gì, con cũng là tiến sĩ. Mẹ dặn cứ như dặn trẻ con Lớp 7 không bằng!

Chuột mẹ – Anh im đi! Anh là tiến sĩ chứ tôi còn là mẹ tiến sĩ ấy! Anh như gà mắc tóc rồi người ta cười con để ra anh chứ chẳng cười anh đâu. Dặn mẹ đầu lưỡi chẳng thừa. Anh cứ vâng cho tôi yên dạ.

Chuột chú rể – (buông giọng bực mình) Thì vâng!

Chuột bố – (Tay cầm nắm tiền lẻ) Này đây. Lát bố đi cùng xe kéo đầu đoàn với bác cả, không đi gần con được. Cầm lấy chỗ tiền này, kiệu cô dâu qua ngã ba, ngã tư nào thì thả lấy vài tờ xuống, nghe chưa?

Chuột chú rể – Thả cả nắm xuống luôn được không bố?

Chuột mẹ – Cha bố anh. Từ đây sang nhà nó dễ đến chục cái ngã ba. Anh thả cả nắm xuống thì qua những ngã sau anh lấy gì mà thả.

Chuột chú rể – Không thả có được không mẹ?

Chuột mẹ – Được. Có muốn vợ chồng lấy nhau xong nghèo mặt vận, xui mặt kiếp, thì cứ theo ý anh mà làm!

Chuột bố – Con nó đùa thôi. Nào nào, đứng quay lại bố xem. (Ngắm nghía chuột con) Được rồi. Đến giờ chưa bà?

Chuột mẹ – Bố con ông ra luôn đi. Kiệu, lễ, kèn, hoa chờ hết ngoài ngõ rồi. Bác cả ra hiệu là xuất phát thôi.

(Chuột bố chuột con dắt tay nhau đi, mọi người hối hả giục nhau cùng đi đón dâu)

Chuột mẹ – (chạy với theo, dúi vào tay chuột con cái đèn pin) Này, cầm lấy mà soi, mới giờ Tí, trời đất tù mù, không nhìn thấy đường lại ngã dập mặt thì khốn.

Chuột bố – (vừa đón cái đèn pin vừa lau bàu) Phui phui cái mồm bà. Thôi bà vào đi, xem lại cái phòng cưới của chúng nó xem còn thiếu gì thì lo cho tươm. Lát dâu về, nhà gái có ngó vào thì còn đỡ đại mặt.

Chuột mẹ - Vâng vâng, sẽ tươm tất, ông không phải lo bò trắng răng.
(Nhạc nổi lên, tiếng Chuột bác cả hô: Khởi kiệu!)

CẢNH 3 - TỔNG LỄ

(Đoàn chuột vừa đi vừa kèn thổi tưng bừng, đến gần cửa nhà Mèo, Chuột trưởng họ ra hiệu cho tất cả im lặng).

Mèo - (ngồi vểnh râu trong nhà, hát nghêu ngao theo nhạc bài “Đám cưới chuột”, hát đến đâu đoàn tổng lễ đứng ngoài giật mình thon thót đến đó) Lang thang dưới gốc cây có một anh chuột nhắt, lang thang chốn bãi hoang có một anh chuột đồng...á a a à... rước dâu tưng bừng... một mình ta cô đơn chốn góc hang... (Lắc lư theo điệu nhạc xập xình)

Chuột trưởng họ - (Gõ cửa, nhạc tắt)

Mèo - Ai? Đang đêm hôm làm ta tụt hứng? Kẻ nào? Tên nào? Đứa nào? Ai?

Chuột trưởng họ - (đăng hắng, uốn lưng lên cho thẳng, xốc lại áo, giọng rụt rè)
Bọn em. Nhà chuột ạ.

Mèo - Đến muộn thế! Vào đi!

Chuột trưởng họ - (cùng cả đoàn theo sau khúm núm đi vào) Dạ. May quá bác còn thức. Bọn em xin lỗi làm phiền muộn quá...

Mèo - Ừm. Ta đi công cán cũng vừa về. Nhưng mà cũng mệt... Ngồi đi.

Chuột trưởng họ - Dạ thôi. Bọn em thưa chuyện rồi về nhanh cho bác nghỉ ngơi.

Mèo - Ừm. Thì hẵng cứ ngồi. Chuyện lớn chắc phải thưa lâu. Hả?

Chuột trưởng họ - Ấy chết. Bọn em không dám ạ. Đúng là chuyện lớn, cũng sang xin phép bác từ sớm, nhưng ngặt nỗi bác vắng nhà...

Mèo - Rồi rồi. Các chú không phải khép nép thế. Cứ như ta sắp ăn thịt các chú không bằng.

(Cả đoàn tổng lễ nghe thế thì co rúm cả lại)

Mèo - (cười lớn) Ta đùa đấy. Nào, có chuyện gì?

Chuột trưởng họ - (gạt mồ hôi trên trán) Chắc là bác cũng biết chuyện cháu Nhắt họ nhà em lấy vợ. Cháu đích tôn, nên nhà em cũng làm cái lễ sơ sài cho cháu đi đón dâu. Không quên ơn trên của bác, chúng em kính bác chút lễ mọn. Trước là thể hiện lòng thành của chúng em, sau là mong bác chia vui với gia đình ạ.

Mèo - Ấy, chuyện mừng quá còn gì. Thằng Nhắt có phải con thằng Tư, có lần ta vô huyệt đấy phỏng?

Chuột trưởng họ – *(lại lau trán)* Dạ. Phúc bác dành cho, bố mẹ cháu còn nhớ nên nhờ em đại diện cả họ sang tạ ơn bác ạ.

Mèo – Ừm... Được rồi. Cho ta gửi lời chúc mừng hạnh phúc đôi trẻ. Lần sau không phải cầu kỳ thế nhé!

Cả đoàn – *(chắp tay, cúi đầu)* Dạ! *(Nói rồi lui)*

CẢNH 4 – ĐÁM CƯỚI

(Cô dâu, chú rể khoác tay nhau đi trước, đoàn rước dâu đi sau, ai nấy mặt mày hớn hờ. Phía trước cổng nhà, chuột mẹ đứng chờ, mặt xúc động).

Chuột giáo đầu – Vâng, thưa các cụ, các ông, các bà và quan khách hai họ, hãy dành một tràng pháo tay để chúc mừng hạnh phúc trăm năm đôi bạn trẻ.
(tất cả vỗ tay)

Chuột bố – *(rối rít bắt tay chuột trưởng họ)* Nhà em đội ơn bác. Nhờ cao kiến của bác mà mọi việc được êm xuôi.

Chuột trưởng họ – Rồi rồi... Chú khách khí làm gì. Việc đại sự đã thành. Chúc mừng gia đình ta.

(Nhạc đám cưới chuột nổi lên)

Chuột giáo đầu – *(lại giơ bức tranh lên)* Đó là câu chuyện về đám cưới để đời của họ nhà chuột. Đám cưới này nổi tiếng đến mức, bạn có thể hỏi bất cứ con mèo nào hay con chuột nào, chúng đều có thể kể lại, hoặc bạn có thể chỉ việc gõ bàn phím vào Google là thấy ngay. Thật thú vị, phải không các bạn?

HẠ MÀN

KỊCH BẢN HÀ BÁ CƯỚI VỢ

CẢNH 1 - VI HÀNH

(Quan đi trước – vai thẳng, bước đi khoan thai, dáng vóc của một người đàn ông hoàng. Hai hầu cận đi hai bên, khép nép, lùi sau quan khoảng một bước)

Quan *(dừng bước, quay lại nói với hai hầu cận (HC))*: Nào, ta đã dặn sao mà các người cứ cun cút phía sau thế? Các người đóng vai bạn ta thì phải bước ngang hàng. Cứ lùi lũi phía sau thì lộ hết thân phận, còn vi hành cái nỗi gì. Bước lên đây!

HC 1: Dạ, bọn con nhớ. Nhưng ngài đừng cả giận. Thú thực với ngài, ăn sau nói chớ nó cũng thành cái nếp, tự nhiên đổi khác, bọn con chưa quen, chỉ sợ thất lễ.

HC 2: Dạ bẩm, đúng thế ạ. Cả đời bọn con đi sau, giờ bảo đi ngang quan lớn, nghĩ cứ thấy khiếp khiếp thế nào. Mà khom lưng uốn gối thành dáng người mất rồi. Giờ đứng thẳng, mới quá quan ạ!

Quan: Cung kính không bằng tuân lệnh! Các người muốn giữ nếp hay muốn giữ mạng đây?

2 HC: Dạ dạ! *(vừa nói vừa nhanh chóng chỉnh dáng, bước lên trên, ngang hàng với quan, mặt vênh lên)*

Quan: Đấy! Hai anh bạn, chúng ta đi. Mà này, bạn ta là phải ăn to nói lớn. Ta nói gì thì hô ứng theo. Dẫn cho đạt, nghe chưa? Thử này. *(Đề nghị, đổi giọng ngang bằng)* Các anh, ta đi chứ hả!

2 HC *(đập mạnh vào lưng quan, kiểu bạn bè bằng vai phải lứa, hô to)*: Đi thì đi! *(Quan lắc đầu như nhào về phía trước vì bị đập mạnh, quay lại lườm)*

2 HC *(ng nghiêm mặt)*: Nào, ta đang là bạn bè cơ mà. Ta đi!

Quan *(nét mặt dễ chịu lại)*: Được, được. *(Đưa mắt nhìn xung quanh, cau có)* Này, mà sao ta đã đi quanh huyện Nghiệp này đến nửa ngày mà chỉ gặp vài người đi lại thưa thớt. Ta nhận bàn giao của thái thú trước là vùng này làm ăn khấm khá, dân chúng ôn hòa, nhà cửa mọc lên ngày càng nhiều. Có nhà mà không có người là sao? Hả? *(quay ra hỏi các HC)*

HC 1: Quan hỏi em em biết hỏi ai?

HC 2: *(tự vỗ ngực mình)* Chú hỏi anh đây này!

HC 1: Ừ! *(nhại lại giọng quan)* Thế vùng này làm ăn khấm khá, dân chúng ôn hòa, nhà cửa mọc lên ngày càng nhiều. Có nhà mà không có người là sao? Hả?

HC 2 (tỉnh queo): Anh không biết!

HC 1 (bữu môi): Thế mà cũng đòi.

(Vừa lúc đó thì có một bà già dắt một cô cháu gái đi ngang qua, vẻ mặt sợ hãi, bước đi nhanh như đang trốn. Mặt cô gái bôi nhọ nồm nhem nhuốc. Quan ngăn bước họ lại để hỏi han)

Quan: Này này bà cụ, cụ làm ơn cho tôi hỏi thăm...

Bà lão: Vâng. Quan bác hỏi nhanh nhanh. Già đang vội.

Quan: Chúng tôi là khách vắng lai, không rõ hôm nay huyện Nghiệp ta có sự gì mà vắng vẻ. Hay thường ngày cũng thế mà chúng tôi không biết ạ?

Bà lão: Nom mặt các ngài tôi cũng đoán người từ xa đến. Chẳng giấu gì các quan bác, đương tới kỳ chọn vợ cho Hà Bá. Nhà nào có con gái, cháu gái là cứ phải trốn biệt tăm.

HC 1 (loi choi): Hà Bá là con nhà thằng nào mà cưới vợ phải dẹp hết người ta đi thế?

Quan (giơ tay ngăn): Đừng ăn nói hàm hồ. (quay ra bà lão) Ta chưa hiểu ý cụ. Cụ làm ơn giải thích rõ hơn được không? Sao lại có chuyện Hà Bá lấy vợ?

Bà lão (tỏ ý sốt ruột): Này nhé! Hà Bá là thần sông Chương. Ngài muốn thuận hòa thì được thuận hòa, phàm không ngài nổi giận thì hạn hán cũng có, lũ lụt mất mùa cũng có. Ông nói xem, khi đó, ai khổ?

HC 2 (cũng lộp bộp): Ô! Đứa nào giận đứa ấy khổ. Có mỗi con sông chẳng cai quản được, còn hành tội ai? (Quay xuống khán giả) Mọi người có công nhận với tôi không?

Quan (cau mặt lườm HC 2 rồi quay sang bà lão, ân cần): Vậy có nghĩa là phải hiến tế để Hà Bá cho mưa thuận gió hòa ư?

Bà lão: Phải! Và chúng tôi hiến tế các cô gái đẹp. Năm nào cũng một đứa, tam lão chỉ con nhà ai thì nhà ấy chịu. Nhà nào có tiền còn nộp tiền thay con, chứ nhà nào không có... (giọng run run) Năm ngoái là con bé ngay cạnh nhà tôi, xinh xắn lắm... (Cháu gái đi sau nghe đến đó thì tỏ vẻ sợ hãi, nép vào bám chặt tay bà)

Quan: Tam lão? Tam lão là ai?

Bà lão: Ông đúng là người trên trời rơi xuống. Tam lão là ba người có quyền lực và được trọng vọng nhất trong làng. Mọi đại sự chúng tôi đều nghe theo. (sốt ruột) Cũng muộn rồi, già xin phép. Ông còn tò mò thì ba ngày nữa, chính Ngọ ra ngay bờ sông Chương, dân làng làm lễ tế thần, gả vợ cho Hà Bá ở đó. Già đi! (Nói rồi rảo bước rất nhanh)

HC 1: Làm gì có chuyện củ chuối thế! Hà Bá lấy vợ? Mà lại còn mỗi năm một vợ! Thế thì lão hơn đứt anh em mình rồi. (nhìn HC 2 rồi cả hai phá lên cười)

Quan (nghe nghiêm nét mặt): Thôi. Không phải trò đùa. Như thế nghĩa là trò mê tín dị đoan này đã có ở đây từ thời thái thú trước đương nhiệm. Ta không nghe kể gì, hẳn là đã có sự bùng phát, o bế cho nhau. Nên dân chúng mới lăm la lăm lét, vừa phải tuân lệnh, vừa sợ mất mặt như thế kia. Mỗi năm dâng một cô gái, quả là chuyện hoang đường. Ta sẽ đích thân đến bờ sông Chương vào chính Ngọ cuối tuần này. Về chuẩn bị cho ta.

HC (đồng thanh): Dạ!

CẢNH 2 - LỄ HIẾN TẾ

(Bàn kê chếch trái sân khấu cho ba chỗ ngồi của tam lão, một chỗ cho hào trưởng.

Chính giữa sân khấu, một bà đồng đang ngồi trên chiếu, trước mặt là ngũ quả, xôi, lợn quay, bát nhang, tiền vàng, bỏng gạo... làm lễ.

Chếch phải sân khấu, một cô gái bị trói, bộ dạng vô cùng sợ hãi, có hai người giữ chặt hai bên.

Hai hàng dọc hai bên cánh sân khấu là vai thường dân, mỗi bên khoảng sáu, bảy người, đứng cung kính. Quan huyện cũng đứng lẫn trong đám người này.)

Bà đồng (tay cầm ba nén nhang, mắt lim dim, trông đen ngược lên trời, miệng khấn nhưng hai hàm răng như nghiến vào nhau, lâu lâu lại hít một cái rõ dài như lấy hơi): Thiên linh linh, địa linh linh, dưới đất Thổ công, dưới sông Hà Bá.

Huyện Nghiệp chúng con làm ăn khấm khá, nhờ phúc các ông mưa thuận gió hòa.

Trời mưa tốt ruộng tháng Ba, nắng lên tháng Sáu cả nhà no cơm.

Chẳng riêng nhờ ở tổ tông. Thánh thần hoan hỉ cho sông thuận lòng.

Đừng ban hạn hán, mưa giông. Đừng đem lũ lụt quay mòng dân đen.

Thôi thì xấu xí lăm lem. Méo tròn thì cũng được khen tấm lòng.

Gái ngoan đến tuổi lấy chồng. Gả cho Hà Bá, không oan ức gì.

(Đổi giọng, tay cầm đĩa với hai đồng xu xin đài) (hai bên dân chúng quỳ lạy xì xụp) Con lạy ngài vui lòng nhận lấy thành ý mà phù hộ độ trì cho con dân huyện Nghiệp ạ... (kéo dài hơi và gieo đài, xong reo lên) Ngài bằng lòng rồi, đưa vợ mới của ngài ra đi.

Tam lão (nét mặt lộ rõ vẻ vui mừng, đồng thanh): Nạp vợ cho Hà Bá!

Cô gái (Vừa bị hai người đẩy ra, vừa cố dần bước chân lại, sợ sệt la hét): Không! Tôi không muốn làm vợ Hà Bá. Cho tôi về... cho tôi về...

Một trong ba tam lão: *(bước ra, điệu giọng dỗ dành)* Này, cả làng chỉ có nhà mày là may mắn nhất được chọn. Mày mang tiếng tốt về cho cả bố mẹ mày, khóc lóc nỗi gì. Ngoan ngoãn nhảy xuống. Hay là muốn ta cho người giúp?

Cô gái: Không, cháu không muốn nhảy. Cháu không muốn chết!

Lão thứ 2: Chết! Chết là chết thế nào! Đây là đi làm vợ Hà Bá. Là phúc của mày. Mau nhảy xuống!

Cô gái: Không chết? Không chết thì ông nhảy thử xem?

Lão thứ 3: Mày điên à? Hà Bá lấy là lấy vợ, chứ có lấy quản gia đâu mà bọn tao nhảy. Nhảy đi! Cãi lời ông cho người giúp đẩy xuống thì lại kêu bị ép.

Hào trưởng: Giời ơi! Đôi co với nó làm gì, qua mất giờ hoàng đạo bây giờ.

(Bà đồng, hào trưởng và tam lão đẩy, cô gái cố chống cự, tạo ra một cảnh tượng hỗn loạn như đám xô xát)

Quan *(bước ra, bỏ lớp áo thường dân, bên trong là triều phục, người hầu hai bên)*: Dừng lại!

Dân làng *(quỳ hết xuống, đồng thanh)*: Lạy quan lớn ạ!

(Đám hỗn loạn dừng lại. Tam lão, hào trưởng và bà đồng đứng dạt sang bên trái. Cô gái đứng sang bên phải, chấp tay, cúi đầu)

Một trong tam lão: *(giọng điềm tĩnh, không có vẻ gì là sợ sệt)* Quan lớn mới nhậm chức lại hạ cố đến tận đây. Đúng ngày lễ trọng đại của làng, không biết có gì muốn chỉ bảo?

Quan: Lão quá lời. Ta đi ngang qua đúng lúc dân làng làm lễ cưới cho Hà Bá. Thấy thú vị nên tò mò đứng xem. Nhân tiện thấy có chuyện chưa thỏa đáng nên muốn giúp tam lão và dân làng ta thôi mà.

Lão thứ 2: Chẳng hay chuyện gì khiến quan lớn thấy chưa thỏa đáng. Việc Hà Bá lấy vợ xưa nay đã thành lệ ở huyện Nghiệp. Dân chúng đều thông tỏ, đồng lòng. Phải thế không các con? *(nhìn dân làng)*

Dân làng: *(e dè, ngập ngừng)* Dạ... Vâng... Vâng ạ!

Quan: *(cười đạo mạo)* E là tam lão hiểu lầm ý ta. Ta biết Hà Bá rất linh thiêng. Vậy phải đồng lòng chung sức mà cầu mới mong được hiển linh, độ trì như ý. Ta muốn giúp tam lão, bà đồng và cả dân làng đây thôi.

Tam lão, hào trưởng và bà đồng: *(nhìn nhau, vội mừng)* Thế thì còn gì bằng. Đa tạ quan lớn!

Quan: Thế này. Hà Bá là phúc thần, quyền lực vô biên mà cũng nóng tính vô cùng. Tìm vợ cho ông ta phải tìm người đẹp người đẹp nét. Ta thấy cô gái kia

nhân sắc tầm thường, tính khí lại kém nhu mì, ban nãy còn cãi cả tam lão, vậy không ổn. Ta phiên một người xuống báo với Hà Bá lùi lịch cưới lại một ngày, đúng trưa mai, ta sẽ gả người xứng đáng. Ai xuống bây giờ?

(Mọi người nhìn nhau, xì xào)

Quan: (lớn giọng) Để nhờ bà đồng trước vậy!

(Nói rồi đưa mắt ra hiệu, quân lính ngay lập tức lôi bà đồng, đẩy xuống)

(Đoạn này có thể bố trí một miếng vải lớn màu xanh dương phía trước sân khấu. Mỗi nhân vật bị đẩy xuống giả làm điệu bộ ngã nhào rồi theo chiều dọc miếng vải khéo léo đi vào cánh gà. Nếu không thì hoàn toàn có thể làm động tác hình thể và vận dụng trí tưởng tượng của diễn viên ở đây)

Bà đồng: (hốt hoảng, ú ớ) Ô... ơ... tôi... (chưa kịp nói đã bị rơi xuống sông).

Tam lão (mặt cắt không còn giọt máu).

Quan: (sau một lúc chờ) Ô hay, sao bà đồng này nhanh mồm miệng mà chậm chân tay thế? Sai đi có mỗi một việc mà mãi không thấy lên. Hay là lại la cà dọc đường rồi. Cảm phiền tam lão đi một chuyến nữa vậy (lại đưa mắt, quân lính lập tức thi hành).

Tam lão (hốt hoảng).

Một lão: Ấy... Quan lớn ngài chớ đùa với tính mạng chúng tôi như vậy!

Lão thứ 2: Chúng tôi có tuổi rồi. Mạng không đáng là bao...

Lão thứ 3 (lấp bắp): Chết... chết.. chết tôi...

Quan: Chết? Chết là chết thế nào? Các ngài chẳng nói ấy là phúc còn gì. Không nên chậm trễ kéo Hà Bá nổi giận, lại làm hại đến dân làng. Mau chân lên (hất hàm ra lệnh/ quân lính ngay lập tức đẩy tam lão xuống).

Hào trưởng: (hai đầu gối đập vào nhau, mặt biến sắc, môi mấp máy) Dạ... dạ bẩm quan lớn...

Quan: Sao thế? Ta e là tam lão cao tuổi, chắc cũng không nhanh hơn được đâu. Hào trưởng xuống đó giúp cho việc lớn chóng thành nhé! (Quân lính lại lấy đà chuẩn bị lao tới).

Hào trưởng (quỳ mọp xuống, rối rít): Dạ không, dạ không ạ. Con cũng là bị bà đồng xúi giục. Không tin quan thử hỏi...

Quan (quát lớn): Hỏi ai? Bà đồng chết rồi. Tam lão cũng chết. Giống như bao nhiêu cô gái vô tội các người đã đẩy xuống sông ấy! Chỉ có điều, con nhà người ta chết oan. Còn các người? Các người kéo bè lập hội, dìm oan mê tín, hãm hại dân lành.

Hào trưởng: (*lấy bẫy, chấp tay lạy*) Con biết tội con rồi. Con xin quan lớn tha chết ạ...

Quan: Ta báo cho dân làng cùng hay, từ nay ai còn nói tới chuyện Hà Bá lấy vợ, ta sẽ trị tội.

Dân làng: Dạ! Chúng con xin vâng ạ.

Quan: Riêng người (*chỉ tay vào hào trưởng*), ta tha chết, nhưng người lấy tiền của từ những ai, mau trả lại cho bằng hết! Nghe rõ chưa?

Hào trưởng: Ôi dạ dạ... vâng ạ. Con không dám sai lời ạ.

Quan (*trìu mếu nhìn dân làng*): Từ nay bà con yên tâm làm ăn. Tâm thiện, hành thiện, ai nấy chăm chú công việc của mình thì khắc khấm khá. Đừng tùm tùm nghe theo ông đồng bà cốt, mê tín dị đoan rồi chuốc họa vào thân.

Dân làng (*đồng thanh*): Chúng con xin vâng. Đội ơn quan lớn! (*Nói rồi cời trời cho cô gái, mọi người quay sang nắm tay nhau, ai nấy đều vui vẻ*).

HẠ MÀN

BÀI HỌC CUỐI NĂM

CON ĐƯỜNG CẢM NHẬN TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

Mời các bạn thực hiện các công việc sau để tự kiểm tra, tự đánh giá việc học của mình. Nhắc bạn: Ngay từ đầu năm học, bạn nên đọc bài học cuối năm này, và thỉnh thoảng nên liếc qua.

Việc 1 – Cùng thảo luận về cách học Văn

1. Viết đoạn văn năm câu (có thể viết mở rộng) trả lời: Sao lại đi con đường học nghệ thuật bằng cách làm ra tác phẩm mang cái Đẹp nghệ thuật? (Gợi ý thêm: sao không chọn con đường nghe giáo viên giảng về nghệ thuật?).
2. Chủ đề học môn Văn ở Lớp 6 khác với môn Văn ở Lớp 7 như thế nào? Có nên và có thể đảo ngược quy trình đó không?

Việc 2 – Cùng thảo luận về cách biểu đạt thơ

1. Thảo luận: Một nhà thơ có cách biểu đạt thơ qua những việc làm gì? Tại sao một nhà thơ bỗng dưng lại có một tứ thơ, trong khi nhiều người khác lại không có tứ thơ như họ?
2. Viết đoạn văn năm câu (có thể viết mở rộng) nói về sự xuất hiện một tứ thơ. Hãy nói về một tứ thơ trong một bài thơ của một tác giả mà bạn thích.
3. Đôi khi bạn cũng có một tứ thơ. Nhưng đôi khi (và nhiều khi) tại sao vẫn có tứ thơ đó mà vẫn không thành một bài thơ? Còn cần những điều kiện gì nữa để có một bài thơ?
4. Bạn có làm thơ bao giờ không? Làm thơ xong, bạn giữ kín hay đọc cho người khác nghe? Giải thích tại sao có khi bạn làm thơ nhưng lại không chia sẻ cho người khác.
5. Bạn thích ca dao, hay thơ Đường luật, hay Thơ mới? Vì sao? Hay là bạn thích cả ba dạng thơ đó? Vì sao? Bạn có thể viết điều đó ra thành đoạn văn năm câu mở rộng hoặc một bài viết đầy đủ không?
6. Từ khi học Lớp 3 hoặc Lớp 4, bạn có nhiều cơ hội làm thơ. Bây giờ nhìn lại, bạn thấy đó thực sự đã là *trữ tình thơ* chưa? Những bài thơ đó gần với đồng dao hay đã là thơ trữ tình như cách hiểu hôm nay?
7. Bạn đã tham gia dịch lại những bài thơ nào để luyện tập việc cảm

nhận thơ. Bạn có chia sẻ với lớp về bản dịch đó không? Sau khi đã dịch xong, có lúc nào bạn thấy còn có thể có cách dịch khác nữa không?

8. Không bắt buộc chia sẻ: Bạn đã có khi nào thấy rung động (hoặc cảm thấy đang yêu) một bạn khác giới cùng lớp, cùng trường, hoặc ở nơi khác? Khi đó bạn có muốn làm thơ tặng người ấy không?

Việc 3 – Cùng thảo luận về cách biểu đạt kịch

1. Thảo luận: Một người viết kịch có cần có một “tứ” cho vở kịch mình viết, cũng giống như sự xuất hiện một tứ thơ ở một nhà thơ? Bạn hãy tưởng tượng và viết về sự xuất hiện một “tứ kịch” ở một tác giả kịch đã học năm nay.

Bạn cũng có thể viết đề tài đó với một vở kịch (kể cả kịch trên ti vi) hoặc một bộ phim được xem (kể cả phim hoạt hình).

2. Có thể có kịch mà không có lời đối thoại không? Khi đó, làm cách gì để người xem cảm nhận được nội dung kịch?

3. Gợi ý trò chơi kịch: Hãy nghĩ một vở kịch câm một vai trong đó có đối thoại “câm” trước một cảnh khó hiểu.

4. Bạn hãy đóng vai kịch sau (theo ý một bạn học sinh Lớp 4 học sách Cánh Buồm) và chỉ nói một câu thôi: con Mèo trong vở kịch “Đám cưới chuột” sau khi ăn cá và cho phép đám cưới tiến hành, liền đó Mèo nghĩ thầm, hoặc nói thầm, hoặc nói thành lời: “Ngon thật! Miệng đến bây giờ vẫn còn thơm. Biết thế mình chưa cho chúng nó đi vội!”

5. Trong các vở kịch mới học, bạn thích lời thoại nào của nhân vật nào trong vở nào? Lời thoại đó thể hiện tính cách nhân vật như thế nào? Hãy viết bài văn nói về điều đó.

Việc 4 – Cùng tổ chức cuộc vui “Cái Đẹp nghệ thuật”

1. Hãy tổ chức một ngày vui. Đây là một vài gợi ý đặt tên: *Ngày nghệ thuật – Ngày thơ – Ngày trữ tình – Ngày cùng cảm nhận cái Đẹp, v.v...*

2. Bạn dự định làm gì cho ngày vui đó?

Bảng chỉ mục

B

Bài thơ 15

làm ra một bài thơ 15

lời thơ 17

Mùa thu câu cá 18

Nguyễn Khuyến 18

Nhạc điệu bài thơ 20

Bà Huyện Thanh Quan 22

cường vận 23

gieo vần 21

lạc vần 22

lặp lại 23

nhạc tính 21

Tản Đà 24

Thề non nước 24

thơ lục-bát 20

vần chính 22

vần thông 23

tứ thơ 16

Sông Lấp 16

Trần Tế Xương 16

ý thơ 17

C

ca dao 31

“Hát” ca dao 32

Hát lý Nam Bộ 33

Hát ngâm 32

Hát quan họ 33

Hát ru 32

Hát trống quân 32

thể lục bát 31

thơ trữ tình dân gian 31

G

Giải mã tác phẩm nghệ thuật 7

đọc-cảm 9

năng lực nghệ thuật 9

nhập thân vào câu chuyện 10

Phong Kiều dạ bạc 10

Trương Kế 10

tự giáo dục 9

đọc-cảm nhận 7

giải mã 9

mã hóa 9

Mona Lisa 7, 8

Người cười (tiểu thuyết) 7

Nhà thờ Đức Bà Paris 8

Victor Hugo 7

đọc-hiểu 7

ĐỌC một tác phẩm nghệ thuật 7

Giải mã tác phẩm trữ tình 13

ba đặc điểm 14

nhận thức và trách nhiệm 14

Nhà thơ là 13

Rasul Gamzatov 13

Thơ là 14

thơ trữ tình 13

Giải mã thơ Phương Đông 41

Cảm hứng 42

Đỗ Phủ 43

Hàn Dũ 43

- Hoàng Đình Kiên 43
 Lý Bạch 43
 Lý Lăng 43
 Mạnh Giao 43
 tình cảm nhân sinh 42
 tình yêu đôi lứa 42
 Tô Thức 43
 Tô Vũ 43
 Cảm hứng thiên nhiên 44
 Đào Tiềm 45
 Lý Bạch 45
 Cảm xúc triết lý – tôn giáo 46
 Nguyễn Tịch 47
 Phật giáo 46
 Phật lý 46
 Thiền 46
 Đào Uyên Minh 54
 Đỗ Phủ 59
 luật thơ 47
 bát cú 47
 Đường luật 47
 hồi văn thi 49
 Tô Đông Pha 48
 tứ tuyệt 47
 Thơ Đường luật Việt Nam 50
 Bạch Vân quốc ngữ thi tập 51
 Bà Huyện Thanh Quan 50
 Cao Bá Quát 50
 cổ ngữ 52
 Đường luật thất ngôn xen lục ngôn 51
 Lời nôm 52
 Nguyễn Bình Khiêm 50
 Nguyễn Du 50
 Nguyễn Hữu Chỉnh 52
 Nguyễn Khuyến 50
 Nguyễn Trãi 50
 Quốc âm thi tập 51
 Thơ Nôm Đường luật 51
 Tú Xương 50
 Vịnh cái pháo 52
 Vương Duy 56
 Giải mã thơ phương Tây 63
 Cầu Mirabeau 65
 Guillaume Apollinaire 64
 John Donne 73
 Robert Frost 70
- H**
- hát chèo 119
 Bùi Xuân Phái 118
 Chèo sân đình 119
 lịch sử nghệ thuật hát chèo 119
 Lưu Bình – Dương Lễ 121
 Quan Âm Thị Kính 122
 vai hề 123
- K**
- kịch nghệ 112
 hồi 113
 Kịch bản 113
 kịch nói 116
 Kim Nham 114
 lớp 113
 màn 113
 Kịch nói cổ điển châu Âu 148
 Lesage 155
 Những tên cướp 166, 169, 170

Schiller 166, 167	Tế Hanh 98
Shakespeare 149	Thế Lữ 89
Trận bão 149	Cây đàn muôn điệu 91
Turcaret 155, 157	Lựa tiếng đàn 92
kịch nói Việt Nam 135	thể Thơ mới 82
Vũ Đình Long 135	Thi nhân Việt Nam 79
Chén thuốc độc 135	Thơ mới 79
Kỹ thuật làm ca dao 35	Tiếng thu 81
Chu Xuân Diên 35	Về với ta 108
Đình Gia Khánh 35	Vũ Đình Liên 82
Dương Quảng Hàm 35	Xuân Diệu 89
kể lể tâm tình 35	
ngẫu hứng 35	
Nguyễn Văn Tố 35	
ví von so sánh 35	
Vũ Ngọc Phan 35	

T

Thơ trữ tình hiện đại Việt Nam 78

Chợ Tết 82

cú pháp mỗi câu thơ 84

Đèo Cả 103

Đoàn Văn Cừ 83

Hàn Mặc Tử 97

Hoàng Cầm 108

Hữu Loan 103

Huy Cận 85

Lưu Trọng Lư 81

Nguyễn Đình Thi 96

Ông đồ 81

Phong trào Thơ mới 85

Tinh thần Thơ mới 86

văn minh phương Tây 85

xã hội Việt Nam đầu thế kỷ 20 85

Mục lục

Bài mở đầu	Giải mã tác phẩm nghệ thuật	7
Phần 1	GIẢI MÃ TÁC PHẨM TRỮ TÌNH	13
Bài nhập	Hoạt động giải mã tác phẩm trữ tình.....	13
Bài 1	Ca dao – Tiếng nói trữ tình thời chưa có văn học viết	29
Bài 2	Giải mã thơ phương Đông	41
Bài 3	Giải mã thơ phương Tây	63
Bài 4	Thơ trữ tình hiện đại Việt Nam	78
Phần 2	GIẢI MÃ TÁC PHẨM KỊCH NGHỆ	112
Bài nhập	Hoạt động kịch nghệ	112
Bài 5	Nghề hát chèo Việt Nam	118
Bài 6	Vở kịch <i>Chén thuốc độc</i> của Vũ Đình Long.....	135
Bài 7	Kịch nói cổ điển châu Âu	148
Bài 8	Vở kịch <i>Những tên cướp</i>	166
Phần 3	CHUYỂN THỂ KỊCH	175
Thực hành chuyển thể kịch <i>Đám cưới chuột</i> và <i>Hà Bá lấy vợ</i>		175
Bài học cuối năm	Con đường cảm nhận tác phẩm nghệ thuật.....	189